

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NÔNG NGHIỆP NAM BỘ**



BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NÔNG NGHIỆP NAM BỘ
NĂM 2023

Tiền Giang, tháng 12 năm 2023

MỤC LỤC

CÁC TỪ VIẾT TẮT	3
PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	4
1. Thông tin chung.....	4
2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật	4
2.1. Thông tin khái quát và lịch sử phát triển	4
2.2. Thành tích nổi bật	5
3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự	6
3.1. Cơ cấu tổ chức	6
3.2. Danh sách cán bộ chủ chốt của Trường.....	8
3.3. Tổng số cán bộ giáo viên, nhân viên.....	9
4. Các ngành/ nghề và quy mô đào tạo	10
4.1. Các ngành/ nghề và quy mô đào tạo	10
4.2. Số lượng học sinh, sinh viên	15
5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính.....	15
5.1. Cơ sở vật chất.....	15
5.2. Thư viện.....	16
5.3. Tài chính	17
PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ KIỂM ĐỊNH.....	18
1. Đặt vấn đề.....	18
2. Tổng quan chung	18
2.1. Căn cứ tự đánh giá.....	18
2.2. Mục đích tự đánh giá.....	19
2.3. Yêu cầu tự đánh giá.....	19
2.4. Phương pháp tự đánh giá	19
2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá	19
3. Tự đánh giá	20
3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá	20
3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn	30
3.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý	30
3.2.2. Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	59
3.2.3. Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động.....	84
3.2.4. Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	104
3.2.5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	135
3.2.6. Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế.....	174
3.2.7. Tiêu chí 7: Quản lý tài chính.....	187
3.2.8. Tiêu chí 8: Dịch vụ người học	197
3.2.9. Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng.....	214
PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	222
PHẦN IV: ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ	225

CÁC TỪ VIẾT TẮT

BCH	Ban chấp hành
BM	Bộ môn
CBVC	Cán bộ viên chức
CQ	Cơ quan
DN	Doanh nghiệp
ĐTN	Đoàn Thanh niên
ĐV-TN	Đoàn viên - Thanh niên
HĐ	Hội đồng
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
Hội cựu CB	Hội cựu chiến binh
HSSV	Học sinh sinh viên
HCSN	Hành chính sự nghiệp
KĐCL	Kiểm định chất lượng
KHCN	Khoa học công nghệ
KTX	Ký túc xá
NN-PTNT	Nông nghiệp - Phát triển nông thôn
NSNN	Ngân sách nhà nước
TNCSHCM	Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh
TT	Trung tâm

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Thông tin chung

Tên trường: Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ

Tên tiếng Anh: Nam Bo Agriculture College

Cơ quan chủ quản: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Địa chỉ:

- Cơ sở chính: xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

- Cơ sở phân hiệu: 511, An Dương Vương, phường An Lạc A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

Số điện thoại: 02733 850 136. Fax: 02733 850 247

Website: www.nbac.edu.vn. Email: info@nbac.edu.vn

Năm thành lập trường:

- Năm thành lập: 1976

- Năm hợp nhất thành trường Trường Trung học và Dạy nghề Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nam Bộ: 1996

- Năm nâng cấp thành trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ: 2008

Loại hình trường: Công lập ; Tư thục

2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật

2.1. Thông tin khái quát và lịch sử phát triển

Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ được thành lập vào ngày 28 tháng 01 năm 2008 theo Quyết định số 479/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở nâng cấp Trường Trung học và Dạy nghề Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nam Bộ.

Trường Trung học và Dạy nghề Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nam Bộ được thành lập theo Quyết định số 2360/QĐ-BNN-TCCB ngày 30 tháng 12 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên cơ sở hợp nhất và tổ chức lại Trường Trung học Thủy lợi 3 và Trường Trung học Kỹ thuật Nông nghiệp Long Định.

Trong đó, Trường Trung học Thủy lợi 3 được thành lập và hoạt động từ ngày 29/6/1976, đặt tại xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Trường Trung học Kỹ thuật Nông nghiệp Long Định có tiền thân là Trường Trung cấp Nông nghiệp được thành lập và hoạt động năm 1974 tại Chiến khu Lộc Ninh. Năm 1976, Trường được thành lập lại với tên Trường Trung học Kỹ thuật Nông nghiệp Long Định, tọa lạc tại xã Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Như vậy tới ngày sáp nhập, hai trường đã có trên 20 năm hoạt động của riêng mình. Tính đến ngày mang tên Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ, trường đã có trên 31 năm hoạt động.

Từ năm 2008, sau khi nâng cấp lên thành Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ, song song với nhiệm vụ đào tạo nghề, Nhà trường còn tăng cường công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực nông nghiệp nông thôn. Năm 2019, Trường được Bộ lao động - Thương binh và Xã hội quyết định cho sáp nhập Trường Trung cấp Thủy sản vào Trường (Quyết định số 1128/QĐ-LĐTBXH ngày 9/8/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

Tóm lại, lịch sử thành lập Trường có thể tóm tắt qua 4 thời kỳ chính:

- Thời kỳ thứ nhất (1976 - 1996): Trường Trung học Kỹ thuật Nông nghiệp Long Định và Trường Trung học Thủy lợi 3 là 2 cơ sở giáo dục đào tạo trung cấp chuyên nghiệp độc lập (bao gồm hai trường: Trường Trung học Kỹ thuật Nông nghiệp Long Định và Trường Trung học Thủy lợi 3).

- Thời kỳ thứ hai (1997 - 2007): Trường Trung học và Dạy nghề Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nam Bộ (sáp nhập 2 Trường Trường Trung học Kỹ thuật Nông nghiệp Long Định và Trường Trung học Thủy lợi 3 thành Trường Trung học và Dạy nghề Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nam Bộ).

- Thời kỳ thứ ba (2008 - 2018): Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ (nâng cấp từ Trường Trung học và Dạy nghề Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nam Bộ).

- Thời kỳ thứ tư (2019 - 2022): Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ (có sáp nhập Trường Trung cấp Thủy sản và thành lập phân hiệu của Trường tại Thành phố Hồ Chí Minh).

Trải qua hơn 45 năm hoạt động và trưởng thành, Nhà trường luôn giữ vững và phát huy vai trò tiên phong trong sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực thuộc lĩnh vực nông nghiệp phục vụ cho khu vực Nam Bộ nói riêng và cả nước nói chung. Nhà trường có 01 phân hiệu, 06 phòng chức năng, 04 khoa chuyên môn, 02 trung tâm với chức năng nhiệm vụ đào tạo 3 cấp trình độ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp; bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động; nghiên cứu ứng dụng chuyển giao khoa học công nghệ; tổ chức sản xuất kinh doanh; liên kết đào tạo.

2.2. Thành tích nổi bật

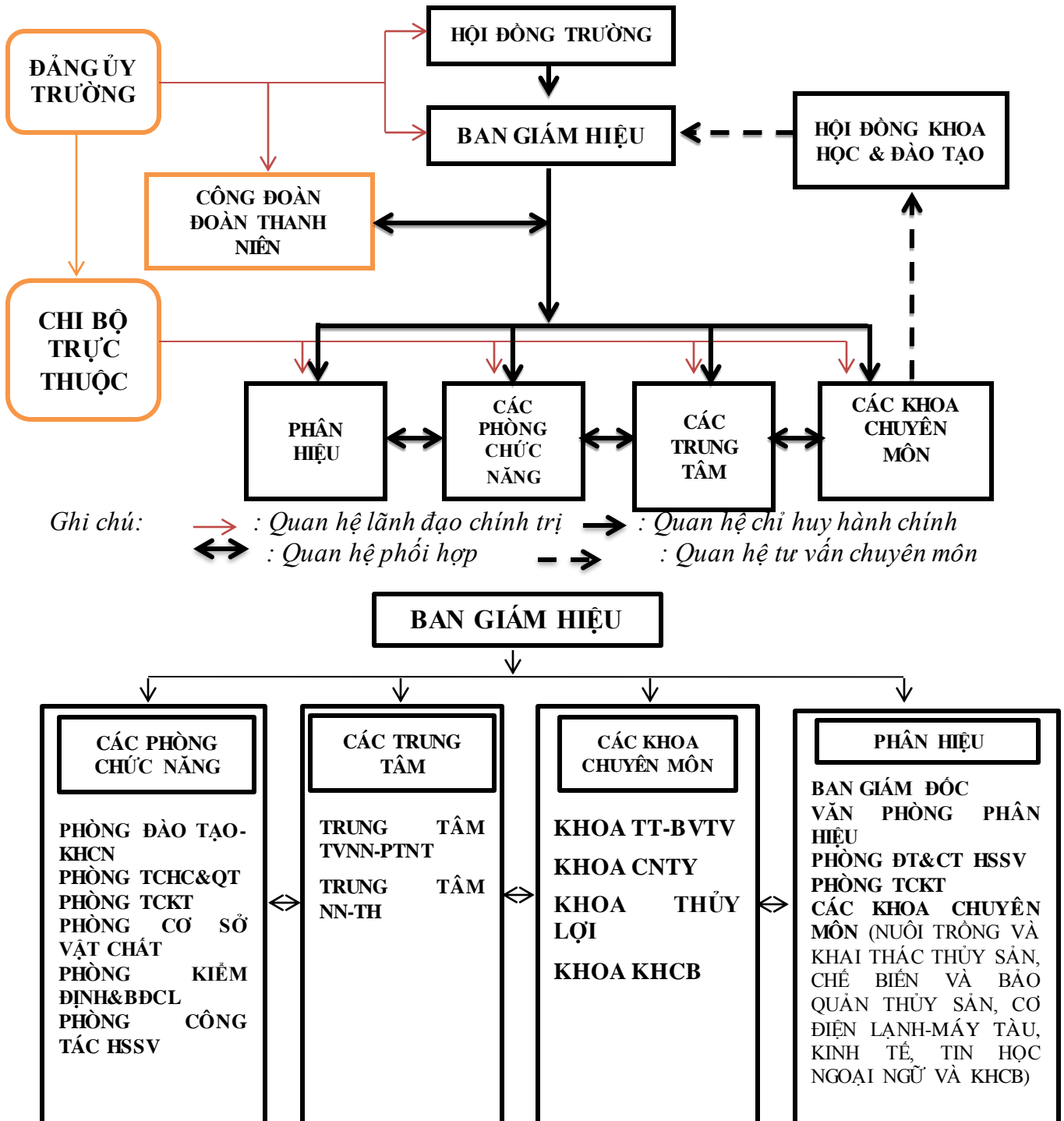
Năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020 tập thể Trường đều đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc và nhận được Bằng khen của UBND Tỉnh Tiền Giang. Năm học 2020 - 2021 tập thể Trường đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc nhận được Bằng khen của UBND Tỉnh Tiền Giang và vinh dự nhận được Cờ thi đua của Bộ Nông nghiệp & PTNT.

Ngoài ra, một số đơn vị trực thuộc Trường cũng đạt được nhiều thành tích trong công tác như: Phòng Tổ chức, Hành chính và Quản trị nhận Bằng khen Thủ tướng Chính

phủ (2018 - 2019), Bằng khen Bộ trưởng (2019 – 2020); Phòng Kiểm định & Bảo đảm chất lượng, Trung tâm Tư vấn Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, Khoa Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Khoa Chăn nuôi, Thú y nhận Bằng khen Bộ trưởng (2020 – 2021).

3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự

3.1. Cơ cấu tổ chức



Hình: Sơ đồ cơ cấu tổ chức Nhà trường

Theo Quyết định số 4717/QĐ-BNN-TCCB ngày 09/02/2019 của Bộ được Bộ Nông nghiệp và PTNT về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ, cơ cấu tổ chức Trường như sau:

- Ban Giám hiệu: 04 người (01 Hiệu trưởng và 03 Phó hiệu trưởng).
- Đơn vị trực thuộc: 12 đơn vị (6 Phòng; 4 Khoa và 2 Trung tâm)
- Phân hiệu tại Tp. Hồ Chí Minh:
 - + 01 giám đốc và 02 phó giám đốc
 - + 3 phòng và 5 khoa

Trường cơ bản đã xây dựng được bộ máy quản lý thống nhất sau khi sáp nhập trường Trung cấp Thủy sản và tổ chức thành Phân hiệu Trường tại TP. Hồ Chí Minh, Bộ máy hoạt động có hiệu quả từ Ban Giám hiệu đến các đơn vị trực thuộc, góp phần vào hoàn thành được chức năng, nhiệm vụ và đáp ứng yêu cầu phát triển của Nhà trường.

3.2. Danh sách cán bộ chủ chốt của Trường

Đơn vị	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh
1. Ban Giám hiệu	Nguyễn Tiến Huyền	02/09/1975	Thạc sĩ	Hiệu trưởng
	Nguyễn Văn Côn	01/05/1963	Thạc sĩ	Phó Hiệu trưởng
	Trần Thị Thu Bình	14/06/1972	Thạc sĩ	Phó Hiệu trưởng
	Trần Văn Tám	26/07/1974	Thạc sĩ	Phó Hiệu trưởng
2. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn				
Đảng bộ	Nguyễn Tiến Huyền	02/09/1975	Thạc sĩ	Bí thư Đảng bộ
Chi bộ 1	Trần Văn Lên	01/01/1973	Tiến sĩ	Bí thư chi bộ
Chi bộ 2	Nguyễn Văn Dũng	07/05/1978	Thạc sĩ	Bí thư chi bộ
Chi bộ 3	Dương Văn Thọ	01/07/1978	Thạc sĩ	Bí thư chi bộ
Chi bộ 4	Phạm Thị Kim Oanh	12/05/1976	Đại học	Bí thư chi bộ
Công đoàn	Trần Văn Thanh	23/12/1965	Thạc sĩ	Chủ tịch công đoàn
Đoàn thanh niên	Trần Quốc Hùng	10/07/1988	Đại học	Bí thư đoàn
3. Các phòng chức năng				
Phòng Tổ chức Hành chính và Quản trị	Trần Văn Thanh	23/12/1965	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Phòng Đào tạo và Khoa học công nghệ	Cao Hồ Thanh Xuân	31/08/1969	Tiến sĩ	Trưởng phòng
Phòng Tài chính, Kế toán	Dương Văn Thọ	01/07/1978	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Phòng Kiểm định và Bảo đảm chất lượng	Bùi Ngọc Phước Hào	22/02/1970	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Phòng Công tác Học sinh, Sinh viên	Hà Chí Trực	13/09/1963	Thạc sĩ	Q.Trưởng phòng
Phòng Cơ sở vật chất	Nguyễn Văn Ngọc	12/05/1976	Đại học	Trưởng phòng
4. Các khoa				
Khoa Trồng trọt – Bảo vệ thực vật	Nguyễn Văn Dũng	07/05/1978	Thạc sĩ	Trưởng Khoa
Khoa Chăn nuôi, Thú y	Trần Văn Lên	01/01/1973	Tiến sĩ	Trưởng Khoa
Khoa Thủy lợi	Huỳnh Lê Ninh Khoa	07/03/1983	Thạc sĩ	Trưởng Khoa
Khoa Khoa học cơ bản	Nguyễn Triệu Phú Quý	27/11/1968	Thạc sĩ	Trưởng Khoa
5. Trung tâm				
Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học	Lê Trọng Hiếu	24/05/1971	Đại học	Giám đốc

Trung tâm Tư vấn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Nguyễn Văn Côn	01/05/1963	Thạc sĩ	Giám đốc
6. Các cơ sở				
Phân hiệu tại TP.HCM	Nguyễn Tiên Huyền	02/09/1975	Thạc sĩ	Giám đốc
	Trần Thị Thu Bình	14/06/1972	Thạc sĩ	Phó Giám đốc thường trực
	Trần Văn Tám	26/07/1974	Thạc sĩ	Phó Giám đốc

3.3. Tổng số cán bộ giáo viên, nhân viên

Tổng số cán bộ viên chức – người lao động trong nhà trường là: 117 người

Trong đó:

- + Cán bộ quản lý: 33 người.
- + Viên chức, Nhân viên hợp đồng: 27
- + Giảng viên dạy chuyên môn: 57

Trong đó:

Nam: 62 người, Nữ: 55 người

Trình độ đào tạo	Tổng số
Tiến sĩ	5
Thạc sĩ	54
Đại học	50
Cao đẳng	2
Trung cấp	3
Công nhân bậc 5/7 trở lên	0
Trình độ khác	3
Tổng số	117

Có thể thấy rằng, số người làm việc cần thiết tập trung chủ yếu ở khối công việc hoạt động nghề nghiệp (giảng dạy), điều này cũng phản ánh đúng với thực trạng hoạt động của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ, công việc chủ yếu là giảng dạy và nghiên cứu khoa học chuyển giao công nghệ; đây cũng là những vị trí việc làm thường biến động theo ngành đào tạo và phụ thuộc nhiều vào kết quả tuyển sinh hàng năm; nếu ngành tuyển sinh được đông thì các vị trí việc làm trong ngành phải tăng cường hoạt động để bù lại những ngành có năm không tuyển sinh được; đồng thời các ngành tuyển sinh không được các vị trí việc làm tạm thời phải kiêm thêm công việc của các vị trí việc làm phục vụ hỗ trợ để đảm bảo không tăng biên chế và các vị trí cùng có đủ việc làm.

4. Các ngành/ nghề và quy mô đào tạo

4.1. Các ngành/ nghề và quy mô đào tạo

Tại trụ sở chính: Xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Năm học 2021-2022		Năm học 2022-2023		Năm học 2023-2024	
			Quy mô tuyển sinh	Số lượng HSSV	Quy mô tuyển sinh	Số lượng HSSV	Quy mô tuyển sinh	Số lượng HSSV
1	Bảo vệ thực vật	Cao đẳng	100	202	100	266	100	175
		Trung cấp	30	21	30	14	30	0
2	Thú y	Cao đẳng	100	116	100	180	100	188
		Trung cấp	30	39	30	51	30	14
3	Kế toán doanh nghiệp	Cao đẳng	30	0	30	0	30	0
		Trung cấp	30	9	30	8	30	78
4	Quản trị mạng máy tính	Cao đẳng	30	0	30	0	30	0
		Trung cấp	30	0	30	0	30	0
5	Quản lý đất đai	Cao đẳng	40	9	40	16	40	19
		Trung cấp	30	0	30	0	30	0
6	Khoa học cây trồng	Cao đẳng	40	7	40	7	40	0
7	Chăn nuôi	Cao đẳng	60	0	60	0	60	0
8	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	Cao đẳng	40	0	40	0	40	0
9	Công nghệ kỹ thuật tài nguyên nước	Cao đẳng	40	0	40	0	40	0
10	Nuôi trồng thủy sản nước ngọt	Cao đẳng	30	0	30	0	30	0
11	Công nghệ sinh học	Cao đẳng	30	0	30	0	30	0

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Năm học 2021-2022		Năm học 2022-2023		Năm học 2023-2024	
			Quy mô tuyển sinh	Số lượng HSSV	Quy mô tuyển sinh	Số lượng HSSV	Quy mô tuyển sinh	Số lượng HSSV
12	Khảo sát địa hình	Cao đẳng	30	0	30	0	30	0
13	Xây dựng công trình thủy	Cao đẳng	30	0	30	0	30	0
14	Chế biến thực phẩm	Cao đẳng	30	0	30	0	30	0
15	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Trung cấp	60	161	60	244	60	245
16	Chăn nuôi - Thú y	Trung cấp	60	76	60	123	60	80
17	Thủy lợi tổng hợp	Trung cấp	40	72	40	126	40	108
18	Công nghệ thực phẩm	Trung cấp	40	0	40	0	40	21
19	Chăn nuôi gia súc gia cầm	Trung cấp	35	0	35	0	35	0
20	Cấp thoát nước	Trung cấp	30	0	30	0	30	0
21	Chế biến và bảo quản thủy sản	Trung cấp	30	0	30	0	30	0
22	Kỹ thuật xây dựng	Cao đẳng	30	0	30	0	30	0
		Sơ cấp	25		25		25	0
23	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	Cao đẳng	20	0	20	0	20	0
		Trung cấp	30	0	30	0	30	0
24	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	Cao đẳng	20	41	20	0	20	0
		Trung cấp	30	0	30	33	30	33
25	Xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Năm học 2021-2022		Năm học 2022-2023		Năm học 2023-2024	
			Quy mô tuyển sinh	Số lượng HSSV	Quy mô tuyển sinh	Số lượng HSSV	Quy mô tuyển sinh	Số lượng HSSV
26	Trồng rau công nghệ cao	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0
27	Trồng mai vàng, mai chiếu thủy	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0
28	Trồng sầu riêng, măng cụt	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0
29	Trồng rau hữu cơ	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0
30	Tạo dáng và chăm sóc cây cảnh	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0
31	Trồng ca cao xen dừa	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0
32	Trồng thanh long	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0
33	Trồng cây có múi	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0
34	Trồng hoa lan	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0
35	Vi nhân giống hoa	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0
36	Trồng rau an toàn	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0
37	Trồng lúa năng suất cao	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0
38	Trồng hoa huệ, lay ơn, đồng tiền, hồng môn	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0
39	Trồng dưa hấu, dưa bở	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0
40	Nhân giống cây ăn quả	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0
41	Quản lý dịch hại tổng hợp	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0
42	Trồng xoài, ổi, chôm chôm	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0
43	Trồng dưa (khóm, thơm)	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0
44	Trồng bầu, bí, dưa chuột	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0
45	Nuôi lợn rừng, lợn nuôi thả	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Năm học 2021-2022		Năm học 2022-2023		Năm học 2023-2024	
			Quy mô tuyển sinh	Số lượng HSSV	Quy mô tuyển sinh	Số lượng HSSV	Quy mô tuyển sinh	Số lượng HSSV
46	Nuôi và phòng bệnh cho gà	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0
47	Nuôi và phòng bệnh cho lợn	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0
48	Nuôi và phòng bệnh cho trâu, bò	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0
49	Nuôi chim cú, chim bồ câu thương phẩm	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0
50	Nuôi rắn, tất kè, kỳ đà	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0
51	Chăn nuôi gà, lợn hữu cơ	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0
52	Sử dụng thuốc thú y trong chăn nuôi	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0
53	Nuôi cá diêu hồng, cá rô phi	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0
54	Nuôi cá tra, cá ba sa	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0
55	Nuôi tôm thẻ chân trắng	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0
56	Chế biến sản phẩm từ đậu nành	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0
57	Quản lý công trình thủy nông	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0
58	Kỹ thuật đo đạc	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0
59	Nê và hoàn thiện công trình	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0
60	Gia công cốt thép	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0
61	Điện nước	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0
	Tổng			753		1.068		961

Tại phân hiệu Thành phố Hồ Chí Minh

TT	Tên ngành, nghề	Trình độ đào tạo	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
----	-----------------	------------------	-------------------	-------------------	-------------------

			Quy mô tuyển sinh	Số lượng HSSV	Quy mô tuyển sinh	Số lượng HSSV	Quy mô tuyển sinh	Số lượng HSSV
1	Công nghệ thông tin	Cao đẳng	30	44	30	30	30	17
		Trung cấp						
2	Kế toán doanh nghiệp	Cao đẳng	30	29	30	26	30	14
		Trung cấp	120	92	120	68	120	63
3	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	Cao đẳng	30	28	30	29	30	10
		Trung cấp						10
4	Nuôi trồng thủy sản	Cao đẳng	30	33	30	8	30	5
		Trung cấp	30	5	30	13	30	
5	Chế biến thực phẩm	Cao đẳng	30	20	30	10	30	
		Trung cấp						
6	CNKT chế biến và bảo quản thực phẩm	Cao đẳng						
		Trung cấp	30	2	30	23	30	
7	Tin học ứng dụng	Cao đẳng						
		Trung cấp	30	46	30	44	30	76
8	Bảo trì và sửa chữa thiết bị nhiệt	Cao đẳng						
		Trung cấp	90	152	90	79	90	105
9	Điện công nghiệp	Cao đẳng	30	14	30		30	12
		Trung cấp						
10	Điện công nghiệp và dân dụng	Cao đẳng						
		Trung cấp	30	41	30	65	30	43
11	Chế biến và bảo quản thủy sản	Cao đẳng	30		30		30	
		Trung cấp	30		30	29	30	
12	Khai thác đánh bắt hải sản	Cao đẳng	30		30		30	
		Trung cấp	30		30		30	
13	Nghiệp vụ nhà hang, khách sạn	Trung cấp					25	39
14	Quản trị nhà hang và dịch vụ ăn uống	Cao đẳng					25	

15	Kỹ thuật chế biến món ăn	Cao đẳng					25	
		Trung cấp					25	26
Tổng cộng				506		424		420

4.2. Số lượng học sinh, sinh viên

Tại cơ sở chính

Trình độ	Năm học		
	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Cao đẳng	305	320	378
Trung cấp	497	490	579
Trình độ Sơ cấp và nghề ngắn hạn	0	636	567
Liên thông Trung cấp lên Cao đẳng, CĐ lên ĐH	0	21	12
Tổng cộng	802	1.467	1.536

Tại Phân hiệu

Trình độ	Năm học		
	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Cao đẳng	27	41	31
Trung cấp	321	324	362
Trình độ Sơ cấp và nghề ngắn hạn	0	355	1246
Liên thông Trung cấp lên Cao đẳng, CĐ lên ĐH	76	79	27
Tổng cộng	424	799	1666

5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

5.1. Cơ sở vật chất

- Tổng diện tích đất đai toàn trường: 97.028 m², trong đó:
 - + Cơ sở chính: 79.633,3 m²
 - + Phân hiệu: 17.395 m²
- Diện tích xây dựng tại cơ sở chính: 18.008 m²
- + Diện tích cây xanh, sân, đường nội bộ, trại thực hành, ao thủy sản, sân thể thao ngoài trời : 66.892,3 m²

TT	Hạng mục, công trình	Sàn đã xây dựng (m²)	Đang xây dựng (m²)
1	Khu hiệu bộ	1.972	
2	Phòng học lý thuyết	2422	
3	Xưởng/Phòng thực hành	2533	
4	Khu phục vụ		
4.1	Thư viện	104	
4.2	Ký túc xá	2.394	
4.3	Nhà ăn	300	
4.4	Phòng y tế	32	
4.5	Khu thể thao	3.290	

+ **Phân hiệu:** 18.026,6 m²

Giảng đường: diện tích 5.174 m², 35 phòng

Hội trường: 414 m²

Thư viện: diện tích 300 m², 4 phòng

Phòng thí nghiệm: diện tích 536 m², 12 phòng

Xưởng thực tập, thực hành: diện tích 606 m², 6 phòng

Nhà ở học sinh: diện tích 2.956 m², 48 phòng trong khuôn viên trường, dạng căn hộ khép kín, sức chứa 500 học sinh.

Diện tích cây xanh, sân, đường nội bộ, trại thực hành, ao thủy sản, sân thể thao ngoài trời: 8.040,6 m².

5.2. Thư viện

- Cơ sở chính:

Tổng số đầu sách trong thư viện của Nhà trường: 2.479 đầu sách với số lượng bản: 13.172 bản. Trong đó:

Sách tham khảo: 2.369 đầu sách

Giáo trình, bài giảng, sách giáo khoa: 110 đầu sách.

Tổng số đầu tạp chí, báo: 10 đầu được cập nhật thường xuyên.

Tổng số máy vi tính có nối mạng internet: 30 máy.

- Phân hiệu:

Tổng số đầu sách trong thư viện Phân hiệu: 900 đầu sách với số lượng bản: 12.450

bản. Trong đó:

Sách tham khảo: 750 đầu sách

Giáo trình, bài giảng, sách giáo khoa: 150 đầu sách.

Tổng số đầu tạp chí: 01 (Tạp chí Thủy sản).

Tổng số máy vi tính có nối mạng internet: 06 máy

5.3. Tài chính

Cơ sở chính

Nội dung	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1. Nguồn thu	24.343.083.738	21.887.942.834	19.852.053.319
<i>NSNN cấp</i>	20.332.757.000	18.409.367.000	16.287.773.882
<i>Thu học phí</i>	2.017.306.500	1.712.502.050	1.636.475.000
<i>ODA</i>	0		0
<i>Nguồn khác</i>	1.993.020.238	1.766.073.784	1.927.804.437
2. Tổng quyết toán	24.343.083.738	21.841.054.719	19.852.053.319

Phân hiệu

Nội dung	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1. Nguồn thu	19.754.076.509	17.929.614.684	19.251.189.117
<i>NSNN cấp</i>	9.663.379.000	9.689.379.000	9.471.520.000
<i>Thu học phí</i>	3.659.061.000	3.757.260.000	4.549.760.000
<i>ODA</i>			0
<i>Nguồn khác</i>	6.431.636.509	4.482.975.684	5.229.909.117
2. Tổng quyết toán	19.754.076.509	17.929.614.684	19.251.189.117

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ KIỂM ĐỊNH

1. Đặt vấn đề

Trong sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, giáo dục nghề nghiệp giữ một vị trí quan trọng trong việc nâng cao dân trí và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần xây dựng nền kinh tế tri thức. Tuy nhiên, những năm gần đây, giáo dục nghề nghiệp đang phải đối mặt với những khó khăn và thách thức mới, một trong những khó khăn đó là chất lượng giáo dục nghề nghiệp chưa được đảm bảo. Chính vì vậy, Đảng và Nhà nước ta đã đưa ra nhiều chủ trương, chính sách nhằm cải thiện vấn đề này và một trong số đó là công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục của các trường trung cấp, cao đẳng trên toàn quốc.

Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp là việc đánh giá và công nhận các hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp nhằm xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục nghề nghiệp đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

Tự kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp là quá trình Trường tự xem xét, nghiên cứu trên cơ sở các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục để báo cáo về tình trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, nhân lực, cơ sở vật chất và các vấn đề liên quan khác. Từ đó, Trường tiến hành điều chỉnh các nguồn lực cũng như quá trình thực hiện nhiệm vụ đào tạo nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn đã đề ra.

Năm 2022, Trường đã tiến hành đánh giá ngoài và được công nhận là Trường đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp với tổng số điểm đạt 92/ 100 điểm. Qua kết quả đánh giá, Trường nhận thấy còn 8 tiêu chuẩn Trường vẫn chưa đạt yêu cầu.

Căn cứ vào quy trình tự đánh giá theo Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp; các tiêu chí, tiêu chuẩn quy định tại Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn theo hướng dẫn tại Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tiến hành xây dựng kế hoạch và thực hiện công tác tự kiểm định chất lượng giáo dục của Nhà trường cho năm 2023.

2. Tổng quan chung

2.1. Căn cứ tự đánh giá

Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Công văn số 23/TCGDNN-KĐCL ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về hướng dẫn đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, cao đẳng;

Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, cao đẳng.

2.2. Mục đích tự đánh giá

Rà soát tình hình thực tế của Nhà trường so với tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để đánh giá chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Từ kết quả tự kiểm định chất lượng năm 2022, tiếp tục phát huy những tiêu chí, tiêu chuẩn đạt yêu cầu; đồng thời lập kế hoạch khắc phục những nội dung chưa đạt theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định.

Hướng tới phục vụ công tác kiểm định chất lượng bên ngoài trong năm 2022.

Nâng cao nhận thức của CBVC, HSSV về tầm quan trọng của công tác tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của Nhà trường, qua đó huy động tất cả các đơn vị trong trường cùng nhau tham gia công tác này.

2.3. Yêu cầu tự đánh giá

Công tác tự đánh giá được thực hiện khách quan và trung thực.

Quá trình thực hiện tự đánh giá được thực hiện công khai và minh bạch.

Thông tin minh chứng phải rõ ràng, chính xác, phản ánh đúng thực trạng của tiêu chuẩn.

Kế hoạch nâng cao chất lượng phải thiết thực, hiệu quả.

Thực hiện công tác tự đánh giá đúng tiến độ.

2.4. Phương pháp tự đánh giá

Thu thập thông tin, minh chứng.

Phân tích, đánh giá thực trạng của Nhà trường thông qua các minh chứng thu được.

Nhận xét điểm mạnh để phát huy và hạn chế để nêu ra kế hoạch để cải tiến.

Tổng hợp thành báo cáo kết quả tự kiểm định hằng năm.

2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

Thực hiện công tác chuẩn bị tự kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Tiến hành rà soát báo cáo tự đánh giá năm 2022, báo cáo đánh giá ngoài của Trung tâm KĐCL giáo dục nghề nghiệp công ty TNHH Sài Gòn Academy lập kế hoạch cải tiến những tiêu chí chưa đạt yêu cầu.

Tổng hợp các báo cáo thực hiện cải tiến chất lượng các tiêu chí chưa đạt yêu cầu trong năm 2022 của các đơn vị, cập nhật vào báo cáo kết quả tự đánh giá cho năm 2023.

Họp Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp Nhà trường thông qua Báo cáo tự đánh giá năm 2023.

Triển khai lấy ý kiến CBVC và HSSV toàn trường về báo cáo tự đánh giá.

Hoàn thiện và công bố báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của Nhà trường và gửi báo cáo về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Trung tâm KĐCL giáo dục nghề nghiệp công ty TNHH Sài Gòn Academy, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Tiền Giang.

3. Tự đánh giá

3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Điểm chuẩn	Cơ sở GDNN tự đánh giá
	ĐỀ XUẤT CẤP ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC		<i>Đạt tiêu chuẩn chất lượng</i>
	Tổng điểm	100	93
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý	12	12
	Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành nghề đào tạo và quy mô đào tạo cho phù hợp.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.4: Hằng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường	1	1
	Tiêu chuẩn 1.5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Điểm chuẩn	Cơ sở GDNN tự đánh giá
	Tiêu chuẩn 1.6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả	1	1
	Tiêu chuẩn 1.7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.	1	1
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	17	16
	Tiêu chuẩn 2.1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 2.3: Hằng năm trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.4: Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.	1	0

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Điểm chuẩn	Cơ sở GDNN tự đánh giá
	Tiêu chuẩn 2.5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.10: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.11: Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Điểm chuẩn	Cơ sở GDNN tự đánh giá
	Tiêu chuẩn 2.15: Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.	1	1
3	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động	15	13
	Tiêu chuẩn 3.1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.	1	0
	Tiêu chuẩn 3.4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỉ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỉ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.8: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Điểm chuẩn	Cơ sở GDNN tự đánh giá
	Tiêu chuẩn 3.9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	0
	Tiêu chuẩn 3.10: Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.11: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.13: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.14: Hằng năm trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.	1	1
4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	15	14
	Tiêu chuẩn 4.1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Điểm chuẩn	Cơ sở GDNN tự đánh giá
	Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.8: Chính sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiến tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.	1	0
	Tiêu chuẩn 4.13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.14: Hằng năm, Trường thực hiện lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.	1	1
5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	15	12
	Tiêu chuẩn 5.1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Điểm chuẩn	Cơ sở GDNN tự đánh giá
	ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.		
	Tiêu chuẩn 5.2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn; khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.	1	0
	Tiêu chuẩn 5.9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Điểm chuẩn	Cơ sở GDNN tự đánh giá
	Tiêu chuẩn 5.10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hằng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.	1	0
	Tiêu chuẩn 5.13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.	1	0
	Tiêu chuẩn 5.14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	1	1
6	Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế	5	5
	Tiêu chuẩn 6.1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 6.2: Hằng năm, Trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).	1	1
	Tiêu chuẩn 6.3: Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Điểm chuẩn	Cơ sở GDNN tự đánh giá
	động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.		
	Tiêu chuẩn 6.4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.	1	1
	Tiêu chuẩn 6.5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	1	1
7	Tiêu chí 7: Quản lý tài chính	6	6
	Tiêu chuẩn 7.1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.	1	1
	Tiêu chuẩn 7.2: Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh dịch vụ đúng theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 7.3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 7.4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 7.5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 7.6: Hằng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng của các hoạt động của trường.	1	1
8	Tiêu chí 8: Dịch vụ người học	9	9
	Tiêu chuẩn 8.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 8.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 8.3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Điểm chuẩn	Cơ sở GDNN tự đánh giá
	hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.		
	Tiêu chuẩn 8.4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.	1	1
	Tiêu chuẩn 8.5: Ký túc xá bảo đảm đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.	1	1
	Tiêu chuẩn 8.6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.	1	1
	Tiêu chuẩn 8.7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 8.8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	1	1
	Tiêu chuẩn 8.9: Hằng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.	1	1
9	Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng	6	6
	Tiêu chuẩn 9.1: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	1	1
	Tiêu chuẩn 9.2: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.	1	1
	Tiêu chuẩn 9.3: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 9.4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 9.5: Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 9.6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Điểm chuẩn	Cơ sở GDNN tự đánh giá
	TỔNG ĐIỂM	100	93

3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

3.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý

Đánh giá tổng quát

Sứ mạng và mục tiêu của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ được xác định ngay từ khi thành lập trường (theo Quyết định số 479/QĐ-BGDĐT ngày 28 tháng 01 năm 2008) trên cơ sở sứ mạng và mục tiêu của Trường Trung học và Dạy nghề Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nam Bộ nhưng với một tầm cao hơn. Sứ mạng và mục tiêu của Trường được xác định rất rõ ràng và công khai, được nêu trong “Chiến lược phát triển Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ giai đoạn 2021 - 2030” xây dựng vào năm 2020. Sứ mạng và mục tiêu của Trường phù hợp với chức năng nhiệm vụ cũng như với các nguồn lực của Trường để đáp ứng nhu cầu nhân lực cho địa phương và cho cả khu vực Nam Bộ trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn.

Ngoài ra mục tiêu chất lượng của Trường và các đơn vị trực thuộc cũng được xây dựng và công bố trong hệ thống bảo đảm chất lượng của trường từ tháng 01/2021. Hiện hệ thống BĐCL của trường vận hành tốt với 55 quy trình BĐCL đã được xây dựng trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Trường.

Việc ổn định và hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý là vấn đề nền tảng đảm bảo cho sự phát triển bền vững của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ. Trường đã xây dựng được cơ cấu tổ chức quản lý theo đúng quy định của Nhà nước và phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị. Chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị, của cá nhân cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên, nhân viên trong Trường đều được thể chế hoá bằng văn bản thông qua *Quy chế tổ chức hoạt động của trường*, được triển khai nghiêm túc và có hiệu quả. Bên cạnh đó, Đảng bộ là hạt nhân chính trị, là lực lượng nòng cốt luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị được giao. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, các tổ chức chính quyền và đoàn thể trong trường phối hợp hoạt động với nhau nhịp nhàng xây dựng nên một tập thể vững mạnh.

*** Những điểm mạnh:**

Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ xác định sứ mạng và mục tiêu rất rõ ràng, phù hợp với chức năng, nguồn lực, định hướng phát triển của Trường. Đồng thời phù hợp với nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương nói riêng và của khu vực nói chung.

Sứ mạng và mục tiêu của Trường được định kỳ rà soát, chỉnh sửa cho phù hợp với yêu cầu thực tế khách quan và được công khai trên website của Trường.

Hệ thống đảm bảo chất lượng của Nhà trường đã được xây dựng và đưa vào vận hành từ đầu năm 2021 và được thường xuyên kiểm tra, đánh giá, cải tiến hàng năm.

Trường có ban hành quy chế tổ chức và hoạt động, các đơn vị trong trường có quy định rõ ràng về cơ cấu và nhiệm vụ đúng với quy định của Điều lệ trường cao đẳng; Có thành lập Phòng Kiểm định và Bảo đảm chất lượng, có quy chế quy định chức năng nhiệm vụ của phòng rất rõ ràng.

Tổ chức cơ sở Đảng vững mạnh, đoàn kết, phát huy được vai trò lãnh đạo, thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của Nhà trường; Các đoàn thể, tổ chức trong trường hoạt động tích cực và có hiệu quả cao.

*** Những tồn tại:**

Mặc dù sứ mạng, mục tiêu của Trường được công khai qua nhiều hình thức nhưng vẫn còn một số ít HSSV chưa nắm bắt được sứ mạng này.

Các tổ chức Đoàn thể chưa phát huy hết nguồn lực nhằm nâng cao, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho CBVC và HSSV.

Đội ngũ cán bộ quản lý, viên chức của Trường thiếu đồng bộ, còn thiếu những cán bộ, giáo viên đầu ngành. Công tác lựa chọn, sắp xếp cán bộ theo cơ cấu tổ chức mới đòi hỏi ở mức cao hơn, số cán bộ trẻ còn thiếu kinh nghiệm, cán bộ lớn tuổi có một số mang tính an phận, chờ nghỉ hưu, trì trệ trong điều hành công việc.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Tăng cường biện pháp phổ biến nội dung sứ mạng và mục tiêu của Trường trong cán bộ công chức, viên chức và HSSV toàn trường. Đồng thời mở rộng giới thiệu sứ mạng, mục tiêu của Trường đến các tổ chức, công ty, doanh nghiệp... nhằm quảng bá thương hiệu của Trường.

Tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý để đảm bảo vượt tiêu chuẩn đề ra.

Tổ chức Đảng các cấp thường xuyên cải tiến phương thức hoạt động để phát huy vai trò lãnh đạo toàn diện đối với mọi hoạt động của Trường. Tăng cường hơn nữa công tác phát triển Đảng trong HSSV. Tăng cường công tác tập huấn, học tập nghiệp vụ công tác Đảng cho đảng viên. Tiếp tục nghiên cứu và cụ thể hóa quy chế lãnh đạo của chi uỷ; đặc biệt là đối với các đoàn thể quần chúng cùng cấp.

Các đoàn thể đa dạng hoá các hình thức hoạt động ngày càng phong phú thiết thực và có chiều sâu góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, thu hút hơn nữa sự quan tâm ủng hộ của CBVC và HSSV.

Điểm đánh giá tiêu chí 1:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	12
Tiêu chuẩn 1	1

Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1

Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.

Mô tả, phân tích, nhận định

Năm 1974 tại chiến khu Lộc Ninh (gọi là R), một bộ phận tiền thân của Trường Trung cấp Nông nghiệp được thành lập. Đến năm 8/12/1976 sau ngày đất nước thống nhất, Trường được đặt tên là Trường Trung học Kỹ thuật Nông nghiệp Long Định và chuyển về trú đóng tại xã Long Định, Châu Thành Tiền Giang (Quyết định số 253/QĐ ngày 8/12/1976 của Bộ Nông nghiệp về việc thành lập Trường Trung học nông nghiệp Long Định và quy định chức năng nhiệm vụ).

Ngày 29/6/1976 Bộ Thủy lợi quyết định thành lập Trường Trung học Thủy lợi III đặt tại xã Tân Mỹ Chánh, Mỹ Tho, Tiền Giang theo Quyết định số 944- QĐ/TC của Bộ Thủy lợi ngày 29/6/1976 về việc thành lập Trường Trung học Thủy lợi 3 và Quyền hạn của Hiệu trưởng.

Ngày 30/12/1996, Bộ Nông nghiệp và PTNT ký quyết định số 2360 NN-TCCB/QĐ thành lập Trường Trung học và Dạy nghề Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nam Bộ, trên cơ sở sáp nhập Trường Trung học Thủy lợi III và Trường Trung học Kỹ thuật Nông nghiệp Long Định, trụ sở đặt tại Trường Trung học Thủy lợi III (**1.1.01 - Quyết định số 2360 NN-TCCB/QĐ thành lập Trường Trung học và Dạy nghề Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nam Bộ, trên cơ sở sáp nhập Trường Trung học Thủy lợi III và Trường Trung học Kỹ thuật Nông nghiệp Long Định, trụ sở đặt tại Trường Trung học Thủy lợi III**).

Ngày 28/01/2008 Trường Trung học và Dạy nghề Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nam Bộ được nâng cấp thành Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ, trực thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT (**1.1.02 – Quyết định số 479/QĐ-BGDĐT, ngày 28 tháng 01 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ**).

Ngày 09/08/2019, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành quyết định sáp nhập Trường Trung cấp Thủy sản vào Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ và

tổ chức thành Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại Tp. Hồ Chí Minh (**1.1.03 - Quyết định 1128/QĐ-LĐTBXH ngày 09/8/2019 về việc sáp nhập Trường trung cấp Thủy sản vào Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ**).

Qua từng giai đoạn phát triển Trường đều xác định được Sứ mạng và mục tiêu của Trường. Sứ mạng, mục tiêu của Trường được xác định rất rõ ràng tại Chiến lược phát triển trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ đến năm 2030 (**1.1.04 - QĐ số 1805/QĐ-BNN-TCCB, ngày 27 tháng 4 năm 2021, của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phê duyệt chiến lược phát triển trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ đến năm 2030**).

Mục tiêu và sứ mạng của Trường được xây dựng trên cơ sở phân tích đánh giá các văn bản dự báo của Nhà nước: Quyết định 124/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2012 của Thủ tướng Chính Phủ Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030 (**1.1.05 - Quyết định 124/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2012 của Thủ tướng Chính Phủ Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030**), Nghị quyết Đảng bộ tỉnh Tiền Giang lần thứ XI, nhiệm kỳ 2015-2020 (**1.1.06 - Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025**).

Theo Quyết định Quyết định 124/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2012 của Thủ tướng Chính Phủ Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030 của Thủ tướng Chính Phủ thì đến năm 2025 Việt Nam có 78,07 triệu người từ 15 tuổi trở lên, trong đó ở nông thôn là 46,56 triệu người, chiếm 59,64%. Lực lượng lao động làm việc trong nền kinh tế gần 63 triệu người, số lao động trong độ tuổi là 52,8 triệu người; nhân lực trong nông nghiệp chiếm 35 - 38% (năm 2020) và 28,3% (năm 2025), trong công nghiệp - xây dựng chiếm 31% (năm 2020) và 25,1% (năm 2025) và trong dịch vụ chiếm 27,0% - 29% (năm 2020) và 46,6% (năm 2020) tổng nhân lực trong nền kinh tế. Trong tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế, số lao động giản đơn là khoảng 12,42 triệu người, chiếm 20,1%; số lao động có kỹ năng trong nông, lâm, ngư nghiệp là 9,21 triệu người, chiếm 14,9%; số công nhân kỹ thuật vận hành máy và thợ lắp ráp là 7,7 triệu người, chiếm 12,46% và số lao động thủ công là 7,50 triệu người, chiếm 12,13%, lao động chuyên môn bậc trung là 1,82 triệu người, chiếm 2,94%.

Theo Nghị quyết Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2015-2020: cơ cấu kinh tế đến năm 2025 khu vực nông, lâm, thủy sản chiếm 29,7%; tỉ lệ lao động qua đào tạo là 57% trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ là 25%.

Mục tiêu và sứ mạng của Trường công khai trên website của Trường (**1.1.07 - <http://nbac.edu.vn/read.php?m=2021328&g=2>**) với nội dung cụ thể như sau:

Sứ mạng: “Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ là cơ sở giáo dục nghề nghiệp, thuộc hệ thống giáo dục nhà nước, trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Ngành nghề đào tạo được xác lập trên nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; đào tạo đa cấp trình độ, đa ngành theo hướng tiếp cận chất lượng cao, trọng tâm đào tạo các ngành nghề nông nghiệp chất lượng cao. Góp phần nâng cao nguồn nhân lực của ngành

nông nghiệp và phát triển kinh tế xã hội của địa phương và khu vực Nam Bộ, là đơn vị sự nghiệp có khả năng tự chủ, hoạt động hiệu quả, có năng lực quản lý hiện đại”.

Mục tiêu tổng quát: ” Đồi mới cơ bản về cấp, quy mô, chất lượng đào tạo và diện mạo của Nhà trường. Phần đầu là trường Cao đẳng đạt các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng, đào tạo đa cấp, đa ngành, hướng tới đào tạo các ngành nông nghiệp chất lượng cao. Đào tạo nguồn nhân lực phát triển ngành nông nghiệp góp phần phát triển kinh tế xã hội ở địa phương và khu vực Nam Bộ trong bối cảnh biến đổi khí hậu và hội nhập với khu vực và quốc tế”.

Rõ ràng mục tiêu và sứ mạng của trường hiện tại đáp ứng được nhu cầu nhu cầu sử dụng nhân lực của ngành, địa phương

Nghiên cứu về Chức năng, nhiệm vụ của Trường:

Chức năng, nhiệm vụ của Trường được quy định tại Quyết định số 4717/QĐ-BNN-TCCB, ngày 9 tháng 12 năm 2019, của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ. *(1.1.08 - Quyết định số 4717/QĐ-BNN-TCCB, ngày 9 tháng 12 năm 2019, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ)*, có những điểm chính:

- Đào tạo cán bộ có trình độ cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng nghề, trung cấp nghề và sơ cấp nghề theo quy định;

- Bồi dưỡng nâng cao trình độ kiến thức và kỹ năng nghề cho người lao động theo yêu cầu của cơ sở sản xuất, kinh doanh và của người lao động;

- Nghiên cứu, triển khai, ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ liên quan đến các nội dung đào tạo của Trường và chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật vào phục vụ sản xuất, thực hiện gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học và lao động sản xuất nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sản xuất, kinh doanh;

- Liên kết và hợp tác với các tổ chức: cơ sở đào tạo, nghiên cứu, sản xuất kinh doanh và dịch vụ trong nước và ngoài nước để tổ chức đào tạo và kết hợp đào tạo với nghiên cứu, sản xuất, tăng nguồn thu cho nhà trường;

- Quản lý tổ chức, viên chức và tài sản của Trường theo phân cấp của Bộ và quy định của Nhà nước.

Đối với cơ sở Phân hiệu, chức năng nhiệm vụ của đơn vị được xác định trong Quyết định số 4746/QĐ-BNN-TCCB ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phân hiệu của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại Thành phố Hồ Chí Minh *(1.1.09 - Quyết định số 4746/QĐ-BNN-TCCB ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phân hiệu của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại Thành phố Hồ Chí Minh)*.

Chức năng nhiệm vụ cơ bản Phân hiệu là:

Thực hiện trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ và tuân thủ sự điều hành, phân công, phân cấp của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ, cụ thể:

1. Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển Phân hiệu và tổ chức thực hiện sau khi đã được phê duyệt.

2. Thực hiện đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp được cấp và quy định của pháp luật. Thực hiện đào tạo thường xuyên, dạy nghề dưới ba tháng và đào tạo, bồi dưỡng thuyền trưởng, máy trưởng, thợ máy tàu cá theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện biên soạn chương trình, giáo trình đào tạo theo quy định của pháp luật; tuyển sinh, quản lý người học; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người học; bảo đảm môi trường sư phạm cho hoạt động giáo dục nghề nghiệp; phối hợp với gia đình người học, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

4. Thực hiện kiểm định và đảm bảo chất lượng đào tạo theo quy định của pháp luật.

5. Nghiên cứu khoa học để phục vụ và nâng cao chất lượng đào tạo; ứng dụng các kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

6. Thực hiện các hoạt động tư vấn, dịch vụ; tư vấn đào tạo, tư vấn việc làm theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện hợp tác quốc tế; liên kết, hợp tác với các tổ chức kinh tế, giáo dục, nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và chịu sự giám sát, thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện công tác tổ chức bộ máy, tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức, giảng viên và người lao động theo quy định; quản lý, sử dụng tài chính, tài sản, đất đai, cơ sở vật chất, trang thiết bị và các nguồn lực khác của Phân hiệu theo quy định của pháp luật. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hiệu trưởng và quy định của pháp luật.

Đoàn đánh giá ngoài nhận thấy mục tiêu và sứ mạng của Trường phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Trường khi so sánh chức năng và nhiệm vụ được giao của Trường và nội dung của mục tiêu và sứ mạng của Trường.

Kết quả khảo sát cán bộ quản lý, nhà giáo, người lao động Trường cho thấy Mục tiêu và sứ mạng của trường được công bố công khai

- Đối tượng tham gia: cán bộ quản lý, nhà giáo, người lao động

- Số lượng: 2021 (127 người); 2022 (114 người); 2023 (111 người).

- Kết quả khảo sát: 100% cán bộ quản lý, nhà giáo, người lao động được khảo sát trả lời Đồng ý (**1.1.10 - Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2021, 2022,**

2023 - lưu tại phòng KD&BDCL; **1.1.11** - Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2021, 2022, 2023).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1: 01 điểm

Tiêu chuẩn 1.2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành nghề đào tạo và quy mô đào tạo cho phù hợp.

Mô tả, phân tích, nhận định

Căn cứ theo mục tiêu, sứ mạng đã công bố, Trường tiến hành phân tích, đánh giá nhu cầu nhân lực của địa phương, của ngành để xác định các ngành nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp cho từng ngành nghề đào tạo của Trường. Các ngành, nghề và quy mô đào tạo các ngành nghề này được cấp phép tại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp của Trường (**1.2.01** – Bộ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2017; **1.2.02** – Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp 41c/2017/GCNĐKHH-TCDN ngày 13/06/2018; **1.2.03** – Bộ Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2019; **1.2.04** – Bộ Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2020; **1.2.05** – Bộ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp Phân hiệu; **1.2.06** - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp 77/2021/GCNĐKHH-TCGDNN ngày 23/7/2021; **1.2.07** - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 56/2022/GCNĐKHH-TCGDNN ngày 14/7/2022; **1.2.08** - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 56a/2022/GCNĐKHHBS - TCDN, ngày 15/9/2022 nhà trường được đào tạo tại công ty cổ phần sài gòn Food 01 nghề trung cấp; **1.2.09** - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 84/2022/GCNĐKHH-TCGDNN ngày 17/10/2022; **1.2.10** - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 84a/2022/GCNĐKHH-TCGDNN ngày 17/4/2023 nhà trường được đào tạo tại phân hiệu 2 nghề trung cấp, 2 nghề cao đẳng; **1.2.11** - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 84b/2022/GCNĐKHH-TCGDNN ngày 26/5/2023 nhà trường được đào tạo tại trung tâm GDNN-GDTX huyện Chợ Lách 01 nghề trung cấp), Cụ thể như sau:

Cao đẳng: 26 nghề (Phân hiệu 09 nghề). Trung cấp: 29 (phân hiệu 15 nghề)

Theo chức năng nhiệm vụ, bộ phận chủ trì việc phân tích, đánh giá nhu cầu nhân lực của địa phương, của ngành để xác định các ngành nghề đào tạo của Trường là Hội đồng Khoa học và Đào tạo của mỗi năm (**1.2.12** - Quyết định thành lập các Hội đồng tư vấn).

* Thành phần của Hội đồng khoa học và Đào tạo gồm có:

- Chủ tịch Hội đồng: Hiệu trưởng
- Phó Chủ tịch Hội đồng: Phó Hiệu trưởng phụ trách Đào tạo
- Thư Ký: Lãnh đạo phòng đào tạo

- Thành viên: Lãnh đạo trường các khoa và trưởng phòng Đào tạo, TCHC, và TCKT

* Nhiệm vụ Hội đồng Khoa học và Đào tạo:

- Tư vấn cho Hiệu trưởng mục tiêu, chương trình đào tạo; kế hoạch dài hạn và kế hoạch hàng năm phát triển giáo dục đào tạo, khoa học và công nghệ của trường.

- Đào tạo bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, CBVC.

Trường đã tổ chức khảo sát nhu cầu nhân lực của doanh nghiệp trong các năm 2019,2020,2021. Phòng kiểm định và Bảo đảm chất lượng của Trường chủ trì công việc này (*1.2.13 – Hồ sơ khảo sát nhu cầu nhân lực của doanh nghiệp; 1.2.14 - Biên bản thỏa thuận hợp tác với các doanh nghiệp*).

Phòng kiểm định và Bảo đảm chất lượng của Trường sau khi tiến hành khảo sát đã báo cáo kết quả khảo sát cho Hội đồng Khoa học và Đào tạo.

Dựa trên thông tin về nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành qua các văn bản: Quyết định 124/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2012 của Thủ tướng Chính Phủ Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030 Nghị quyết Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2015-2020, trên cơ sở kết quả khảo sát nhu cầu tuyển dụng của các công ty, doanh nghiệp và căn cứ vào nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, văn bản thỏa thuận hợp tác giữa Trường và các doanh nghiệp, dựa trên đội ngũ nhà giáo, cơ sở vật chất, trang thiết bị.... Hội đồng Khoa học và Đào tạo tổ chức thảo luận, phân tích đánh giá để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp cho từng ngành nghề (*1.2.15 - Biên bản họp Hội đồng Khoa học và đào tạo từ năm 2021, 2022, 2023*).

Căn cứ nhu cầu tuyển dụng lao động của ngành, địa phương và khả năng đào tạo của Trường Bộ Nông nghiệp & PTNT về giao chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm cho Trường (*1.2.16 – Các thông báo của Bộ Nông nghiệp & PTNT về giao chỉ tiêu tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023*). Trường căn cứ chỉ tiêu được giao thông báo tuyển sinh (*1.2.17 - Thông báo tuyển sinh 2021, 2022, 2023*).

Quy mô đào tạo các năm của Trường như sau: 2021 (1.187),2022(1.492),2023 (1.381). Quy mô thực tế này là phù hợp, đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động kỹ thuật của địa phương.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 1: 01 điểm

Tiêu chuẩn 1.3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Trường đã ban hành đầy đủ các văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.

* Về việc thành lập Trường cao đẳng:

Ngày 28/01/2008 Trường Trung học và Dạy nghề Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nam Bộ được nâng cấp thành Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ, trực thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT (**1.1.02** – *Quyết định số 479/QĐ-BGDĐT, ngày 28 tháng 01 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ*).

Ngày 09/08/2019, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành quyết định sáp nhập Trường Trung cấp Thủy sản vào Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ và tổ chức thành Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại Tp. Hồ Chí Minh (**1.1.03** - *Quyết định 1128/QĐ-LĐTBXH ngày 09/8/2019 về việc sáp nhập Trường trung cấp Thủy sản vào Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ*).

Như vậy Trường có cơ sở chính tại Tiền Giang và 01 phân hiệu tại TP. Hồ Chí Minh với các quyết định thành lập của Bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

* Trường có các văn bản thành lập các đơn vị thuộc Trường:

Việc thành lập các đơn vị thuộc Trường và quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Trường được thể hiện rõ trong Quy chế tổ chức hoạt động của Trường (**1.3.01** - *Quyết định số 329/QĐ-CĐNB ngày 10/6/2008 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường*).

Tháng 12 năm 2019 do sáp nhập trường Trung cấp Thủy sản vào Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ với quy định về cơ cấu tổ chức, chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ mới Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ và của Phân hiệu Trường tại Tp. Hồ Chí Minh (**1.1.08** - *Quyết định số 4717/QĐ-BNN-TCCB, ngày 9 tháng 12 năm 2019, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ; 1.1.09* - *Quyết định số 4746/QĐ-BNN-TCCB ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phân hiệu của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại Thành phố Hồ Chí Minh*), căn cứ các quyết định của Bộ, Trường tiến hành xây dựng lại quy chế tổ chức và hoạt động của Trường và của phân hiệu trực thuộc Trường tại TP. Hồ Chí Minh (**1.3.02** - *Quyết định số 238/QĐ-CĐNB ngày 15/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường; 1.3.03* - *Quyết định số 96/QĐ-CĐNBPH-VP ngày 01/02/2021 của Giám đốc Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ TP.HCM về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ Phân hiệu tại TP.HCM*).

Hiện tại bộ máy tổ chức Trường có các đơn vị như sau:

***Các phòng chức năng**

- Phòng Tổ chức, Hành chính và Quản trị
- Phòng Tài chính, Kế toán
- Phòng Đào tạo và Khoa học công nghệ

- Phòng Công tác Học sinh, Sinh viên
- Phòng Cơ sở vật chất
- Phòng Kiểm định và Bảo đảm chất lượng

*** Các khoa và bộ môn trực thuộc**

- Khoa Khoa học cơ bản
- Khoa Chăn nuôi, Thú y
- Khoa Trồng trọt, Bảo vệ thực vật
- Khoa Thủy lợi

*** Phân hiệu của Trường tại thành phố Hồ Chí Minh**

*** Các bộ phận dịch vụ, sản xuất và triển khai công nghệ**

- Trung tâm Tư vấn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học

*** Các hội đồng:**

- Hội đồng trường
- Các Hội đồng tư vấn: Hội đồng Chủ nhiệm lớp, Hội đồng Khen thưởng và kỷ luật học sinh sinh viên; Hội đồng tuyển sinh; Hội đồng khuyến học, Hội đồng xét cấp học bổng và trợ cấp xã hội; Hội đồng xét hưởng chế độ ưu đãi phụ cấp nhà giáo và chế độ phụ cấp thâm niên. Hội đồng xét nâng lương và chuyển ngạch, Hội đồng thi đua khen thưởng khối cán bộ viên chức, Hội đồng xử lý tài sản không cần dùng và không còn sử dụng.

*** Tổ chức Đảng và các đoàn thể**

- Đảng bộ Trường
- Công đoàn cơ sở Trường.
- Đoàn thanh niên Trường.

Mỗi đơn vị nêu trên đều có quyết định thành lập và có Quy chế hoạt động riêng của từng đơn vị, trong đó quy định rõ chức năng nhiệm vụ, bảo đảm quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trước công việc được giao của từng cá nhân trong từng đơn vị (**1.3.04** - *Quyết định thành lập các bộ phận thuộc Trường*).

Ban giám hiệu có phân công trách nhiệm cho các thành viên (**1.3.05** - *Thông báo về việc phân công ban giám hiệu*).

Việc triển khai công tác cho từng bộ phận, từng thành viên được thực hiện theo quy trình thỏa thuận tại hội nghị giao ban: Các đơn vị lập kế hoạch công tác hàng tháng gửi về phòng TCHC. Phòng TCHC tổng hợp trình bày trước cuộc họp giao ban hàng tháng; trong họp giao ban hàng các đơn vị còn được phân công thêm nhiệm vụ từ Hiệu trưởng. Sau họp giao ban, phòng TCHC tổng hợp lại trình hiệu trưởng ký sau đó ban đến các đơn vị thực hiện (minh chứng là chương trình công tác tháng). Đối với khối lượng giảng dạy của giáo viên, các khoa lập kế hoạch gửi về phòng Đào tạo. Phòng Đào tạo tổng hợp tiến hành họp rà soát khối lượng công tác giáo viên của từng khoa thông qua khối lượng công tác giáo viên năm học (Thành phần họp: Ban giám hiệu; lãnh đạo khoa,

phòng Đào tạo & KHCN, phòng TCHC & QT và cán bộ thanh tra giáo dục). Sau khi họp thống nhất, phòng Đào tạo tổng hợp ra quyết định.

Ngoài việc quy định rõ chức năng, nhiệm vụ các đơn vị thuộc Trường, Trường đã ban hành bộ Quy định hoạt động Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ hàng năm trong đó bao gồm các quy chế như: Quy chế công tác quản lý lưu trữ các loại hồ sơ; quy chế quản lý, sử dụng xe ô tô; Quy chế thực hiện dân chủ; quy định nâng lương trước thời hạn; quy định về thực hiện các hoạt động KHCN; Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý; quy định về tiêu chuẩn sáng kiến và quy trình xét công nhận sáng kiến; quy chế quản lý và sử dụng tài sản công và quy chế chi tiêu nội bộ. Những Quy chế này chính là những văn bản thể hiện tính minh bạch, nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của từng đơn vị trong Trường.

Về một số quyền tự chủ riêng lẻ: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có Quyết định giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong lĩnh vực tài chính cho Trường (*1.3.06 - QĐ số 2154/QĐ-BNN-TCCB ngày 30/5/2017 quyết định tạm giao quyền tự chủ tài chính năm 2017 cho Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ*), trong đó có trung tâm tư vấn nông nghiệp và phát triển nông thôn tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

Các quy định, quy chế được xây dựng trên cơ sở Hội nghị công chức viên chức hàng năm của Trường và được công bố rộng rãi cho tất cả công chức, viên chức được biết để thực hiện.

Trường tiến hành khảo sát việc ban hành các văn bản quy định về tổ chức và hoạt động của Trường:

+ Nội dung phiếu khảo sát: *Trường có ban hành các văn bản quy định về tổ chức và hoạt động*

+ Đối tượng tham gia: cán bộ quản lý, nhà giáo và người lao động

+ Số người tham gia: 2021 (127); 2022 (114); 2023 (111)

+ Kết quả khảo sát: 99% CBQL, NG, NLĐ trả lời Đồng ý

(1% Không đồng ý rơi vào đối tượng người lao động làm việc theo hợp đồng như lao công, quét dọn vệ sinh) (*1.1.10 - Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2021, 2022, 2023*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 1: 01 điểm

Tiêu chuẩn 1.4: Hàng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.

Mô tả, phân tích, nhận định

Nhà trường đã xây dựng quy chế tổ chức hoạt động của Trường từ khi được nâng cấp lên thành trường Cao đẳng theo quy định (*1.3.01 - Quyết định số 329/QĐ-CDNB ngày 10 tháng 6 năm 2008 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường*). Cuối năm 2019 sau khi sáp nhập

Trường Trung cấp Thủy sản vào trường và thành lập phân hiệu của Trường tại Thành phố Hồ Chí Minh, Nhà trường tiến hành xây dựng lại quy chế tổ chức và hoạt động cho phù hợp với tình hình mới (**1.3.02** - *Quyết định số 238/QĐ-CDNB ngày 15/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường*; **1.3.03** - *Quyết định số 96/QĐ-CDNBPH-VP ngày 01/02/2021 của Giám đốc Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ TP.HCM về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ Phân hiệu tại TP.HCM*).

Ngoài ra, để có văn bản pháp quy điều chỉnh các hoạt động trong trường, Nhà trường đã xây dựng quy định về hoạt động trong đó bao gồm: Quy chế công tác quản lý lưu trữ các loại hồ sơ; quy chế quản lý, sử dụng xe ô tô; Quy chế thực hiện dân chủ; quy định nâng lương trước thời hạn; quy định về thực hiện các hoạt động khoa học công nghệ; Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý; quy định về tiêu chuẩn sáng kiến và quy trình xét công nhận sáng kiến; quy chế quản lý và sử dụng tài sản công và quy chế chi tiêu nội bộ (**1.4.01** - *Quy định hoạt động Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ năm 2021, 2022, 2023*).

Hằng năm căn cứ vào các văn bản, quy định mới, những thay đổi trong cơ cấu tổ chức nếu có, Nhà trường thành lập tiểu ban soạn thảo và sửa đổi quy định về hoạt động của Nhà trường (**1.4.02** - *Quyết định thành lập tiểu ban soạn thảo và sửa đổi quy định về hoạt động của Nhà trường các năm 2021, 2022, 2023*) tiến hành rà soát, điều chỉnh bổ sung và ban hành lại quy chế tổ chức và hoạt động của Trường. Quy trình xây dựng luôn đảm bảo tính dân chủ, có sự nhất trí của tập thể cán bộ viên chức Nhà trường, được coi như một văn bản pháp quy để điều chỉnh các hoạt động trong trường, cũng như của mỗi cán bộ, viên chức Nhà trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 1: 01 điểm

Tiêu chuẩn 1.5: *Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong Trường được quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, trong đó quy định rõ nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, phân công, phân cấp rõ ràng nhiệm vụ của Hội đồng Trường, các Hội đồng tư vấn, các phòng chức năng, các khoa, đơn vị trực thuộc trong Trường (**1.3.02** - *Quyết định số 238/QĐ-CDNB ngày 15/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường*; **1.5.01** - *Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Trường*).

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Trường ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ các đơn vị thuộc Trường (**1.5.02** - *Quy định chức năng, nhiệm vụ các*

đơn vị thuộc Trường), trong đó cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc. Căn cứ vào quy định làm việc của Trường và nhiệm vụ phân công mỗi năm học, hàng năm các phòng, khoa, trung tâm đơn vị trực thuộc xây dựng quy trình thực hiện, lập kế hoạch, nhiệm vụ công tác trọng tâm của năm học, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên của đơn vị để căn cứ thực hiện.

Chức năng, nhiệm vụ của các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc Trường được quy định dựa trên quy mô đào tạo và mục tiêu của Trường nên rất phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường, thực tế cho thấy hiện nay Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam bộ đào tạo 09 nghề hệ cao đẳng (cơ sở chính 4 nghề, Phân hiệu 5 nghề), 14 nghề hệ trung cấp (cơ sở chính 7 nghề, Phân hiệu 7 nghề) với quy mô 2021 (1.187), 2022 (1.492), 2023 (1.381). Các nghề đang đào tạo tại trường là:

DANH SÁCH CÁC NGÀNH NGHỀ ĐANG ĐANG TẠO TẠI TRƯỜNG

Trình độ	Ngành nghề	
	Cơ sở chính	Phân hiệu
Cao đẳng	1. Bảo vệ thực vật	1. Nuôi trồng thủy sản
	2. Thú y	2. Chế biến thực phẩm
	3. Kế toán doanh nghiệp	3. Điện công nghiệp
	4. Quản lý đất đai	4. Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí
		5. Công nghệ thông tin
Trung cấp	1. Trồng trọt-BVTV	1. Nuôi trồng thủy sản
	2. Chăn nuôi thú y	2. Công nghệ kỹ thuật chế biến và bảo quản thực phẩm
	3. Thủy lợi tổng hợp	3. Bảo trì và sửa chữa thiết bị nhiệt
	4. Công nghệ thực phẩm	4. Điện công nghiệp và dân dụng
	5. Công nghệ TT (UDPM)	5. Tin học ứng dụng
	6. Kế toán doanh nghiệp	6. Kế toán doanh nghiệp
	7. Thú y	7. Chế biến và bảo quản thủy sản

Hàng năm, tất cả các đơn vị thực hiện báo cáo tổng kết các hoạt động của đơn vị trong năm làm cơ sở cho Hội đồng thi đua xem xét đánh giá hoạt động của đơn vị (**1.5.03** – Báo cáo tổng kết công tác năm 2020, 2021, 2022 của các đơn vị trực thuộc Trường).

Báo cáo Tổng kết của Trường, báo cáo tổng kết của các phòng, khoa, đơn vị trực thuộc và kết luận của Hội đồng thi đua đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc hàng năm cho thấy Trường và các đơn vị thuộc Trường đã thực hiện

tốt nhiệm vụ của mình (**1.5.04** - *Quyết định công nhận danh hiệu thi đua học kỳ II và năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022 - 2023*).

Với cơ cấu các ngành nghề và quy mô hiện nay, Đoàn đánh giá ngoài đánh giá là phù hợp với mục tiêu, các điều kiện, nguồn lực của Trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 1: 01 điểm

Tiêu chuẩn 1.6: *Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả*

Mô tả, phân tích, nhận định

Trường có Hội đồng trường và các Hội đồng tư vấn sau: Hội đồng Chủ nhiệm lớp, Hội đồng Khen thưởng và kỷ luật học sinh sinh viên; Hội đồng tuyển sinh; Hội đồng xét cấp học bổng và trợ cấp xã hội; Hội đồng xét hưởng chế độ ưu đãi phụ cấp nhà giáo và chế độ phụ cấp thâm niên. Hội đồng xét nâng lương và chuyển ngạch, Hội đồng thi đua khen thưởng khối cán bộ viên chức, Hội đồng xử lý tài sản không cần dùng và không còn sử dụng.

Năm 2019, Trường đã thành lập Hội đồng trường khóa 1 (**1.6.01** - *Quyết định 2551/QĐ-BNN-TCCB ngày 01/7/2019 về việc thành lập Hội đồng Trường CDNN Nam Bộ khóa I*). Do thay đổi về nhân sự, Trường đã thành lập Hội đồng trường khóa 2 (**1.6.02** - *Quyết định 4218/QĐ-BNN-TCCB ngày 28/10/2021 về việc thành lập Hội đồng trường CDNN Nam Bộ khóa II*). Hội đồng trường khóa 2 đang hoạt động cho đến nay.

Thành phần tham gia Hội đồng trường khóa 2 gồm có 13 thành viên bao gồm Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, Bí thư tổ chức đảng cơ sở, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn thanh niên, Đại diện giáo viên một số phòng khoa, Đại diện cơ quan chủ quản hoặc đại diện cơ sở sản xuất kinh doanh có liên quan. Chủ tịch Hội Đồng Trường là ông Nguyễn Tiến Huyền – Hiệu trưởng, Thư ký Hội đồng trường là ông Trần Văn Thanh – Trưởng phòng Tổ chức Hành chính và Quản trị, đại diện cơ sở sản xuất kinh doanh là ông Phạm Văn Mạnh – Phó viện trưởng Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền nam.

Hằng năm, Hội đồng trường xây dựng kế hoạch và ban hành các nghị quyết (**1.6.03** – *Kế hoạch hoạt động; Nghị quyết; Biên bản họp của Hội đồng trường năm 2021, 2022, 2023*). Hội đồng họp 3 tháng 1 lần trong năm và họp đột xuất khi cần. Mỗi kỳ họp, Hội đồng tổ chức kiểm điểm việc và báo cáo việc thực hiện nghị quyết của quý trước, và thông qua nghị quyết mới. Kỳ họp cuối năm, Hội đồng xem xét và báo cáo việc thực hiện nghị quyết của năm và thông qua nghị quyết của năm mới (**1.6.04** – *Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng trường năm 2020, 2021, 2022*).

Kết quả hoạt động của Hội đồng trường đã giúp Trường hoàn thành nhiệm vụ được giao trong các năm 2020, 2021, 2022 (**1.5.04** - *Quyết định công nhận danh hiệu thi đua học kỳ II và năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022 - 2023*).

Bên cạnh Hội đồng trường, Trường thành lập các Hội đồng tư vấn. Chức năng và nhiệm vụ của từng Hội đồng tư vấn được quy định trong quyết định thành lập hội đồng

(1.6.05 - Quyết định thành lập các Hội đồng tư vấn), trong đó có quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng Hội đồng.

Thành phần các Hội đồng tư vấn phụ thuộc vào chức năng và nhiệm vụ của từng Hội đồng. Các Hội đồng hoạt động theo kế hoạch hoạt động của Trường. Các hội đồng tư vấn hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.

Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được thành lập đúng quy định *(1.3.04 - Quyết định thành lập các bộ phận thuộc Trường)* và hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định *(1.5.02 - Quy định chức năng, nhiệm vụ các đơn vị thuộc trường)*.

Hàng năm, các đơn vị lập kế hoạch hoạt động tháng (kế hoạch được hội nghị giao ban thông qua và được Phòng Tổ chức hành chính và Quản trị ban hành chính thức để thực hiện. Các đơn vị thực hiện công việc theo đúng chức năng, nhiệm vụ của mình và thực hiện việc báo cáo tổng kết công tác hoạt động của đơn vị mình chi tiết, đầy đủ *(1.5.03 – Báo cáo tổng kết năm học của các phòng, khoa, trung tâm đơn vị trực thuộc trường từ năm 2020, 2021, 2022)*, trên cơ sở các báo cáo của các đơn vị, Trường thực hiện việc tổng hợp kết quả công tác hàng năm báo cáo Bộ *(1.6.08 – Báo cáo kết quả thực hiện công tác trong năm của trường)*.

Qua kết quả công tác của các đơn vị, Trường thực hiện việc đánh giá, xếp loại, khen thưởng cho các đơn vị *(1.6.06 – Các quyết định khen thưởng hàng năm 2020, 2021, 2022)*.

Kết quả đánh giá cho thấy các phòng, khoa, trung tâm, bộ môn và các đơn vị trực thuộc Trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 1: 01 điểm

Tiêu chuẩn 1.7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Trường đã thực hiện việc xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định của Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cụ thể như sau:

Hệ thống đảm bảo chất lượng của Trường được xây dựng vào năm 2020 và đưa vào vận hành vào đầu năm 2021. Để xây dựng và vận hành Hệ thống đảm bảo chất lượng, Trường đã thực hiện các công tác:

Trường chọn đơn vị phụ trách: Quyết định số 158/QĐ- CĐNB ngày 16 tháng 02 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ giao nhiệm vụ phụ trách xây dựng hệ hống đảm bảo chất lượng cho Phòng Kiểm định và Bảo đảm chất lượng *(1.7.01 - Quyết định số 158/QĐ-CĐNB ngày 16 tháng 02 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ giao nhiệm vụ phụ trách xây dựng hệ hống đảm bảo chất lượng cho Phòng Kiểm định và Bảo đảm chất lượng)*.

Trường thành lập Ban chỉ đạo xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng, thành phần Ban chỉ đạo xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ giai đoạn 2020 – 2022 gồm 20 thành viên. Trưởng ban là ông Nguyễn Tiến Huyền - Hiệu trưởng, 03 Phó trưởng ban là các ông Nguyễn Văn Cồn - Phó hiệu trưởng, bà Trần Thị Thu Bình - Phó hiệu trưởng, ông Trần Văn Tám- Phó hiệu trưởng, Ủy viên thường trực là ông Bùi Ngọc Phước Hảo - Trưởng phòng Phòng Kiểm định và Bảo đảm chất lượng (*1.7.02 - Quyết định 266/QĐ-CDNB ngày 22/4/2020 của Hiệu trưởng về việc thành lập Ban chỉ đạo xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến HTBĐCL giai đoạn 2020 – 2022*).

Trường thực hiện đánh giá thực trạng bộ máy, nhân sự và các điều kiện bảo đảm chất lượng của Trường làm cơ sở xây dựng hệ thống: các hoạt động đánh giá được thể hiện tại Báo cáo số 408/BC-CDNB ngày 8/6/2020 Rà soát, đánh giá thực trạng bộ máy, nhân sự và các điều kiện đảm bảo chất lượng.

Trường lập kế hoạch xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng giai đoạn 2020 – 2022 (*1.7.03 - Kế hoạch 277/KH-CDNB ngày 5/5/2020 về xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến HTBĐCL giai đoạn 2020 - 2022; 1.7.04 - Kế hoạch số 526/KH-CDNB ngày 25/6/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, quy trình công cụ đảm bảo chất lượng*).

Trường tổ chức hướng dẫn về vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng cho cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên. Công tác này được thể hiện tại Biên bản cuộc họp trực tiếp toàn thể CBVC Trường ngày 16/2/2021 về việc tổ chức hướng dẫn về vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng cho cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên. Trường còn tổ chức hướng dẫn thông qua email (*hộp thư gửi: buihao@nbac.edu.vn*).

Trường đã xây dựng và công bố hệ thống đảm bảo chất lượng vào tháng 01 năm 2021 với chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng và 23 quy trình đảm bảo chất lượng được ban hành và đưa vào vận hành trong năm 2021 (*1.7.05 – Quyết định số 90/QĐ-CDNB ngày 29/01/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc công bố Chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng và hệ thống các quy trình đảm bảo chất lượng*).

23 quy trình đảm bảo chất lượng:

DANH SÁCH 23 QUY TRÌNH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG BAN HÀNH NĂM 2021

TT	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG (TÊN QUY TRÌNH)	Mã ký hiệu
1	Xây dựng chương trình đào tạo	QT01/ĐT&KH-CN/01
2	Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo	QT02/ĐT&KH-CN/02
3	Đăng ký và thực hiện đề tài cấp trường	QT04/ĐT&KH-CN/04
4	Tổ chức thi và xét công nhận tốt nghiệp	QT05/ĐT&KH-CN/05

5	Cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học	QT06/ĐT&KH-CN/06
6	Tuyển sinh	QT07/KĐ&BDCL/01
7	Khảo sát doanh nghiệp	QT08/KĐ&BDCL/02
8	Thi kết thúc môn học, mô đun	QT09/KĐ&BDCL/03
9	Khảo sát học sinh sau tốt nghiệp	QT10/KĐ&BDCL/04
10	HSSV thực tập tại doanh nghiệp	QT11/KCM/01
11	Thực tập thực tế của giáo viên	QT12/KCM/02
12	Quản lý văn bản đi	QT15/TCHC&QT/01
13	Quản lý văn bản đến	QT16/TCHC&QT/02
14	Bồi dưỡng cán bộ viên chức sau đại học	QT18/TCHC&QT/04
15	Đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn	QT19/TCHC&QT/05
16	Đánh giá, phân loại công chức, viên chức, người lao động	QT20/TCHC&QT/06
17	Bổ nhiệm chức vụ trưởng/ phó đơn vị và tương đương	QT22/TCHC&QT/08
18	Bổ nhiệm lại giữ chức vụ trưởng/ phó đơn vị và tương đương	QT23/TCHC&QT/09
19	Mua sắm thiết bị, vật tư, dụng cụ	QT25/CSV/01
20	Kiểm kê tài sản	QT27/CSV/03
21	Tạm ứng- Hoàn ứng	QT28/TCKT/01
22	Thanh toán trực tiếp	QT29/TCKT/02
23	Quản lý thu học phí	QT30/TCKT/03

Hệ thống đảm bảo chất lượng của Trường được công bố công khai trên website của Trường www.nbac.edu.vn và gửi email đến toàn thể công chức viên chức để toàn thể cán bộ, nhà giáo, nhân viên và các đối tượng khác có liên quan biết và triển khai thực hiện.

Song song với việc vận hành hệ thống, hằng năm Trường tiến hành tự đánh giá, cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng.

- Năm 2021: Đại diện Ban Giám hiệu, Phòng Kiểm định & BDCL phối hợp với Ban Thanh tra tiến hành kiểm tra việc vận hành các quy trình (1.7.06 – Kế hoạch số 368/KH-CDNB ngày 28/4/2021 về việc kiểm tra vận hành 23 quy trình đảm bảo chất lượng đã ban hành). Trường báo cáo kết quả kiểm tra (1.7.07 – Báo cáo số 540/BC-CDNB ngày 21/06/2021 kết quả kiểm tra về kiểm tra vận hành 23 quy trình đảm bảo chất lượng). Từ kết quả việc kiểm tra, Trường lập kế hoạch điều chỉnh và xây dựng mới

một số quy trình đảm bảo chất lượng trong năm 2021 (1.7.08 – Kế hoạch số 676/KH-CDNB ngày 20/9/2021 về điều chỉnh các quy trình đảm bảo chất lượng đang vận hành và xây dựng mới một số quy trình đảm bảo chất lượng trong năm 2021). Đầu năm 2022 đã điều chỉnh 15 quy trình và xây dựng mới 11 quy trình (1.7.09 - Quyết định số 270/KH-CDNB ngày 30/3/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc điều chỉnh, bổ sung hệ thống quy trình ĐBCL).

**DANH SÁCH 15 QUY TRÌNH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐIỀU CHỈNH
NĂM 2022**

TT	TÊN QUY TRÌNH	KÝ HIỆU QUY TRÌNH	GHI CHÚ
1	Xây dựng, cập nhật, chỉnh sửa chương trình đào tạo	QT01/ĐT&KHCN	Ban hành lần 2
2	Rút gọn chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo	QT02/ĐT&KHCN	Ban hành lần 2
3	Đăng ký và thực hiện đề tài cấp trường	QT04/ĐT&KHCN	Ban hành lần 2
4	Tổ chức thi tốt nghiệp	QT05/ĐT&KHCN	Ban hành lần 2
5	Cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học	QT06/ĐT&KHCN	Ban hành lần 2
6	Quản lý văn bản đi	QT15/TCHC&QT	Ban hành lần 2
7	Quản lý văn bản đến	QT16/TCHC&QT	Ban hành lần 2
8	Bồi dưỡng cán bộ viên chức sau đại học	QT18/TCHC&QT	Ban hành lần 2
9	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ viên chức ngắn hạn	QT19/TCHC&QT	Ban hành lần 2
10	Bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý đơn vị	QT22/TCHC&QT	Ban hành lần 2
11	Bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý đơn vị	QT23/TCHC&QT	Ban hành lần 2
12	Mua sắm thiết bị, vật tư, dụng cụ	QT25/CSVC	Ban hành lần 2
13	Kiểm kê tài sản	QT27/CSVC	Ban hành lần 2
14	Tạm ứng- Hoàn ứng	QT28/TCKT	Ban hành lần 2
15	Thu học phí	QT30/TCKT	Ban hành lần 2

DANH SÁCH CÁC QUY TRÌNH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

XÂY MỚI NĂM 2022

TT	TÊN QUY TRÌNH	KÝ HIỆU QUY TRÌNH	GHI CHÚ
1	Biên soạn và điều chỉnh giáo trình đào tạo	QT03/ĐT&KHCN	Ban hành lần 1
2	Xét học bổng khuyến khích học tập	QT13/CTHSSV	Ban hành lần 1
3	Đánh giá kết quả rèn luyện	QT14/CTHSSV	Ban hành lần 1
4	Tuyển dụng	QT17/TCHC&QT	Ban hành lần 1
5	Quy hoạch cán bộ	QT21/TCHC&QT	Ban hành lần 1
6	Thanh lý tài sản	QT24/CSVC	Ban hành lần 1
7	Bảo trì bảo dưỡng thiết bị - cơ sở vật chất	QT26/CSVC	Ban hành lần 1
8	Nghiệm thu khối lượng giảng dạy của giáo viên	QT31/ĐT&KHCN	Ban hành lần 1
9	Xét thi đua khen thưởng khối viên chức và người lao động	QT32/TCHC&QT	Ban hành lần 1
10	Cấp lệnh điều xe và quản lý xe	QT33/TCHC&QT	Ban hành lần 1
11	Cấp và thanh toán giấy đi đường đối với cán bộ viên chức và người lao động	QT34/TCHC&QT	Ban hành lần 1

- Năm 2023: Trường ban hành kế hoạch vận hành, quản lý, giám sát và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng giai đoạn 2023 – 2025 (**1.7.10 – Kế hoạch 126/KH-CĐNB ngày 14/2/2023 kế hoạch vận hành, quản lý, giám sát và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng giai đoạn 2023 – 2025**). Năm 2023, Trường tiến hành điều chỉnh 01 quy trình BĐCL (**1.7.11 – Quyết định 245/QĐ-CĐNB ngày 23/3/2023 điều chỉnh quy trình BĐCL**) và xây dựng mới 07 quy trình mới bổ sung vào hệ thống các quy trình BĐCL (**1.7.12 – Thông báo 454/TB-CĐNB ngày 23/5/2023 về đề xuất các quy trình BĐCL xây mới năm 2023; 1.7.13 – Kế hoạch 524/KH-CĐNB ngày 12/6/2023 xây dựng quy trình BĐCL năm 2023; 1.7.14 - Quyết định 871/QĐ-CĐNB ngày 11/9/2023 Bổ sung hệ thống quy trình BĐCL**).

DANH SÁCH CÁC QUY TRÌNH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

XÂY MỚI NĂM 2023

TT	TÊN QUY TRÌNH	KÝ HIỆU QUY TRÌNH	GHI CHÚ
-----------	----------------------	--------------------------	----------------

1	Xây dựng mục tiêu chất lượng hàng năm	QT45/KĐ&BDCL	Ban hành lần 1
2	Giới thiệu việc làm cho HSSV sau tốt nghiệp	QT46/KĐ&BDCL	Ban hành lần 1
3	Quản lý phòng thí nghiệm thực hành thực tập	QT47/CSVC	Ban hành lần 1
4	Xây dựng kế hoạch đào tạo	QT48/ĐT&KHCCN	Ban hành lần 1
5	Tiếp nhận hồ sơ HSSV nhập học	QT49/CTHSSV	Ban hành lần 1
6	Quản lý hồ sơ viên chức	QT50/TCHC&QT	Ban hành lần 1
7	Lập dự toán tài chính hằng năm	QT51/TCKT	Ban hành lần 1

Trường tổ chức lấy ý kiến của cán bộ quản lý, giảng viên về việc xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng để có kế hoạch cải tiến hàng năm cho phù hợp hơn.

+ Nội dung phiếu khảo sát: về việc xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng

+ Đối tượng tham gia: cán bộ quản lý, nhà giáo và người lao động

+ Số người tham gia: năm 2021 (126 người); năm 2022 (114 người); năm 2023 (111 người)

+ Kết quả khảo sát: 100% CBQL, NG, NLD trả lời có

Hàng năm, Trường thực hiện báo cáo về hệ thống đảm bảo chất lượng (*1.7.15 - Báo cáo hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2020, 2021, 2022*) và báo cáo tự đánh giá theo quy định (*1.7.16 - Báo cáo tổng hợp công tác tự đánh giá chất lượng năm 2020, 2021, 2022*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 1: 01 điểm

Tiêu chuẩn 1.8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Mô tả, phân tích, nhận định

Phòng Kiểm định và Bảo đảm chất lượng là bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo của Trường

Phòng Kiểm định và Bảo đảm chất lượng Nhà trường được thành lập theo Quyết định số 4717/QĐ-BNN-TCCB ngày 9 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ (*1.1.08 – Quyết định 4717/QĐ-BNN-TCCB, ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT*). Căn cứ quyết định của Bộ, Trường ra quyết định thành lập Phòng Kiểm định và Bảo đảm chất lượng (*1.3.04 - Quyết định thành lập các bộ phận thuộc Trường*) và quy định chức năng, nhiệm vụ Phòng Kiểm

định và Bảo đảm chất lượng (**1.5.02** - Quy định chức năng, nhiệm vụ các đơn vị thuộc trường).

Bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo của Phân hiệu tại TP. Hồ Chí Minh là Phòng Đào tạo và Công Tác HSSV phối hợp cùng Phòng Kiểm định & BDCL của cơ sở chính Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ (**1.8.01** - Quyết định số 390/QĐ-CDNBPH-VP ngày 13/07/2020 của Giám đốc Phân hiệu về việc thành lập bộ phận Kiểm định và đảm bảo chất lượng đào tạo; **1.1.09** - Quyết định số 4746/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phân hiệu của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại Thành phố Hồ Chí Minh).

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao, Phòng Kiểm định và Bảo đảm chất lượng đề ra kế hoạch và thực hiện tốt công tác đảm bảo chất lượng (**1.8.02** – Kế hoạch thực hiện công tác bảo đảm chất lượng năm 2021, 2022, 2023). Hàng năm, đơn vị đều hoàn thành nhiệm vụ được giao và được thể hiện trong báo cáo tổng kết hoạt động của đơn vị (**1.8.03** – Báo cáo tổng kết công tác phòng Kiểm định và Bảo đảm chất lượng năm học 2020 - 2021, 2021- 2022, 2022 - 2023).

Kết quả thi đua các năm cho thấy bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao:

- Năm học 2020 - 2021: Tập thể Lao động xuất sắc, Bằng khen Bộ trưởng
- Năm học 2021-2022: Tập thể Lao động xuất sắc
- Năm học 2020 - 2021: Tập thể Lao động xuất sắc, Bằng khen Bộ trưởng (**1.8.04** – Quyết định 598/QĐ-CDNB ngày 20/7/2021 công nhận danh hiệu thi đua học kỳ II và năm học 2020-2021; **1.8.05** – Quyết định 649/QĐ-CDNB ngày 6/7/2022 công nhận danh hiệu thi đua học kỳ II và năm học 2021-2022; **1.8.06** - Quyết định 4479/QĐ-BNN-TCCB ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT về việc tặng bằng khen cho phòng Kiểm định và Bảo đảm chất lượng trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm học 2019-2020 và 2020-2021; **1.8.07** – Quyết định 644/QĐ-CDNB ngày 17/7/2023 công nhận danh hiệu thi đua học kỳ II và năm học 2022-2023; **1.8.08** - Quyết định 4815/QĐ-BNN-TCCB ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT về việc tặng bằng khen cho phòng Kiểm định và Bảo đảm chất lượng trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm học 2021-2022 và 2022-2023).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 1: 01 điểm

Tiêu chuẩn 1.9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

Mô tả, phân tích, nhận định

Đảng bộ Trường Cao Đẳng Nông nghiệp Nam Bộ là tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh Tiền Giang (**1.9.01** – Quyết định số 66-QĐ/ĐU

ngày 06/08/2019 về đổi tên các chi bộ trực thuộc). Ban chấp hành Đảng bộ gồm 08 người đều là cán bộ kiêm nhiệm, có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực lãnh đạo và uy tín với quần chúng (**1.9.02** - *Quyết định chuẩn y của Đảng ủy Khối*). Ông Nguyễn Tiến Huyền – Hiệu trưởng - giữ chức vụ Bí thư đảng ủy, ông Trần Văn Thanh – Trưởng phòng Tổ chức Hành chính và Quản trị - giữ chức vụ Phó Bí thư đảng ủy, ông Trần Văn Lên – Phó trưởng khoa Chăn nuôi Thú y- giữ chức vụ Ủy viên thường vụ.

Thời điểm hiện tại Đảng bộ có 5 chi bộ trực thuộc, gồm: Chi bộ 1, Chi bộ 2, Chi bộ 3, Chi bộ 4 và chi bộ Phân hiệu (chi bộ phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ trực thuộc Đảng ủy khối cơ sở Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn đến tháng 01/2022).

Chi bộ 1 do ông Trần Văn Lên làm Bí thư, bà Nguyễn Thị Hoài – Giảng viên Khoa Khoa học cơ bản giữ chức vụ Phó bí thư. Chi bộ có 09 đảng viên. Chi bộ thực hiện việc lãnh đạo toàn diện đối với Khoa Khoa học Cơ bản, Khoa Chăn nuôi Thú y, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học.

Chi bộ 2 do ông Nguyễn Văn Dũng – Trưởng khoa Trồng trọt và Bảo vệ Thực vật- làm Bí thư, ông Huỳnh Lê Ninh Khoa – Trưởng khoa thủy lợi giữ chức vụ Phó bí thư. Chi bộ có 10 đảng viên. Chi bộ thực hiện việc lãnh đạo toàn diện đối với Khoa Trồng trọt - Bảo vệ Thực vật, Khoa Thủy lợi, Trung tâm tư vấn Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Chi bộ 3 do ông Dương Văn Thọ – Trưởng Phòng Tài chính Kế toán - làm Bí thư, ông Phan Ngọc Quý – Phó Trưởng Phòng Tổ chức Hành chính và Quản trị giữ chức vụ Phó bí thư. Chi bộ có 10 đảng viên. Chi bộ thực hiện việc lãnh đạo toàn diện đối với Phòng Tổ chức Hành chính và Quản trị, Phòng Tài chính Kế toán và Phòng Cơ sở Vật chất.

Chi bộ 4 do bà Phạm Thị Kim Oanh – Nhân viên Phòng Kiểm định và Bảo đảm Chất lượng - làm Bí thư, ông Huỳnh Đức Phong – Phó Trưởng Phòng Công tác HSSV giữ chức vụ Phó bí thư. Chi bộ có 14 đảng viên. Chi bộ thực hiện việc lãnh đạo toàn diện đối với Phòng Đào tạo – Khoa học Công nghệ, Phòng Công tác HSSV, Phòng Kiểm định và Bảo đảm Chất lượng.

Chi bộ Phân hiệu do bà Trần Thị Thu Bình – Phó hiệu trưởng - làm Bí thư, ông Trần Văn Tám – Phó hiệu trưởng giữ chức vụ Phó bí thư. Cấp ủy chi bộ có 03 người. Chi bộ có 14 đảng viên. Chi bộ thực hiện việc lãnh đạo toàn diện đối với Phân hiệu tại TP. Hồ Chí Minh.

Đảng bộ, các chi bộ trực thuộc đã xây dựng được quy chế làm việc trong từng nhiệm kỳ (**1.9.03** - *Quy chế làm việc của BCH Đảng bộ nhiệm kỳ 2020-2025, Quy chế làm việc của các chi bộ trực thuộc*), theo đó quy định nguyên tắc tập trung dân chủ trong hoạt động, phân công trách nhiệm rõ ràng...

Đảng bộ, các chi bộ trực thuộc (gọi tắt là Tổ chức Đảng của Trường) thực hiện việc lãnh đạo toàn diện. bao gồm:

Lãnh đạo Trường, các đơn vị trực thuộc thực hiện tốt nhiệm vụ:

Công tác quy hoạch cán bộ (**1.9.04** – *Quyết định 354/QĐ-CDNB ngày 23/04/2021 công nhận danh sách Quy hoạch cán bộ lãnh đạo đơn vị trực thuộc Ban Giám hiệu năm 2021 và giai đoạn 2021-2026*).

Công tác chuyên môn: Nghị quyết của Tổ chức Đảng vạch ra phương hướng cho các hoạt động của Trường

Lãnh đạo các đoàn thể:

Các Đoàn thể của Trường gồm có: tổ chức công đoàn, tổ chức đoàn thanh niên.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, các tổ chức đoàn thể trong Trường hoạt động hiệu quả có tác dụng tích cực góp phần thúc đẩy toàn diện các hoạt động giáo dục trong Trường (**1.9.05** - *Nghị quyết số 18-NQ/ĐU về lãnh đạo tổ chức Đại hội công đoàn cơ sở nhiệm kỳ 2017-2022, ban hành ngày 20/4/2017; 1.9.06* - *Nghị quyết số 78-NQ/ĐU ngày 10/02/2020 về cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng đối với tổ chức công đoàn, Nghị quyết số 79-NQ/ĐU ngày 10/02/2020 về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng đối với tổ chức đoàn thanh niên*).

Thông qua việc lãnh đạo của mình, Tổ chức Đảng của Trường đã phát huy được vai trò lãnh đạo của mình đối với các hoạt động của Trường và các đoàn thể của Trường;

Đảng bộ Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao trong các năm 2019, 2020, 2021 (**1.9.07** - *Kỷ yếu 40 năm thành lập trường*).

Đảng bộ, chi bộ Phân hiệu, các chi bộ trực thuộc sinh hoạt định kỳ hàng tháng đảm bảo các nội dung như: phổ biến văn bản của Đảng cấp trên, thông tin thời sự, kiểm điểm công tác chi bộ, công tác chuyên môn, công tác xây dựng Đảng. Số đảng viên tham gia sinh hoạt đảm bảo trên 90% (**1.9.08** - *Sổ ghi biên bản sinh hoạt Chi bộ hàng tháng*); thực hiện sinh hoạt chuyên đề hoặc đột xuất theo chỉ đạo của Đảng Ủy Khối hay do yêu cầu hoạt động của Trường, Phân hiệu, các bộ phận (**1.9.09** - *Kế hoạch và sổ ghi biên bản báo cáo chuyên đề học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*).

Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, hàng năm, theo nhiệm kỳ và đột xuất (**1.9.10** - *Báo cáo định kỳ 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng của chi bộ gửi Đảng ủy khối cơ sở Bộ Nông nghiệp và PTNT*).

Thực hiện công tác Đảng viên: Đảng bộ Trường rất quan tâm đến việc nâng cao chất lượng đảng viên và làm tốt công tác bồi dưỡng, phát triển Đảng nên Đảng bộ được tăng cường cả về số lượng và chất lượng đảng viên hàng năm (**1.9.11** – *Kế hoạch số 05-KH/ĐU ngày 12/03/2021 về tạo nguồn và kết nạp đảng viên năm 2021*). Các chi bộ Đảng được củng cố và đổi mới hoạt động, thực sự là hạt nhân cho mọi hoạt động của Trường và là trung tâm đoàn kết của mọi đoàn thể quần chúng, đồng thời tạo điều kiện cho các đoàn thể phát huy tính chủ động, sáng tạo trong tổ chức giáo dục đoàn viên (**1.9.12** - *Kế hoạch số 65-KH/ĐU về Chuẩn bị và tổ chức đại hội chi bộ trực thuộc và Đại hội Đảng bộ Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ lần thứ VII, nhiệm kỳ 2020-2025, ban hành ngày 20 tháng 09 năm 2019*).

Cho đến thời điểm hiện tại chưa có Đảng viên, tổ chức Đảng nào vi phạm pháp luật. Kết quả phân tích chất lượng Đảng viên, cơ sở Đảng các năm 2020, 2021, 2022 cho thấy tất cả đảng viên đều hoàn thành nhiệm vụ, tất cả các tập thể đều hoàn thành tốt nhiệm vụ.

BẢNG TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ XẾP LOẠI TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ ĐẢNG VIÊN

XẾP LOẠI	Chi bộ 1			Chi bộ 2			Chi bộ 3			Chi bộ 4			Chi bộ Phân hiệu		
	20 19	20 20	20 21	20 19	20 20	20 21	20 19	20 20	20 21	20 19	20 20	20 21	20 19	20 20	20 21
Tập thể															
HTXSN V	x	x							x				x	x	
HTTNV			x	x	x	x	x	x		x	x	x			x
HTNV															
Không HTNV															
Đảng viên															
HTXSN V	1	2	1	1	2	1	3	3	4	3	1	2	3	2	3
HTTNV	7	7	9	7	5	7	5	7	6	9	12	10	12	12	11
HTNV					1										
Không HTNV															

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 1: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 1.10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định

Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam bộ có tổ chức Công Đoàn và Tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

Ban chấp hành Công đoàn, Ủy ban Kiểm tra Công đoàn Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ khóa IX, nhiệm kỳ 2022-2028 được công nhận theo Quyết định số 321/QĐ-CDN, ngày 24/10/2017 của Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (1.10.01 – Quyết định số 846/QĐ-CDN, ngày 22/5/2022, của Công đoàn Nông

nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam về công nhận Ban chấp hành, Ủy ban Kiểm tra Công đoàn Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ khóa VIII, nhiệm kỳ 2022-2028). Ban chấp Công đoàn Trường có 07 thành viên, 01 Chủ tịch là ông Trần Văn Thanh (Trưởng phòng Tổ chức Hành chính và Quản trị), 01 phó chủ tịch là ông Trần Văn Tám (Phó hiệu trưởng), Ủy ban kiểm tra có 03 người, gồm ông Huỳnh Lê Ninh Khoa làm chủ nhiệm, uỷ viên là bà Bùi Thị Minh Ngọc và ông Tạ Nhơn Hùng.

Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh Trường Cao Đẳng Nông nghiệp Nam Bộ nhiệm kỳ 2022-2024 được công nhận theo Quyết định số 387-QĐ/TĐTN-TCKT ngày 24/06/2022 của Ban Chấp hành Tỉnh Đoàn Tiền Giang (**1.10.02** – *Quyết định số 387-QĐ/TĐTN-TCKT ngày 24/06/2022 của Ban Chấp hành Tỉnh Đoàn Tiền Giang về việc công nhận Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh Trường Cao Đẳng Nông nghiệp Nam Bộ nhiệm kỳ 2022-2024*). Đoàn thanh niên Phân hiệu được chuyển về sinh hoạt cùng Đoàn thanh niên cơ sở chính (**1.10.03** - *Quyết định số 41-QĐ/ĐTN ngày 19/05/2022 của Ban chấp hành Đoàn trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam bộ về việc tiếp nhận tổ chức Đoàn và Đoàn viên*).

Các tổ chức này hoạt động đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường: Căn cứ vào Điều lệ công đoàn, BCH Công Đoàn xây dựng Quy chế hoạt động số 08/QC-CĐCS ngày 27 tháng 10 năm 2017 cho cả nhiệm kỳ 2017- 2022; Theo quy định Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Đoàn Trường ban hành Quy chế hoạt động theo quyết định số 13-QĐ/ĐTN ngày 15 tháng 11 năm 2022 cho nhiệm kỳ 2022-2024 (**1.10.04** - *Quy chế hoạt động của BCH công đoàn, BCH Đoàn Thanh niên cơ sở chính và Phân hiệu*).

Để hoạt động hiệu quả Công đoàn, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh Trường (bao gồm Đoàn thanh niên phân hiệu) đã đề ra kế hoạch hoạt động hằng năm cho tổ chức mình (**1.10.05** – *Kế hoạch hoạt động Công đoàn năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022 - 2023*; **1.10.06** – *Kế hoạch công tác Đoàn và phong trào thanh niên năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 – 2023*). Các hoạt động của Công đoàn và đoàn thanh niên Trường, bên cạnh việc thực hiện các nhiệm vụ do cấp trên giao, chủ yếu tập trung vào nhiệm vụ chính trị của Trường, trong đó quan trọng nhất là góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Trường, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Cán bộ, Viên chức, người lao động và HSSV của Trường (**1.10.07** - *Báo cáo công tác Đoàn và phong trào thanh niên trường học năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022 - 2023*; **1.10.08** - *Báo cáo kết quả hoạt động Công đoàn năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022 - 2023*).

Hoạt động của các tổ chức đoàn thể của Trường được cấp trên đánh giá cao (**1.10.09** – *Thông báo kết quả bảng điểm đánh giá, xếp loại Công tác Đoàn và phong trào thanh niên trường học đơn vị Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ năm 2020, 2021, 2022*; **1.10.10** – *Quyết định số 185/QĐ-CDN, ngày 16/9/2019, của Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam về xếp loại chất lượng hoạt động công đoàn cơ sở năm học 2019-2020*; **1.10.11** – *Quyết định số 192/QĐ-CDN, ngày 28/9/2020, của Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam về tặng Bằng khen của BCH Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam*; **1.10.12** – *Quyết định*

số 233/QĐ-CĐN, ngày 19/9/2019, của Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam về xếp loại chất lượng hoạt động công đoàn cơ sở năm học 2018-2019; **1.10.13** – Quyết định số 208/QĐ-CĐN, ngày 5/9/2019, của Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam về tặng Bằng khen của BCH Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam; **1.10.14** – Quyết định số 167/QĐ-CĐN, ngày 10/7/2019, của Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam về tặng Bằng khen của BCH Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam).

Qua kết quả khảo sát ý kiến của HSSV và CBVC về hoạt động của các tổ chức đoàn thể của Trường, cho thấy đa số HSSV và CBVC đánh giá cao hoạt động của các đoàn thể (**1.10.15** - Phiếu khảo sát HSSV 2021, 2022, 2023; **1.1.10** - Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2021, 2022, 2023- lưu tại phòng KĐ&BĐCL; **1.1.11** - Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2021, 2022, 2023).

- Nội dung phiếu khảo sát: Các tổ chức đoàn thể hoạt động đúng điều lệ và có hiệu quả

- Đối tượng tham gia: CBQL, NG, NLĐ

- Số lượng: 2021 (127); 2022 (114); 2023 (111)

- Kết quả khảo sát: 99% CBQL, NG, NLĐ được khảo sát trả lời Đồng ý

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 1: 01 điểm

Tiêu chuẩn 1.11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hàng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.

Mô tả, phân tích, nhận định

Trường có kết hợp cùng Ban Thanh tra nhân dân thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của Trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo (**1.11.01** – Quyết định số 04/QĐ-CĐCS-NK8, ngày 20/01/2020 về việc công nhận Ban thanh tra nhân dân nhiệm kỳ 2020-2021; **1.11.02** – Quyết định số 1003/QĐ-CĐNB, ngày 8/12/2011 về việc phân công phụ trách thanh tra giáo dục Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ), theo đó cán bộ phụ trách Thanh tra giáo dục là ông Phan Ngọc Quý (Phó trưởng Phòng Tổ chức Hành chính và Quản trị), cán bộ phụ trách Thanh tra giáo dục và Ban thanh tra nhân dân tiến hành xây dựng kế hoạch thực hiện việc thanh, kiểm tra các lĩnh vực hoạt động của Trường (**1.11.03** – Kế hoạch kiểm tra, giám sát các hoạt động của Trường năm học 2020 -2021, 2021-2022, 2022 - 2023). Ban thanh tra việc thanh tra, kiểm tra được thực hiện thường xuyên bằng các sổ theo dõi hoặc căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và kế hoạch thanh tra năm học. Cán bộ phụ trách thành lập tổ thanh tra, kiểm tra tiến thanh, kiểm tra theo kế hoạch. Hoạt động thanh kiểm tra được ghi nhận bằng các biên bản (**1.11.04** – Các biên bản của Ban thanh tra nhân dân hàng năm của Cơ sở chính và Phân hiệu).

Về công tác đào tạo, bên cạnh hoạt động kiểm tra giám sát của Ban thanh tra nhân dân, Tổ kiểm tra thanh tra giáo dục, Trường còn giao nhiệm vụ kiểm tra công tác đào tạo cho các phòng chức năng có liên quan đến hoạt động đào tạo theo chức năng nhiệm vụ được quy định trong Quy chế tổ chức hoạt động của Trường, trong quyết định thành lập các bộ phận như: Phòng đào tạo kiểm tra việc lên lớp của giáo viên, việc thực hiện các kế hoạch đào tạo của các khoa...Phòng Công tác HSSV kiểm tra việc thực hiện các nội quy, quy chế của học sinh, sinh viên, các khoa kiểm tra việc thực nhiệm vụ của từng giáo viên.., Phòng Kiểm định và đảm bảo chất lượng kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đào tạo. Báo cáo công tác kiểm tra của các bộ phận được ghi nhận trong báo cáo tổng kết hàng năm của các bộ phận và của Trường (**1.11.05** - Báo cáo tổng kết công tác trong năm của trường năm 2020, 2021, 2022).

Hoạt động tài chính có ảnh hưởng lớn đến chất lượng và hiệu quả đào tạo của Trường. Trường có các quy định về kiểm tra, giám sát công tác tài chính, cụ thể như sau:

Trường thực hiện việc tự kiểm tra tài chính. Công tác này được Trường giao cho Ban thanh tra nhân dân trường. Ban thanh tra nhân dân trường lập kế hoạch hoạt động của Ban trong đó có kế hoạch tự kiểm tra tài chính (**1.11.06** – Kế hoạch kiểm tra, giám sát các hoạt động của Trường năm học 2020 -2021, 2021-2022, 2022 - 2023). Kết quả kiểm tra được ghi nhận trong biên của ban thanh tra (**1.11.07** – Các biên bản thanh tra kiểm tra, giám sát các hoạt động của Trường năm học 2020 -2021, 2021-2022, 2022 - 2023). Trong các năm 2020, 2021, 2022 Trường không nợ thuế, có đủ nguồn thu đảm bảo cho hoạt động đào tạo của Trường.

Hàng năm, Ban thanh tra rà soát các căn cứ và các quy định, hướng dẫn về các văn bản thanh tra của ngành và cấp trên nhằm cải tiến phương pháp, biện pháp, các công cụ kiểm tra, giám sát. Kế hoạch và biên bản rà soát được ghi nhận trong báo cáo hoạt động của tổ thanh tra hàng năm (**1.11.08** – Báo cáo của Ban thanh tra nhân dân báo cáo hoạt động của Ban thanh tra nhân dân năm 2020, 2021, 2022; **1.11.09** – Báo cáo của tổ thanh tra, kiểm tra giáo dục năm 2020, 2021, 2022; **1.5.03** – Báo cáo tổng kết công tác năm 2020, 2021, 2022 của các đơn vị trực thuộc Trường).

Các hoạt động thanh tra, kiểm tra đều nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nên hàng năm Trường thường xuyên cải tiến, đổi mới công cụ, hình thức kiểm tra, giám sát các hoạt động, trong đó chú trọng đến các hoạt động đào tạo như: Thanh tra hoạt động giảng dạy của giảng viên và học tập của sinh viên trên giảng đường; Thanh tra hoạt động thực hành, thí nghiệm của sinh viên; Kiểm tra thi kết thúc học phần học; Thanh tra công tác tuyển sinh; ...Hàng năm, tổ kiểm tra, thanh tra giáo dục báo cáo kết quả kiểm tra, thanh tra giáo dục qua đó tổ kiểm tra, thanh tra sẽ rút kinh nghiệm và cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát cho năm học sau; cải tiến các nội dung thanh tra nhằm đơn đốc việc thực hiện và tuân thủ nghiêm túc các quy định trong quá trình tổ chức quản lý và tổ chức đào tạo như:

Định hướng hoạt động thanh tra kiểm tra nhằm thanh tra kiểm tra các hoạt động trong trường để nâng cao chất lượng đào tạo. Để làm được điều này cần căn cứ nội dung thanh tra để chuẩn bị kế hoạch thanh tra phù hợp đúng nội dung, rà soát những chỗ có

vấn đề, lựa chọn đối tượng thanh tra, nội dung và phạm vi thanh tra.

Cần sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện thêm các quy trình quy định liên quan để đáp ứng nội dung thanh tra kiểm tra.

Bồi dưỡng tăng cường năng lực cho các thành viên trong tổ thanh tra bằng cách lựa chọn các thành viên vừa phù hợp công tác vừa có năng lực, nắm vững các nội dung quy trình quy định liên quan, để đủ ban lĩnh và kinh nghiệm thực hiện công tác thanh tra kiểm tra.

Việc thực hiện kiểm tra, thanh tra đã nâng cao ý thức trách nhiệm, tính kỷ luật trong công việc, tạo nề nếp tốt trong môi trường giáo dục làm cơ sở cho việc giáo dục và rèn luyện sinh viên; công tác tổ chức thi kết thúc môn học, thi tốt nghiệp thực hiện đúng quy định và tuân thủ quy chế thi. Các đơn vị, cá nhân tham gia làm nhiệm vụ ở các khâu trong công tác tổ chức thi thực hiện tốt công việc, không vi phạm; Công tác tuyển sinh thực hiện đúng; đầy đủ các quy định của nhà trường và Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và mang tính công bằng đối với thí sinh (**1.11.10** – Báo cáo của Ban thanh tra nhân dân báo cáo hoạt động của Ban thanh tra nhân dân 2020, 2021, 2022; **1.11.11** – Báo cáo của tổ thanh tra, kiểm tra giáo dục năm 2020, 2021, 2022).

Qua kết quả khảo sát CBVC về hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, 100% CBVC đều đồng ý là Nhà trường có phân công Ban thanh tra nhân dân thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định (**1.1.10** - Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2021, 2022, 2023 - lưu tại phòng KĐ&ĐCL; **1.1.11** - Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2021, 2022, 2023).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 1: 01 điểm

Tiêu chuẩn 1.12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Trường có văn bản quy định về chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng được thể hiện trong quy chế hoạt động của Trường (**1.3.07** - QĐ số 141/QĐ-CDNB ngày 19/2/2021 Quyết định ban hành quy định hoạt động Trường năm 2021; **1.3.03** - Quyết định số 96/QĐ-CDNBPH ngày 01/02/2021 ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại Thành phố Hồ Chí Minh năm 2021).

Căn cứ vào những quy định này, Trường thực hiện các chế độ, chính sách ưu đãi: thâm niên nhà giáo, nâng lương trước thời hạn, 25% ưu đãi giáo viên (kinh phí nhà nước cấp), (**1.12.01** - Quyết định về cấp phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo trực tiếp giảng dạy năm 2021, 2022, 2023; **1.12.02** - Quyết định về nâng mức hưởng thâm niên nhà giáo năm 2021, 2022, 2023; **1.12.03** - Quyết định về nâng lương thường xuyên, nâng nâng lương trước thời hạn và nâng mức hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung năm 2021,

2022, 2023; **1.12.04** - *Quyết định nâng lương, thâm niên vượt khung, thâm niên nhà giáo, nâng lương trước thời hạn của Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại Thành phố Hồ Chí Minh năm 2021, 2022, 2023*).

Theo các văn bản chỉ đạo của cấp trên, nhà trường đã ban hành quy chế học sinh, sinh viên trong đó có nêu rõ những chính sách ưu đãi của nhà nước dành cho các đối tượng học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, gia đình có công với cách mạng, gia đình thương binh, liệt sỹ,...(**1.12.05** – *Quyết định ban hành quy chế học sinh, sinh viên*).

Trên cơ sở quy định các quy định của Nhà nước, nhằm có chính sách trợ cấp, khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện, Trường đã ban hành quy định khen thưởng, học bổng dành cho học sinh, sinh viên (**1.12.06** – *Quyết định ban hành Quy định miễn, giảm học phí đối với học sinh, sinh viên; 1.12.07* – *Quyết định ban hành Quy định học bổng khuyến khích học nghề đối với học sinh, sinh viên hệ chính quy*). Nhằm tạo điều kiện hỗ trợ học sinh, sinh viên trong quá trình học tập, Trường đã ban hành chính sách học bổng riêng (**1.12.08** – *Quyết định ban hành Quy định học bổng khuyến học dành cho học sinh, sinh viên nghèo vượt khó học tập*). Đối với những học sinh, sinh viên có kết quả học tập, rèn luyện cao được hưởng học bổng khuyến khích học nghề hàng năm, nhằm hỗ trợ tốt cho người học trong quá trình học tập (**1.12.09** – *Quyết định cấp học bổng khuyến khích học nghề năm 2021, 2022, 2023*).

Đối với những học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn, gia đình nghèo, Trường có chính sách giảm học phí ngoài chính sách của nhà nước (**1.12.10** – *Quyết định giảm học phí học sinh, sinh viên ngoài chế độ chính sách*). Trường đã xây dựng Quỹ học bổng khuyến học dành cho học sinh, sinh viên nghèo vượt khó trong học tập (**1.12.11** – *Quyết định cấp học bổng khuyến học đối với HSSV nghèo vượt khó học tập năm 2021, 2022, 2023*).

Những trường hợp được nhận ưu đãi, trợ cấp theo quy định đều có danh sách người nhận, hồ sơ thanh quyết toán hợp pháp (**1.12.12** – *Hồ sơ thanh toán chế độ ưu đãi lưu tại phòng TCKT*).

Về thực hiện bình đẳng giới, Trường đã thành lập Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ (bình đẳng giới) do đồng chí Phó Hiệu trưởng Nguyễn Văn Côn (2016-2019), Phó Hiệu trưởng Trần Văn Tám (từ 2019 đến nay) làm trưởng ban chủ tịch Công đoàn cơ sở Trần Văn Thanh làm phó ban (**1.12.13** - *QĐ số 17/QĐ-CDNB, ngày 6/01/2020 của Hiệu trưởng về thành lập Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ, QĐ số 06/QĐ-CDNB, ngày 2/01/2019 của Hiệu trưởng về thành lập Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ*). Qua đó đã tạo sự an tâm trong công tác và bình đẳng giới trong đội ngũ CCVC Trường. Tất cả các hoạt động của Trường từ công tác chuyên môn đến hoạt động đoàn thể, công tác tuyển sinh, xét bổng khuyến khích học tập,... đều không đề cập đến phân biệt giới tính, dân tộc hay tôn giáo.

Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ lập kế hoạch hoạt động hàng năm, thực hiện kế hoạch đã đề ra và báo cáo kết quả thực hiện (**1.12.14**- *Hồ sơ hoạt động của Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ năm 2021, 2022, 2023*).

Việc thực hiện chính sách bình đẳng giới đối với CCVC và người lao động được lồng ghép vào quy định đánh giá phân loại CCVC và người lao động, quy định chế độ làm việc của nhà giáo như: việc nghỉ thai sản, nghỉ ngơi, miễn giảm thời gian giảng dạy, khi có con nhỏ. Trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của Trường đều hướng tới học sinh, sinh viên, không có trường hợp phân biệt hay đối xử bất bình đẳng. Trường luôn duy trì bình đẳng giới thông qua các hoạt động của Ban vì sự tiến bộ phụ nữ. Các hoạt động của Ban đều hướng tới hỗ trợ nữ giới trong Trường (kể cả HSSV).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 1: 01 điểm

3.2.2. Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo

Đánh giá tổng quát

Hoạt động đào tạo của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ luôn tuân thủ theo các quy định, quy chế của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp và Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Công tác tuyển sinh, giảng dạy, tổ chức thi kết thúc môn học, thi tốt nghiệp đảm bảo đúng quy chế, công bằng, khách quan và công khai. Năm 2017, sau khi chuyển sang sự quản lý về đào tạo của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, căn cứ vào thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ban hành ngày 13/3/2017 của Bộ này quy định về tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, Nhà trường đã ban hành Văn bản Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo Giáo dục nghề nghiệp theo niên chế.

Từ năm 2017 đến năm 2019, Nhà trường tổ chức đào tạo theo hai phương thức: phương thức đào tạo niên chế (dùng cho hệ trung cấp chuyên nghiệp và dùng cho các lớp đào tạo theo hệ thống giáo dục nghề nghiệp) và phương thức đào tạo theo tích lũy tín chỉ (dùng cho các lớp hệ cao đẳng khóa 7, khóa 8 và khóa 9) và số lượng học sinh sinh viên được đào tạo theo hai phương thức trên là tương đương nhau. Từ tháng 11 năm 2019 đến nay, sau khi sinh viên cao đẳng khóa 9 tốt nghiệp ra trường, các hoạt động đào tạo của trường được tiến hành theo phương thức đào tạo theo niên chế, tuy nhiên, trong từng chương trình đào tạo của các ngành nghề đang được đào tạo tại trường các học phần vẫn được tiến hành đào tạo theo hai hình thức: môn học (dùng cho các học phần chung, học phần cơ sở ngành) và mô-đun (dùng cho các học phần kiến thức chuyên ngành và các học phần thực hành, thực tập), số lượng các học phần được tiến hành đào tạo theo hình thức mô-đun chiếm tỉ lệ 55%. Các ngành nghề đào tạo đa dạng, việc tổ chức đào tạo thực hiện theo nhiều trình độ khác nhau, nên đáp ứng được nhu cầu của người học. Bên cạnh đó, ngoài khung giờ hành chính (từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần), Nhà trường còn tổ chức đào tạo các lớp vào ngày thứ 7 và chủ nhật tạo điều kiện thuận lợi để người học có thể tham gia học tập tại trường.

*** Những điểm mạnh:**

Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.

Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định; xây dựng và phê duyệt đầy đủ kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành, nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp và đúng quy định.

Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo kế hoạch, tiến độ đào tạo, mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập.

Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm. Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong hoạt động dạy học và đánh giá kết quả người học.

Hàng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch. Có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất.

Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định. Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.

Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả trên Hệ thống tích hợp thông tin quản lý đào tạo của Trường.

*** Những tồn tại:**

Trường chưa đa dạng hoá phương thức đào tạo.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Cần tăng cường biện pháp và hình thức tuyển sinh để đáp ứng được chỉ tiêu tuyển sinh được giao hàng năm.

Đa dạng hóa các phương thức đào tạo đáp ứng nhu cầu người học.

Điểm đánh giá tiêu chí 2:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 2	16
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	0
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1

Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1
Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	1
Tiêu chuẩn 15	1
Tiêu chuẩn 16	1
Tiêu chuẩn 17	1

Tiêu chuẩn 2.1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.

Mô tả, phân tích, nhận định

Năm 2017, trường được chuyển về cho Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý. Trường được Tổng cục GDNN cấp giấy chứng nhận được phép đào tạo 13 nghề trình độ cao đẳng, 12 nghề trình độ trung cấp và 38 nghề trình độ sơ cấp. Năm 2019 sáp nhập Trường Trung cấp Thủy sản thành phân hiệu tại Tp HCM của trường, phân hiệu được phép đào tạo 9 nghề trình độ trung cấp.

Năm 2020 Tổng Cục GDNN cấp GCN số 39/2020 cho trường được phép đào tạo 17 nghề trình độ cao đẳng, 14 trung cấp và 38 sơ cấp tại trụ sở chính, tại Phân hiệu Tp HCM có 9 nghề trình độ cao đẳng, 15 nghề trình độ trung cấp (giấy chứng nhận số 39a/2020). Năm 2022 trường được cấp giấy chứng nhận mới, bổ sung thêm nghề “Lắp đặt và bảo dưỡng hệ thống điều hòa không khí” trình độ sơ cấp tại phân hiệu Tp HCM.

Hiện nay trường đang đào tạo 4 nghề trình độ Cao đẳng (Bảo vệ thực vật; Thú y; Quản lý đất đai; Khoa học cây trồng), 7 nghề trình độ trung cấp tại trụ sở chính (Công nghệ thực phẩm, Thú y; Kế toán doanh nghiệp; Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Chăn nuôi - Thú y; Thủy lợi tổng hợp, Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)). Tại phân hiệu, Trường đào tạo 6 nghề trình độ cao đẳng (Công nghệ thông tin; Kế toán doanh nghiệp; Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí; Nuôi trồng thủy sản; Chế biến thực phẩm; Điện công nghiệp), 9 nghề trình độ trung cấp (Kế toán doanh nghiệp; Nuôi trồng thủy sản; CNKT chế biến và bảo quản thực phẩm; Tin học ứng dụng; Bảo trì và sửa chữa thiết bị nhiệt; Điện công nghiệp và dân dụng; Chế biến và bảo quản thủy sản, Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn, Kỹ thuật chế biến món ăn). Toàn bộ các nghề trường đang đào tạo đều có trong giấy chứng nhận được Tổng cục GDNN cấp phép cho trường. (1.2.01 – Bộ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2017; 1.2.02 – Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp 41c/2017/GCNDKHD-TCDN ngày 13/06/2018; 1.2.03 – Bộ Giấy chứng nhận đăng ký

bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2019; 1.2.04 – Bộ Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2020; 1.2.05 – Bộ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp Phân hiệu; 1.2.06 - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp 77/2021/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 23/7/2021; 1.2.07 - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 56/2022/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 14/7/2022; 1.2.08 - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 56a/2022/GCNĐKHHĐBS - TCDN, ngày 15/9/2022 nhà trường được đào tạo tại công ty cổ phần sài gòn Food 01 nghề trung cấp; 1.2.09 - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 84/2022/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 17/10/2022; 1.2.10 - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 84a/2022/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 17/4/2023 nhà trường được đào tạo tại phân hiệu 2 nghề trung cấp, 2 nghề cao đẳng; 1.2.11 - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 84b/2022/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 26/5/2023 nhà trường được đào tạo tại trung tâm GDNN-GDTX huyện Chợ Lách 01 nghề trung cấp).

Thực hiện theo hướng dẫn của thông tư số 12/2017/TT- BLĐT BXH ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Nhà trường đã tiến hành xây dựng quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, năng lực mà người học đạt được sau tốt nghiệp của Bộ LĐTB&XH và áp dụng chuẩn này để làm chuẩn đầu ra cho HSSV đào tạo của Trường. Toàn bộ chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo các trình độ trung cấp và cao đẳng được xây dựng theo đúng hướng dẫn của các Thông tư 41, TT 44, TT45, TT 51, TT52 và TT56/2018/TT-BLĐT BXH ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH và toàn bộ chuẩn đầu ra các ngành nghề được công bố công khai cho HSSV ngay từ đầu khoá học thông qua tuần sinh hoạt đầu khoá và được công bố công khai trên website của trường. Chuẩn đầu ra các ngành nghề đang đào tạo tại Trường bao gồm: Yêu cầu về kiến thức; Yêu cầu về kỹ năng (gồm kỹ năng cứng và kỹ năng mềm); Yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm; Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp và Khả năng học tập nâng cao trình độ sau tốt nghiệp (**2.1.01 - QĐ 27/QĐ-CĐNB ngày 13/1/2020 thực hiện quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, năng lực mà người học đạt được sau tốt nghiệp của Bộ LĐTB&XH; 2.1.02 – Quyết định 1119/QĐ-CĐNB ngày 15/11/2022 ban hành chuẩn đầu ra các ngành đào tạo áp dụng từ năm học 2022 – 2023; 2.1.03 - Chuẩn đầu ra đăng website của Trường. Link: <http://nbac.edu.vn/read.php?m=2021184&g=9>).**

Theo kết quả khảo sát trên CBVC và HSSV đang học tập tại trường cho thấy đa số cá nhân được khảo sát đồng ý rằng chuẩn đầu ra của các ngành được công bố công khai trên website của Trường. Tỷ lệ CBVC trả lời “tốt” hoặc “đồng ý” lần lượt qua các năm là 98.4% (2021), 98.2% (2022) và 100% (2023). Tỷ lệ HSSV trả lời “Tốt” hoặc “đồng ý” lần lượt qua các năm là 98.8% (2021), 97.8% (2022) và 96% (2023) (**1.10.15 - Phiếu khảo sát HSSV năm 2021, 2022, 2023; 1.1.10 - Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người**

lao động năm 2021, 2022, 2023; **1.1.11**- Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2021, 2022, 2023).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 2.2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Căn cứ Thông tư 05/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02/03/2017 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội Quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ Trung cấp, trình độ cao đẳng; Thông tư 07/2019/TT-BLĐTBXH ngày 7/3/2019 của Bộ Lao động, Thương binh và xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 05/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02/3/2017 quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng, hằng năm, Phòng Kiểm định & BĐCL đã tham mưu cho Ban Giám hiệu xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh với những tiêu chí cụ thể của Trường và đảm bảo các quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Ban hành Quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ theo hướng dẫn của thông tư 27/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 21/9/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

Năm 2021 trường rà soát điều chỉnh lại quy chế tuyển sinh theo thông tư 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 7/7/2021 quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp và phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường. Nội dung các quy chế tuyển sinh của Trường đảm bảo đúng theo hướng dẫn. Các Quy chế tuyển sinh gồm 3 chương, 25 điều, các biểu mẫu và các phụ lục về các chính sách ưu tiên, biểu mẫu, hướng dẫn thực hiện kèm theo. Nội dung quy chế quy định cụ thể hình thức tuyển sinh, đối tượng tuyển sinh, chính sách ưu tiên tuyển sinh đối với từng loại đối tượng và khu vực; trình tự, thủ tục tuyển sinh đối với từng trình độ, hồ sơ đăng ký dự tuyển, lệ phí tuyển sinh, điều kiện thực hiện phương án tuyển sinh, công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và giải quyết các khiếu nại, tố cáo, chế độ thông tin, báo cáo, khen thưởng, kỷ luật,... (**2.2.01** - Quy chế tuyển sinh trung cấp, cao đẳng trường CĐNNNB – cơ sở chính năm 2021, 2022, 2023; **2.2.02** - Quy chế tuyển sinh của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ - Phân hiệu tại thành phố Hồ Chí Minh năm 2021, 2022, 2023; **2.2.03** – Quy định đào tạo liên thông của Trường CĐ Nông nghiệp Nam Bộ).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 2.3: Hằng năm trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.

Mô tả, phân tích, nhận định

Căn cứ vào mục tiêu, nhu cầu và khả năng, Nhà trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và hướng dẫn thực hiện công tác tuyển sinh, quy định cụ thể hình thức, đối tượng, chính sách ưu tiên, trình tự, thủ tục tuyển sinh đối với từng trình độ, là cơ sở để nhà trường thực hiện công tác tuyển sinh theo đúng quy chế tuyển sinh của Bộ LĐTB&XH (**2.3.01** – Công văn về việc đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023).

Sau khi xác định chỉ tiêu tuyển sinh và được cấp chỉ tiêu tuyển sinh (**1.2.06 - Thông báo của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về giao Nhiệm vụ thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp năm 2021, 2022, 2023**), Nhà trường tiến hành triển khai công tác tuyển sinh bao gồm các bước như: thành lập Hội đồng tuyển sinh, lập kế hoạch tuyển sinh, soạn thông báo tuyển sinh, chuẩn bị tài liệu tư vấn tuyển sinh, hồ sơ đăng ký xét tuyển (**2.3.02 - Quyết định Thành lập hội đồng tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023; 2.3.03 - Kế hoạch tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023; 2.3.04 - Hồ sơ đăng ký tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023 lưu tại Kho lưu trữ; 1.2.17 - Thông báo tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023; 2.3.05 - Tờ bướm tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023**).

Sau khi thực hiện công tác tư vấn, hướng nghiệp và quảng bá tuyển sinh, Nhà trường tiến hành nhận và kiểm tra hồ sơ đăng ký của thí sinh, nhập dữ liệu xét tuyển, dự kiến phương án xét tuyển trình hội đồng tuyển sinh. Hội đồng tuyển sinh sẽ tổ chức họp bàn và kết luận phương án tuyển sinh cho từng năm cụ thể (**2.3.06 - Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh 2021, 2022, 2023**). Căn cứ vào kết luận của Hội đồng, Ban thư ký sẽ thảo quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển và trình Hội đồng ký duyệt (**2.3.07 - Bộ Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển trung cấp, cao đẳng năm 2021, 2022, 2023**). Sau đó bộ phận tuyển sinh sẽ thông báo kết quả tuyển sinh đến thí sinh đăng ký thông qua Giấy báo nhập học (**2.3.08 - Giấy báo nhập học năm 2021, 2022, 2023**).

Phòng Công tác HSSV có nhiệm vụ nhận hồ sơ nhập học của thí sinh trúng tuyển, tiến hành phân lớp và thảo quyết định thành lập lớp trình Ban Giám hiệu ký duyệt (**2.3.09 - Quyết định phân lớp và danh sách kèm theo năm 2021, 2022; 2023**).

Từ năm 2020, sau khi được sáp nhập, cơ sở phân hiệu tại TP. HCM của Trường đã thực hiện công tác tuyển sinh theo quy trình tuyển sinh tại cơ sở chính (**2.3.10 - Quyết định Thành lập Hội đồng tuyển sinh tại Phân hiệu 2021, 2022, 2023; 2.3.11 - Kế hoạch tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023; 2.3.12 - Thông báo tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023**).

Nhằm đạt chỉ tiêu tuyển sinh của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao, Phân hiệu đã thực hiện đa dạng hóa các phương thức tuyển sinh hướng đến nhiều đối tượng tuyển sinh như tuyển sinh trực tiếp tại các trường THCS (khối lớp 9) trên địa bàn gần Phân hiệu, tư vấn tuyển sinh tại các trường THCS, THPT, phong trào “đưa bạn đến trường”, gửi thư qua bưu điện, đăng ký trực tuyến, liên kết với các đơn vị trong công tác tuyển sinh (**2.3.13 - Công văn số 01/KHLT-HNDNTP-TTĐVVLTN ngày 19/01/2021 của hộ GDNN Thành phố và Trung tâm DVVL Thanh niên về tổ chức ngày hội “Hướng nghiệp - Dạy nghề” lần IX năm 2021, Chủ đề “Đánh thức tiềm năng – Vững tin lập nghiệp”; 2.3.14 - Công văn số 389/KHLT-GDĐT-GDNN-GDTX ngày 22/3/2021 của Trưởng Phòng Giáo dục & Đào tạo huyện Bình Chánh, Giám đốc Trung tâm GDNN-GDTX Huyện Bình Chánh về Tư vấn hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau Tốt nghiệp THCS năm học 2020-2021**).

Ngoài ra Phân hiệu còn tư vấn tuyển sinh tại các địa bàn như Long An, Bến Tre, Tiền Giang, Tây Ninh... đến các đối tượng đang học lớp 9 (THCS) hoặc đang học tại các Trung tâm Giáo dục thường xuyên (TT GDTX), các Trường THPT... gọi điện tư vấn trực tiếp, gửi thư theo đường bưu điện, đăng ký trực tuyến...

Công tác tuyển sinh hàng năm được thực hiện nghiêm túc, công bằng theo quy chế tuyển sinh, hồ sơ nhập học đầy đủ theo thông báo tuyển sinh. Các thủ tục hồ sơ tuyển sinh đầu vào của học sinh, sinh viên đều được thực hiện đầy đủ theo quy định (2.3.15 – Biên bản họp xét tuyển sinh Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại TP.HCM năm 2021, 2022, 2023; 2.3.16 – Quyết định trúng tuyển Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại TP.HCM năm 2021, 2022, 2023).

Việc thực hiện công tác tuyển sinh của Trường luôn chú trọng đến an toàn, chất lượng, nghiêm túc, đúng kế hoạch, đúng quy chế và hiệu quả. Trường thực hiện qui trình xét tuyển nhanh, tinh gọn, chính xác, đảm bảo quy chế tuyển sinh riêng của Trường đồng thời không đi ngược lại quy chế của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Các thông tin về hồ sơ xét tuyển, điều kiện đăng ký xét tuyển, điểm chuẩn, danh sách trúng tuyển,... đều được công bố công khai và thông báo rộng rãi đến thí sinh. Các hoạt động kiểm tra công tác tuyển sinh và báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh được thực hiện định kỳ và đúng quy định (2.3.17 – Biên bản kiểm tra công tác tuyển sinh năm 2020, 2021, 2022; 2.3.18 – Báo cáo Tổng kết công tác tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023).

Kết quả công tác tuyển sinh hàng năm của trường cụ thể như sau:

Trình độ	2021-2022			2022-2023			2023-2024		
	Chỉ tiêu	Kết quả	Tỉ lệ (%)	Chỉ tiêu	Kết quả	Tỉ lệ (%)	Chỉ tiêu	Kết quả	Tỉ lệ (%)
CD	485	359	74,02	468	331	70,7	350	231	66,0
TC	550	526	95,64	805	762	94,7	707	718	101,6
Cộng	1.035	885	85,5	1.273	1.093	85,86	1.057	950	89,9

Theo bảng số liệu tuyển sinh, hàng năm Trường đảm bảo tuyển sinh đạt từ 70% trở lên và không vượt quá chỉ tiêu theo quy định.

Theo kết quả khảo sát CBVC và HSSV đang học tập tại trường, trên 90% người được khảo sát cho rằng Trường thực hiện công tác tuyển sinh đúng quy định, công bằng, khách quan (1.10.20 - Phiếu khảo sát HSSV năm 2021, 2022, 2023; 1.1.09 - Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2021, 2022, 2023 file lưu google form; 1.1.10 - Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2021, 2022, 2023).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 2.4: Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.

Mô tả, phân tích, nhận định

Năm 2017, sau khi chuyển sang sự quản lý về đào tạo của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, căn cứ vào Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ban hành ngày 13/3/2017 của Bộ quy định về tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, Nhà trường đã ban hành Văn bản Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo Giáo dục nghề nghiệp theo niên chế (2.4.01 - Quyết định số 1046/QĐ-CĐNB ngày 05/09/2017 ban hành Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo GDNN theo niên chế và Quyết định số 1306/QĐ-CĐNB ngày 18/12/2017 Bổ sung một số Điều của Quyết định 1046/QĐ-CĐNB ngày 05/09/2017 Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo GDNN theo niên chế; 2.4.02 - Quyết định số 825/QĐ-CĐNB ngày 12/10/2020, về việc sửa đổi một số Điều của Quyết định số 1046/QĐ-CĐNB ngày 05/09/2017 hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo GDNN theo niên chế; 2.4.03 - Quyết định số 331/QĐ-CĐNBPH-VP của Giám đốc Phân hiệu trường CĐ Nông nghiệp Nam Bộ TP.HCM về việc Ban hành Hướng dẫn thực hiện đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế tại Phân hiệu TP.HCM; 2.4.04 - Quyết định số 433/QĐ-CĐNB ngày 13/05/2022 ban hành Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng hệ GDNN theo niên chế).

Từ năm 2017 đến năm 2019, Nhà trường tổ chức đào tạo theo hai phương thức: phương thức đào tạo niên chế (dùng cho hệ trung cấp chuyên nghiệp và dùng cho các lớp đào tạo theo hệ thống giáo dục nghề nghiệp) và phương thức đào tạo theo tích lũy tín chỉ (dùng cho các lớp hệ cao đẳng khóa 7, khóa 8 và khóa 9) và số lượng học sinh sinh viên được đào tạo theo hai phương thức trên là tương đương nhau. Từ tháng 11 năm 2019 đến nay, sau khi sinh viên cao đẳng khóa 9 tốt nghiệp ra trường, các hoạt động đào tạo của trường được tiến hành theo phương thức đào tạo theo niên chế, tuy nhiên, trong từng chương trình đào tạo của các ngành nghề đang được đào tạo tại trường các học phần vẫn được tiến hành đào tạo theo hai hình thức: môn học (dùng cho các học phần chung, học phần cơ sở ngành) và mô-đun (dùng cho các học phần kiến thức chuyên ngành và các học phần thực hành, thực tập), số lượng các học phần được tiến hành đào tạo theo hình thức mô-đun chiếm tỉ lệ 55%.

Ngoài các lớp học theo khung giờ hành chính (từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần), Nhà trường còn tổ chức các lớp học vào thứ Bảy và Chủ nhật hàng tuần, các lớp đào tạo tại địa phương, đào tạo cho các trung tâm GDNN-GDTX, đào tạo cho doanh nghiệp nhằm đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng nguyện vọng của người học. Việc tổ chức giảng dạy và phân công giảng viên-giáo viên cho từng môn học/mô-đun được thực hiện theo kế hoạch được Ban Giám hiệu phê duyệt hàng năm.

Tuy nhiên, từ năm 2019 đến nay trường chỉ đào tạo theo phương thức đào tạo theo niên chế, căn cứ hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn Kèm theo Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 “Có ít nhất 30% ngành/ngành trình độ

trung cấp hoặc cao đẳng đang đào tạo, được thực hiện 02 trong 03 phương thức tổ chức đào tạo (tích lũy mô-đun; tín chỉ; niên chế)”

Theo kết quả khảo sát trên HSSV đang học tập tại trường, trên 90% HSSV được khảo sát cho rằng phương thức đào tạo Nhà trường đang áp dụng đáp ứng được nhu cầu của người học. Các thông tin về phương thức tổ chức đào tạo của Trường, ngành, nghề đào tạo, trình độ đào tạo luôn được cập nhập trên các thông báo tuyển sinh và trên website của Trường (**1.10.15 - Phiếu khảo sát HSSV năm 2021, 2022, 2023; 1.1.11 - Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2021, 2022, 2023**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 2: 00 điểm

Tiêu chuẩn 2.5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Khi bắt đầu khóa học, Trường căn cứ vào Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo và quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp. Căn cứ quyết định công nhận trúng tuyển các nghề đào tạo, Trường thành lập các lớp đào tạo theo có danh sách HSSV kèm theo. Phòng Đào tạo và KHCN xây dựng kế hoạch đào tạo cho tất cả các lớp mới vào trường theo quyết định thành lập lớp – Kèm theo danh sách của các lớp được đính kèm. Kế hoạch đào tạo thể hiện toàn bộ thời gian, hoạt động của chương trình đào tạo; xác định thời điểm bắt đầu và kết thúc của mỗi học kỳ, năm học, khóa học; thời gian, thời lượng đào tạo các môn học, mô đun phù hợp với chương trình đào tạo; thời gian đào tạo lý thuyết, thực hành, thực tập; kế hoạch và tổ chức các hoạt động thi, khóa luận tốt nghiệp; thời gian thi hết môn học, mô đun, thi tốt nghiệp; thời gian nghỉ hè, lễ tết, khai giảng, bế giảng; thời gian học tập ngoại khóa và một số nội dung khác tùy theo từng ngành, nghề của Trường (**2.5.01 - Quyết định Phân công khối lượng công tác giáo viên cơ sở chính năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 - 2023; 2.5.02 - Kế hoạch đào tạo toàn khóa cơ sở chính năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 - 2023; 2.5.03 - Kế hoạch giáo viên cơ sở chính năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 - 2023; 2.5.04 - Tiến độ đào tạo năm học cơ sở chính; 2.5.05 – Lịch học toàn khóa cơ sở chính năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 - 2023**).

Căn cứ vào chương trình đào tạo đã được phê duyệt (**2.5.06 – Bộ Quyết định ban hành Chương trình đào tạo năm 2020, 2021, 2022, 2023**) và kết quả xét tiến độ học tập của phòng Đào tạo & KHCN (**2.5.07 – Quyết định điều chỉnh tiến độ học sinh/sinh viên năm 2021, 2022, 2023; 2.5.08 – Quyết định công nhận Kết quả xét tiến độ học tập trong năm 2021, 2022, 2023**), đầu mỗi năm học các Khoa thực hiện phân bổ môn học/ mô đun và phân công giáo viên giảng dạy từng học kỳ cho từng năm học năm. Nội dung các kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập, phù hợp với các chương trình đào tạo và phương thức tổ chức đào tạo của Trường.

Tại Phân hiệu, tất cả các lớp đều có kế hoạch đào tạo cụ thể được xây dựng vào đầu mỗi năm học, thời khóa biểu được sắp xếp dựa trên kế hoạch đào tạo đầu năm và được công bố công khai cho nhà giáo và HSSV theo dõi và thực hiện (2.5.09 – *Bộ Quyết định Ban hành chương trình đào tạo năm 2020 tại Phân hiệu*; 2.5.10 - *Kế hoạch đào tạo toàn khóa các lớp tại Phân hiệu Tp HCM năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 - 2023*; 2.5.11 - *Kế hoạch giáo viên tại phân hiệu Tp HCM năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 - 2023*; 2.5.12 - *Tiến độ đào tạo năm học tại phân hiệu Tp HCM năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 - 2023*; 2.5.13 – *Thời khóa biểu các lớp tại phân hiệu Tp HCM năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 - 2023*).

Để người học được biết rõ thông tin về khoá học, lớp học của mình, nhà trường công khai tiến độ đào tạo, kế hoạch đào tạo và thời khóa biểu bằng các hình thức như dán trên bản thông báo của trường, thông báo cho HSSV biết trong buổi sinh hoạt chủ nhiệm, trên Website của trường (2.5.14- *Hình ảnh dán trên bản thông báo*; 2.5.15 – *Thời khóa biểu năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 - 2023*; 2.5.16 – *Danh sách các lớp học, khóa học năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 - 2023*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 2.6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.

Mô tả, phân tích, nhận định

Căn cứ vào kế hoạch và tiến độ đào tạo phê duyệt vào đầu mỗi năm học. Phòng Đào tạo và KHCN lập kế hoạch đào tạo cụ thể, kế hoạch phân công giáo viên giảng dạy cho từng lớp theo từng học kỳ, năm học, thông qua thời khóa biểu chi tiết đến từng tuần. Các giáo viên căn cứ kế hoạch giáo viên lập kế hoạch giảng dạy các môn học, module đã được phân công, đồng thời chuẩn bị hồ sơ giảng dạy của mình và thực hiện lên lớp theo thời khóa biểu được duyệt, đảm bảo đúng kế hoạch, tiến độ đã đề ra. Các giảng viên, giáo viên lên lớp đều có đầy đủ các hồ sơ giảng dạy như: sổ lên lớp, giáo án giảng dạy, sổ tay nhà giáo... được lưu tại Phòng Đào tạo & KHCN (2.5.01 – *Quyết định Phân công khối lượng công tác giáo viên*; 2.5.15 - *Thời khóa biểu năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 - 2023*; 2.6.01- *Sổ lên lớp năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 - 2023*; 2.6.02 – *Sổ tay và giáo án nhà giáo năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 - 2023*).

Sau khi kết thúc năm học, Nhà trường tiến hành họp xét tiến độ học tập của HSSV từng khóa để kịp thời thông báo kết quả học tập cho HSSV, từ đó có giải pháp thúc đẩy tiến độ học tập theo đúng kế hoạch đào tạo đã phê duyệt từ đầu khóa học (2.5.07 – *Quyết định điều chỉnh tiến độ học sinh/sinh viên năm 2021, 2022, 2023*; 2.5.08 – *Quyết định công nhận Kết quả xét tiến độ học tập trong năm 2021, 2022, 2023*).

Hàng tháng, các phòng khoa có liên quan trong Nhà trường đều phối hợp tổ chức kiểm tra các hoạt động dạy và học của giảng viên, giáo viên và HSSV. Nội dung kiểm

tra gồm có kiểm tra hồ sơ quản lý, việc thực hiện ghi chép, cập nhật sổ sách của giáo viên, kiểm tra tiến độ đào tạo, công tác tổ chức dạy và học bù theo đăng ký, kiểm tra kế hoạch nhà giáo, kế hoạch môn học, sổ sách quản lý, lên lớp của nhà giáo. Kiểm tra số liệu HSSV, vắng học, bỏ học, hiện diện... Đoàn kiểm tra trực tiếp tại các khoa chuyên ngành và tại lớp học. (2.6.03 – Kế hoạch kiểm tra công tác đào tạo năm 2021, 2022, 2023; 2.6.04 – Biên bản kiểm tra công tác đào tạo năm 2021, 2022, 2023), có sơ tổng kết đầy đủ báo cáo đến Ban Giám hiệu, qua báo cáo kết quả cho thấy Giáo viên các khoa lên lớp đúng kế hoạch nhà giáo, đúng tiến độ đào tạo các lớp, giáo án, bài giảng của giáo viên theo đúng chương trình đào tạo, giáo viên thực hiện việc ghi chép cập nhật sổ sách quản lý đầy đủ, kịp thời. (2.6.05 – Báo cáo sơ kết hoạt động dạy và học kỳ 1 năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 - 2023; 2.6.06 – Báo cáo tổng kết hoạt động dạy và học năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 - 2023). Từng học kỳ, Trường đều có các văn bản báo cáo kết quả hoạt động của Trường về công tác đào tạo gửi đến Bộ chủ quản, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 2.7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định

Hàng năm Căn cứ kế hoạch, tiến độ đào tạo vào thời khóa biểu, phòng Đào tạo và KHCN tham mưu cho Lãnh đạo trường xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo; kiểm tra công tác quản lý, thực hiện kế hoạch đào tạo và thi kết tốt nghiệp... (2.6.03 – Kế hoạch kiểm tra công tác đào tạo năm 2021, 2022, 2023; 2.6.04 – Biên bản kiểm tra công tác đào tạo năm 2021, 2022, 2023). Sau khi kết thúc đợt kiểm tra đoàn kiểm tra lập báo cáo kết quả tổng kết quả thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo; kiểm tra công tác quản lý, thực hiện kế hoạch đào tạo đến tất cả các đơn vị trong toàn trường. Kết quả cho thấy các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, đúng nội dung chương trình, kế hoạch đào tạo đã được phê duyệt. Các khoa chuyên môn đã thực hiện kế hoạch đào tạo theo đúng nội dung chương trình, thời khóa biểu đáp ứng được yêu cầu tiến độ, ghi hồ sơ sổ sách đầy đủ, đánh giá kết quả học tập của HSSV đúng quy định...” (2.6.05 – Báo cáo sơ kết hoạt động dạy và học kỳ 1 năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 - 2023; 2.6.06 – Báo cáo tổng kết hoạt động dạy và học năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 - 2023).

Việc thực hiện các hoạt động đào tạo theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt còn được thể hiện cụ thể trên kế hoạch hoạt động của từng khoa, tổ bộ môn chuyên môn. Và được xác nhận trong sổ lên lớp, giáo án, bài giảng, giáo trình đã được biên soạn của mỗi giảng viên giảng dạy (2.6.01 - Sổ lên lớp năm học 2020 –

2021, 2021 – 2022, 2022 - 2023; **2.6.02** – *Sổ tay và giáo án nhà giáo năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 - 2023*).

Người học đến thực hành, thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động là nội dung được quy định trong mỗi chương trình đào tạo. Các hoạt động đều có kế hoạch và thể hiện trong quyết định phân công khối lượng công tác giáo viên hàng năm (**2.5.01** – *Quyết định Phân công khối lượng công tác giáo viên hàng năm*). Hàng năm Trường có Quyết định cử các lớp đi thực tập nghề nghiệp tại doanh nghiệp tại các Công ty, Doanh nghiệp, các Trung tâm dịch vụ nông nghiệp, các Cửa hàng thuốc thực vật, thú y, chăn nuôi và các Trạm thủy nông, Trạm khai thác công trình thủy lợi tại Tỉnh Tiền Giang, Bà Rịa Vũng Tàu, Bến Tre, Tp HCM và Tỉnh Lâm Đồng. Các lớp đi thực tập nghề nghiệp đều có quyết định của Hiệu trưởng nhà trường; Phân công giáo viên hướng dẫn và nội dung thực tập kèm theo. Nội dung yêu cầu thực tập được quy định cụ thể trong chương trình đào tạo. Tùy từng chương trình đào tạo có từ 360 đến 450 giờ thực tập tại doanh nghiệp và cơ sở sản xuất. Ngoài ra trong chương trình đào tạo HSSV còn phải hoàn thành đợt thực tập cơ bản từ 3 đến 4 tuần tùy chương trình và trình độ đào tạo tại doanh nghiệp và CSSX.

Kết quả HSSV thực tập tại doanh nghiệp và tốt nghiệp các trình độ hàng năm đạt tỉ lệ 100% (**2.7.01** – *Các Quyết định thực tập cho HSSV năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 – 2023 ở cơ sở chính và phân hiệu; 2.7.02* - *Danh sách các doanh nghiệp liên kết với trường về đào tạo thực hành và thực tập cho HSSV*).

Trước khi triển khai cho HSSV đi thực tập tại các doanh nghiệp, Khoa chuyên môn phổ biến nội dung thực hành, thực tập và các yêu cầu thực cho HSSV. Theo quy định chung của Nhà trường, sau mỗi đợt thực tập tại đơn vị sản xuất, HSSV đều phải viết báo cáo về quá trình thực tập và kết quả đạt được sau khi đi thực tập, những báo cáo này được các khoa chuyên môn kiểm duyệt và đánh giá. Kết hợp với ý kiến đánh giá của đơn vị nhận thực tập để đánh giá học phần thực tập doanh nghiệp của HSSV. Nhận xét đánh giá của các cơ sở thực hành, thực tập cho thấy các học sinh sinh viên của trường có chuyên môn khá và tốt, đạo đức ý thức kỷ luật tốt... Ngoài ra sau mỗi đợt thực tập người học đều thực hiện báo cáo kết quả thực hành, thực tập tại cơ sở bằng các báo cáo/đồ án thực tập cuối khóa nộp về khoa, tổ bộ môn chuyên môn có liên quan. (**2.7.03** – *Đề cương thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 – 2023 ở cơ sở chính và phân hiệu; 2.7.04 – *Báo cáo thực tập của HSSV năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 – 2023 ở cơ sở chính và phân hiệu; 2.7.05 - *Văn bản nhận xét của đơn vị sử dụng lao động về HSSV thực tập năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 – 2023 ở cơ sở chính và phân hiệu; 2.7.06* - *Biên bản ghi nhớ sử dụng lao động giữa Phân hiệu và Công ty Sài Gòn Food; 2.7.07* - *Biên bản ghi nhớ sử dụng lao động giữa Phân hiệu và Công ty TNHH TMDV Cơ điện lạnh Phú Trọng; 2.7.08* - *Biên bản ghi nhớ sử dụng lao động giữa Phân hiệu và Công ty TNHH TMDV Hùng Tấn Phát; 2.7.09* - *Biên bản ghi nhớ sử dụng lao động giữa Phân hiệu và công ty TNHH Tôm giống Châu Phi...*).**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 2: 01 điểm

***Tiêu chuẩn 2.8:** Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Trường đã thực hiện đúng kế hoạch đào tạo, thời lượng chương trình thực hành, thực tập của người học đảm bảo kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn theo quy định được thể hiện trong sổ lên lớp, giáo án của nhà giáo khi đối chiếu với các chương trình chi tiết của các chương trình đào tạo. Các giáo án giảng dạy của các giảng viên-giáo viên trong từng ngành nghề, từng mô đun, môn học đã sử dụng nhiều phương pháp dạy học phát huy được tính tích cực, tính tự giác, sự năng động, khả năng làm việc độc lập và khả năng làm việc nhóm của người học (2.6.01 - Sổ lên lớp năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 - 2023; 2.6.02 – Sổ tay và giáo án nhà giáo năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 - 2023).

Trong quá trình đào tạo ở mỗi giờ giảng, các giáo viên sử dụng đa dạng các phương pháp dạy học như: thảo luận nhóm, vấn đáp, thuyết trình, giải quyết tình huống, ... được lồng ghép, phối hợp một cách phù hợp để phát huy tối đa tính năng động, tự chủ của học sinh sinh viên, luôn đảm bảo lấy người học làm trung tâm. Các ngành về công nghệ kỹ thuật, phần lớn các môn học, mô-đun học sinh sinh viên đều được thực hành, thực tập tại phòng thực hành, phòng thí nghiệm, trại thực nghiệm, đảm bảo được kỹ năng, năng lực thực hành của người học (2.8.01 - Nhật ký phòng thí nghiệm, thực hành).

Hàng năm, nhằm nâng cao chất lượng dạy và học cũng như để các giảng viên học hỏi kinh nghiệm trong công tác giảng dạy, Nhà trường thường xuyên tổ chức các đợt Hội giảng cấp Khoa, cấp Cơ sở, tham gia các hội thi cấp Tỉnh, cấp Bộ... Bên cạnh đó các khoa chuyên ngành và các phòng chức năng của nhà trường luôn dự giờ giáo viên giảng dạy theo kế hoạch hoặc đột xuất. Việc tổ chức dự giờ luôn đi kèm với việc phân tích các mặt mạnh và yếu trong từng giờ giảng, giúp đội ngũ giảng viên-giáo viên nhanh chóng hoàn thiện bài giảng, đáp ứng được yêu cầu dạy học theo hướng tích cực và hiện đại.

Hàng năm đều có các giáo viên được khen thưởng vì có thành tích dạy giỏi cấp Trường, cấp Tỉnh, cấp Bộ NN& PTNT, và cấp Toàn Quốc, các nhóm tác giả và tập thể được khen thưởng vì đạt thành tích cao trong hoạt động NCKH và chế tạo thiết bị tự làm (2.8.02 – Biên bản dự giờ/ kiểm tra hoạt động giảng dạy năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 - 2023; 2.8.03 - Các Quyết định đạt giải tại hội giảng, hội thi các cấp năm 2021, 2022, 2023).

Qua khảo sát ý kiến của người học, đa số HSSV đánh giá là Nhà trường thực hiện đúng thời lượng về giờ học thực hành và lý thuyết theo chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy phát huy được tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học.

Năm 2023: Khảo sát 494 HSSV kết quả 440 HSSV chọn mức đánh giá từ khá trở lên (chiếm 89.1%)

Năm 2022: Khảo sát 551 HSSV kết quả 535 HSSV đồng ý (chiếm 97,5%), 6 HSSV không có ý kiến (chiếm 2,5%).

Năm 2021: Khảo sát 415 HSSV kết quả 410 HSSV đồng ý (chiếm 98,8%), 5 HSSV không có ý kiến (chiếm 1,2%).

(1.10.15 - Phiếu khảo sát HSSV năm 2021, 2022, 2023; 1.1.11 - Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2021, 2022, 2023).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 2.9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.

Mô tả, phân tích, nhận định

Trường có mạng Internet và website để thực hiện phổ biến nội dung các hoạt động của Trường như: tuyển sinh, quản lý, công khai chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra, vị trí việc làm,... Trước khi chuyển sang Bộ LĐTĐ (năm 2017) trường sử dụng phần mềm quản lý đào tạo của dự án ODB tài trợ. Từ tháng 1/2022, Nhà trường đưa vào sử dụng phần mềm “Hệ thống tích hợp thông tin Quản lý đào tạo” của Trung tâm Công nghệ phần mềm trường Đại học Cần Thơ theo Hợp đồng số 95/2022/HĐ-CDNB-CUSC để thống nhất việc tổ chức, quản lý đào tạo trong toàn trường. Hệ thống tích hợp thông tin bao gồm các chức năng: Lập và thông báo thời khóa biểu; lịch thi, danh sách thi; Quản lý lớp, quản lý HSSV; Tuyển sinh; Quản lý thông tin, thông báo. Việc hoàn thiện cơ sở dữ liệu của trường được thực hiện thường xuyên theo hướng dẫn của các chuyên viên kỹ thuật đến từ Trung tâm Công nghệ phần mềm trường Đại học Cần Thơ (**2.9.01 – Hợp đồng dịch vụ số về việc xây dựng phần mềm quản lý đào tạo với trường ĐH Cần Thơ**).

Tại Phân hiệu, đơn vị cũng áp dụng việc thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và hoạt động dạy và học. Phân hiệu đã sử dụng phần mềm quản lý đào tạo CCSTrain của công ty cổ phần Chip Chip để thuận tiện trong công tác quản lý học sinh, sinh viên quản lý đào tạo, điểm số, xây dựng kế hoạch đào tạo, lập thời khóa biểu... Các Trường khoa, chuyên viên phòng Đào tạo và GV, HSSV đều có tài khoản để truy cập dữ liệu theo phân quyền (**2.9.02 - Hợp đồng kinh tế số 41/CCS-HĐ/2021 ngày 04/01/2021 hợp đồng nâng cấp và bảo trì phần mềm quản lý đào tạo CCSTrain giữa Phân hiệu Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại thành phố Hồ Chí Minh và công ty TNHH Giải pháp công nghệ Chip Chip**).

Công nghệ thông tin được ứng dụng rộng rãi trong các hoạt động dạy và học tại Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ. Hầu hết các giảng viên-giáo viên lên lớp đều xây dựng bài giảng điện tử và sử dụng thông thạo các phương tiện trình chiếu hiện đại, ứng dụng CNTT trong giảng dạy. Đặc biệt, trong khoảng thời gian diễn ra dịch COVID-19 (từ tháng 02 năm 2020 đến tháng 4 năm 2020, từ tháng 8 năm 2021 đến hết tháng 3

năm 2022), 100% nhà giáo của trường tiến hành dạy trực tuyến và đánh giá người học bằng hình thức trực tuyến qua các phần mềm khác nhau như zoom, google meet, zalo, thi và kiểm tra trên zalo, google form và azota trong tất cả các chương trình đang được đào tạo tại trường, nhiều nhà giáo sử dụng thành thạo công nghệ thông tin trong việc tổ chức biên soạn bài giảng, tổ chức giảng dạy và đánh giá người học. Ngoài ra trong mỗi ngành nghề đào tạo đều có các mô đun/ môn học chuyên ngành sử dụng các phần mềm mô phỏng chuyên dụng tạo điều kiện cho người học dễ dàng hình dung, tiếp cận nội dung bài giảng như phần mềm kế toán Misa, các phần mềm đồ họa, phần mềm phối hợp khẩu phần thức ăn, phần mềm Mstac. Spss, Ultramix V2.11, Minilab 16.0, Autocad, Mapinfor, Micro Station, Arcgis, Vilis, HTKK. 100% học sinh sinh viên đều sử dụng các phần mềm xử lý số liệu trong quá trình báo cáo thực tập, làm báo cáo thực tập cuối khóa và bảo vệ báo cáo thực tập cuối khóa (**2.9.03 - Thống kê trang thiết bị ở lớp học, giảng đường; 2.9.04 - Giáo án, giáo án điện tử của giáo viên**).

Tại Phân hiệu, đơn vị cũng áp dụng hiệu quả việc thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và hoạt động dạy và học. Phân hiệu đã trang bị máy chiếu ở tất cả các phòng học, 4 phòng máy vi tính để thực hành liên quan đến Tin học; thư viện cũng trang bị máy vi tính để học sinh, sinh viên chủ động tìm kiếm, làm bài trên máy tính.

Qua thống kê cho thấy: 100% chương trình trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng đang đào tạo của trường đều ứng dụng CNTT trong việc biên soạn bài giảng, đánh giá kết quả người học. Mỗi chương trình đào tạo đều có trên 50% mô đun môn học chuyên ngành sử dụng các phần mềm mô phỏng, ứng dụng CNTT trong giảng dạy (**2.9.05 – Bảng thống kê các mô đun/ môn học chuyên ngành của các chương trình đào tạo sử dụng phần mềm mô phỏng**).

Kết quả khảo sát CBGV và HSSV của trường cho thấy hàng năm trên 95% CBGV và HSSV được khảo sát hài lòng với việc ứng dụng CNTT trong công tác quản lý đào tạo và việc ứng dụng CNTT trong dạy và học (**1.10.15 - Phiếu khảo sát HSSV năm 2021, 2022, 2023; 1.1.10 - Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2021, 2022, 2023 - lưu tại phòng KĐ&ĐCL; 1.1.11 - Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2021, 2022, 2023**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 2.10: Hàng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.

Mô tả, phân tích, nhận định

Hàng năm Căn cứ kế hoạch, tiến độ đào tạo vào thời khóa biểu, phòng Đào tạo và KHCN tham mưu cho Lãnh đạo trường xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo; kiểm tra công tác quản lý, thực hiện kế hoạch đào tạo và thi kết tốt nghiệp... (**2.6.03 – Kế hoạch kiểm tra công tác đào tạo năm 2021, 2022, 2023; 2.6.04 – Biên bản kiểm tra công tác đào tạo năm 2021, 2022, 2023**). Sau khi kết thúc đợt kiểm tra đoàn kiểm tra lập báo cáo kết quả tổng kết quả thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo; kiểm tra

công tác quản lý, thực hiện kế hoạch đào tạo đến tất cả các đơn vị trong toàn trường. Kết quả cho thấy các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, đúng nội dung chương trình, kế hoạch đào tạo đã được phê duyệt. Các khoa chuyên môn đã thực hiện kế hoạch đào tạo theo đúng nội dung chương trình, thời khóa biểu đáp ứng được yêu cầu tiến độ, ghi hồ sơ sổ sách đầy đủ, đánh giá kết quả học tập của HSSV đúng quy định...” (2.6.06 - Báo cáo tổng kết hoạt động dạy và học năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 - 2023).

Ngoài ra việc kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học được tổ chức thường xuyên và liên tục theo từng buổi học và được thực hiện ở tất cả các địa bàn đào tạo thông qua Phòng Đào tạo & KHCN. Đây là nhiệm vụ thường xuyên của Phòng và được đưa vào chương trình công tác hàng tháng của đơn vị. Phòng Tổ chức, Hành chính và Quản trị theo dõi chăm công CBGV của trường. Phòng Đào tạo & KHCN thực hiện kiểm tra giờ giảng dạy của giáo viên, kiểm tra hồ sơ giảng dạy, sổ sách của giáo viên theo kế hoạch đào tạo đã ban hành từ đầu năm học và theo thời khóa biểu lên lớp. Nghiệm thu kết thúc học kỳ, năm học và khối lượng khoa học của các giáo viên, các khoa chuyên ngành. Theo dõi, giám sát các hoạt động tổ chức dạy và học bù vì những lý do bất khả kháng của giáo viên (bị bệnh, đi công tác, tập huấn...), theo dõi giám sát tình hình ghi sổ đầu bài, kiểm tra theo dõi ý thức học tập của HSSV... và lưu lại kết quả kiểm tra trong sổ nhật ký kiểm tra. Cuối mỗi tháng căn cứ vào sổ nhật ký kiểm tra, Phòng Đào tạo & KHCN tiến hành tổng kết, đánh giá và báo cáo lên Ban Giám hiệu Nhà trường thông qua cuộc họp giao ban đầu tháng (2.10.01 – Chương trình công tác các tháng trong năm 2021, 2022, 2023 của Trường; 2.5.01 - Quyết định Phân công khối lượng công tác giáo viên cơ sở chính năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 - 2023; 2.5.15 - Thời khóa biểu năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 - 2023; 2.10.02 – Báo cáo tình hình dạy bù của giảng viên, giáo viên năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 - 2023; 2.10.03 – Thống kê tình hình ghi sổ lên lớp năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 - 2023; 2.10.04 - Biên bản họp giao ban các tháng năm 2021, 2022, 2023).

Việc giám sát hoạt động giảng dạy và học tập của học sinh tại Phân hiệu được thực hiện thông qua Phòng Đào tạo và KHCN và Phòng Công tác HSSV với những công việc cụ thể như: Đầu năm học, các Khoa phải xây dựng kế hoạch giảng dạy của từng lớp theo năm học, kế hoạch giáo viên gửi Phòng ĐT&CTHSSV kiểm tra đúng chương trình đào tạo đã ban hành. Sau đó Phòng ĐT&CTHSSV sẽ trình BGD duyệt để có cơ sở xây dựng thời khóa biểu từng học kì. Hàng ngày, Phòng ĐT&CTHSSV kiểm tra tình hình giảng dạy của giáo viên, ghi chép sổ lên lớp. Đồng thời kiểm tra tình hình học tập của học sinh (2.10.05 - Bảng theo dõi tình hình ghi chép sổ lên lớp hàng tháng năm 2021, 2022, 2023). Hàng tháng, Trưởng Khoa kiểm tra hồ sơ sổ sách của giáo viên trong khoa như: giáo án, sổ tay giáo viên, lịch giảng dạy, đề thi, đáp án... và thực hiện báo cáo với Ban Giám đốc trong họp giao ban định kì hàng tháng.

Quá trình thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học đều có kế hoạch và được thực hiện theo đúng kế hoạch, lập biên bản và báo cáo kết quả. Kết quả cho thấy các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, đúng nội dung chương trình đào

tạo đã được phê duyệt. Các khoa chuyên môn đã thực hiện kế hoạch đào tạo theo đúng nội dung chương trình, thời khóa biểu đáp ứng được yêu cầu tiến độ, ghi hồ sơ sổ sách đầy đủ, đánh giá kết quả học tập của HSSV đúng quy định...”

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 2.11: Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.

Mô tả, phân tích, nhận định

Trong mỗi năm học Nhà trường đều có kế hoạch tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học của các đơn vị tham gia hoạt động đào tạo (2.6.03 – Kế hoạch kiểm tra công tác đào tạo năm 2021, 2022, 2023). Trên cơ sở kết quả các hoạt động kiểm tra, giám sát việc dạy và học, Phòng Đào tạo và KHCN với vai trò là đơn vị phụ trách về công tác đào tạo của Trường báo cáo và có những kiến nghị kịp thời đến Ban Giám hiệu Nhà trường, đồng thời thông báo về các khoa và tổ bộ môn chuyên môn có liên quan, để điều chỉnh các hoạt động dạy và học nếu thấy cần thiết thông qua cuộc họp giao ban hàng tháng (2.6.04 - Biên bản kiểm tra công tác đào tạo năm 2021, 2022, 2023; 2.6.06 - Báo cáo tổng kết hoạt động dạy và học năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 - 2023; 2.10.04 - Biên bản họp giao ban các tháng năm 2021, 2022, 2023).

Ở Phân hiệu, trong công tác quản lý đào tạo, phòng Đào tạo & CTHSSV thường xuyên báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học. Hàng tháng, phòng Đào tạo & CTHSSV có những báo cáo về đào tạo tại Phân hiệu cũng như những lớp liên kết ngoài trường. Trong đó là những cập nhật về tình hình, tiến độ dạy theo đúng kế hoạch, những bất cập xảy ra trong quá trình dạy và học. Báo cáo được trình bày trong các cuộc họp giao ban hàng tháng để kịp thời giải quyết, điều chỉnh cũng như có những đề xuất biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo (2.11.01 - Biên bản họp giao ban hàng tháng của Văn phòng Phân hiệu năm 2021, 2022, 2023; 2.10.05 - Bảng theo dõi tình hình ghi chép số lên lớp hàng tháng năm 2021, 2022, 2023).

Căn cứ vào kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học, hàng tháng các Khoa chuyên môn tổ chức họp đơn vị “Đánh giá thực hiện kế hoạch và xếp loại tháng” để giáo viên của khoa và lãnh đạo Khoa thảo luận và đề xuất những biện pháp để điều chỉnh hoạt động giảng dạy các chương trình đào tạo do đơn vị triển khai (2.10.02 – Báo cáo tình hình dạy bù của giảng viên, giáo viên năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 - 2023; 2.10.03 – Thống kê tình hình ghi số lên lớp năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 - 2023; 2.11.02 – Biên bản họp định kỳ của các Khoa chuyên môn năm 2021, 2022, 2023).

Qua khảo sát ý kiến của CBVC, hầu hết đều cho rằng việc thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học là rất cần thiết, từ những kết quả kiểm tra đã giúp cho giáo viên có được những thông tin để làm căn cứ điều chỉnh lại hoạt động dạy của bản thân theo hướng cải tiến chất lượng dạy và học, đáp ứng yêu cầu và tiến độ đào tạo

(1.1.10 - Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2021, 2022, 2023 - lưu tại phòng KĐ&ĐCL; 1.1.11 - Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2021, 2022, 2023).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 2.12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Trường đã xây dựng và ban hành đầy đủ các văn bản quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp phát văn bằng chứng chỉ đúng theo quy định của Bộ LĐTĐBXH, cụ thể:

Năm 2017, sau khi được chuyển giao về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Nhà trường tiến hành tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, áp dụng quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp cho các lớp theo quy định tại thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Từ hướng dẫn của Thông tư, Nhà trường cụ thể hóa thành Quy chế riêng áp dụng cho trường (2.12.01 - Quyết định 601/QĐ-CĐNB ngày 20/6/2022 ban hành quy định thi kết thúc môn học, mô đun). Các quy định về tổ chức thi và xét công nhận tốt nghiệp được thể hiện trong hướng dẫn thực hiện trong quy chế đào tạo GDNN theo niên chế của nhà trường (2.4.01 - Quyết định số 1046/QĐ-CĐNB ngày 05/09/2017 ban hành Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo GDNN theo niên chế và Quyết định số 1306/QĐ-CĐNB Bổ sung một số Điều của Quyết định 1046/QĐ-CĐNB; 2.4.02 - Quyết định số 825/QĐ-CĐNB ngày 12/10/2020 về việc hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo GDNN theo niên chế; 2.4.04 - Quyết định số 433/QĐ-CĐNB ngày 13/05/2022 ban hành Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng hệ GDNN theo niên chế). Ngoài ra trường còn xây dựng “Quy chế quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến” dựa theo công văn số 1673/LĐTĐBXH-TCGDNN ngày 15/5/2029 của Bộ trưởng Bộ LĐTĐBXH về việc tổ chức giảng dạy, học tập bằng hình thức trực tuyến. Xây dựng và ban hành Quy chế công tác học sinh sinh viên theo hướng dẫn của thông tư 17/2017/TT-BLĐTĐBXH.

Đối với quy định về đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV nhà trường căn cứ hướng dẫn của thông tư Số: 17/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Bộ LĐTĐBXH (2.12.02 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc ban hành quy chế công tác học sinh sinh viên; 2.12.03 - Hướng dẫn đánh giá kết quả rèn luyện học sinh sinh viên).

Đối với Phân hiệu Tp HCM, dựa trên những quy định của các thông tư hướng dẫn, Phân hiệu cũng đã xây dựng và ban hành đầy đủ các quy chế quy định như trụ sở chính. Ban hành Hướng dẫn thực hiện đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế. Quy chế quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến, Quy chế công tác học sinh sinh viên của Phân hiệu. Hướng dẫn đánh giá kết quả rèn luyện học sinh sinh viên hệ chính quy của Phân hiệu... (2.4.03 - Quyết định số 331/QĐ-CDNBPH-VP của Giám đốc Phân hiệu Trường CD Nông nghiệp Nam Bộ TP.HCM về việc Ban hành Hướng dẫn thực hiện đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam bộ Phân hiệu tại TP.HCM; 2.12.04 - Quyết định số 664/QĐ-CDNB của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc ban hành Quy chế quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến; 2.12.05 - Quyết định số 137/QĐ-CDNBPH-ĐTCTHS của Giám đốc Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại TP. HCM về việc ban hành quy chế công tác học sinh sinh viên của Phân hiệu; 2.12.06 - Hướng dẫn số 155/HD-CDNBPH-ĐTCTHS của Giám đốc Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại TP. HCM về việc hướng dẫn đánh giá kết quả rèn luyện học sinh sinh viên hệ chính quy của Phân hiệu).

Về cấp phát văn bằng, chứng chỉ, thực hiện theo thông tư số 10/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Các khóa trước vẫn áp dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường có đầy đủ sổ sách quản lý và cấp phát văn bằng theo quy định (2.12.07 - Sổ cấp phát văn bằng năm 2021, 2022, 2023; 2.12.08 – Quy trình cấp văn bằng chứng chỉ cho người học).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 2.13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định

Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ có mối quan hệ gắn kết với doanh nghiệp và các cơ sở sản xuất trong đào tạo. Các doanh nghiệp tham gia trong nhiều hoạt động đào tạo của Nhà trường như việc góp ý, xây dựng chương trình đào tạo, tiếp nhận giáo viên, HSSV tới thực tập nghề nghiệp, nhận HSSV của Trường về làm việc sau khi tốt nghiệp...

Đối với công tác tham gia đánh giá kết quả học tập của HSSV, 100% doanh nghiệp và cơ sở sản xuất có hợp tác đều tham gia thông qua việc nhận xét đánh giá kết quả thực hành, thực tập nghề nghiệp của HSSV tại doanh nghiệp và cơ sở sản xuất. Trong những năm qua, từ năm 2019 đến nay Trường có các Quyết định cử các lớp (toàn bộ HSSV trước khi ra trường) đi thực tập nghề nghiệp tại các Công ty, Doanh nghiệp, các Trung tâm dịch vụ nông nghiệp, các Cửa hàng thuốc thực vật, thú y, chăn nuôi và các Trạm thủy nông, Trạm khai thác công trình thủy lợi tại Tỉnh Tiền Giang, Bà Rịa Vũng Tàu, Bến Tre, Tp HCM và Tỉnh Lâm Đồng. Các lớp đi thực tập nghề nghiệp đều có quyết định của Hiệu trưởng nhà trường Phân công giáo viên hướng dẫn và nội dung thực tập kèm

theo. Nội dung thực tập được quy định cụ thể trong chương trình đào tạo. Tùy từng chương trình đào tạo có từ 360 đến 450 giờ thực tập tại cơ sở. Ngoài ra trong các chương trình đào tạo của trường còn có nội dung thực tập cơ bản (thực tập theo nội dung mô đun, môn học) tại doanh nghiệp và các cơ sở sản xuất từ 3 đến 4 tuần tùy theo chương trình và trình độ đào tạo. Trong quá trình học tập tại trường, HSSV phải tham gia 2 đợt thực tập tại các cơ quan doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động trước khi tốt nghiệp (2.7.01 - Các Quyết định thực tập cho HSSV năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 – 2023 ở cơ sở chính và phân hiệu; 2.7.02 - Danh sách các doanh nghiệp liên kết với trường về đào tạo thực hành và thực tập cho HSSV). Sau khi thực tập, các đơn vị nhận thực tập sẽ cho ý kiến nhận xét đối với từng HSSV về thái độ, đánh giá kết quả thực tập (2.7.05 - Văn bản nhận xét của đơn vị sử dụng lao động về HSSV thực tập năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 – 2023 ở cơ sở chính và phân hiệu).

Tại Phân hiệu, Khoa chuyên môn đã mời nhiều cán bộ công ty phối hợp giảng dạy, tham gia hướng dẫn thực hành, kết thúc các môn học/mô đun, các Khoa luôn mời cán bộ có chuyên môn phù hợp của công ty tham gia chấm thi kết thúc môn học/mô đun. (2.13.01 - Hợp đồng giảng dạy, bảng điểm quá trình, bài thi). Khi đi thực tập, học sinh được thực tập, làm việc trực tiếp tại các công ty, xưởng chế biến..., tại đây các cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý bộ phận hướng dẫn và giới thiệu quy định công ty tùy từng ngành nghề. Cuối đợt thực tập, HSSV được sự nhận xét, đánh giá kết quả trực tiếp của cán bộ quản lý, người hướng dẫn thực tập tốt nghiệp của doanh nghiệp tất cả các ngành. (2.13.02 - Phiếu đánh giá thực tập tay nghề, thực tập tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023; 2.13.03 – Danh sách công ty, doanh nghiệp nhận HSSV thực tập tại phân hiệu Tp HCM năm 2021, 2022, 2023).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13, tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 2.14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.

Mô tả, phân tích, nhận định

Trường đã ban hành đầy đủ quyết định, quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp phát văn bằng chứng chỉ theo quy định đã được trình bày tại tiêu chuẩn 12 – Tiêu chí 2. Trong những năm qua, Trường thực hiện đúng các quy chế của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập của người học. Căn cứ vào quy chế và tình hình thực tế, Trường đã ban hành một số quy định nhằm cụ thể hóa một số nội dung trong quy chế để công tác ra đề thi, tổ chức thi và đánh giá kết quả đảm bảo thống nhất, đồng bộ, khách quan, công bằng, chính xác. Nhìn chung, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả người học được đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo (2.12.01 - Quyết định 601/QĐ-CDNB ngày 20/6/2022 ban hành quy định thi kết thúc môn học, mô đun). Các quy định về tổ chức thi và xét công nhận tốt nghiệp được thể hiện trong hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo GDNN theo niên chế (2.4.01 - Quyết định số 1046/QĐ-CDNB ngày 05/09/2017 ban hành Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo GDNN theo niên chế và Quyết định số 1306/QĐ-CDNB Bổ sung một số Điều của Quyết định 1046/QĐ-CDNB;

2.4.02 - Quyết định số 825/QĐ-CĐNB ngày 12/10/2020, về việc hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo GDNN theo niên chế; **2.4.03** - Quyết định số 331/QĐ-CĐNBPH-VP ngày 29/6/2020 của Giám đốc Phân hiệu trường CĐ Nông nghiệp Nam Bộ TP.HCM về việc Ban hành Hướng dẫn thực hiện đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam bộ Phân hiệu tại TP.HCM; **2.4.04** - Quyết định số 433/QĐ-CĐNB ngày 13/05/2022 ban hành Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng hệ GDNN theo niên chế).

Việc thực hiện tổ chức thi kết thúc môn học/ mô đun, thực hiện theo đúng quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan và có hồ sơ lưu đầy đủ theo quy định (**2.14.01** – Hồ sơ tổ chức thi kết thúc môn học năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022-2023 lưu tại Phòng Kiểm định & BĐCL).

Quy trình tổ chức thi, xét công nhận tốt nghiệp được thực hiện một cách nghiêm túc đúng theo quy định trong hướng dẫn thực hiện đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ từ bước đầu ra kế hoạch thi tốt nghiệp, quyết định thành lập hội đồng thi tốt nghiệp, họp xét điều kiện thi đến tổ chức coi thi, chấm thi và họp xét công nhận tốt nghiệp. Đề thi luôn được bảo mật và niêm phong cẩn thận trước giờ thi. Mỗi môn thi viết luôn có 2 giáo viên chấm thi độc lập trên các phiếu chấm thi sau khi bài thi đã được rọc phách. Quy trình tổ chức cụ thể như sau:

- Nhận hồ sơ thi lại của HSSV khóa cũ
- Xét tư cách dự thi tốt nghiệp – Hội đồng thi
- Sinh hoạt Quy chế thi, Thi lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp, thi chính trị, thi thực hành
- Chấm thi Chính trị và lý thuyết nghề nghiệp
- Công bố kết quả thi TN
- Nhận đơn phúc khảo
- Chấm phúc khảo và công bố kết quả phúc khảo
- Xét công nhận tốt nghiệp, Quyết định Công nhận tốt nghiệp.
- Quyết định khen thưởng sinh viên tốt nghiệp khá, giỏi.
- Lễ tốt nghiệp.

Trong các kỳ thi tốt nghiệp đều có công tác thanh, kiểm tra toàn diện kỳ thi từ công tác chuẩn bị thi (công tác tổ chức, chỉ đạo, việc đảm bảo an toàn cho kỳ thi và việc chuẩn bị CSVC, kinh phí), thanh kiểm tra công tác coi thi, chấm thi, chấm lại phúc khảo và giải quyết khiếu nại tố cáo liên quan nếu có. Kết thúc thanh kiểm tra có báo cáo chi tiết từng nội dung công việc. Báo cáo kết quả hàng năm cho thấy công tác tổ chức thi thực hiện đúng quy chế, cán bộ coi thi thực hiện đúng quy định, các kỳ thi an toàn tuyệt đối (**2.14.02** – Hồ sơ tổ chức thi tốt nghiệp 2020 - 2021, 2021 – 2022, 2022-2023 lưu tại Phòng Kiểm định & BĐCL; **2.14.03** – Hồ sơ xét công nhận tốt nghiệp 2020 - 2021, 2021 – 2022, 2022-2023 lưu tại Phòng Đào tạo & KHCN).

Trong quá trình học, HSSV luôn được đánh giá hạnh kiểm thông qua bảng điểm đánh giá rèn luyện từng tháng, từng học kỳ do cán sự lớp và giáo viên chủ nhiệm thực hiện. Sau đó tổng hợp kết quả lên nhà trường thông qua. Các bước đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV của trường:

Xây dựng Kế hoạch đánh giá kết quả rèn luyện HSSV

Hướng dẫn đánh giá kết quả rèn luyện HSSV

Họp GVCN với ban cán sự lớp đánh giá kết quả rèn luyện HSSV

Họp lớp đánh giá kết quả rèn luyện HSSV

Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện HSSV

Họp Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện HSSV

Quyết định về việc công nhận kết quả rèn luyện HSSV (**2.14.04** – *Hồ sơ xét kết quả rèn luyện 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022-2023 lưu tại Phòng Công tác HSSV*).

Việc cấp phát văn bằng, chứng chỉ cho HSSV thực hiện đúng theo các quy định chung. Sau khi có kết quả tốt nghiệp, Nhà trường tiến hành cho in bằng cấp tốt nghiệp và cấp phát cho HSSV tại Lễ tốt nghiệp thường được tổ chức vào tháng 6 và tháng 11 hằng năm. Nhà trường có sổ theo dõi việc cấp, phát văn bằng, chứng chỉ theo đúng quy định (**2.12.07** - *Sổ cấp phát văn bằng năm 2021, 2022, 2023*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14, tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 2.15: *Hàng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Việc rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ được Nhà trường thực hiện định kỳ vào đầu mỗi năm học. Thông qua việc rà soát để kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với quy định mới hoặc tình hình thực tế của Trường. Qua kết quả rà soát cho thấy các quy chế quy định đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV và quy định cấp phát văn bằng chứng chỉ không thay đổi và cập nhật bổ sung. Từ năm 2017 đến nay Nhà trường đã rà soát, ban hành 4 quyết định quy định về thi kết thúc môn học cho phù hợp với các hướng dẫn và tình hình thực tế (**2.15.01** - *Quyết định 417/QĐ-CDNB ngày 11/5/2017 ban hành quy định thi kết thúc môn học, mô đun; 2.15.02* - *Quyết định 847/QĐ-CDNB ngày 13/9/2018 ban hành quy định Điều chỉnh, bổ sung một số điều trong Quy định thi kết thúc môn học, mô-đun ban hành kèm theo Quyết định số 417/QĐ-CDNB ngày 11/5/2017 của Hiệu trưởng; 2.15.03* - *Quyết định 722/QĐ-CDNB ngày 11/8/2020 ban hành quy định thi kết thúc môn học, mô đun; 2.12.01* - *Quyết định 601/QĐ-CDNB ngày 20/6/2022 ban hành quy định thi kết thúc môn học, mô đun; 2.15.04* – *Kế hoạch rà soát các quy chế quy định của trường; 2.15.05* – *Biên bản rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ*).

Các quy định về tổ chức thi và xét công nhận tốt nghiệp được thể hiện trong hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo GDNN theo niên chế. Từ năm 2017 đến nay Nhà trường đã 3 lần rà soát các quy định và quy chế đúng với quy định hiện hành của Bộ LĐ-TB&XH và phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường (**2.4.01** - *Quyết định số 1046/QĐ-CDNB ngày 05/09/2017 ban hành Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo GDNN theo niên chế và Quyết định số 1306/QĐ-CDNB Bổ sung một số Điều của Quyết định 1046/QĐ-CDNB*; **2.4.02** - *Quyết định số 825/QĐ-CDNB ngày 12/10/2020, về việc hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo GDNN theo niên chế*; **2.4.04** - *Quyết định số 433/QĐ-CDNB ngày 13/05/2022 ban hành Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng hệ GDNN theo niên chế*).

Các quy định của trụ sở chính của trường được ban hành áp dụng cho cả Phân hiệu tại Tp HCM (**2.4.03** - *Quyết định số 331/QĐ-CDNBPH-VP ngày 29/6/2020 của Giám đốc Phân hiệu trường CĐ Nông nghiệp Nam Bộ TP.HCM về việc Ban hành Hướng dẫn thực hiện đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam bộ Phân hiệu tại TP.HCM*).

Năm 2021, do phát sinh đại dịch ảnh hưởng đến việc học, thi, kiểm tra của người học, nhà trường đã kịp thời điều chỉnh, ban hành quy chế đào tạo hình thức trực tuyến để phù hợp với tình hình của xã hội (**2.12.04** - *Quyết định số 664/QĐ-CDNB ngày 05/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc ban hành Quy chế quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến*; **2.15.06** - *Quyết định số 674/QĐ-CDNB ngày 17/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ quy định về nội quy thi trực tuyến*).

Qua khảo sát ý kiến của CBVC, hầu hết đều cho rằng Trường có thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết (**1.1.10** - *Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2021, 2022, 2023 - lưu tại phòng KĐ&BDCL*; **1.1.11** - *Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2021, 2022, 2023*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15, tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 2.16: *Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Để thực hiện việc tổ chức đào tạo liên thông, Trường đã tiến hành xây dựng hướng dẫn thực hiện công tác này dựa trên nội dung thông tư hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (**2.16.01** - *Quyết định số 738/QĐ-CDNB ngày 08/8/2018 của Hiệu trưởng về hướng dẫn đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp được cụ thể hóa từ nội dung của Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội*).

Nhà trường có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng đối với những ngành nghề dự kiến đăng ký đào tạo liên thông (**1.2.01** – Bộ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2017; **1.2.02** – Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp 41c/2017/GCNĐKHHĐ-TCĐN ngày 13/06/2018; **1.2.03** – Bộ Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2019; **1.2.04** – Bộ Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2020; **1.2.05** – Bộ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp Phân hiệu; **1.2.06** - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp 77/2021/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 23/7/2021; **1.2.07** - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 56/2022/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 14/7/2022; **1.2.08** - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 56a/2022/GCNĐKHHĐBS - TCĐN, ngày 15/9/2022 nhà trường được đào tạo tại công ty cổ phần sài gòn Food 01 nghề trung cấp; **1.2.09** - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 84/2022/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 17/10/2022; **1.2.10** - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 84a/2022/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 17/4/2023 nhà trường được đào tạo tại phân hiệu 2 nghề trung cấp, 2 nghề cao đẳng; **1.2.11** - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 84b/2022/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 26/5/2023 nhà trường được đào tạo tại trung tâm GDNN-GDTX huyện Chợ Lách 01 nghề trung cấp).

Phòng Đào tạo và KHCN có trách nhiệm xem xét việc chuyển đổi kết quả học tập và các khối lượng kiến thức, kỹ năng được miễn trừ khi học chương trình đào tạo liên thông đối với từng người học và trình Ban Giám hiệu quyết định khối lượng kiến thức được miễn giảm cho nghề, từng người học (**2.16.02** - Quy định về công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy của người học được miễn trừ khi học chương trình đào tạo liên thông). Năm 2020, Trường tuyển sinh và tổ chức được 1 lớp liên thông từ trung cấp lên cao đẳng ngành Thú y (12 SV), năm 2021 trường tuyển sinh được 1 lớp liên thông từ trung cấp lên cao đẳng ngành Bảo vệ thực vật (với 15 SV), năm 2022 tuyển sinh được 1 lớp liên thông từ trung cấp lên cao đẳng ngành Kế toán doanh nghiệp (với 8 SV) và 1 lớp liên thông từ trung cấp lên cao đẳng ngành Thú y (với 12 SV) (**2.16.03** – Quyết định thành lập các lớp liên thông và Danh sách lớp liên thông từ trung cấp lên cao đẳng). Các lớp này được xây dựng kế hoạch đào tạo toàn khóa từ đầu khóa học và thực hiện đào tạo theo thời khóa biểu cụ thể (**2.16.04** – Thời khóa biểu các lớp liên thông từ trung cấp lên cao đẳng).

Các ngành đang đào tạo liên thông đều có chương trình đào tạo ban hành đúng quy định (**2.16.05** - Quyết định số 1034/QĐ-CDNB ngày 22/10/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Chương trình đào tạo bậc cao đẳng liên thông ngành Thú y; **2.16.06** - Quyết định số 767/QĐ-CDNB ngày 1/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Chương trình đào tạo bậc cao đẳng liên thông ngành Bảo vệ thực vật).

Đối với Phân hiệu tại Tp HCM cũng ban hành đầy đủ các quy định, chương trình đào tạo liên thông và hướng dẫn thực hiện đào tạo liên thông như trụ sở chính và tổ chức

thực hiện đầy đủ và lưu trữ hồ sơ theo quy định (**2.16.07** – *Quyết định 256/QĐ-CDNBPH-ĐTCTHS ngày 10/6/2020 của Giám đốc Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định về đào tạo liên thông*; **2.16.08** – *Bộ Quyết định Ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng liên thông từ Trung cấp tại Phân hiệu*; **2.16.09** - *Thời khóa biểu học kỳ I, II các lớp liên thông Cao đẳng từ Trung cấp bao gồm: 20CTP01-TC, 20CML01-TC, 20CDC01-TC, 20CKT01-TC, 20CCT01-TC*; **2.16.10** – *Kế hoạch đào tạo toàn khóa và kế hoạch đào tạo các học kỳ của các lớp liên thông*; **2.16.11** - *Lịch thi học kỳ các lớp liên thông*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 16, tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 2.17: *Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Trường có website để thực hiện công bố các nội dung hoạt động của Trường như: tuyển sinh, quản lý, công khai chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra, vị trí việc làm,... Trước khi chuyển sang Bộ LĐTĐXH trường sử dụng phần mềm quản lý đào tạo của dự án ODB tài trợ. Từ tháng 1/2022, Nhà trường đưa vào sử dụng phần mềm “Hệ thống tích hợp thông tin Quản lý đào tạo” của Trung tâm Công nghệ phần mềm trường Đại học Cần Thơ theo Hợp đồng số 95/2022/HĐ-CDNB-CUSC để thống nhất việc tổ chức, quản lý đào tạo trong toàn trường. Hệ thống tích hợp thông tin bao gồm các chức năng: Lập và thông báo thời khóa biểu; lịch thi, danh sách thi; Quản lý lớp, quản lý HSSV; Tuyển sinh; Quản lý thông tin, thông báo. Việc hoàn thiện cơ sở dữ liệu của trường được thực hiện thường xuyên theo hướng dẫn của các chuyên viên kỹ thuật đến từ Trung tâm Công nghệ phần mềm trường Đại học Cần Thơ (**2.9.01** – *Hợp đồng dịch vụ số về việc xây dựng phần mềm quản lý đào tạo với trường ĐH Cần Thơ*).

Tại Phân hiệu, đơn vị cũng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và hoạt động dạy và học. Trong công tác quản lý đào tạo, Phân hiệu đã sử dụng phần mềm quản lý đào tạo CCSTrain của công ty cổ phần Chip Chip để thuận tiện trong công tác quản lý học sinh, sinh viên quản lý đào tạo, điểm số, xây dựng kế hoạch đào tạo, lập thời khóa biểu... Các Trưởng khoa, chuyên viên phòng Đào tạo và GV, HSSV đều có tài khoản để truy cập dữ liệu theo phân quyền (**2.9.02** - *Hợp đồng kinh tế số 41/CCS-HĐ/2021 ngày 04/01/2021 hợp đồng nâng cấp và bảo trì phần mềm quản lý đào tạo CCSTrain giữa Phân hiệu Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại thành phố Hồ Chí Minh và công ty TNHH Giải pháp công nghệ Chip Chip*).

Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo, gồm có: xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung chương trình, giáo trình đào tạo; tuyển sinh; kiểm tra, thi, xét, công nhận tốt nghiệp; đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học; khảo sát học sinh sau tốt nghiệp; khảo sát doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động; cơ sở dữ liệu về nhà giáo; cơ sở vật chất thiết bị; thư viện... Tất cả dữ liệu về các hoạt động đào tạo hiện nay Nhà trường vẫn thực hiện lưu theo quy định tại các đơn vị liên quan theo chức năng và hệ thống lưu trữ dữ liệu của văn thư và phần mềm quản lý của

trường (2.17.01- Quyết định về việc ban hành Quy chế công tác quản lý, lưu trữ các loại hồ sơ tại Trường CĐ Nông nghiệp Nam Bộ 2018, 2020 và năm 2022; 2.17.02 – Hồ sơ lưu trữ của văn thư). Hàng năm, các đơn vị trực thuộc trường đều tiến hành báo cáo tổng kết công tác của đơn vị trong năm trong đó thể hiện rõ những dữ liệu liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ được giao của đơn vị (1.5.03 – Báo cáo tổng kết công tác năm 2020, 2021, 2022 của các đơn vị trực thuộc Trường).

Ngoài ra, việc quản lý số liệu tốt nghiệp hàng năm còn được thực hiện trên Hệ thống tra cứu văn bằng GDNN và Phần mềm quản lý số liệu tuyển sinh, tốt nghiệp, việc làm của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (2.17.03 – <http://csdl.gdnn.gov.vn>).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 17, tiêu chí 2: 01 điểm

3.2.3. Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động

Đánh giá tổng quát

Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ hiện có 117 CBVC (62 nam và 55 nữ), là trường có đội ngũ CBVC với trình độ chuyên môn cao. Hầu hết cán bộ làm công tác giảng dạy đều có trình độ thạc sĩ trở lên, cụ thể hiện nay trường có 57 giảng viên, hầu hết nhà giáo có trình độ thạc sĩ trở lên: 05 tiến sĩ, chiếm tỷ lệ 4,3%; 54 thạc sĩ, chiếm tỷ lệ 46,2% và 50 cử nhân đại học, chiếm tỷ lệ 42,7%, trình độ khác 8, chiếm tỷ lệ 6,8%.

Nhà trường đã áp dụng và có kế hoạch ban hành một số chính sách khuyến khích đội ngũ giảng viên đăng ký thi chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, trau dồi khả năng ngoại ngữ, tin học nhằm hướng đến mục tiêu trường chất lượng cao. Hiện tại, trường có 36 giảng viên đạt kỹ năng nghề quốc gia bậc 3. Trong thời gian tới, dự kiến cử thêm nhiều lượt giáo viên, đặc biệt là giáo viên các ngành nghề trọng điểm, tham gia sát hạch kỹ năng nghề quốc gia bậc 3.

Để có thể quản lý CBVC, người lao động toàn trường, Nhà trường đã ban hành và tổ chức thực hiện đầy đủ, công khai, minh bạch, khách quan các quy định về tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động. Nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, tạo điều kiện cho CBVC, người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn.

Hàng năm, toàn thể cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của Trường được đánh giá, phân loại viên chức, từ đó chỉ ra các mặt mạnh để phát huy, mặt yếu kém để khắc phục, đồng thời có chính sách khen thưởng, động viên những viên chức có thành tích trong công việc.

Ban Giám hiệu và đội ngũ cán bộ quản lý đạt chuẩn, được bổ nhiệm theo đúng quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp và Điều lệ trường cao đẳng.

*** Những điểm mạnh:**

Ban Giám hiệu có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn và tổ chức quản lý, luôn quan tâm đến chính sách hỗ trợ giáo viên, cán bộ công nhân viên, lãnh đạo đơn vị nhiều năm liền hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Trường có cơ chế, chính sách khuyến khích giáo viên và cán bộ công nhân viên tham gia cải tiến công tác quản lý, tác phong làm việc, nghiên cứu cải tiến chuyên môn và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy theo qui định.

Nhà trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định; thực hiện giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo. Trường có chính sách, biện pháp nhằm khuyến khích nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định, không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của Trường. Đội ngũ viên chức, người lao động có đủ số lượng, năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao.

*** Những hạn chế:**

Một số giáo viên chưa có chứng chỉ kỹ năng nghề theo quy định.

Một số giáo viên dạy các môn chuyên môn nghề chưa được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo qui định.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Trên cơ sở nhà trường đã xây dựng kế hoạch và lập danh sách các giảng viên chưa có chứng chỉ kỹ năng nghề, đề nghị trong thời gian tới nhà trường tạo điều kiện cho nhà giáo tham gia học tập, bồi dưỡng và đánh giá đạt chuẩn kỹ năng nghề nhằm đáp ứng yêu cầu về chuẩn kỹ năng nghề theo qui định.

Đề nghị trong thời gian tới, nhà trường tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên dạy chuyên môn nghề được tham gia bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp quản lý sản xuất theo qui định.

Điểm đánh giá tiêu chí 3:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 3	13
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	0
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1

Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	0
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1
Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	1
Tiêu chuẩn 15	1

Tiêu chuẩn 3.1: *Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Trường Cao Đẳng Nông nghiệp Nam Bộ là đơn vị công lập trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, gồm 02 cơ sở: Cơ sở chính ở Tiền Giang và Phân hiệu tại TP Hồ Chí Minh. Chia ra hai giai đoạn như sau:

- Giai đoạn trước tháng 8/2019 Trường Cao Đẳng NNNB trực thuộc Bộ NN&PTNT.

- Giai đoạn từ tháng 8/2019 về sau, Bộ LĐTBXH có Quyết định số 1128/QĐ-LĐTBXH, ngày 09/8/2019 sáp nhập trường Trung cấp Thủy sản và Trường Cao Đẳng NNNB và trực thuộc Bộ Nông nghiệp & PTNT.

Ngày 28/01/2008 Trường Trung học và Dạy nghề Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nam Bộ được nâng cấp thành Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ, trực thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT (**1.1.02 – Quyết định số 479/QĐ-BGDĐT, ngày 28 tháng 01 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ**).

- Căn cứ các văn bản trên Trường đã ban hành Quyết định số 329/QĐ-CĐNB, ngày 10/6/2008 của Hiệu trưởng Về Quy chế tổ chức và hoạt động của trường (**1.3.01 - Quyết định số 329/QĐ-CĐNB ngày 10/6/2008 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường**).

- Đến ngày 01/01/2017 trường thuộc sự quản lý của Bộ Lao động TBXH, trường đã căn cứ các Thông tư số 46/2018/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 06/2017/TT-BLĐTBXH, ban hành Quyết định số 102/QĐ-CĐNB, ngày 01/02/2019 Về Quy định hoạt động và Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường Cao Đẳng NNNB.

- Về tuyển dụng, sử dụng viên chức và người lao động:

Từ năm 2019 về trước, nhà trường áp dụng Quy chế tổ chức và hoạt động theo Quyết định số 102/QĐ-CĐNB, ngày 01/02/2019 tại chương IV, Điều 42 Quy định về

tuyển dụng viên chức, người lao động; Điều 43 Tổ chức thi tuyển và sử dụng viên chức, người lao động.

- Về Công tác qui hoạch, bồi dưỡng:

Nhà trường đã có qui định về công tác bồi dưỡng tại chương I Điều 20 Về xây dựng kế hoạch công tác đào tạo, bồi dưỡng; đối với công tác qui hoạch nhà trường đã căn cứ Công văn số 2766/BNN-TCCB, ngày 03/4/2017 của Bộ trưởng Bộ NN-PTNT V/v Công tác qui hoạch cán bộ và Công văn số 9420/BNN-TCCB, ngày 05/12/2018 của Bộ trưởng Bộ NN-PTNT V/v một số lưu ý khi rà soát, bổ sung qui hoạch cán bộ lãnh đạo (**3.1.01 - Các Công văn của Bộ Nông nghiệp PTNT về công tác Qui hoạch cán bộ lãnh đạo**).

- Về công tác đánh giá, phân loại:

Trường có Qui định tại Chương III Thi đua và khen thưởng tại Điều 39 Qui trình và hình thức xét thi đua và Điều 40 Qui trình xét khen thưởng.

Giai đoạn từ 2020 đến nay:

Ngày 09/08/2019, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành quyết định sáp nhập Trường Trung cấp Thủy sản vào Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ và tổ chức thành Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại Tp. Hồ Chí Minh theo (**3.1.02 - Quyết định 1128/QĐ-LĐTBXH ngày 09/8/2019 về việc sáp nhập Trường trung cấp Thủy sản vào Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ**).

Sau khi sáp nhập Bộ Nông nghiệp- PTNT ban hành các Quyết định số 4717/QĐ-BNN-TCCB, ngày 09/12/2019 Về Qui định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao Đẳng Nông nghiệp Nam bộ; và Quyết định số 4746/QĐ-BNN-TCCB, ngày 11/12/2019 Về Qui định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phân hiệu Trường Cao Đẳng Nông nghiệp Nam bộ tại TP Hồ Chí Minh (**1.1.08 - Quyết định số 4717/QĐ-BNN-TCCB, ngày 9 tháng 12 năm 2019, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ; 1.1.09 - Quyết định số 4746/QĐ-BNN-TCCB ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phân hiệu của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại Thành phố Hồ Chí Minh**).

Căn cứ các Quyết định trên, Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 quy định về Điều lệ trường cao đẳng và Thông tư số 06/2017/TTBLĐTBXH Quy định về tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, Trường đã ban hành Quyết định số 238/QĐ-CĐNB, ngày 15/04/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về Qui chế tổ chức và hoạt động của trường; Đối với Phân hiệu tại TP HCM đã ban hành các Quyết định số 327/QĐ-CĐNBPH-VP ngày 29/6/2020 của Giám đốc Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ TPHCM về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường cao đẳng Nông Nghiệp Nam Bộ Phân hiệu tại TPHCM và Quyết định số 96/QĐ-CĐNBPH-VP, ngày 01/02/2021 về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ Phân hiệu tại TPHCM.

Căn cứ Quyết định số 238/QĐ-CĐNB, Trường đã xây dựng và ban hành các Các Quyết định số 60/QĐ-CĐNB, ngày 16/01/2020, của Hiệu trưởng về Ban hành quy định hoạt động trường năm 2020 và Quyết định số 141/QĐ-CĐNB, ngày 19/02/2021 của Hiệu trưởng Về Ban hành Qui định hoạt động trường năm 2021; Đối với Phân hiệu tại TP HCM đã ban hành các Quyết định số 328/QĐ-CĐNBPH-VP, ngày 29/6/2020 và Quyết định số 97/QĐ-CĐNBPH-VP, ngày 01/02/2021 Về Qui định hoạt động và Qui chế chi tiêu nội bộ năm 2020, 2021 (**3.1.03 – Qui định hoạt động và Qui chế chi tiêu nội bộ của Phân hiệu tại TP HCM năm 2020, 2021**).

- Về tuyển dụng, sử dụng viên chức và người lao động:

Nhà trường có qui định về công tác tuyển dụng, sử dụng viên chức và người lao động tại Chương VI: Qui định về tuyển dụng viên chức, người lao động bao gồm các Điều 59: Nguyên tắc tuyển dụng viên chức và người lao động; Điều 60: Qui trình tuyển dụng, sử dụng viên chức và người lao động.

- Về công tác qui hoạch, bồi dưỡng:

Áp dụng các qui định trên tại Chương II: Chế độ chung; Điều 31: Thanh toán cho người đi học, Điều 61: Tổ chức bồi dưỡng CBQL, viên chức và nười lao động; đối với công tác qui hoạch nhà trường đã căn cứ Công văn số 2766/BNN-TCCB, ngày 03/4/2017 của Bộ trưởng Bộ NN-PTNT Về Công tác qui hoạch cán bộ và Công văn số 9420/BNN-TCCB, ngày 05/12/2018 của Bộ trưởng Bộ NN-PTNT V/v một số lưu ý khi rà soát, bổ sung qui hoạch cán bộ lãnh đạo áp dụng tại Qui định về tổ chức và hoạt động của Trường tại Điều 5 Xây dựng và tổ chức thực hiện Quy hoạch cán bộ.

- Về công tác đánh giá, phân loại:

- Việc phân loại đánh giá nhà giáo hằng năm nhà trường đã thực hiện theo Thông tư 08/2017/TT-BLĐTĐBXH, ngày 10/03/2017 và Thông tư số 21/2020/TT-BLĐTĐBXH, ngày 30/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTĐBXH và Hướng dẫn số 912/HD-CĐNB, ngày 10/9/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ, Đánh giá xếp loại nhà giáo (**3.1.04 – Hướng dẫn số 912/HD-CĐNB, ngày 10/9/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về đánh giá xếp loại nhà giáo**).

- Đánh giá xếp loại chất lượng cán bộ, viên chức và người lao động trường đã thực hiện theo Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 9/6/2015 và Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính Phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức. Căn cứ vào những văn bản hướng dẫn, hàng năm trường đã ban hành hướng dẫn đánh giá, phân loại cán bộ, viên chức và người lao động (**3.1.05 - Hướng dẫn đánh giá, phân loại viên chức và xét thi đua năm 2020-2021, 2021 – 2022, 2022 - 2023**).

Ngoài ra trường đã áp dụng các Qui định đã ban hành của nhà trường tại Chương IV Thi đua và khen thưởng gồm các điều khoản sau: Điều 40 Danh hiệu thi đua; Điều 41 Phân loại lao động hàng tháng; Điều 42 Tiêu chuẩn thi đua; Điều 43 Xây dựng phong trào thi đua; Điều 44 Quy trình và hình thức xét thi đua; Điều 45 Quy trình xét khen thưởng (**3.1.06- Qui định về hoạt động và qui chế chi tiêu nội bộ các năm 2021, 2022,**

2023 cơ sở chính) và (3.1.07 - Quy định hoạt động và Quy chế chi tiêu nội bộ của Phân hiệu tại TP HCM năm 2021, 2022, 2023).

Nhà trường đã ban hành đầy đủ các văn bản quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, qui hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, xếp loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức theo qui định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 3: 01 điểm

Tiêu chuẩn 3.2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Số lượng CCVC Trường được quản lý bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; căn cứ vào Quyết định giao số lượng người làm việc của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (3.2.01 - Quyết định về việc giao số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2021), Nhà trường rà soát những vị trí việc làm để có kế hoạch bổ sung số lượng phù hợp.

Để tuyển dụng, Nhà trường đều có kế hoạch, quy trình về tuyển dụng viên chức đúng theo quy định, theo yêu cầu phát triển của từng đơn vị (3.2.02 - Kế hoạch Tuyển dụng viên chức năm 2021, 2022, 2023). Công tác tuyển dụng được thực hiện thông qua Hội đồng tuyển dụng của Nhà trường. Hội đồng làm việc đảm bảo đúng quy định trên tinh thần công khai, minh bạch và khách quan.

Nhà trường luôn tạo điều kiện để đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên và người lao động tham gia bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn hoặc nghiệp vụ. Nhà trường luôn chú trọng đến hiệu quả trong việc thực hiện nhiệm vụ của CBVC. Hàng năm trường đã xây dựng Kế hoạch và cử cán bộ viên chức, người lao động đi học tập bồi dưỡng theo quy định (3.2.03 – Kế hoạch, danh sách đào tạo, bồi dưỡng CBVC – nhà giáo, NLD năm 2021, 2022, 2023 cơ sở chính và phân hiệu; 3.2.04 – Các Quyết định (kèm danh sách) cử CBVC, nhà giáo đi học tập bồi dưỡng các năm 2021, 2022, 2023 Cơ sở chính – Phân hiệu).

Chính vì vậy, việc phân công công tác luôn dựa vào trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực công tác của đội ngũ công chức, viên chức, đảm bảo sử dụng đúng theo yêu cầu về trình độ chuyên môn đồng thời phát huy được năng lực riêng của mỗi cá nhân.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức hoạt động của Nhà trường, căn cứ các Quy định như đã mô tả ở tiêu chuẩn 3.1 và các văn bản Hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp – PTNT (3.2.05 - Các hướng dẫn thực hiện công tác qui hoạch cán bộ lãnh đạo thuộc diện trường quản lý năm 2021, 2022, 2023) hàng năm Nhà trường đều tổ chức rà soát quy hoạch cán bộ quản lý (3.2.06 – Kế hoạch Quy hoạch cán bộ năm 2021, 2022,

2023; **3.2.07** - Quyết định số 592/QĐ-CDNB ngày 8/5/2019 của Hiệu trưởng Công nhận danh sách quy hoạch cán bộ lãnh đạo đơn vị trực thuộc Ban Giám hiệu giai đoạn 2016-2021 và giai đoạn 2021-2026 (rà soát bổ sung năm 2019); **3.2.08** - Quyết định số 259/QĐ-CDNB ngày 16/3/2020 của Hiệu trưởng Công nhận danh sách quy hoạch cán bộ lãnh đạo đơn vị trực thuộc Ban Giám hiệu giai đoạn 2016-2021 và giai đoạn 2021-2026 (rà soát bổ sung năm 2020); **3.2.09** - Quyết định số 354/QĐ-CDNB ngày 23/4/2021 của Hiệu trưởng Công nhận danh sách quy hoạch cán bộ lãnh đạo đơn vị trực thuộc Ban Giám hiệu năm 2021 và giai đoạn 2021-2026 (rà soát bổ sung năm 2021).

Việc phân loại đánh giá nhà giáo thực hiện theo TT 08/2017/ TT-BLĐT BXH ngày 10/03/2017, Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và đánh giá phân loại cán bộ, công viên chức, viên chức theo Nghị định 56/NĐ-CP ngày 9/6/2015 và công 8674/BNN-TCCB ngày 22/10/2015 của Bộ nông nghiệp và PTNT. Sau khi kết thúc năm học hay năm hành chính, Nhà trường đều gửi hướng dẫn đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và thông báo rộng rãi đến từng đơn vị để tổ chức thực hiện. Sau khi thực hiện đánh giá, Nhà trường sẽ thông báo kết quả đến từng CBVC toàn trường (**3.1.04** – Hướng dẫn số 912/HD-CDNB, ngày 10/9/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ, Đánh giá xếp loại nhà giáo; **3.1.05** – Hướng dẫn đánh giá, phân loại viên chức và xét thi đua năm học 2020-2021, 2021 – 2022, 2022 - 2023; **3.2.10** – Thông báo Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022 - 2023; **3.2.11** - Báo cáo về kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo về chuyên môn, nghiệp vụ năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022 - 2023).

Nhà trường đảm bảo thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách lao động tiền lương, thực hiện các chế độ ưu đãi của Nhà nước, của Nhà trường cho toàn thể CBVC (**3.2.12** – Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định năm 2021, 2022, 2023).

Nhà trường luôn có chủ trương, kế hoạch và tổ chức triển khai tốt và nghiêm túc các quy định có liên quan về công tác tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động; Thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động. Tất cả các hoạt động trên khi kết thúc Nhà trường đều có báo cáo kết quả về cơ quan chủ quản theo đúng yêu cầu và quy định (**3.2.13** – Báo cáo thành tích tập thể Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2020-2021, 2021 – 2022, 2022 - 2023).

Về ý kiến khảo sát cán bộ, viên chức và người lao động có nội dung: “Công tác tuyển dụng, bồi dưỡng, qui hoạch thực hiện đúng qui định, công khai, minh bạch?”

Kết quả khảo sát như sau:

Năm 2021, số phiếu phát ra 132, số phiếu thu về 127, trong đó 126 nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động trả lời mức độ “cố” đạt 99,2% còn lại là ý kiến khác 01 đạt 0,8%.

Năm 2022, số phiếu phát ra 124, số phiếu trả lời 118 trong đó 114 nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động trả lời mức độ “cố” đạt 96,6% còn lại ý kiến khác là 04 đạt 3,4% .

Năm 2023, số phiếu phát ra 117, số phiếu trả lời 111 trong đó 107 nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động trả lời mức độ “tốt và xuất sắc” đạt 96,4% còn lại ý kiến chọn mức “Trung bình” chiếm tỷ lệ 3,6%. Không có đánh giá ở mức yếu kém. (1.1.10 - Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021, 2022; 1.1.11 - Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 3: 01 điểm

Tiêu chuẩn 3.3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định

Hiện nay, Nhà trường đang rà soát đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo Thông tư 08/2017/ TT-BLĐTBXH ngày 10/03/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các viên chức gián tiếp phục vụ đào tạo theo từng chức danh, vị trí việc làm.

Kết quả rà soát cho thấy hầu hết các cán bộ giảng dạy của Trường đều đạt tiêu chuẩn về chuyên môn và nghiệp vụ. Số nhà giáo đảm bảo đạt chuẩn về kỹ năng nghề bậc 3 để tham gia dạy thực hành và tích hợp theo Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/03/2017 được nâng lên đáng kể (49,28% vào năm 2021). Về trình độ chuyên môn, Nhà trường đảm bảo 100% nhà giáo của trường có trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu (100% nhà giáo có trình độ đại học trở lên). Trình độ ngoại ngữ của nhà giáo được yêu cầu cập nhật lại theo khung ngoại ngữ 6 bậc và tính đến thời điểm hiện tại có 100% nhà giáo giáo dục nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ từ bậc 2 trở lên. Trình độ tin học của đội ngũ nhà giáo 100% đảm bảo để có thể ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học, theo đó trình độ tin học của đội ngũ nhà giáo đạt trình độ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương (3.3.01 - *Danh sách trích ngang nhà giáo của trường có các thông tin về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, ngoại ngữ, tin học, kỹ năng nghề hoặc tương đương*).

Nhà trường đang tạo điều kiện để số nhà giáo còn lại tham gia các lớp học bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định. Nhà trường có đầy đủ hồ sơ quản lý nhà giáo theo từng chức danh, chức vụ cụ thể theo từng đơn vị. Việc quản lý được thực hiện theo Luật công chức 2008, Luật viên chức 2010 sửa đổi bổ sung năm 2019, Nghị định 29/NĐ-CP ngày 12/4/2012 và Nghị định

115/NĐ-CP ngày 25/09/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (3.3.02 – Hồ sơ quản lý nhà giáo).

Năm học 2020-2021, Trường liên hệ hợp tác với Trường Đại học SPKT Vinh để cử giáo viên tham gia học lớp bồi dưỡng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp hạng 2 (3.3.03 – Quyết định số 587/QĐ-ĐHSPKT ngày 12/10/2020 về việc Mở lớp Bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp. Chứng chỉ bồi dưỡng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp hạng 2).

Năm 2021, Nhà trường đã cử một số nhà giáo thuộc lĩnh vực thú y và bảo vệ thực vật, quản trị cơ sở dữ liệu, sửa chữa máy tàu thủy tiếp tục tham gia các lớp bồi dưỡng kỹ năng nghề, tham gia kỳ đánh giá cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia để hoàn thành tiêu chuẩn dạy thực hành và tích hợp theo quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 3: 00 điểm

Tiêu chuẩn 3.4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định

Nhà trường đã căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp, Thông tư 46/2016/TT-BLĐTBXH, ngày 28/12/2016 của Bộ LĐTBXH về Điều lệ trường Cao Đẳng, Trường đã ban hành Quyết định số 238/QĐ-CĐNB, ngày 15/04/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nông nghiệp Nam bộ Về Quy chế tổ chức và hoạt động của trường và các Quyết định số 327/QĐ-CĐNBPH-VP ngày 29/6/2020 của Giám đốc Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ TP.HCM về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ Phân hiệu tại TP.HCM và Quyết định số 96/QĐ-CĐNBPH-VP, ngày 01/02/2021 về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ Phân hiệu tại TP.HCM (3.4.01 - Quy chế về tổ chức và hoạt động của trường Cao đẳng NNNB và Phân hiệu tại TP HCM), đã xây dựng Quy chế hoạt động trường Cao đẳng NNNB (3.1.01 - Quy định hoạt động Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ năm 2021, 2022, 2023); Đối với Phân hiệu tại TP HCM (3.4.01 - Quy định hoạt động và Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020 và năm 2021 của Phân hiệu tại TP.HCM).

Thực hiện các văn bản hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp - PTNT và Quy chế hoạt động đã được ban hành, Trường đã ban hành Quyết định số 102/QĐ-CĐNB, ngày 01/02/2019 qui định chi tiết chế độ làm việc của nhà giáo năm 2019; Quyết định số 60/QĐ-CĐNB, ngày 16/01/2020 và Quyết định số 141/QĐ-CĐNB, ngày 19/02/2021 qui định chi tiết chế độ làm việc của nhà giáo năm 2020, 2021, 2022.

Căn cứ vào Quy chế tổ chức và hoạt động, Trường đã xây dựng nhiều nội quy quy định cho các hoạt động của Trường như Nội quy làm việc, Nội quy phòng học, Nội quy Ký túc xá, Nội quy Thư viện (3.4.02 – Nội quy phòng học; 3.4.03 – Nội quy Ký túc

xá; **3.4.04** – Nội quy Thư viện; **3.4.05** – Quyết định số 148/QĐ-CDNBPH-VP ngày 01/3/2021 của Giám đốc Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ TPHCM về việc ban hành Nội quy tiếp công dân của Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ TPHCM; **3.4.06** – Quyết định số 149/QĐ-CDNBPH-VP ngày 01/3/2021 của Giám đốc Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ TP.HCM về việc ban hành Nội quy ra vào cổng của Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ TP.HCM).

Theo đó, cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên và HSSV của Nhà trường đã nghiêm chỉnh chấp hành và thực hiện rất tốt. Những năm qua không có trường hợp nào vi phạm pháp luật cũng như làm trái chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, các quy định, nội quy của Trường. Đội ngũ nhà giáo nghiêm chỉnh chấp hành quy chế đào tạo, thực hiện đủ khối lượng giảng dạy theo quy định, không ngừng học tập nâng cao trình độ, thường xuyên tu dưỡng rèn luyện đạo đức, tác phong, đảm bảo phẩm chất, danh dự của nhà giáo. Việc này được định kỳ kiểm tra thông qua phiếu đánh giá cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên hàng tháng (**3.4.07** – Phiếu đánh giá cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên hàng tháng) và họp xét thi đua khen thưởng sau mỗi học kỳ (**1.5.04** - Quyết định công nhận danh hiệu thi đua học kỳ II và năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022 - 2023; **3.4.08** - Danh sách CBVC Nhà trường; **3.4.09** - Báo cáo tổng kết công tác năm 2019, 2020, 2021 của Trường; **3.4.10** - Hồ sơ quản lý nhà giáo; **3.4.11** - Hồ sơ cán bộ quản lý cấp Phòng, Khoa, Trung tâm).

Quyền lợi của cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên cũng được quy định rõ ràng trong Quy định hoạt động của Trường từng năm như: chế độ nghỉ phép, nghỉ hè, lễ, tết, thanh toán các khoản đi công tác, đi học, làm dư giờ, chế độ phụ cấp ưu đãi cho giảng viên, bảo hiểm, chế độ tham quan học tập ở nước ngoài, nâng bậc lương trước thời hạn,... Ngoài ra, cán bộ quản lý, giảng viên và viên chức của Trường còn được đảm bảo quyền dân chủ thông qua các hội nghị với sự tham gia của toàn thể cán bộ, viên chức Nhà trường: Hội nghị công chức, viên chức được tổ chức hằng năm nhằm xây dựng phương hướng hoạt động, chỉ tiêu thi đua của năm học (**3.4.12** - Nghị quyết Hội nghị công chức viên chức năm 2020, 2021, 2022). Hội nghị giao ban hàng tháng đánh giá hoạt động trong tháng và xây dựng kế hoạch trọng tâm tháng tiếp theo của Trường và cụ thể cho từng Phòng, Khoa, Bộ môn (**3.4.13** – Biên bản họp giao ban trong năm 2021, 2022, 2023). Ban thanh tra nhân dân được Hội nghị cán bộ viên chức bầu ra đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ; có kế hoạch thanh tra, báo cáo định kỳ và báo cáo hằng năm (**3.4.14** – Báo cáo của Ban thanh tra nhân dân báo cáo hoạt động của Ban thanh tra nhân dân năm 2020, 2022, 2023).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 3: 01 điểm

Tiêu chuẩn 3.5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Nhà trường đã xây dựng và ban hành quy định giờ giảng tiêu chuẩn của cán bộ, giáo viên phù hợp với quy định và thực tế đào tạo của nhà trường. Chế độ làm việc của nhà giáo được quy định cụ thể trong quy chế hoạt động của Trường được ban hành theo từng năm (**3.4.01- Quy chế về tổ chức và hoạt động của trường Cao đẳng NNNB và Phân hiệu tại TP HCM**) và **Quyết định số 100/QĐ-CĐNBPH-VP**, ngày 01/02/2021 Về chế độ làm việc của nhà giáo tại Phân hiệu (**3.5.01 – Chế độ làm việc của nhà giáo tại Phân hiệu năm 2021**).

Qua hồ sơ thanh toán vượt giờ các năm 2020 - 2021, 2021 - 2022, 2022 - 2023 và so sánh với Kế hoạch đào tạo các năm 2020 - 2021, 2021 - 2022, 2022 - 2023 đội ngũ nhà giáo đảm bảo thực hiện đúng chế độ về giờ dạy, môn học phụ trách phù hợp chuyên môn (**2.5.01 - Quyết định Phân công khối lượng công tác giáo viên cơ sở chính năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 - 2023; 2.5.02 - Kế hoạch đào tạo toàn khóa cơ sở chính năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 - 2023; 2.5.03 - Tiến độ đào tạo năm học cơ sở chính; 2.4.09 – Lịch học toàn khóa cơ sở chính và phân hiệu**); có Khoa chuyên môn do công tác tuyển sinh không đảm bảo chỉ tiêu nên đã có giáo viên giảng dạy thiếu khối lượng theo tiêu chuẩn giờ giảng nhà trường qui định (**3.5.02 – Bảng nghiệm thu khối lượng giảng dạy năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 - 2023 cơ sở chính; 3.5.03 – Bảng thanh toán vượt giờ năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 - 2023 cơ sở chính và phân hiệu**).

Căn cứ bảng báo cáo số liệu thống kê số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận chương trình từng ngành nghề đào tạo các năm 2020, 2021, 2022 trong báo cáo tự đánh giá của Trường đối chiếu với qui định tại Nghị định 143/2016/NĐ-CP, ngày 14/10/2016 của Chính phủ Quy định về “Điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp” cho thấy các nghề nhà trường được cấp Giấy phép đăng ký hoạt động GDNN đảm bảo có số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận ít nhất 60% khối lượng chương trình mỗi ngành nghề đào tạo.

Tính tới thời điểm đánh giá Nhà trường có 57 giáo viên cơ hữu; số nhà giáo có trình độ sau đại học đạt tỉ lệ 50,4%, đối chiếu tại Điểm d Khoản 2 Điều 14 Mục I Chương III Nghị định 143/2016/NĐ-CP, ngày 14/10/2016 trường đạt tỉ lệ theo qui định.

Về tỉ lệ qui đổi nhà giáo/HSSV: (**2.3.09 – Quyết định phân lớp và danh sách kèm theo năm 2021, 2022; 2023**) tỉ lệ qui đổi cụ thể như sau:

Năm	Tỉ lệ HSSV/GV
2021	9,46
2022	15,4
2023	14,7

Bảng thống kê HSSV các năm và tỉ lệ qui đổi.

Căn cứ các số liệu trên đối chiếu tại Điểm d Khoản 2 Điều 14 Mục I Chương III Nghị định 143/2016/NĐ-CP, ngày 14/10/2016 trường đạt tỉ lệ theo qui định (tỉ lệ <= 1/25)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 3: 01 điểm

Tiêu chuẩn 3.6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định

Nhà trường đã căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 01/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, Nhà trường triển khai xây dựng chương trình đào tạo các nghề như sau:

Tính tới thời điểm đánh giá, Nhà trường đã xây dựng và ban hành 55 chương trình nghề trong đó có 26 nghề cao đẳng và 29 nghề trung cấp.

Tại cơ sở chính có 17 chương trình cao đẳng và 14 chương trình trung cấp (2.5.06 - Bộ Quyết định ban hành chương trình đào tạo 2020, 2021, 2022, 2023 của cơ sở chính). Tại Phân hiệu TP. HCM có 9 chương trình cao đẳng và 15 chương trình trung cấp (2.5.09 - Bộ Quyết định ban hành chương trình đào tạo năm 2020 của Phân hiệu).

Căn cứ vào Chương trình đào tạo, mỗi học kỳ, năm học, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch đào tạo cho từng nghề, đảm bảo tất cả các môn học, mô đun đều phân công đủ giáo viên đứng lớp, kết quả xét tiến độ học tập của phòng Đào tạo & KHCN (2.5.07 - Quyết định điều chỉnh tiến độ học sinh/sinh viên năm 2021, 2022, 2023 cơ sở chính và phân hiệu; 2.5.08 - Quyết định công nhận Kết quả xét tiến độ học tập trong năm 2021, 2022, 2023 cơ sở chính và phân hiệu); Khoa đã thực hiện phân công giáo viên giảng dạy trong năm học theo kế hoạch. Nội dung các kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập (2.5.05 - Lịch học toàn khóa cơ sở chính năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 - 2023; 2.5.01 - Quyết định Phân công khối lượng công tác giáo viên cơ sở chính năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 - 2023).

Tại Phân hiệu TP. HCM, Trường đã tổ chức đào tạo theo phương thức “đào tạo theo niên chế”. Đã ban hành Bộ chương trình đào tạo tại Phân hiệu. Các giảng viên đã được phân công dạy theo kế hoạch đào tạo cho từng ngành nghề đào tạo, theo kế hoạch đào tạo cho từng học kỳ, năm học, theo thời khoá biểu của nhà Trường (2.5.13 - Thời khoá biểu các tuần trong năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 – 2023 của phân hiệu).

Các nhà giáo đã thực hiện các loại sổ quản lý đào tạo theo quy định như: sổ lên lớp, giáo án (có khoa/phòng phê duyệt), sổ tay nhà giáo (2.6.02 - Sổ lên lớp năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 - 2023; 2.6.03 – Sổ tay và giáo án nhà giáo năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 - 2023).

Các hoạt động đào tạo của Trường đã thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt của Ban Giám hiệu nhà trường. Trường có xây dựng kế hoạch đào tạo cho từng nghề, đảm bảo tất cả các môn học, mô đun đều có đủ giảng viên

giảng dạy, ngoài vai trò giám sát của các khoa chuyên môn, Phòng Đào tạo thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc giảng dạy của giảng viên và học tập của HSSV.

Các giảng viên đã thực hiện hồ sơ giảng dạy đầy đủ theo qui định.

Tất cả nhà giáo cơ hữu và nhà giáo thỉnh giảng tham gia giảng dạy các môn học chung, các môn chuyên môn ngành/nghề, các môn văn hóa trung học phổ thông đã thực hiện đúng theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo. Tất cả giảng viên đã thực hiện tốt và đầy đủ nhiệm vụ kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HSSV.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 3: 01 điểm

Tiêu chuẩn 3.7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.

Mô tả, phân tích, nhận định

Những chính sách, biện pháp và việc thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy được thông qua hội nghị cán bộ viên chức và đưa vào trong quy định về hoạt động của Trường hằng năm. Trong quy định thể hiện rõ những quyền lợi và chính sách hỗ trợ cho việc học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và đổi mới phương pháp giảng dạy (thực hiện các Qui định này tại Chương II: Chế độ chung, Điều 31: Thanh toán cho người đi học và tại Chương VI: Qui định tuyển dụng viên chức, Điều 61: Tổ chức bồi dưỡng viên chức). Bên cạnh đó, quy định cũng đơn giản hóa các thủ tục tài chính, hành chính để khuyến khích nhà giáo trong việc tự học tập và bồi dưỡng trình độ của bản thân (*1.3.07 – QĐ số 141/QĐ-CDNB ngày 19/2/2021 Quyết định ban hành quy định hoạt động Trường năm 2021*).

Hằng năm, trên cơ sở định hướng phát triển Nhà trường, căn cứ nhu cầu học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ của giáo viên, CBVC, lãnh đạo các đơn vị tổng hợp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo của các đơn vị gửi về phòng TCHC&QT. Trên cơ sở đó, căn cứ vào điều kiện thực tế, nguồn kinh phí dành cho đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, Nhà trường xây dựng kế hoạch học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên (*3.7.01 – Kế hoạch số 1187/KH – CDNB của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2021-2025 cơ sở chính và phân hiệu*).

Năm học 2020-2021, Trường liên hệ hợp tác với Trường Đại học SPKT Vinh để cử giáo viên tham gia học lớp bồi dưỡng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp hạng 2 (*3.3.03 - Quyết định số 587/QĐ-ĐHSPKT ngày 12/10/2020 về việc Mở lớp Bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp. Chứng chỉ bồi dưỡng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp hạng 2*). Năm học 2020 - 2021, Nhà trường đã cử một số nhà giáo học bồi dưỡng kỹ năng nghề: Thú y, bảo vệ thực vật, vận hành

và sửa chữa thiết bị lạnh, quản trị cơ sở dữ liệu, sửa chữa máy tàu thủy để hoàn thành tiêu chuẩn dạy thực hành và tích hợp theo quy định (3.3.02 - Hồ sơ quản lý nhà giáo).

Nhà trường đã tạo điều kiện nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm, tạo điều kiện cho đội ngũ giáo viên được giao lưu, học hỏi kinh nghiệm giữa các đơn vị trong trường, với các trường trong Tỉnh và toàn quốc (2.8.03 - Các Quyết định đạt giải tại hội giảng, hội thi các cấp năm 2021, 2022, 2023)

Ngày 05/01/2019 Hiệu trưởng nhà trường ban hành Kế hoạch số 18/KH-CĐNB Về Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2019, kèm theo nhu cầu đào tạo bồi dưỡng năm 2019.

Ngày 22/01/2020 Hiệu trưởng ký ban hành Kế hoạch số 43/KH-CĐNB Về Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2020, kèm theo danh sách nhu cầu đào tạo bồi dưỡng năm 2020.

Ngày 30/12/2020 Hiệu trưởng nhà trường ban hành Kế hoạch số 1187/KH-CĐNB Về Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2021, kèm theo nhu cầu đào tạo bồi dưỡng giai đoạn 2021 - 2025.

Trường đã có chính sách khuyến khích đội ngũ nhà giáo về đào tạo, bồi dưỡng bằng việc hỗ trợ chi phí học tập, giảm giờ giảng cho giáo viên đi học theo Quy chế chi tiêu nội bộ.

Hàng năm, nhà Trường có tổ chức khảo sát lấy ý kiến của cán bộ, giáo viên để có căn cứ điều chỉnh bổ sung cơ chế chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy; các ý kiến khảo sát hàng năm thể hiện trong Bảng thống kê kết quả khảo sát ý kiến CBVC (1.1.10 - Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2021, 2022, 2023; 1.1.11 - Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2021, 2022, 2023).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 3: 01 điểm

Tiêu chuẩn 3.8: Hàng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.

Mô tả, phân tích, nhận định

Trên cơ sở Nhà trường đã ban hành các văn bản về cơ chế chính sách và biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập, bồi dưỡng như đã mô tả ở trên, hàng năm Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và cử đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các chương trình đào tạo bồi dưỡng cụ thể như: Chương trình đào tạo bồi dưỡng chức danh giảng viên GDNN chính (Hạng 1, hạng 2); Bồi dưỡng chứng chỉ công nghệ thông tin; Lớp Trung cấp lý luận chính trị...(3.2.03 - Kế hoạch, danh sách đào tạo, bồi dưỡng CBVC – nhà giáo, NLD năm 2021, 2022, 2023 cơ sở chính và phân hiệu; 3.2.04 – Các Quyết định (kèm danh sách) cử CBVC, nhà giáo đi học tập bồi dưỡng các năm 2021, 2022, 2023 Cơ sở chính – Phân hiệu); Sau khi hoàn thành khóa học các giảng viên được cử đi

học nộp Chứng chỉ về Phòng Tổ chức Hành chính & Quản trị lưu vào hồ sơ công chức, viên chức (**3.4.10 - Hồ sơ quản lý nhà giáo**).

Ngày 30/12/2020 Hiệu trưởng nhà trường ban hành Kế hoạch số 1187/KH-CĐNB Về Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2021, kèm theo danh sách nhu cầu đào tạo bồi dưỡng giai đoạn 2021-2025.

Nhà trường có báo cáo kết quả thực hiện triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo để rút kinh nghiệm cho các năm sau (**1.5.03 - Báo cáo tổng kết năm học của các phòng, khoa, trung tâm, đơn vị trực thuộc trường năm 2021, 2022, 2023 cơ sở chính và phân hiệu; 1.6.08 - Báo cáo tổng kết và phương hướng nhiệm vụ của trường các năm 2021, 2022, 2023 cơ sở chính và phân hiệu**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 3: 01 điểm

Tiêu chuẩn 3.9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định

Căn cứ Thông tư 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ LĐTB&XH quy định chế độ làm việc của nhà giáo GDNN, Nhà trường đã ban hành Quy định chế độ làm việc của giảng viên trong đó có nêu hoạt động thực tập tại doanh nghiệp và cơ quan, đơn vị sử dụng lao động là một trong những nhiệm vụ bắt buộc của nhà giáo (**3.1.06 - Quy định về hoạt động và qui chế chi tiêu nội bộ các năm 2021, 2022, 2023 cơ sở chính; 3.1.07 - Quy định hoạt động và Qui chế chi tiêu nội bộ của Phân hiệu tại TPHCM năm 2021, 2022, 2023**) và các Quy định qui chế của nhà trường.

Căn cứ Chương III: Bồi dưỡng đối với nhà giáo; Điều 6. Các loại hình bồi dưỡng; Khoản 3. Thực tập tại doanh nghiệp hoặc cơ quan chuyên môn đối với nhà giáo là loại hình bồi dưỡng để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất và rèn luyện kỹ năng trong thực tiễn, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Điều 15: Trách nhiệm của cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Khoản 2. Hướng dẫn các nhà giáo được cử đi bồi dưỡng xây dựng kế hoạch, đề cương, báo cáo kết quả thực hiện. Đảm bảo nhà giáo được luân phiên bồi dưỡng theo chu kỳ ít nhất 05 năm một lần; thực tập tại doanh nghiệp hoặc cơ quan chuyên môn: 04 tuần trong 01 năm đối với nhà giáo dạy trình độ cao đẳng, trung cấp và 02 tuần trong 1 năm đối với nhà giáo dạy trình độ sơ cấp.

Nhà trường đã bố trí nhà giáo học tập, thực hành tại các cơ sở sản xuất, các đơn vị sử dụng lao động nhằm cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất mới áp dụng vào công tác giảng dạy của mình (**3.9.01 - Quyết định số 589/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 01/10/2020 về việc cử giáo viên thực tập doanh nghiệp năm học 2020 – 2021; 3.9.02 - Báo cáo, nhật ký thực tập doanh nghiệp của giáo viên; 3.9.03 - Bảng thống kê nhà giáo thực tập tại Doanh nghiệp các năm 2021, 2022, 2023**).

So sánh, đối chiếu với Bảng thống kê nhà giáo thực tập tại Doanh nghiệp có 64 nhà giáo dạy chuyên môn ngành/nghề được cử đi thực tập Doanh nghiệp so với 69 nhà giáo dạy chuyên môn ngành/nghề thì còn 05 nhà giáo chưa được tham gia thực tập tại Doanh nghiệp cho đến thời điểm đánh giá đồng thời trong các Báo cáo thực tập tại Doanh nghiệp của 64 nhà giáo chưa được Doanh nghiệp xác nhận, đánh giá theo qui định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 3: 00 điểm

Tiêu chuẩn 3.10: Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.

Mô tả, phân tích, nhận định

Như đã mô tả ở Tiêu chuẩn 3.1 ở trên, Trường đã ban hành các Quy định hoạt động và Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường Cao Đẳng NNNB và Phân hiệu tại TP HCM; (3.1.06 - Quy định về hoạt động và qui chế chi tiêu nội bộ các năm 2021, 2022, 2023 cơ sở chính; 3.1.07 - Quy định hoạt động và Quy chế chi tiêu nội bộ của Phân hiệu tại TPHCM năm 2021, 2022, 2023). Quy chế đào tạo, bồi dưỡng CCVC, trong đó nêu rõ: “nhà giáo được Nhà trường cử đi đào tạo, bồi dưỡng phải thực hiện việc báo cáo, đánh giá kết quả sau khi kết thúc khóa học, đợt bồi dưỡng...” (3.10.01 - Báo cáo của nhà giáo sau khi đi tập huấn, học tập, bồi dưỡng...năm 2021, 2022, 2023 cơ sở chính và Phân hiệu).

Hằng năm, Nhà trường đã thực hiện tổng kết công tác đào tạo, chương trình học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao (1.5.03 - Báo cáo tổng kết công tác của các phòng, khoa, trung tâm 2021, 2022, 2023 cơ sở chính và Phân hiệu) và báo cáo tổng kết và phương hướng hoạt động của nhà trường các năm 2021, 2022, 2023 cơ sở chính và Phân hiệu tại TP HCM (1.11.05 - Báo cáo tổng kết công tác trong năm của trường năm 2020, 2021, 2022).

Trường đã cử giáo viên, CBQL tham gia các nội dung đào tạo bồi dưỡng như: nâng cao trình độ chuyên môn đào tạo, trình độ lý luận chính trị, khóa bồi dưỡng Tiếng anh, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ các nghề, đánh giá kỹ năng nghề quốc gia, thực tập tại doanh nghiệp và quản lý học sinh viên thực tập tại doanh nghiệp, tham gia Hội giảng cấp trường, tham gia Hội giảng cấp Tỉnh, tập huấn nghiệp vụ giáo viên... Kết thúc mỗi năm thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng căn cứ vào các báo cáo của nhà giáo tham thực tập, bồi dưỡng tại doanh nghiệp trường có đánh giá rút kinh nghiệm, từ đó, đề xuất phương hướng, biện pháp cho năm học tới để phát huy những kết quả đạt được và khắc phục các hạn chế trong năm học trước.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 3: 01 điểm

Tiêu chuẩn 3.11: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.

Mô tả, phân tích, nhận định

Ban Giám hiệu của Trường gồm 01 Hiệu trưởng và 03 phó Hiệu trưởng các đồng chí đều tốt nghiệp Thạc sĩ, có trình độ Lý luận chính trị Cao cấp và Chứng chỉ Quản lý cơ sở GDNN. Các chức danh của Ban Giám hiệu Trường được Bộ Nông nghiệp và PTNT bổ nhiệm.

Căn cứ vào các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 điều 14 của luật GDNN và căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTĐBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTĐBXH, ngày 21/10/2021 có hiệu lực từ ngày 15/12/2021 quy định về điều lệ Trường cao đẳng, Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng của Trường đều đảm bảo các yêu cầu về tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm các chức danh Hiệu trưởng, P. Hiệu trưởng và P. Hiệu trưởng PT Đào tạo (**3.11.01 - Các Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng; 3.11.02 - Hồ sơ quản lý của Hiệu trưởng, các Phó hiệu trưởng**).

Ban Giám hiệu Trường có phẩm chất đạo đức, có năng lực chuyên môn và nghiệp vụ quản lý; thực hiện tốt quyền hạn và trách nhiệm trong công tác quản lý. Các đồng chí trong Ban Giám hiệu đều hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao (**3.11.03 – Phiếu phân loại cán bộ quản lý; 3.11.04 - Biên bản hội nghị nhận xét, đánh giá xếp loại cá nhân lãnh đạo trường năm 2021, 2022, 2023**).

Kiểm tra hồ sơ minh chứng, Ban Giám hiệu trong những năm qua đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; là những giảng viên có uy tín, có năng lực, phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, tất cả đều có kinh nghiệm quản lý giáo dục trên 5 năm (**3.11.05 – Các Quyết định đánh giá xếp loại của BGH năm 2021, 2022, 2023; 3.11.06 - Danh hiệu khen thưởng các cấp đối với các thầy cô trong BGH năm 2021, 2022, 2023**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 3: 01 điểm

Tiêu chuẩn 3.12: *Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Trường đã xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động theo quy định tại Thông tư 46/2016/TT-BLĐTĐBXH và Thông tư 15/2021TT-BLĐTĐBXH, theo đó trong quy chế, tại Chương: VII. Quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý. Điều 49. Quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại (**3.1.06 - Quy định về hoạt động và qui chế chi tiêu nội bộ các năm 2021, 2022, 2023 cơ sở chính; 3.1.07 - Quy định hoạt động và Qui chế chi tiêu nội bộ của Phân hiệu tại TPHCM năm 2021, 2022, 2023**). Ngoài ra để tạo thuận tiện và thống nhất trong quá trình làm việc, Trường đã xây dựng và ban hành Quy trình số 22 - Bổ nhiệm CBQL lãnh đạo đơn vị và Quy trình số 23 - Bổ nhiệm lại CBQL lãnh đạo đơn vị (**3.12.01 – Quyết định số 270/QĐ-CĐNB ngày 30/3/2022 về việc điều chỉnh bổ sung hệ thống BĐCL**).

Trường hiện có 06 phòng chức năng, 04 khoa chuyên môn, 02 Trung tâm trực thuộc, 01 phân hiệu tại TP HCM gồm có 03 phòng, 05 khoa; Các đơn vị đều có cán bộ quản lý được bổ nhiệm cấp trưởng, phó với tổng số 33 người. Trong đó số cán bộ quản

lý đạt trình độ tiến sĩ là 3 người, thạc sĩ là 22 người, trình độ đại học là 08 người; Trình độ về ngoại ngữ, tin học, chính trị, ... đều đáp ứng yêu cầu theo quy định.

Căn cứ kết quả công tác Qui hoạch và rà soát Qui hoạch các giai đoạn, như đã mô tả ở Tiêu chuẩn 3.2 (**3.12.02 – Kế hoạch và các Quyết định công nhận danh sách cán bộ quản lý thuộc trường các năm giai đoạn 2021-2026 cơ sở chính và phân hiệu**).

Đội ngũ cán bộ quản lý của nhà trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm đúng quy định (**3.12.03 - Hồ sơ bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp Phòng, Khoa, Trung tâm năm 2021, 2022, 2023 cơ sở chính và phân hiệu**). Đội ngũ cán bộ quản lý có năng lực lãnh đạo, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao (**3.12.04 – Danh sách trích ngang cán bộ quản lý cấp Phòng, Khoa, Trung tâm cơ sở chính và phân hiệu**).

Như vậy, đội ngũ cán bộ quản lý của Trường được bổ nhiệm theo quy định. Người được bổ nhiệm có trong quy hoạch và đảm bảo đủ tiêu chuẩn điều kiện được bổ nhiệm, kết quả bổ nhiệm được nhà trường được báo cáo gửi về Bộ theo thẩm quyền được phân công (**1.11.05 - Báo cáo tổng kết hoạt động của Trường các năm 2021, 2022, 2023 cơ sở chính và phân hiệu; 1.5.03 - Báo cáo tổng kết công tác của các phòng, khoa, trung tâm 2021, 2022, 2023 cơ sở chính và Phân hiệu**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 3: 01 điểm

Tiêu chuẩn 3.13: *Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Đội ngũ cán bộ quản lý của Trường có phẩm chất đạo đức tốt, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đảm bảo đúng theo quy định, thực hiện đúng quyền hạn, nhiệm vụ được giao. Trường đã bổ nhiệm cán bộ quản lý, đảm bảo 100% CBQL có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn theo quy định. Tổng số cán bộ quản lý đến thời điểm báo cáo gồm có 33 người, trong đó số cán bộ quản lý đạt trình độ tiến sĩ là 3 người, thạc sĩ là 22 người, trình độ đại học là 08 người; các trình độ về ngoại ngữ, tin học, chính trị, ... đảm bảo theo qui định (**3.12.04 – Danh sách trích ngang cán bộ quản lý cấp Phòng, Khoa, Trung tâm cơ sở chính và phân hiệu**).

Tất cả cán bộ quản lý (100%) tham gia công tác giảng dạy có nghiệp vụ sư phạm, chứng chỉ sư phạm dạy nghề, chứng chỉ tin học, chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định; giảng viên là cán bộ quản lý dạy thực hành và tích hợp có chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 3 theo qui định (**3.13.01 - Hồ sơ quản lý đội ngũ CBQL cơ sở chính và phân hiệu**).

Kế toán trưởng của nhà Trường đảm bảo quy định Thông tư số 04/2018/TT-BTC, ngày 15/11/2013 (**3.13.02 - Quyết định số 256/QĐ-CĐNB ngày 29/3/2018 Về việc bổ nhiệm kế toán trưởng**). Kế toán trưởng có trình độ phù hợp, có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng và đảm bảo thời gian công tác thực tế về nghiệp vụ kế toán (**3.13.03 - Hồ sơ Kế toán trưởng**).

Hàng năm, với các tiêu chí đánh giá, phân loại và được sự bình xét của tập thể, đội ngũ CBQL của Trường đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, nhiều CBQL lý đạt danh

hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở được cấp trên công nhận...**(3.13.04 – Phiếu phân loại các bộ quản lý cơ sở chính và phân hiệu; 1.5.04 - Quyết định công nhận danh hiệu thi đua học kỳ II (kèm theo danh sách) và năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022 - 2023 cơ sở chính và phân hiệu; 3.13.05 - Quyết định công nhận kết quả đánh giá phân loại viên chức năm 2021, 2022, 2023 cơ sở chính và phân hiệu; 3.13.06 - Các quyết định khen thưởng CSTĐ cơ sở năm 2021, 2022, 2023 cơ sở chính và phân hiệu).**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13, tiêu chí 3: 01 điểm

Tiêu chuẩn 3.14: Hàng năm trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.

Mô tả, phân tích, nhận định

Nhà trường đã thực hiện các Qui định hoạt động và Qui chế chi tiêu nội bộ của Trường và phân hiệu (**3.1.06 - Qui định về hoạt động và qui chế chi tiêu nội bộ các năm 2021, 2022, 2023 cơ sở chính; 3.1.07 - Qui định hoạt động và Qui chế chi tiêu nội bộ của Phân hiệu tại TPHCM năm 2021, 2022, 2023**). Áp dụng các qui định trên tại Chương II: Chế độ chung; Điều 31: Thanh toán cho người đi học, Điều 61: Tổ chức bồi dưỡng CBQL, viên chức và nười lao động.

Hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học tập và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý và viên chức lao động (**3.14.01 – Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBVC, NLD từ giai đoạn 2021-2025**); kế hoạch đã được xây dựng chi tiết về thời gian đào tạo, nội dung học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý (**3.14.02 - Danh sách CBVC đăng ký đào tạo, bồi dưỡng các năm 2021, 2022, 2023 cơ sở chính và phân hiệu**).

Nhà trường có các văn bản về việc cử cán bộ quản lý tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ (**3.14.03 – Quyết định số 826/QĐ-CĐNB, ngày 10/10/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ cử giảng viên tham gia lớp bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp hạng II cơ sở chính và phân hiệu; 3.14.04 – Quyết định số 702/QĐ-CĐNB, ngày 24/8/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ cử CCVC tham gia khóa học Cao đẳng khai thác, đánh bắt hải sản; 3.14.05 – Quyết định số 754/QĐ-CĐNB, ngày 27/10/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ phân công cán bộ chỉ huy phó tham gia tập huấn năm 2021; 3.14.06 – Quyết định số 352/QĐ-CĐNB, ngày 25/5/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ cử cán bộ tham dự Hội nghị tập huấn triển khai chương trình mỗi xã hội một sản phẩm; 3.14.07 – Quyết định số 947/QĐ-CĐNB, ngày 22/6/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ cử cán bộ tham dự Hội nghị tập huấn triển khai chương trình mỗi xã hội một sản phẩm cơ sở chính; 3.14.08 – Quyết định số 751/QĐ-CĐNB, ngày 8/9/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ cử cán bộ tham dự các khóa bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp vụ và tương đương năm 2020; 3.14.09 – Quyết định số 851/QĐ-CĐNB, 14/10/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ cử cán bộ tham dự lớp bồi dưỡng “nghiệp vụ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp” cơ sở chính và**

phân hiệu; **3.14.10** – Quyết định số 855/QĐ-CDNB, 14/10/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ cử cán bộ tham dự lớp bồi dưỡng “nghiệp vụ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp” cơ sở chính và phân hiệu; **3.14.11** – Quyết định số 603/QĐ-TCTS-HC ngày 08/10/2019 của Hiệu trưởng Trung cấp Thủy sản về việc cử viên chức học lớp Đào tạo bồi dưỡng lãnh đạo cấp phòng cơ sở chính và phân hiệu; **3.14.12** – Quyết định số 451/QĐ-TCTS-HC ngày 14/8/2019 Cử viên chức học Trung cấp Lý luận chính trị - hành chính cơ sở chính và phân hiệu).

Để đánh giá việc thực hiện Kế hoạch bồi dưỡng cập nhật và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, mỗi năm Trường có tổng kết về hiệu quả, kinh nghiệm và định hướng cho năm sau. Các chứng nhận, chứng chỉ, bằng cấp được CBQL nộp về phòng Tổ chức, Hành chính lưu vào hồ sơ cá nhân (**3.13.01** – Hồ sơ quản lý cán bộ cấp phòng khoa 2021, 2022, 2023; **1.11.05** - Báo cáo tổng kết hoạt động trường các năm 2021, 2022, 2023 cơ sở chính và phân hiệu; **1.5.03** – Báo cáo tổng kết của các phòng khoa, đơn vị trực thuộc cơ sở chính và phân hiệu).

Như vậy, hằng năm, Trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14, tiêu chí 3: 01 điểm

Tiêu chuẩn 3.15: *Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Tính đến cuối năm 2023, tổng số đội ngũ viên chức, người lao động theo hợp đồng của Trường là 27 người (bao gồm cơ sở chính và phân hiệu), trong đó trình độ Đại học: 20 (74,07%); Cao đẳng: 4 (14,81 %); Trình độ khác: 3 (11,11,%). Với quy mô đào tạo theo mục tiêu và sứ mạng của Trường thì hiện tại số lượng viên chức, người lao động phục vụ đảm bảo đủ số lượng (**3.15.01** - Danh sách trích ngang viên chức, người lao động của trường).

Hằng năm, Nhà trường rà soát, lập kế hoạch cho bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, chuẩn hóa về văn bằng, chứng chỉ chuyên môn để đáp ứng nhu cầu công việc (**3.14.01** – Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBVC, NLD giai đoạn 2021-2025; **3.15.02** - Danh sách viên chức, người lao động được cử đi học tập bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ năm 2021, 2022, 2023).

Tất cả kết quả học tập của viên chức, người lao động đều được lưu trong hồ sơ viên chức, người lao động; hồ sơ viên chức, người lao động được lưu giữ tại phòng tổ chức, hành chính và quản trị.

Đội ngũ viên chức thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, góp phần làm cho đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ, kết quả được đánh giá theo đúng qui định (**3.1.05** – Hướng dẫn đánh giá, phân loại viên chức và xét thi đua năm 2020-2021, 2021 – 2022, 2022 - 2023); Và các Quyết định công nhận danh hiệu thi đua các năm 2021, 2022, 2023 (**1.5.04** –

Quyết định công nhận danh hiệu thi đua học kỳ II và năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022 - 2023; 3.15.03 – Hồ sơ quản lý viên chức và người lao động cơ sở chính và phân hiệu).

Qua các báo cáo thi đua hàng năm cho thấy: đội ngũ viên chức của Trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, định kỳ được bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ với tỉ lệ 27/27 đạt 100%.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15, tiêu chí 3: 01 điểm

3.2.4. Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình

Đánh giá tổng quát

Hiện nay, Nhà trường đang đào tạo theo hướng đa ngành, đa nghề, đa cấp bậc. Chương trình đào tạo các ngành nghề của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ đều được xây dựng dựa trên chương trình khung do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội với quy trình xây dựng, thẩm định theo hướng dẫn và quy định tại Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo.

Hệ thống giáo trình và tài liệu tham khảo được biên soạn và lựa chọn đúng quy trình và phù hợp với mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng. Các chương trình đào tạo của Trường được xây dựng dựa trên sự kế thừa của các chương trình đào tạo trước đây, với sự tham gia góp ý của các giảng viên trực tiếp giảng dạy và cán bộ quản lý của Nhà trường, bám sát với thực tế sản xuất. Từ đó góp phần giúp cho chương trình của các ngành nghề Trường đang đào tạo đảm bảo được tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động. Ngoài ra, chương trình đào tạo của Nhà trường được xây dựng đảm bảo được tính liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp và liên thông được với một số chương trình đào tạo của một số trường đại học. Bên cạnh đó chương trình đào tạo cũng được xây dựng và chỉnh sửa dựa theo những quy định về chuẩn kiến thức và kỹ năng tối thiểu mà người học cần đạt được của từng trình độ sau tốt nghiệp. Chương trình đào tạo thường xuyên được cập nhật, bổ sung những kiến thức mới có liên quan đến ngành, nghề đào tạo và có tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.

**** Những điểm mạnh:***

Có đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo, 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định. Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động.

Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động. Bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.

Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo, 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.

Hàng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo. Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.

*** Những tồn tại:**

Giáo trình Trường sử dụng cho một số môn học/ mô - đun chưa cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo trường đã ban hành.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Tổ chức biên soạn giáo trình đủ cho các ngành nghề đào tạo đáp ứng yêu cầu cụ thể hóa về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo trường đã ban hành.

Điểm đánh giá tiêu chí 4:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 4	14
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	0
Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	1
Tiêu chuẩn 15	1

Tiêu chuẩn 4.1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định

Nhà trường được phép đào tạo tại cơ sở chính 17 nghề trình độ cao đẳng, 14 nghề trung cấp và 38 nghề sơ cấp. Tại phân hiệu: 09 nghề trình độ cao đẳng, 15 nghề trung cấp, tất cả các ngành nghề Trường đào tạo đều có giấy phép hoạt động do Bộ lao động – Thương binh và Xã hội cấp (**1.2.01** – Bộ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2017; **1.2.02** – Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp 41c/2017/GCNĐKHH-TCDN ngày 13/06/2018; **1.2.03** – Bộ Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2019; **1.2.04** – Bộ Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2020; **1.2.05** – Bộ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp Phân hiệu; **1.2.06** - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp 77/2021/GCNĐKHH-TCGDNN ngày 23/7/2021; **1.2.07** - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 56/2022/GCNĐKHH-TCGDNN ngày 14/7/2022; **1.2.08** - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 56a/2022/GCNĐKHĐBS - TCDN, ngày 15/9/2022 nhà trường được đào tạo tại công ty cổ phần sài gòn Food 01 nghề trung cấp; **1.2.09** - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 84/2022/GCNĐKHH-TCGDNN ngày 17/10/2022; **1.2.10** - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 84a/2022/GCNĐKHH-TCGDNN ngày 17/4/2023 nhà trường được đào tạo tại phân hiệu 2 nghề trung cấp, 2 nghề cao đẳng; **1.2.11** - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 84b/2022/GCNĐKHH-TCGDNN ngày 26/5/2023 nhà trường được đào tạo tại trung tâm GDNN-GDTX huyện Chợ Lách 01 nghề trung cấp).

Dựa theo quyết định ban hành chương trình đào tạo hàng năm của Trường so sánh với giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN được cấp phép, tính đến thời điểm hiện tại, tại cơ sở chính Nhà trường có 17 chương trình đào tạo cao đẳng trong đó có 2 chương trình chất lượng cao, 14 chương trình trung cấp, 38 chương trình sơ cấp; tại phân hiệu TPHCM có 09 chương trình cao đẳng và 15 chương trình trung cấp (**2.5.06** - Bộ Quyết định ban hành Chương trình đào tạo năm 2020, 2021, 2022, 2023; **2.5.09** - Bộ Quyết định Ban hành chương trình đào tạo năm 2020 tại Phân hiệu; **4.1.01**- Quyết định số 717/QĐ-CĐNB ngày 27/7/2022 về ban hành chương trình đào tạo chất lượng cao nghề Thú y, nghề bảo vệ thực vật; **4.1.02** - Quyết định số 679/QĐ-CĐNB ngày 31/7/2023 về ban hành 12 chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng; **4.1.03** - Quyết định số 815/QĐ-CĐNB ngày 30/8/2023 về ban hành 02 chương trình đào tạo trình độ trung cấp).

Ngoài ra, trường có 02 chương trình (Thú y, Bảo vệ thực vật) tại cơ sở chính và 08 chương trình (Kế toán doanh nghiệp, Công nghệ thông tin, Nuôi trồng thủy sản, Công nghệ sinh học, Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, Điện công nghiệp, Chế biến thực phẩm, Chế biến và bảo quản thủy sản) tại phân hiệu liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng (**2.16.05** - Quyết định số 1034/QĐ-CĐNB ngày 22/10/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Chương trình đào tạo bậc cao đẳng liên thông ngành Thú y; **2.16.06** - Quyết định số 767/QĐ-CĐNB ngày 1/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Chương trình đào tạo bậc cao đẳng liên thông ngành Bảo vệ thực vật; **2.16.08** - Bộ Quyết định Ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng liên thông từ Trung cấp tại Phân hiệu).

Các chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng có chương trình chi tiết kèm theo đầy đủ phụ lục 1,2,3,4 theo Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017, các chương trình sơ cấp theo Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 của Bộ LĐTBXH và đều có mục tiêu rõ ràng, xác định cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng và hình thức đào tạo theo quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 4: 01 điểm

Tiêu chuẩn 4.2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Trường đã thực hiện xây dựng 100% chương trình đào tạo cho các nghề có trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp tại Cơ sở chính và phân hiệu TPHCM theo thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp; Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 của Bộ LĐTBXH Quy định về đào tạo trình độ sơ cấp.

Đối với chương trình cao đẳng và chương trình trung cấp: Trường đã thực hiện đầy đủ theo các bước trong Điều 6, Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2017 của Bộ LĐTBXH:

Tại Cơ Sở chính:

- Lập kế hoạch biên soạn chương trình đào tạo cho 17 nghề cao đẳng, 02 nghề liên thông từ trung cấp lên cao đẳng, 14 nghề trung cấp (**4.2.01** - Kế hoạch số 87/KH-CĐNB-ĐT ngày 10/02/2017 Kế hoạch biên soạn chương trình năm 2017; **4.2.02** - Kế hoạch số 319/KH-CĐNB-ĐT ngày 27/02/2018 Kế hoạch biên soạn chương trình cao đẳng Kỹ thuật xây dựng năm 2018; **4.2.03** - Kế hoạch số 723/KH-CĐNB-ĐT ngày 31/7/2018 Kế hoạch biên soạn chương trình trình độ trung cấp, cao đẳng nghề Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm), kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính năm 2018; **4.2.04** - Kế hoạch số 433/KH-CĐNB-ĐT ngày 17/6/2019 Kế hoạch rà soát cập nhật chương trình năm 2019; **4.2.05** - Kế hoạch số 377/KH-CĐNB-ĐT ngày 01/6/2020 Kế hoạch rà soát cập nhật chương trình năm 2020; **4.2.06** - Kế hoạch số 487/KH-CĐNB-ĐT ngày 19/5/2022 Kế hoạch xây dựng chương trình đào tạo chất lượng cao năm 2022; **4.2.07** - Kế hoạch số 1211/KH-CĐNB-ĐT ngày 01/12/2022 Kế hoạch rà soát cập nhật chương trình năm 2023).

- Thành lập các Ban chủ nhiệm/ Tổ biên soạn chương trình: trường đã ban hành (**4.2.08** - Quyết định số 94/QĐ-CĐNB ngày 13/02/2017 về việc thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo năm 2017; **4.2.09** - Quyết định số 337/QĐ-CĐNB ngày 01/3/2018 về việc thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo cao đẳng nghề Kỹ thuật xây dựng; **4.2.10** - Quyết định số 730/QĐ-CĐNB ngày 03/8/2018 về việc

thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng nghề Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm), Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính; **4.2.11** - Quyết định số 486/QĐ-CĐNB ngày 19/5/2022 về thành lập BCN xây dựng chương trình đào tạo chất lượng cao nghề Thú y, nghề bảo vệ thực vật).

- Hoàn thiện chương trình đào tạo: các Ban chủ nhiệm/ Tổ biên soạn chương trình có biên bản phân công nhiệm vụ các thành viên trong tổ và tổ chức hội thảo lấy ý kiến hoàn thiện chương trình trình hội đồng thẩm định được ghi biên bản và lưu trữ hồ sơ theo quy định

- Thẩm định chương trình đào tạo: thành lập các hội đồng thẩm định, các thành phần và số lượng thành viên theo quy định. Trường đã ban hành (**4.2.12** – Quyết định 385/QĐ-CĐNB ngày 04/6/2020 thành lập Hội đồng rà soát, cập nhật, thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng; **4.2.13** - Biên bản rà soát, cập nhật chương trình được lưu tại phòng Đào tạo-KHCN; **4.2.14** - Quyết định số 1223/QĐ-CĐNB ngày 05/12/2022 về thành lập hội đồng rà soát, cập nhật, thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng).

Tại Phân hiệu TPHCM:

- Lập kế hoạch biên soạn chương trình đào tạo cho 09 nghề cao đẳng, 08 nghề liên thông từ trung cấp lên cao đẳng, 15 nghề trung cấp (**4.2.15** - Kế hoạch số 110/KH-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 31/3/2020 của Giám đốc Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại Tp.HCM về việc biên soạn chương trình trình độ Cao đẳng liên thông; **4.2.16** - Kế hoạch số 97/KH-TCTS-ĐT ngày 12/2/2020 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp Thủy sản về việc biên soạn chương trình trình độ Cao đẳng, Trung cấp).

- Thành lập các Tổ biên soạn chương trình (**4.2.17** - Quyết định số 22/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 26/02/2020 của Giám đốc Phân hiệu Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại thành phố Hồ Chí Minh thành lập tổ biên soạn, chuyển đổi chương trình đào tạo trình độ trung cấp theo Luật Giáo dục nghề nghiệp; **4.2.18** - Quyết định số 23/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 26/02/2020 của Giám đốc Phân hiệu Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại thành phố Hồ Chí Minh thành lập tổ biên soạn, chuyển đổi chương trình đào tạo trình độ cao đẳng theo Luật Giáo dục nghề nghiệp)

- Hoàn thiện CTĐT: Tổ biên soạn chương trình chức hội thảo lấy ý kiến hoàn thiện chương trình trình hội đồng thẩm định được ghi biên bản và lưu trữ hồ sơ theo quy định.

- Thẩm định chương trình đào tạo: Quyết định thành phần Hội đồng thẩm định, các biên bản của Hội đồng thẩm định (**4.2.19** - Quyết định số 25/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 26/02/2020 của Giám đốc Phân hiệu Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại thành phố Hồ Chí Minh thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp; **4.2.20** - Quyết định số 26/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 26/02/2020 của Giám đốc Phân hiệu Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại thành phố Hồ Chí Minh thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ cao đẳng).

- Ban hành các chương trình đào tạo cao đẳng, trung cấp: Hiệu trưởng đã căn cứ vào Biên bản của Hội đồng thẩm định để ra quyết định ban hành các chương trình đào

tạo (2.5.06 - Bộ Quyết định ban hành Chương trình đào tạo năm 2020, 2021, 2022, 2023; 2.5.09 - Bộ Quyết định Ban hành chương trình đào tạo năm 2020 tại Phân hiệu; 4.1.01- Quyết định số 717/QĐ-CDNB ngày 27/7/2022 về ban hành chương trình đào tạo chất lượng cao nghề Thú y, nghề bảo vệ thực vật; 4.1.02 - Quyết định số 679/QĐ-CDNB ngày 31/7/2023 về ban hành 12 chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng; 4.1.03 - Quyết định số 815/QĐ-CDNB ngày 30/8/2023 về ban hành 02 chương trình đào tạo trình độ trung cấp).

Trường cũng đã căn cứ các Thông tư của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội như: Thông tư 10/2018/TT-BLĐTBXH, 11/2018/TT-BLĐTBXH, 12/2018/TT-BLĐTBXH, 13/2018/TT-BLĐTBXH, 24/2018/TT-BLĐTBXH, 03/2019/TT-BLĐTBXH quy định về các môn học chung trong chương trình Trình độ Cao đẳng, trình độ Trung cấp để cập nhật và đưa vào chương trình đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 4: 01 điểm

Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Các chương trình đào tạo của Trường được xây dựng và ban hành đúng theo quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ Lao động thương binh xã hội 2.5.06 - Bộ Quyết định ban hành Chương trình đào tạo năm 2020, 2021, 2022, 2023; 2.5.09 - Bộ Quyết định Ban hành chương trình đào tạo năm 2020 tại Phân hiệu; 4.1.01- Quyết định số 717/QĐ-CDNB ngày 27/7/2022 về ban hành chương trình đào tạo chất lượng cao nghề Thú y, nghề bảo vệ thực vật; 4.1.02 - Quyết định số 679/QĐ-CDNB ngày 31/7/2023 về ban hành 12 chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng; 4.1.03 - Quyết định số 815/QĐ-CDNB ngày 30/8/2023 về ban hành 02 chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

Chương trình chi tiết kèm theo các quyết định ban hành thể hiện đầy đủ về các khối kiến thức theo quy định như kiến thức các môn học chung, kiến thức các môn học/mô đun cơ sở, kiến thức các môn học/mô đun chuyên môn cần đạt được của người học khi tốt nghiệp. 100% chương trình đào tạo của trường đều thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng.

Về mục tiêu đào tạo, chuẩn kiến thức, kỹ năng: các chương trình đào tạo hệ cao đẳng và trung cấp của Trường được xây dựng: Mục tiêu đào tạo của trình độ được thể hiện ở I. Mục tiêu (1.1. Mục tiêu chung, 1.2. Mục tiêu cụ thể: 1.2.1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp; 1.2.2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng; 1.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm; 1.4. Cơ hội việc làm; 1.5 Khả năng học tập nâng cao trình độ). Trong chương trình chi tiết môn học/mô đun: II. Mục tiêu môn học/mô đun. Đối chiếu chương trình đào tạo cao đẳng, trung cấp của Nhà trường bao gồm chương trình chi tiết các mô-

đun, môn học được ban hành kèm theo với Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH về định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng đảm bảo các chương trình đào tạo đáp ứng khối lượng kiến thức tối thiểu theo quy định. Cụ thể:

- Trình độ trung cấp đảm bảo khối lượng kiến thức tối thiểu là 50 tín chỉ đối với người học có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, trong đó khối lượng kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành từng nghề đào tạo đảm bảo tỷ lệ: Lý thuyết chiếm 25- 45%, thực hành chiếm 55-75%.

Chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin ứng dụng phần mềm trình độ Trung cấp có 63 tín chỉ, tổng cộng 1590 giờ. Trong đó có 436 giờ lý thuyết, 1101 giờ thực hành, 53 giờ kiểm tra (tỉ lệ lý thuyết/thực hành là 27,7%/69,2%)

Chương trình đào tạo nghề Thủy lợi tổng hợp trình độ Trung cấp có 60 tín chỉ, tổng cộng 1605 giờ. Trong đó có 385 giờ lý thuyết, 1179 giờ thực hành, 41 giờ kiểm tra (tỉ lệ lý thuyết/thực hành là 24%/73,5%)

Chương trình đào tạo nghề Kế toán doanh nghiệp trình độ Trung cấp có 61 tín chỉ, tổng cộng 1575 giờ. Trong đó có 439 giờ lý thuyết, 1079 giờ thực hành, 57 giờ kiểm tra (tỉ lệ lý thuyết/thực hành là 27,9%/68,5%)

- Trình độ cao đẳng có khối lượng kiến thức tối thiểu là 60 tín chỉ, trong đó khối lượng kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành từng nghề đào tạo đảm bảo tỷ lệ: Lý thuyết chiếm 30-50%, thực hành chiếm 50-70%.

Chương trình đào tạo nghề Bảo vệ thực vật trình độ Cao đẳng được biên soạn, chỉnh sửa năm 2020 tổng cộng có 101 tín chỉ, 2403 giờ. Trong đó, số giờ lý thuyết 773, số giờ thực hành 1571, số giờ kiểm tra 86 (tỉ lệ Lý thuyết/thực hành là 31,8%/ 64,7%)

Chương trình đào tạo nghề Thú y trình độ Cao đẳng được biên soạn năm 2020 tổng cộng có 90 tín chỉ, 2310 giờ. Trong đó, số giờ lý thuyết 661, số giờ thực hành 1569, số giờ kiểm tra 80 (tỉ lệ Lý thuyết/thực hành là 28,6%/ 67,9%)

Chương trình đào tạo nghề Nuôi trồng thủy sản trình độ Cao đẳng được biên soạn, chỉnh sửa năm 2020 tổng cộng có 91 tín chỉ, 2325 giờ. Trong đó, số giờ lý thuyết 622, số giờ thực hành 1632, số giờ kiểm tra 80 (tỉ lệ Lý thuyết/thực hành là 26,7%/ 69,8%)

Chương trình đào tạo nghề Khoa học cây trồng trình độ Cao đẳng được biên soạn, chỉnh sửa năm 2020 tổng cộng có 99 tín chỉ, 2430 giờ. Trong đó, số giờ lý thuyết 714, số giờ thực hành 1633, số giờ kiểm tra 83 (tỉ lệ Lý thuyết/thực hành là 29,3%/70,2%)

Chương trình đào tạo nghề Quản lý đất đai trình độ Cao đẳng được biên soạn, chỉnh sửa năm 2020 tổng cộng có 95 tín chỉ, 2400 giờ. Trong đó, số giờ lý thuyết 620, số giờ thực hành 1711, số giờ kiểm tra 69 (tỉ lệ Lý thuyết/thực hành là 25,8%/ 71,2%)

Các chương trình đào tạo của trường đều có đầy đủ chương trình mô đun, môn học kèm theo đúng mẫu các phụ lục 1,2,3,4 tại thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH, trong đó quy định cấu trúc nội dung chương trình, cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng trình độ mỗi mô đun, môn học đảm bảo tuân thủ đúng quy chế thi kiểm tra của trường và quy định của Bộ LĐTBXH và có hướng dẫn đánh giá

người học như: Hướng dẫn tổ chức kiểm tra kết thúc môn học, mô đun; Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp. Cụ thể:

- Phạm vi và cấu trúc nội dung: Chương trình đào tạo hệ cao đẳng và trung cấp, thể hiện ở mục: 3. Nội dung chương trình.

- Phương pháp và hình thức đào tạo: Chương trình đào tạo hệ cao đẳng, trung cấp, thể hiện ở mục: VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun/môn học/2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun/môn học

- Cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học: Chương trình đào tạo hệ cao đẳng, trung cấp, thể hiện ở mục: V. Nội dung và phương pháp đánh giá/1. Nội dung/2. Phương pháp đánh giá.

Ngoài ra, Trường đã tiến hành xây dựng quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, năng lực mà người học đạt được sau tốt nghiệp của Bộ LĐTB&XH và áp dụng chuẩn này để làm chuẩn đầu ra cho HSSV đào tạo của Trường. Toàn bộ chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo các trình độ trung cấp và cao đẳng được xây dựng theo đúng hướng dẫn của các Thông tư 41, TT 44, TT 45, TT 51, TT52 và TT56/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH (**2.1.01 - QĐ 27/QĐ-CDNB** ngày 13/1/2020 thực hiện quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, năng lực mà người học đạt được sau tốt nghiệp của Bộ LĐTB&XH; **2.1.02 - Quyết định 1119/QĐ-CDNB** ngày 15/11/2022 ban hành chuẩn đầu ra các ngành đào tạo áp dụng từ năm học 2022 – 2023) để làm căn cứ biên soạn, điều chỉnh chương trình đào tạo, hướng dẫn đánh giá về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm người học cho các ngành nghề đang đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 4: 01 điểm

Tiêu chuẩn 4.4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định

Thông qua các Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng/tổ biên soạn chương trình đào tạo, hội đồng thẩm định, cập nhật, rà soát chương trình đào tạo tại Cơ sở chính (**4.2.12 – Quyết định 385/QĐ-CDNB** ngày 4/6/2020 thành lập Hội đồng rà soát, cập nhật, thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng; **4.2.14 - Quyết định số 1223/QĐ-CDNB** ngày 05/12/2022 về thành lập hội đồng rà soát, cập nhật, thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng).

Tại Phân hiệu (**4.2.17 - Quyết định số 22/QĐ-CDNBPH-ĐTCTHS** ngày 26/02/2020 của Giám đốc Phân hiệu Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại thành phố Hồ Chí Minh thành lập tổ biên soạn, chuyển đổi chương trình đào tạo trình độ trung cấp theo Luật Giáo dục nghề nghiệp; **4.2.18 - Quyết định số 23/QĐ-CDNBPH-ĐTCTHS** ngày 26/02/2020 của Giám đốc Phân hiệu Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại thành phố Hồ Chí Minh thành lập tổ biên soạn, chuyển đổi chương trình đào tạo trình

độ cao đẳng theo Luật Giáo dục nghề nghiệp; **4.2.19** - Quyết định số 25/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 26/02/2020 của Giám đốc Phân hiệu Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại thành phố Hồ Chí Minh thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp; **4.2.20** - Quyết định số 26/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 26/02/2020 của Giám đốc Phân hiệu Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại thành phố Hồ Chí Minh thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ cao đẳng; **2.16.08** - Bộ Quyết định Ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng liên thông từ Trung cấp tại Phân hiệu), cụ thể:

Qua các quyết định thành lập các Ban chủ nhiệm/ tổ biên soạn, Hội đồng thẩm định, Trường đảm bảo thực hiện đúng theo quy định, cụ thể:

- Ban chủ nhiệm/ tổ biên soạn:

+ Số lượng thành viên trong Ban chủ nhiệm/Tổ biên soạn : 3 -7 người (tùy ngành/ngành)

+ Thành phần tham gia Ban chủ nhiệm/Tổ biên soạn: Thành phần tham gia BCN/Tổ biên soạn là những người có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, có kinh nghiệm trong giảng dạy và quản lý trong lĩnh vực của ngành, một số chương trình có mời nhà giáo có kinh nghiệm trường ngoài, Cán bộ kỹ thuật doanh nghiệp tham gia Ban chủ nhiệm/Tổ biên soạn.

- Hội đồng thẩm định, rà soát, cập nhật:

+ Số lượng thành viên trong Hội đồng thẩm định: 07 – 09 người (tùy ngành/ngành)

+ Thành phần tham gia Hội đồng thẩm định: Thành phần tham gia HĐ thẩm định gồm các nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp (ủy viên phản biện), cán bộ khoa học kỹ thuật của doanh nghiệp, một số nghề có mời nhà giáo cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác (ủy viên phản biện) và không bao gồm thành viên của Ban chủ nhiệm/Tổ biên soạn chương trình. Tất cả các thành viên hội đồng đạt chuẩn về năng lực, kinh nghiệm, đúng quy định theo Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH.

Đối chiếu giữa số lượng giảng viên các khoa và phân công giảng viên trong các hội đồng trên, tất cả giáo viên có tham gia vào quá trình xây dựng các chương trình đào tạo (**2.5.01** - Quyết định Phân công khối lượng công tác giáo viên cơ sở chính năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 - 2023).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 4: 01 điểm

Tiêu chuẩn 4.5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.

Các chương trình đào tạo của Nhà trường có học phần thực tập doanh nghiệp, thực tập tốt nghiệp nhằm đáp ứng linh hoạt yêu cầu nghề nghiệp trong điều kiện kinh tế thị trường luôn thay đổi (**2.7.03** – Đề cương thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 – 2023 ở cơ sở chính và phân hiệu; **2.7.04** – Báo cáo thực tập của HSSV năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 – 2023 ở cơ sở chính và phân hiệu; **2.7.05** - Văn bản nhận xét của đơn vị sử dụng lao động về HSSV thực tập

năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 – 2023 ở cơ sở chính và phân hiệu; 2.7.06 - Biên bản ghi nhớ sử dụng lao động giữa Phân hiệu và Công ty Sài Gòn Food; 2.7.07 - Biên bản ghi nhớ sử dụng lao động giữa Phân hiệu và Công ty TNHH TMDV Cơ điện lạnh Phú Trọng; 2.7.08 - Biên bản ghi nhớ sử dụng lao động giữa Phân hiệu và Công ty TNHH TMDV Hùng Tấn Phát; 2.7.09 - Biên bản ghi nhớ sử dụng lao động giữa Phân hiệu và công ty TNHH Tôm giống Châu Phi...).

Trường thực hiện lấy ý kiến khảo sát doanh nghiệp hàng năm trước khi chỉnh sửa chương trình đào tạo. Doanh nghiệp tham gia trong hội đồng thẩm định chương trình đào tạo cũng có phiếu góp ý thiết thực về nội dung cần cập nhật của chương trình để bám sát yêu cầu của thị trường lao động (2.5.06 - Bộ Quyết định ban hành Chương trình đào tạo năm 2020, 2021, 2022, 2023; 2.5.09 - Bộ Quyết định Ban hành chương trình đào tạo năm 2020 tại Phân hiệu; 4.2.12 - Quyết định 385/QĐ-CĐNB ngày 4/6/2020 thành lập Hội đồng rà soát, cập nhật, thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng; 4.2.13 - Biên bản rà soát, cập nhật chương trình được lưu tại phòng Đào tạo-KHCN; 4.2.19 - Quyết định số 25/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 26/02/2020 của Giám đốc Phân hiệu Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại thành phố Hồ Chí Minh thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp; 4.2.20 - Quyết định số 26/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 26/02/2020 của Giám đốc Phân hiệu Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại thành phố Hồ Chí Minh thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ cao đẳng).

Kết quả nhà trường khảo sát ý kiến của doanh nghiệp về việc chương trình có đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động (Phát 385 phiếu khảo sát, 7 phiếu khảo sát/ 1 chương trình đào tạo).

- Năm 2021 trường khảo sát 55 doanh nghiệp, phản hồi thông tin ý kiến: bình thường là 0%, đạt yêu cầu 54,8%, rất đạt yêu cầu 45,2%

- Năm 2022 trường khảo sát 55 doanh nghiệp, phản hồi thông tin ý kiến: bình thường là 5,5%, đạt yêu cầu 47,8%, rất đạt yêu cầu 46,8%

- Năm 2023 trường khảo sát 45 doanh nghiệp, phản hồi thông tin ý kiến: bình thường là 0%, đạt yêu cầu 66,4%, rất đạt yêu cầu 33,6%

Hàng năm, Nhà trường có tổ chức khảo sát lấy ý kiến của sinh viên tốt nghiệp về các hoạt động của Trường và lập các báo cáo tổng kết kết quả cập nhật thông tin và khảo sát. Kết quả khảo sát với nội dung Chương trình đào tạo phù hợp, đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp trong 3 năm 2021, 2022, 2023:

- Năm 2021 trường khảo sát 277 sinh viên tốt nghiệp, phản hồi thông tin ý kiến: tốt là 20.9%, Xuất sắc 79.1%

- Năm 2022 trường khảo sát 137 sinh viên tốt nghiệp, phản hồi thông tin ý kiến: tốt là 45.3%, Xuất sắc 54.7%

- Năm 2023 trường khảo sát 300 sinh viên tốt nghiệp, phản hồi thông tin ý kiến: tốt là 34.7%, Xuất sắc 65.3%

(4.5.01 – Phiếu khảo sát CBGV, Doanh nghiệp, HSSV năm 2021, 2022, 2023 về chương trình, giáo trình đào tạo; 4.5.02 - Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBGV, Doanh nghiệp, HSSV năm 2021, 2022, 2023 về chương trình, giáo trình đào tạo).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 4: 01 điểm

Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Theo thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ Lao động thương binh Xã hội, Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2017 về việc quy định về việc đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp. Trường đã tiến hành xây dựng hướng dẫn thực hiện dựa trên nội dung thông tư hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2.16.01 - Quyết định số 738/QĐ-CĐNB ngày 08/8/2018 của Hiệu trưởng về hướng dẫn đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp được cụ thể hóa từ nội dung của Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

Theo Quyết định 18/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học. Nhà trường đã thực hiện ký hợp tác với Trường Đại học Nông lâm Bắc Giang, Đại học Thái Nguyên để tổ chức đào tạo liên thông lên đại học cho HSSV tốt nghiệp của trường các ngành Bảo vệ thực vật, Thú y, Quản lý đất đai (4.6.01 – Văn bản thỏa thuận hoặc chấp thuận của cơ sở giáo dục đại học với trường trong việc đào tạo liên thông, hợp đồng liên kết đào tạo; 4.6.02 - CTĐT liên thông đại học Nông Lâm Bắc Giang, Đại học Thái Nguyên lưu tại phòng Đào tạo & KHCN; 4.6.03 - Thông báo tuyển sinh liên thông đại học; 4.6.04 - Quy định về công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy của người học được miễn trừ khi học chương trình đào tạo liên thông đã được cơ sở giáo dục đại học ban hành).

Đề đào tạo liên thông, liên kết Trường có đầy đủ văn bản liên kết với các cơ sở đào tạo đại học (4.6.04 - Công văn số 1126/CV-ĐHNL - ĐTVHVL của trường Đại học Nông Lâm – Đại học Thái Nguyên ngày 25/8/2019; 4.6.05 - Công văn số 245/ĐHNLBG-ĐT của trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang ngày 16/3/2020 chấp thuận chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Thú y, chăn nuôi thú y, Bảo vệ thực vật và Quản lý đất đai của trường và công nhận kết quả học tập trình độ cao đẳng, miễn học và miễn thi các học phần đã học trong chương trình cao đẳng; 4.6.06 - Quyết định của trường Đại học công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập của người học khi học liên thông từ cao đẳng lên đại học; 4.6.07 – Công văn về việc Hợp tác đào tạo liên thông trình độ Đại học của Đại học Nông lâm Thái Nguyên và Đại học Nông lâm Bắc Giang).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 4: 01 điểm

Tiêu chuẩn 4.7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành.

Mô tả, phân tích, nhận định

Hiện nay trường đang đào tạo 4 nghề trình độ Cao đẳng (Bảo vệ thực vật; Thú y; Quản lý đất đai; Khoa học cây trồng), 7 nghề trình độ trung cấp (Bảo vệ thực vật; Thú y; Kế toán doanh nghiệp; Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Chăn nuôi - Thú y; Thủy lợi) tại trụ sở chính, đào tạo 6 nghề trình độ cao đẳng (Công nghệ thông tin; Kế toán doanh nghiệp; Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí; Nuôi trồng thủy sản; Chế biến thực phẩm; Điện công nghiệp), 7 nghề trình độ trung cấp (Kế toán doanh nghiệp; Nuôi trồng thủy sản; CNKT chế biến và bảo quản thực phẩm; Tin học ứng dụng; Bảo trì và sửa chữa thiết bị nhiệt; Điện công nghiệp và dân dụng; Chế biến và bảo quản thủy sản) tại phân hiệu Tp HCM.

Năm 2019, Trường sát nhập Trường Trung cấp Thủy sản thành phân hiệu tại Tp HCM của trường, phân hiệu được phép đào tạo 9 nghề trình độ trung cấp. Sau khi sát nhập, năm 2020 trường mới ban hành các chương trình đào tạo (**2.5.06 – Bộ Quyết định ban hành Chương trình đào tạo năm 2020, 2021, 2022, 2023; 2.5.09 - Bộ Quyết định Ban hành chương trình đào tạo năm 2020 tại Phân hiệu**), do đó đến thời điểm hiện tại trường chưa cập nhật điều chỉnh các chương trình đang đào tạo tại phân hiệu.

Tại cơ sở chính, Trường thực hiện việc đánh giá, rà soát để cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo theo chu kỳ ít nhất 3 năm/lần.

Năm 2017: Căn cứ Công văn 106/TCDN-DNCQ ngày 19/01/2017 về việc hướng dẫn xây dựng, chuyển đổi chương trình đào tạo theo Luật GDNN; Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017, Thông tư 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/4/2017, trường đã ban hành 14 chương trình cao đẳng, 12 chương trình trung cấp.

Năm 2019: ban hành 02 chương trình trung cấp, 02 chương trình cao đẳng, 01 chương trình liên thông từ trung cấp lên cao đẳng, rà soát cập nhật 02 chương trình cao đẳng, 04 chương trình trung cấp ban hành năm 2017

Năm 2020: Trường rà soát, cập nhật chương trình 07 nghề trung cấp, 08 nghề cao đẳng xây dựng năm 2017 hoặc đã cập nhật năm 2019 và cập nhật chương trình các môn học chung được qui định theo các Thông tư 10/2018/TT-BLĐTBXH, Thông tư 11/2018/TT-BLĐTBXH, Thông tư 12/2018/TT-BLĐTBXH, Thông tư 13/2018/TT-BLĐTBXH, Thông tư 24/2018/TT-BLĐTBXH, Thông tư 03/2019 TT-BLĐTBXH. (**4.2.12 – Quyết định 385/QĐ-CDNB ngày 4/6/2020 thành lập Hội đồng rà soát, cập nhật, thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng; 4.2.13- Biên bản rà soát, cập nhật chương trình được lưu tại phòng Đào tạo-KHCN; 4.7.01 - Chương trình đào tạo chi tiết được lưu tại phòng Đào tạo và KHCN**).

Năm 2023, trường chủ yếu rà soát, cập nhật một số chương trình đào tạo trường một số ngành nghề trường đang đào tạo và tuyển có học sinh (**4.1.02 - Quyết định số 679/QĐ-CDNB ngày 31/7/2023 về ban hành 12 chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng; 4.1.03 - Quyết định số 815/QĐ-CDNB ngày 30/8/2023 về ban hành 02 chương trình đào tạo trình độ trung cấp**).

**DANH SÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
ĐƯỢC CẬP NHẬT**

TT	TÊN NGHỀ	MÃ NGHỀ	TRÌNH ĐỘ	QUYẾT ĐỊNH
1.	Khoa học cây trồng	6620109	Cao đẳng	Số 383/QĐ- CĐNB ngày 27/4/2017 ban hành lần đầu; Cập nhật theo QĐ số 977 QĐ- CĐNB ngày 3/9/2019
2.	Bảo vệ thực vật	6620116	Cao đẳng	Số 382/QĐ- CĐNB ngày 27/4/2017 ban hành lần đầu; Cập nhật theo QĐ số 679 QĐ- CĐNB ngày 18/8/2020
3.	Thú y	6640101	Cao đẳng;	Số 466/QĐ-CĐNB ngày 22/5/2017 ban hành lần đầu; Cập nhật theo QĐ số 679 QĐ- CĐNB ngày 18/8/2020;
4.	Công nghệ kỹ thuật tài nguyên nước	6510422	Cao đẳng	Số 406/QĐ-CĐNB ngày 08/5/2017 ban hành lần đầu; Cập nhật theo QĐ số 679 QĐ- CĐNB ngày 18/8/2020
5.	Kế toán doanh nghiệp	6340302	Cao đẳng	Số 466/QĐ-CĐNB ngày 22/5/2017 ban hành lần đầu; Cập nhật theo QĐ số 679 QĐ- CĐNB ngày 18/8/2020
6.	Chế biến thực phẩm	6540104	Cao đẳng	Số 466/QĐ-CĐNB ngày 22/5/2017 ban hành lần đầu; Cập nhật theo QĐ số 679 QĐ- CĐNB ngày 18/8/2020
7.	Kỹ thuật xây dựng	6580201	Cao đẳng	Số 383/QĐ-CĐNB ngày 09/5/2018 ban hành lần đầu; Cập nhật theo QĐ số 679 QĐ- CĐNB ngày 18/8/2020
8.	Quản lý đất đai	6850102	Cao đẳng	Số 389/QĐ-CĐNB ngày 28/4/2017 ban hành lần đầu; Cập nhật theo QĐ số 766 QĐ- CĐNB ngày 21/9/2020
9.	Nuôi trồng thủy sản nước ngọt	6620304	Cao đẳng	Số 406/QĐ-CĐNB ngày 08/5/2017 ban hành lần đầu;

Cập nhật theo QĐ số 679 QĐ-
CĐNB ngày 18/8/2020

**DANH SÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP
ĐƯỢC CẬP NHẬT**

TT	TÊN NGHỀ	MÃ NGHỀ	TRÌNH ĐỘ	QUYẾT ĐỊNH
1	Thủy lợi tổng hợp	5620126	Trung cấp	Số 407/QĐ-CĐNB ngày 08/5/2017 ban hành lần đầu; Cập nhật theo QĐ số 709 QĐ-CĐNB ngày 5/9/2019
2	Kế toán doanh nghiệp	5340302	Trung cấp	Số 466/QĐ-CĐNB ngày 22/5/2017 ban hành lần đầu; Cập nhật theo QĐ số 679 QĐ-CĐNB ngày 18/8/2020
3	Quản lý đất đai	5850102	Trung cấp	Số 389/QĐ-CĐNB ngày 28/4/2017 ban hành lần đầu; Cập nhật theo QĐ số 766 QĐ-CĐNB ngày 21/9/2020
4	Công nghệ thực phẩm	5540103	Trung cấp	Số 466/QĐ-CĐNB ngày 22/5/2017 ban hành lần đầu; Cập nhật theo QĐ số 679 QĐ-CĐNB ngày 18/8/2020
5	Cấp thoát nước	5520312	Trung cấp	Số 408/QĐ-CĐNB ngày 08/5/2017 ban hành lần đầu; Cập nhật theo QĐ số 679 QĐ-CĐNB ngày 18/8/2020
6	Chế biến và bảo quản thủy sản	5620302	Trung cấp	Số 466/QĐ-CĐNB ngày 22/5/2017 ban hành lần đầu; Cập nhật theo QĐ số 679 QĐ-CĐNB ngày 18/8/2020
7	Trồng trọt và BVTV	5620111	Trung cấp	Số 387/ QĐ-CĐNB ngày 28/4/2017 ban hành lần đầu; Cập nhật theo QĐ số 977 QĐ-CĐNB ngày 3/9/2019
8	Chăn nuôi – thú y	5620120	Trung cấp	Số 466/QĐ-CĐNB ngày 22/5/2017 ban hành lần đầu; Cập nhật theo QĐ số 977 QĐ-CĐNB ngày 3/9/2019

9	Bảo vệ thực vật	5620116	Trung cấp	Số 388/ QĐ-CĐNB ngày 28/4/2017 ban hành lần đầu; Cập nhật theo QĐ số 679 QĐ-CĐNB ngày 18/8/2020
10	Thú y	5640101	Trung cấp	Số 466/QĐ-CĐNB ngày 22/5/2017 ban hành lần đầu; Cập nhật theo QĐ số 679 QĐ-CĐNB ngày 18/8/2020

**DANH SÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
ĐƯỢC CẬP NHẬT NĂM 2023**

TT	TÊN NGHỀ	MÃ NGHỀ	TRÌNH ĐỘ	QUYẾT ĐỊNH
1	Khoa học cây trồng	6620109	Cao đẳng; Cao đẳng liên thông	Cập nhật theo QĐ số 679/QĐ-CĐNB ngày 31/7/2023
2	Bảo vệ thực vật	6620116	Cao đẳng; Cao đẳng liên thông	Cập nhật theo QĐ số 679/QĐ-CĐNB ngày 31/7/2023
3	Thú y	6640101	Cao đẳng; Cao đẳng liên thông	Cập nhật theo QĐ số 679/QĐ-CĐNB ngày 31/7/2023
4	Quản lý đất đai	6850102	Cao đẳng	Cập nhật theo QĐ số 679/QĐ-CĐNB ngày 31/7/2023

**DANH SÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP
ĐƯỢC CẬP NHẬT NĂM 2023**

TT	TÊN NGHỀ	MÃ NGHỀ	TRÌNH ĐỘ	QUYẾT ĐỊNH
1	Thủy lợi tổng hợp	5620126	Trung cấp	Cập nhật theo QĐ số 679/QĐ-CĐNB ngày 31/7/2023
2	Quản trị mạng máy tính	5480209	Trung cấp	Cập nhật theo QĐ số 815/QĐ-CĐNB ngày 30/8/2023
3	Trồng trọt và BVTV	5620111	Trung cấp	Cập nhật theo QĐ số 679/QĐ-CĐNB ngày 31/7/2023
4	Chăn nuôi – thú y	5620120	Trung cấp	Cập nhật theo QĐ số 679/QĐ-CĐNB ngày 31/7/2023
5	Bảo vệ thực vật	5620116	Trung cấp	Cập nhật theo QĐ số 679/QĐ-CĐNB ngày 31/7/2023

6	Thú y	5640101	Trung cấp	Cập nhật theo QĐ số 679/QĐ-CĐNB ngày 31/7/2023
7	Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)	5480202	Trung cấp	Cập nhật theo QĐ số 815/QĐ-CĐNB ngày 30/8/2023

Các chương trình đào tạo đã được cập nhật, điều chỉnh số giờ cũng như số môn học/mô đun để phù hợp hơn với điều kiện thực tế của thị trường lao động. Cụ thể:

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
TRƯỚC VÀ SAU KHI THAY ĐỔI**

TT	TÊN NGHỀ	CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2020	CHƯƠNG TRÌNH SAU KHI CẬP NHẬT
1	Khoa học cây trồng	Số MH/MĐ: 30 Số tín chỉ: 99 Tổng số giờ: 2430	Số MH/MĐ: 31 Số tín chỉ: 101 Tổng số giờ: 2430
2	Bảo vệ thực vật	Số MH/MĐ: 29 Số tín chỉ: 101 Tổng số giờ: 2430	Số MH/MĐ: 31 Số tín chỉ: 100 Tổng số giờ: 2430
3	Thú y	Số MH/MĐ: 29 Số tín chỉ: 91 Tổng số giờ: 2325	Số MH/MĐ: 28 Số tín chỉ: 95 Tổng số giờ: 2415
4	Quản lý đất đai	Số MH/MĐ: 27 Số tín chỉ: 95 Tổng số giờ: 2400	Số MH/MĐ: 26 Số tín chỉ: 90 Tổng số giờ: 2295

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP
TRƯỚC VÀ SAU KHI THAY ĐỔI**

TT	TÊN NGHỀ	CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2020	CHƯƠNG TRÌNH SAU KHI CẬP NHẬT
1	Thủy lợi tổng hợp	Số MH/MĐ: 26 Số tín chỉ: 61 Tổng số giờ: 1605	Số MH/MĐ: 26 Số tín chỉ: 60 Tổng số giờ: 1605
2	Trồng trọt và BVTV	Số MH/MĐ: 23 Số tín chỉ: 65 Tổng số giờ: 1605	Số MH/MĐ: 24 Số tín chỉ: 66 Tổng số giờ: 1605
3	Chăn nuôi – thú y	Số MH/MĐ: 23	Số MH/MĐ: 24

		Số tín chỉ: 57 Tổng số giờ: 1560	Số tín chỉ: 61 Tổng số giờ: 1650
4	Bảo vệ thực vật	Số MH/MĐ: 23 Số tín chỉ: 66 Tổng số giờ: 1605	Số MH/MĐ: 24 Số tín chỉ: 67 Tổng số giờ: 1605
5	Thú y	Số MH/MĐ: 26 Số tín chỉ: 57 Tổng số giờ: 1560	Số MH/MĐ: 24 Số tín chỉ: 61 Tổng số giờ: 1650
6	Quản trị mạng máy tính (Số 466/QĐ-CDNB ngày 22/5/2017)	Số MH/MĐ: 18 Số tín chỉ: 61 Tổng số giờ: 1560	Số MH/MĐ: 22 Số tín chỉ: 68 Tổng số giờ: 1740
7	Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)	Số MH/MĐ: 19 Số tín chỉ: 63 Tổng số giờ: 1590	Số MH/MĐ: 19 Số tín chỉ: 60 Tổng số giờ: 1545

Nhà trường đảm bảo ít nhất 3 năm 1 lần trường đã thực hiện đánh giá, cập nhật và điều đổi với chương trình đào tạo đã ban hành.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 4: 01 điểm

***Tiêu chuẩn 4.8:** Chính sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiến tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Trường có thực hiện việc đánh giá, cập nhật và điều chỉnh chương trình đào tạo theo chu kỳ 03 năm/lần. Nhà trường tổ chức đánh giá lại chương trình đào tạo đã ban hành để cập nhật, bổ sung, điều chỉnh nội dung chương trình đào tạo nhằm đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động, trong đó chú trọng việc cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ trong lĩnh vực ngành, nghề đào tạo (**4.2.12** – Quyết định 385/QĐ-CDNB ngày 4/6/2020 thành lập Hội đồng rà soát, cập nhật, thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng; **4.2.13** - Biên bản rà soát, cập nhật chương trình được lưu tại phòng Đào tạo-KHCN; **2.5.06** – Bộ Quyết định ban hành Chương trình đào tạo năm 2020, 2021, 2022, 2023; **2.5.09** - Bộ Quyết định Ban hành chương trình đào tạo năm 2020 tại Phân hiệu; **4.7.01** - Chương trình đào tạo chi tiết được lưu tại phòng Đào tạo và KHCN; **4.2.14** - Quyết định số 1223/QĐ-CDNB ngày 05/12/2022 về thành lập hội đồng rà soát, cập nhật, thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng; **4.1.02** - Quyết định số 679/QĐ-CDNB ngày 31/7/2023 về ban hành 12 chương trình

đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng; **4.1.03** - Quyết định số 815/QĐ-CDNB ngày 30/8/2023 về ban hành 02 chương trình đào tạo trình độ trung cấp).

Năm 2019 sát nhập Trường Trung cấp Thủy sản thành phân hiệu tại Tp HCM của trường, đến năm 2020 trường đã ban hành các chương trình để tiến hành tuyển sinh và đào tạo tại phân hiệu, do đó Trường chỉ tổ chức rà soát cập nhật các chương trình đã ban hành tại cơ sở chính. Trường đã tiến hành rà soát, điều chỉnh nội dung, thời lượng, số lượng mô đun, môn học, ghép mô đun, môn học... trong chương trình đào tạo của tất cả các ngành nghề trường đào tạo. Qua đó, đã cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ mới liên quan đến ngành, nghề đào tạo trong nội dung chi tiết các mô đun/môn học.

Quá trình chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo, trên cơ sở đề xuất của giảng viên chuyên môn của các khoa, các thành viên của ban chủ nhiệm biên soạn chương trình, thành viên của hội đồng thẩm định chương trình. Trường đã cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành nghề đào tạo, phương pháp giảng dạy cho tất cả các nghề trường đang đào tạo (**4.8.01** - Thông tin về những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến được cập nhật trong chương trình đào tạo).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 4: 01 điểm

Tiêu chuẩn 4.9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.

Mô tả, phân tích, nhận định

Để thực hiện việc tổ chức đào tạo liên thông, Trường đã tiến hành xây dựng hướng dẫn thực hiện công tác này dựa trên nội dung thông tư hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (**2.16.01** - Quyết định số 738/QĐ-CDNB ngày 08/8/2018 của Hiệu trưởng về hướng dẫn đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp được cụ thể hóa từ nội dung của Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

Tại cơ sở chính, các ngành trường đang đào tạo liên thông đều có chương trình đào tạo ban hành đúng quy định (**2.16.05** - Quyết định số 1034/QĐ-CDNB ngày 22/10/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Chương trình đào tạo bậc cao đẳng liên thông ngành Thú y; **2.16.06** - Quyết định số 767/QĐ-CDNB ngày 1/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Chương trình đào tạo bậc cao đẳng liên thông ngành Bảo vệ thực vật; **4.1.02** - Quyết định số 679/QĐ-CDNB ngày 31/7/2023 về ban hành 12 chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng (trong đó có chương trình liên thông cao đẳng ngành Bảo vệ thực vật, ngành Thú y).

Phòng Đào tạo và KHCN có trách nhiệm xem xét việc chuyển đổi kết quả học tập và các khối lượng kiến thức, kỹ năng được miễn trừ khi học chương trình đào tạo liên thông đối với từng người học và trình Ban Giám hiệu quyết định khối lượng kiến

thức được miễn giảm cho nghề, từng người học (**2.16.02** - Quy định về công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy của người học được miễn trừ khi học chương trình đào tạo liên thông). Năm 2021 trường tuyển sinh được 01 lớp liên thông từ trung cấp lên cao đẳng ngành Bảo vệ thực vật (với 15 SV). Năm 2022, Trường tuyển sinh và tổ chức được 1 lớp liên thông từ trung cấp lên cao đẳng ngành Thú y (16 SV) . Năm 2023 tuyển sinh được 1 lớp liên thông cao đẳng Kế toán doanh nghiệp (8 SV) và 1 lớp Thú y (12 SV) (**2.16.03** – Quyết định thành lập các lớp liên thông và Danh sách lớp liên thông từ trung cấp lên cao đẳng; **2.16.04** – Thời khóa biểu các lớp liên thông từ trung cấp lên cao đẳng). Các lớp này được xây dựng kế hoạch đào tạo toàn khóa từ đầu khóa học và thực hiện đào tạo theo thời khóa biểu cụ thể.

Đối với Phân hiệu tại Tp HCM cũng ban hành đầy đủ các quy định, chương trình đào tạo liên thông và hướng dẫn thực hiện đào tạo liên thông như trụ sở chính (**2.16.07** – Quyết định 256/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 10/6/2020 của Giám đốc Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định về đào tạo liên thông; **2.16.08** – Bộ Quyết định Ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng liên thông từ Trung cấp tại Phân hiệu; **2.16.09** - Thời khóa biểu học kỳ I, II các lớp liên thông Cao đẳng từ Trung cấp bao gồm: 20CTP01-TC, 20CML01-TC, 20CĐC01-TC, 20CKT01-TC, 20CCT01-TC).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 4: 01 điểm

Tiêu chuẩn 4.10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định

Tất cả các chương trình đào tạo đều được Tổng cục GDNN cấp phép và có quyết định ban hành và chương trình chi tiết kèm theo. Giấy chứng nhận đăng ký, đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đã cấp (**1.2.01** – Bộ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2017; **1.2.02** – Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp 41c/2017/GCNDKHD-TCĐN ngày 13/06/2018; **1.2.03** – Bộ Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2019; **1.2.04** – Bộ Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2020; **1.2.05** – Bộ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp Phân hiệu; **1.2.06** - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp 77/2021/GCNDKHD-TCGDNN ngày 23/7/2021; **1.2.07** - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 56/2022/GCNDKHD-TCGDNN ngày 14/7/2022; **1.2.08** - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 56a/2022/GCNDKHD-TCGDNN - TCDN, ngày 15/9/2022 nhà trường được đào tạo tại công ty cổ phần sài gòn Food 01 nghề trung cấp; **1.2.09** - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 84/2022/GCNDKHD-TCGDNN ngày 17/10/2022; **1.2.10** - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 84a/2022/GCNDKHD-TCGDNN ngày 17/4/2023 nhà trường được đào tạo tại phân

hiệu 2 nghề trung cấp, 2 nghề cao đẳng; **1.2.11** - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 84b/2022/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 26/5/2023 nhà trường được đào tạo tại trung tâm GDNN-GDTX huyện Chợ Lách 01 nghề trung cấp).

Các quyết định ban hành chương trình đào tạo (**2.5.06** - Bộ Quyết định ban hành Chương trình đào tạo năm 2020, 2021, 2022, 2023; **2.5.09** - Bộ Quyết định Ban hành chương trình đào tạo năm 2020 tại Phân hiệu; **2.16.05**- Quyết định số 1034/QĐ-CĐNB ngày 22/10/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Chương trình đào tạo bậc cao đẳng liên thông ngành Thú y; **2.16.06** - Quyết định số 767/QĐ-CĐNB ngày 1/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Chương trình đào tạo bậc cao đẳng liên thông ngành Bảo vệ thực vật; **2.16.08** - Bộ Quyết định Ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng liên thông từ Trung cấp tại Phân hiệu; **4.1.02** - Quyết định số 679/QĐ-CĐNB ngày 31/7/2023 về ban hành 12 chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng; **4.1.03** - Quyết định số 815/QĐ-CĐNB ngày 30/8/2023 về ban hành 02 chương trình đào tạo trình độ trung cấp; **4.2.13** - Biên bản rà soát, cập nhật chương trình được lưu tại phòng Đào tạo-KHCN; Chương trình đào tạo chi tiết được lưu tại phòng Đào tạo và KHCN).

Tại cơ sở chính, trên cơ sở đề xuất của các khoa chuyên môn Trường thành lập hội đồng lựa chọn giáo trình, hội đồng tổ chức xem xét thẩm định và trình hiệu trưởng phê duyệt danh sách giáo trình cho từng mô-đun, môn học của các chương trình đang đào tạo, trong đó nêu rõ tên giáo trình, năm biên soạn, đơn vị ban hành (**4.6.05** - Quyết định số 245/QĐ-CĐNB ngày 04 tháng 01 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc thành lập HĐ lựa chọn giáo trình; **4.10.01** - Quyết định số 307/QĐ-CĐNB ngày 03 tháng 5 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc phê duyệt danh mục giáo trình đưa giáo trình vào sử dụng trong giảng dạy và danh sách giáo trình ban hành kèm theo; **4.10.02** - Quyết định số 830/QĐ-CĐNB ngày 17/8/2022 về thành lập hội đồng lựa chọn giáo trình đào tạo chất lượng cao nghề Thú y, nghề bảo vệ thực vật; **4.10.03** - Quyết định số 870/QĐ-CĐNB ngày 26/8/2022 về phê duyệt giáo trình đào tạo chất lượng cao nghề Thú y, nghề bảo vệ thực vật; **4.10.04** - Quyết định số 684/QĐ-CĐNB ngày 01/8/2023 về thành lập hội đồng rà soát, cập nhật giáo trình trình độ trung cấp, cao đẳng; **4.10.05** - Quyết định số 811/QĐ-CĐNB ngày 28/8/2023 về phê duyệt bổ sung giáo trình trình độ trung cấp, cao đẳng).

Tại Phân hiệu, Nhà trường đã thành lập hội đồng lựa chọn giáo trình, hội đồng tổ chức xem xét thẩm định và trình Giám đốc phân hiệu phê duyệt danh sách giáo trình cho từng mô-đun, môn học của các chương trình đang đào tạo (**4.10.06** – Quyết định số 634/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 05/11/2020 của Giám đốc Phân hiệu tại TP.HCM Trường CĐ Nông nghiệp Nam Bộ về việc lựa chọn giáo trình sử dụng cho các chuyên ngành trình độ Trung cấp và Cao đẳng; **4.10.07** - Quyết định số 569/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 21/9/2020 của Giám đốc Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại TP.HCM về việc thành lập HĐ lựa chọn giáo trình sử dụng cho các chuyên ngành trình độ Trung cấp, Cao đẳng; **4.10.08** - Quyết định số 349/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS

ngày 23/7/2021 của Giám đốc Phân hiệu tại TP.HCM Trường CĐ Nông nghiệp Nam Bộ về việc ban hành sử dụng 16 giáo trình).

Đối với 6 môn học chung, Nhà trường đã ra Quyết định ban hành lựa chọn giáo trình 6 môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo Công văn số 147/TCGDNN-DTCQ ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp để áp dụng cho Nhà trường (**4.10.09** - Quyết định số 805/QĐ-CĐNB ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc thành lập HĐ lựa chọn giáo trình, tài liệu tham khảo; **4.10.10** - Quyết định số 897/QĐ-CĐNB ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc ban hành danh sách giáo trình sử dụng cho từng môn học/ mô đun Quyết định phê duyệt và cho phép đưa giáo trình vào sử dụng).

Tại cơ sở chính:

Bảng tổng hợp Giáo trình cho từng ngành nghề đào tạo

TT	Ngành/ngành Đào tạo	Trình độ đào tạo	Tổng số MH/MĐ	Tổng số giáo trình	Ghi chú
1	Bảo vệ thực vật	Cao đẳng	21	90	
		Trung cấp	15	62	
2	Khoa học cây trồng	Cao đẳng	22	89	
3	Trồng trọt và BVTV	Trung cấp	15	63	
4	Thú y	Cao đẳng	22	58	
		Trung cấp	19	53	
5	Chăn nuôi	Cao đẳng	22	55	
6	Chăn nuôi -Thú y	Trung cấp	16	45	
	Chăn nuôi giá súc gia cầm	Trung cấp	19	48	
7	Kế toán doanh nghiệp	Cao đẳng	22	53	
		Trung cấp	18	44	
8	Quản lý đất đai	Cao đẳng	20	46	
		Trung cấp	14	36	
9	Khảo sát địa hình	Cao đẳng	22	103	
10	Công nghệ sinh học	Cao đẳng	16	31	
11	Cấp thoát nước	Trung cấp	22	41	
12	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	Cao đẳng	24	40	
13	Kỹ thuật xây dựng	Cao đẳng	22	35	
14	Công nghệ kỹ thuật tài nguyên nước	Cao đẳng	30	54	

15	Xây dựng công trình thủy	Cao đẳng	27	46	
16	Thủy lợi tổng hợp	Trung cấp	15	21	
17	Chế biến thực phẩm	Cao đẳng	22	58	
18	Chế biến và bảo quản Thủy sản	Trung cấp	17	36	
19	Công nghệ thực phẩm	Trung cấp	21	59	
20	Nuôi trồng thủy sản nước ngọt	Cao đẳng	18	65	
21	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	Cao đẳng	30	36	
		Trung cấp	18	24	
22	Quản trị mạng máy tính	Cao đẳng	18	20	
		Trung cấp	11	13	
23	Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)	Cao đẳng	28	33	
		Trung cấp	12	16	

Tại Phân hiệu:

TT	Nghành/nghề Đào tạo	Trình độ đào tạo	Tổng số MH/MĐ	Tổng số giáo trình	Ghi chú
	Môn chung	Cao đẳng Trung cấp	6	6	
1	Nuôi trồng thủy sản	Cao đẳng	25	25	
		Trung cấp	19	19	
2	Công nghệ kỹ thuật chế biến và bảo quản thực phẩm	Trung cấp	18	18	
	Chế biến thực phẩm	Cao đẳng	22	22	
3	Chế biến và bảo quản thủy sản	Cao đẳng	19	19	
		Trung cấp	17	17	
4	Bảo trì và sửa chữa thiết bị nhiệt	Trung cấp	15	15	
5	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	Cao đẳng	19	19	
		Trung cấp	14	14	
6	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	14	14	
7	Điện công nghiệp	Cao đẳng	23	23	

8	Kế toán doanh nghiệp	Cao đẳng	26	26
		Trung cấp	19	19
9	Tin học ứng dụng	Trung cấp	15	15
10	Công nghệ thông tin	Cao đẳng	20	20
TỔNG CỘNG				1493

Hiện trường có 1.493 giáo trình theo danh mục đã ban hành, có đủ các giáo trình cho các nghề trường đã được cấp phép và có các bản in (**4.10.11** - *Bản in/ file các giáo trình, tập bài giảng của các môn học/ mô đun của các chương trình đào tạo*).

Các giáo trình, tài liệu tham khảo của Trường đã được số hóa, cập nhật và tích hợp vào Thư viện số của Trường theo đường link <https://ww.nbac.edu.vn/thuvien.php> hoặc đường link <https://hcm-nbac.edu.vn/thuvien.php>.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 4: 01 điểm

Tiêu chuẩn 4.11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.

Mô tả, phân tích, nhận định

Căn cứ theo Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ LĐTB&XH, trên cơ sở đề xuất của các khoa chuyên môn Trường thành lập hội đồng lựa chọn giáo trình, hội đồng tổ chức xem xét thẩm định và trình hiệu trưởng phê duyệt danh sách giáo trình (**4.6.05** - *Quyết định số 245/QĐ-CĐNB ngày 04 tháng 01 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc thành lập HĐ lựa chọn giáo trình; 4.10.01* - *Quyết định số 307/QĐ-CĐNB ngày 03 tháng 5 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc phê duyệt danh mục giáo trình đưa giáo trình vào sử dụng trong giảng dạy và danh sách giáo trình ban hành kèm theo*). Năm 2020 đến năm 2022, trường đã biên soạn, thẩm định và ban hành 11 giáo trình (**4.11.01** - *Quyết định số 786/QĐ-CĐNB ngày 28/9/2020 của Hiệu trưởng về phân công giảng viên biên soạn giáo trình; 4.11.02* - *Quyết định số 351/QĐ-CĐNB ngày 23/4/2021, Quyết định số 494/QĐ-CĐNB ngày 31/5/2021 của Hiệu trưởng về thành lập hội đồng thẩm định giáo trình; 4.11.03* - *Quyết định số 524/QĐ-CĐNB ngày 08/6/2021, Quyết định số 629/QĐ-CĐNB ngày 12/8/2021 Hiệu trưởng về ban hành sử dụng giáo trình; 4.11.04* - *Quyết định số 722/QĐ-CĐNB ngày 14/10/2021 của Hiệu trưởng về phân công giảng viên biên soạn giáo trình; 4.11.05* - *Quyết định số 376/QĐ-CĐNB ngày 27/4/2022 của Hiệu trưởng về thành lập hội đồng thẩm định giáo trình; 4.11.06* - *Quyết định số 602/QĐ-CĐNB ngày 20/6/2022 của Hiệu trưởng về ban hành sử dụng giáo trình; 4.11.07* - *Quyết định số 890/QĐ-CĐNB ngày 08/9/2022 của Hiệu trưởng về thành lập tổ biên soạn giáo trình; 4.11.08* - *Quyết định số 265/QĐ-CĐNB ngày 28/3/2023 của Hiệu trưởng về thành lập hội đồng thẩm định giáo trình; 4.11.09* - *Quyết định số 518/QĐ-CĐNB ngày 12/6/2023 của Hiệu trưởng về ban hành sử dụng giáo trình*).

Tại Phân hiệu:

Nhà trường đã thành lập hội đồng lựa chọn giáo trình, hội đồng tổ chức xem xét thẩm định và trình Giám đốc phân hiệu phê duyệt danh sách giáo trình cho từng môn học, môn học của các chương trình đào tạo (4.10.06 – Quyết định số 634/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 05/11/2020 của Giám đốc Phân hiệu tại TP.HCM Trường CĐ Nông nghiệp Nam Bộ về việc lựa chọn giáo trình sử dụng cho các chuyên ngành trình độ Trung cấp và Cao đẳng; 4.10.07 - Quyết định số 569/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 21/9/2020 của Giám đốc Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại TP.HCM về việc thành lập HĐ lựa chọn giáo trình sử dụng cho các chuyên ngành trình độ Trung cấp, Cao đẳng).

Năm học 2020 - 2021, Trường đã tổ chức biên soạn và phê duyệt 16 giáo trình thuộc các chuyên ngành đào tạo được đưa vào sử dụng (4.11.10 - Thông báo số 652/TB-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 09/11/2020 về việc biên soạn giáo trình năm học 2020-2021; 4.11.11 - Tờ trình về việc lập dự toán kinh phí thẩm định giáo trình và đề tài nghiên cứu khoa học cấp Phân hiệu năm học 2020-2021; 4.11.12 - Quyết định số 653/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 11/11/2020 của Giám đốc Phân hiệu tại TP.HCM Trường CĐ Nông nghiệp Nam Bộ về việc thành lập Tổ biên soạn giáo trình độ Trung cấp và Cao đẳng năm học 2020-2021; 4.11.13 - Quyết định số 04/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 04/11/2021 của Giám đốc Phân hiệu tại TP.HCM Trường CĐ Nông nghiệp Nam Bộ về việc thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình độ Trung cấp và Cao đẳng năm học 2020-2021; 4.11.14 - Hồ sơ lấy ý kiến chuyên gia về cấu trúc giáo trình; 4.11.15 - Hồ sơ hội thảo giáo trình; 4.11.16 - Hồ sơ thẩm định giáo trình; 4.10.08 - Quyết định số 349/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 23/7/2021 của Giám đốc Phân hiệu tại TP.HCM Trường CĐ Nông nghiệp Nam Bộ về việc ban hành sử dụng 16 giáo trình).

Đối với 6 môn học chung, Nhà trường đã ra Quyết định ban hành lựa chọn giáo trình 6 môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng kèm theo công văn số 147/TCGDNN-DTCQ ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp để áp dụng cho Nhà trường (4.10.09 - Quyết định số 805/QĐ-CĐNB ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc thành lập HĐ lựa chọn giáo trình, tài liệu tham khảo; 4.10.10 - Quyết định số 897/QĐ-CĐNB ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc ban hành danh sách giáo trình sử dụng cho từng môn học/ môn học Quyết định phê duyệt và cho phép đưa giáo trình vào sử dụng).

Như vậy, tất cả giáo trình đào tạo được trường xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 4: 01 điểm

Tiêu chuẩn 4.12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng môn học, môn học trong chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định

Theo Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng

lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Nhà trường đã tiến hành xây dựng và ban hành chuẩn đầu ra cho từng ngành nghề và trình độ đào tạo. Trường cũng đã ban hành văn bản quy định khối lượng kiến thức tối thiểu các ngành nghề Bộ LĐTB&XH đã ban hành (2.1.01 – Quyết định 27/QĐ-CĐNB ngày 13/1/2020 thực hiện quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, năng lực mà người học đạt được sau tốt nghiệp của Bộ LĐTB&XH) để làm căn cứ biên soạn, điều chỉnh chương trình đào tạo, hướng dẫn đánh giá về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm người học.

Năm 2019, trường đã lựa chọn và phê duyệt giáo trình đưa vào giảng dạy các nghề trường đang đào tạo (4.6.05 - Quyết định số 245/QĐ-CĐNB ngày 04 tháng 01 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc thành lập HĐ lựa chọn giáo trình; 4.10.01 - Quyết định số 307/QĐ-CĐNB ngày 03 tháng 5 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc phê duyệt danh mục giáo trình đưa giáo trình vào sử dụng trong giảng dạy và danh sách giáo trình ban hành kèm theo; 4.10.06 – Quyết định số 634/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 05/11/2020 của Giám đốc Phân hiệu tại TP.HCM Trường CĐ Nông nghiệp Nam Bộ về việc lựa chọn giáo trình sử dụng cho các chuyên ngành trình độ Trung cấp và Cao đẳng; 4.10.07 - Quyết định số 569/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 21/9/2020 của Giám đốc Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại TPHCM về việc thành lập HĐ lựa chọn giáo trình sử dụng cho các chuyên ngành trình độ Trung cấp, Cao đẳng).

Năm 2020, trường đã xây dựng Kế hoạch biên soạn giáo trình, Thành lập ban xây dựng, Hội đồng thẩm định theo Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ LĐTB&XH và đã ra quyết định ban hành giáo trình cho 16 MĐ/MH tại phân hiệu và 11 MĐ/MH tại cơ sở chính.

Năm 2022- 2023: trường đã xây dựng kế hoạch và biên soạn thêm một số giáo trình (4.10.02 - Quyết định số 830/QĐ-CĐNB ngày 17/8/2022 về thành lập hội đồng lựa chọn giáo trình đào tạo chất lượng cao nghề Thú y, nghề bảo vệ thực vật; 4.10.03 - Quyết định số 870/QĐ-CĐNB ngày 26/8/2022 về phê duyệt giáo trình đào tạo chất lượng cao nghề Thú y, nghề bảo vệ thực vật; 4.10.04 - Quyết định số 684/QĐ-CĐNB ngày 01/8/2023 về thành lập hội đồng rà soát, cập nhật giáo trình trình độ trung cấp, cao đẳng; 4.10.05 - Quyết định số 811/QĐ-CĐNB ngày 28/8/2023 về phê duyệt bổ sung giáo trình trình độ trung cấp, cao đẳng; 4.11.07 - Quyết định số 890/QĐ-CĐNB ngày 08/9/2022 của Hiệu trưởng về thành lập tổ biên soạn giáo trình; 4.11.08 - Quyết định số 265/QĐ-CĐNB ngày 28/3/2023 của Hiệu trưởng về thành lập hội đồng thẩm định giáo trình; 4.11.09 - Quyết định số 518/QĐ-CĐNB ngày 12/6/2023 của Hiệu trưởng về ban hành sử dụng giáo trình).

Qua xem xét minh chứng thực tế, đoàn nhận thấy: Giáo trình của trường chủ yếu là lựa chọn giáo trình từ các đơn vị khác hoặc giáo trình của các trường đại học nên một số giáo trình chưa cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo trường đã ban hành.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 4: 00 điểm

Tiêu chuẩn 4.13: *Giáo trình đào tạo đủ điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Năm 2020 Trường ban hành Quy định cấu trúc và thể thức của giáo trình biên soạn, trong mỗi chương đều có phần: Mục tiêu chương, câu hỏi - bài tập, ghi nhớ. Đây chính là cơ sở cung cấp kiến thức một cách hệ thống, có định hướng cho học sinh theo từng chương (**4.13.01** - *Quyết định số 828/QĐ-CDNB ngày 13/10/2020 của Hiệu trưởng ban hành quy định về cấu trúc, thể thức trình bày giáo trình*).

Giáo trình được trường xây dựng, biên soạn hoặc lựa chọn trên cơ sở tuân thủ mục tiêu và nội dung của các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo đã xây dựng. Bảo đảm tính chính xác, tính hệ thống, tính sư phạm; bảo đảm sự cân đối, phù hợp giữa các nội dung chuyên môn và các hình vẽ, bản vẽ, sơ đồ minh họa. Mỗi chương, bài của giáo trình đào tạo phải có câu hỏi, bài tập; từng giáo trình có danh mục tài liệu tham khảo; tài liệu tham khảo có độ tin cậy và nguồn gốc rõ ràng. Trình bày ngắn gọn, đơn giản, dễ hiểu; sử dụng thuật ngữ nghề nghiệp phổ biến, nhất quán; các hình vẽ, bản vẽ, sơ đồ minh họa phải làm sáng tỏ các kiến thức, kỹ năng. Đảm bảo phù hợp với các trang thiết bị, nguồn học liệu và phương tiện dạy học khác tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

Tại cơ sở chính, năm 2019 trường đã ban hành Quyết định phê duyệt danh mục giáo trình đưa vào giảng dạy trên cơ sở lựa chọn giáo trình từ các đơn vị khác (**4.6.05** - *Quyết định số 245/QĐ-CDNB ngày 04 tháng 01 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc thành lập HĐ lựa chọn giáo trình*; **4.10.01** - *Quyết định số 307/QĐ-CDNB ngày 03 tháng 5 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc phê duyệt danh mục giáo trình đưa giáo trình vào sử dụng trong giảng dạy và danh sách giáo trình ban hành kèm theo*). Đến năm học 2021 – 2022, trường tiến hành biên soạn, thẩm định và ban hành 11 giáo trình (**4.11.02** - *Quyết định số 351/QĐ-CDNB ngày 23/4/2021, Quyết định số 494/QĐ-CDNB ngày 31/5/2021 của Hiệu trưởng về thành lập hội đồng thẩm định giáo trình*; **4.11.03** - *Quyết định số 524/QĐ-CDNB ngày 08/6/2021, Quyết định số 629/QĐ-CDNB ngày 12/8/2021 Hiệu trưởng về ban hành sử dụng giáo trình*; **4.11.05** - *Quyết định số 376/QĐ-CDNB ngày 27/4/2022 của Hiệu trưởng về thành lập hội đồng thẩm định giáo trình*; **4.13.02** - *Bản phân biên thẩm định giáo trình, Phiếu đánh giá giáo trình, biên bản họp thẩm định giáo trình, lưu tại phòng Đào tạo & KHCN*; **4.11.06** - *Quyết định số 602/QĐ-CDNB ngày 20/6/2022 của Hiệu trưởng về ban hành sử dụng giáo trình*; **4.10.11** - *Bản in/ file các giáo trình, tập bài giảng của các môn học/ mô đun của các chương trình đào tạo*).

Tại phân hiệu, năm 2020 trường đã ban hành Quyết định phê duyệt danh mục giáo trình đưa vào giảng dạy (**4.10.06** – *Quyết định số 634/QĐ-CDNBPH-ĐTCTHS ngày 05/11/2020 của Giám đốc Phân hiệu tại TP.HCM Trường CD Nông nghiệp Nam Bộ về việc lựa chọn giáo trình sử dụng cho các chuyên ngành trình độ Trung cấp và Cao đẳng*; **4.10.07** - *Quyết định số 569/QĐ-CDNBPH-ĐTCTHS ngày 21/9/2020 của Giám đốc Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại TPHCM về việc thành lập HĐ lựa*

chọn giáo trình sử dụng cho các chuyên ngành trình độ Trung cấp, Cao đẳng; **4.11.07** - Hồ sơ thẩm định giáo trình tại phân hiệu; **4.10.08** - Quyết định số 349/QĐ-CDNBPH-ĐTCTHS ngày 23/7/2021 của Giám đốc Phân hiệu tại TP.HCM Trường CD Nông nghiệp Nam Bộ về việc ban hành sử dụng 16 giáo trình).

Năm học 2022-2023 Nhà trường ban hành thêm một số giáo trình (**4.10.02** - Quyết định số 830/QĐ-CDNB ngày 17/8/2022 về thành lập hội đồng lựa chọn giáo trình đào tạo chất lượng cao nghề Thú y, nghề bảo vệ thực vật; **4.10.03** - Quyết định số 870/QĐ-CDNB ngày 26/8/2022 về phê duyệt giáo trình đào tạo chất lượng cao nghề Thú y, nghề bảo vệ thực vật; **4.10.04** - Quyết định số 684/QĐ-CDNB ngày 01/8/2023 về thành lập hội đồng rà soát, cập nhật giáo trình trình độ trung cấp, cao đẳng; **4.10.05** - Quyết định số 811/QĐ-CDNB ngày 28/8/2023 về phê duyệt bổ sung giáo trình trình độ trung cấp, cao đẳng; **4.11.07** - Quyết định số 809/QĐ-CDNB ngày 08/9/2022 của Hiệu trưởng về thành lập tổ biên soạn giáo trình; **4.11.08** - Quyết định số 265/QĐ-CDNB ngày 28/3/2023 của Hiệu trưởng về thành lập hội đồng thẩm định giáo trình; **4.11.09** - Quyết định số 518/QĐ-CDNB ngày 12/6/2023 của Hiệu trưởng về ban hành sử dụng 08 giáo trình).

Trường cũng đã định kỳ thực hiện khảo sát ý kiến học sinh về “Giáo trình đào tạo của các môn đùn, mô học sử dụng trong toàn khoá học có nội dung phù hợp, đáp ứng mục tiêu chương trình đào tạo, tạo điều kiện thực hiện phương pháp dạy học tích cực” với 5 mức độ đánh giá (5. Xuất sắc; 4. Tốt, 3. Khá; 2. Trung bình, 1. Kém). Cụ thể: Năm học 2020 - 2021: Khảo sát lấy ý kiến 300 cựu HSSV, kết quả có 58% HSSV đánh giá ở mức độ xuất sắc, 42% HSSV đánh giá ở mức độ tốt, không có HSSV đánh giá mức độ Trung bình hoặc kém. Năm học 2021 - 2022: Khảo sát lấy ý kiến 300 cựu HSSV, kết quả có 71.5% HSSV đánh giá ở mức độ xuất sắc, 28.5% HSSV đánh giá ở mức độ tốt, không có HSSV đánh giá mức độ Trung bình hoặc kém. Năm học 2022 - 2023: Khảo sát lấy ý kiến 250 cựu HSSV, kết quả có 76.2% HSSV đánh giá ở mức độ xuất sắc, 23.8% HSSV đánh giá ở mức độ tốt, không có HSSV đánh giá mức độ Trung bình hoặc kém (**4.5.01** – Phiếu khảo sát CBGV, Doanh nghiệp, HSSV năm 2021, 2022, 2023 về chương trình, giáo trình đào tạo; **4.5.02** - Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBGV, Doanh nghiệp, HSSV năm 2021, 2022, 2023 về chương trình, giáo trình đào tạo).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13, tiêu chí 4: 01 điểm

Tiêu chuẩn 4.14: Hàng năm trường thực hiện lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định

Hàng năm, Trường có xây dựng kế hoạch và thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về chương trình, giáo trình đào tạo, trong đó có nội dung về “Mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo” để có những rà soát, điều chỉnh kịp thời giáo trình, đáp ứng nhu cầu của người học, tiếp cận với thực tiễn. Trường có thực hiện việc lấy ý kiến các đối tượng liên

quan qua các hình thức như: qua các buổi họp của tổ biên soạn, hội đồng thẩm định, phát phiếu trực tiếp cho giáo viên, CBQL, gửi phiếu khảo sát qua đường bưu điện, gửi email chương trình, giáo trình cho doanh nghiệp, HSSV. Kết quả lấy ý kiến được tổng hợp báo cáo đầy đủ và có thực hiện đối với 100% các nghề đang đào tạo (4.5.01 – Phiếu khảo sát CBGV, Doanh nghiệp, HSSV năm 2021, 2022, 2023 về chương trình, giáo trình đào tạo; 4.5.02 - Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBGV, Doanh nghiệp, HSSV năm 2021, 2022, 2023 về chương trình, giáo trình đào tạo).

Hàng năm, trường thực hiện lấy ý kiến doanh nghiệp về giáo trình đào tạo, cụ thể:

Năm 2020:

Tổng số phiếu khảo sát: 371 phiếu (7 phiếu khảo sát/ tất cả giáo trình chuyên môn của 1 ngành) với 5 mức độ (1. Kém; 2. Chưa tốt; 3. Trung bình; 4. Tốt; 5. Rất tốt). Cụ thể:

TT	Nội dung ý kiến tham khảo	Mức độ đánh giá (%)				
		1	2	3	4	5
1	Giáo trình đã xác định rõ mục tiêu học tập.	0	0	0.0	42.9	57.1
2	Mục tiêu của giáo trình phù hợp với mục tiêu của CTĐT.	0	0	0.0	54.2	45.8
3	Các kiến thức trong giáo trình trình bày phù hợp với trình độ đào tạo nghề.	0	0	0.0	35.8	64.2
4	Các kỹ năng trong giáo trình trình bày phù hợp với trình độ đào tạo nghề.	0	0	5.9	33.2	60.9
5	Các kiến thức, kỹ năng trong giáo trình đảm bảo yếu tố cơ bản, hiện đại và phù hợp thực tiễn hiện nay.	0	0	0.0	30.2	69.8
6	Giáo trình được viết dễ hiểu, rõ ràng, ngắn gọn và chính xác.	0	0	6.7	60.6	32.6
7	Giáo trình kích thích được khả năng tự học, độc lập tư duy, tự nghiên cứu của người học.	0	0	2.7	48.2	49.1
8	Nội dung trình bày có hệ thống, đảm bảo logic chặt chẽ.	0	0	8.9	55.5	35.6
9	Nội dung giáo trình có liên hệ chặt chẽ với thực tế ngành nghề	0	0	0.0	80.1	19.9
10	Nội dung giáo trình đã chú ý đến các trình độ khác nhau của người học.	0	0	0.0	47.4	52.6

Năm 2021:

- Tổng số phiếu khảo sát: 371 phiếu (7 phiếu khảo sát/ tất cả giáo trình chuyên môn của 1 ngành) với 5 mức độ (1. Kém; 2. Chưa tốt; 3. Trung bình; 4. Tốt; 5. Rất tốt). Cụ thể:

T T	Nội dung ý kiến tham khảo	Mức độ đánh giá (%)				
		1	2	3	4	5
1	Giáo trình đã xác định rõ mục tiêu học tập.	0	0	0.0	52.7	47.3
2	Mục tiêu của giáo trình phù hợp với mục tiêu của CTĐT.	0	0	0.0	51.4	48.6
3	Các kiến thức trong giáo trình trình bày phù hợp với trình độ đào tạo nghề.	0	0	0.0	54.8	45.2
4	Các kỹ năng trong giáo trình trình bày phù hợp với trình độ đào tạo nghề.	0	0	0.0	46.2	53.8
5	Các kiến thức, kỹ năng trong giáo trình đảm bảo yếu tố cơ bản, hiện đại và phù hợp thực tiễn hiện nay.	0	0	5.2	60.8	34.0
6	Giáo trình được viết dễ hiểu, rõ ràng, ngắn gọn và chính xác.	0	0	0.0	48.1	51.9
7	Giáo trình kích thích được khả năng tự học, độc lập tư duy, tự nghiên cứu của người học.	0	0	0.0	57.9	42.1
8	Nội dung trình bày có hệ thống, đảm bảo logic chặt chẽ.	0	0	8.6	44.9	46.5
9	Nội dung giáo trình có liên hệ chặt chẽ với thực tế ngành nghề	0	0	0.0	56.9	43.1
10	Nội dung giáo trình đã chú ý đến các trình độ khác nhau của người học.	0	0	0.0	43.1	56.9

Năm 2022:

- Tổng số phiếu khảo sát: 217 phiếu (7 phiếu khảo sát/ tất cả giáo trình chuyên môn của 1 ngành) với 5 mức độ (1. Kém; 2. Chưa tốt; 3. Trung bình; 4. Tốt; 5. Rất tốt). Cụ thể:

TT	Nội dung ý kiến tham khảo	Mức độ đánh giá (%)				
		1	2	3	4	5
1	Giáo trình đã xác định rõ mục tiêu học tập.	0	0.0	0.0	50.5	49.5
2	Mục tiêu của giáo trình phù hợp với mục tiêu của CTĐT.	0	0.0	0.0	43.2	56.8

3	Các kiến thức trong giáo trình trình bày phù hợp với trình độ đào tạo nghề.	0	0.0	0.0	51.5	48.5
4	Các kỹ năng trong giáo trình trình bày phù hợp với trình độ đào tạo nghề.	0	0.0	7.8	53.9	38.3
5	Các kiến thức, kỹ năng trong giáo trình đảm bảo yếu tố cơ bản, hiện đại và phù hợp thực tiễn hiện nay.	0	0.0	4.6	41.2	54.2
6	Giáo trình được viết dễ hiểu, rõ ràng, ngắn gọn và chính xác.	0	0.0	0.0	39.2	60.8
7	Giáo trình kích thích được khả năng tự học, độc lập tư duy, tự nghiên cứu của người học.	0	0.0	4.6	60.4	39.6
8	Nội dung trình bày có hệ thống, đảm bảo logic chặt chẽ.	0	0.0	4.6	56.7	38.7
9	Nội dung giáo trình có liên hệ chặt chẽ với thực tế ngành nghề	0	0.0	0.0	48.8	51.2
10	Nội dung giáo trình đã chú ý đến các trình độ khác nhau của người học.	0	0.0	0.0	61.8	38.2

Nhà trường đã định kỳ lấy ý kiến nhận xét đánh giá của nhà giáo, CBQL về giáo trình đào tạo về “Các kiến thức, kỹ năng trong giáo trình trình bày phù hợp với trình độ đào tạo nghề, đảm bảo yếu tố cơ bản, hiện đại và phù hợp thực tiễn hiện nay” với 5 mức độ (Hoàn toàn không đồng ý, 2: Không đồng ý, 3: Trung lập, 4: Đồng ý, 5: Hoàn toàn đồng ý). Cụ thể:

Năm học 2020 - 2021: Khảo sát 76 giáo viên, kết quả trên 63.2% giáo viên đồng ý, 36.8% giáo viên hoàn toàn đồng ý đánh giá các kiến thức, kỹ năng trong giáo trình trình bày phù hợp với trình độ đào tạo nghề, đảm bảo yếu tố cơ bản, hiện đại và phù hợp thực tiễn hiện nay

Năm học 2021 - 2022: Khảo sát 74 giáo viên, kết quả trên 64.9% giáo viên đồng ý, 35.1% giáo viên hoàn toàn đồng ý đánh giá các kiến thức, kỹ năng trong giáo trình trình bày phù hợp với trình độ đào tạo nghề, đảm bảo yếu tố cơ bản, hiện đại và phù hợp thực tiễn hiện nay

Năm học 2022 - 2023: Khảo sát 70 giáo viên, kết quả trên 70.9% giáo viên đồng ý, 29.1% giáo viên hoàn toàn đồng ý đánh giá các kiến thức, kỹ năng trong giáo trình trình bày phù hợp với trình độ đào tạo nghề, đảm bảo yếu tố cơ bản, hiện đại và phù hợp thực tiễn hiện nay.

Trường cũng đã định kỳ thực hiện khảo sát ý kiến học sinh về “Giáo trình đào tạo của các môn đụn, mô học sử dụng trong toàn khoá học có nội dung phù hợp, đáp ứng mục tiêu chương trình đào tạo, tạo điều kiện thực hiện phương pháp dạy học tích cực” với 5 mức độ đánh giá (5. Xuất sắc; 4. Tốt, 3. Khá; 2. Trung bình, 1. Kém). Cụ thể:

Năm học 2020 - 2021: Khảo sát lấy ý kiến 300 cựu HSSV, kết quả có 58% HSSV đánh giá ở mức độ xuất sắc, 42% HSSV đánh giá ở mức độ tốt, không có HSSV đánh giá mức độ Trung bình hoặc kém.

Năm học 2021 - 2022: Khảo sát lấy ý kiến 300 cựu HSSV, kết quả có 71.5% HSSV đánh giá ở mức độ xuất sắc, 28.5% HSSV đánh giá ở mức độ tốt, không có HSSV đánh giá mức độ Trung bình hoặc kém.

Năm học 2022 - 2023: Khảo sát lấy ý kiến 250 cựu HSSV, kết quả có 89.1% HSSV đánh giá ở mức độ xuất sắc, 10.9% HSSV đánh giá ở mức độ tốt, không có HSSV đánh giá mức độ Trung bình hoặc kém.

Kết quả khảo sát nhà giáo, CBQL, doanh nghiệp và học sinh đã tốt nghiệp cho thấy các kiến thức, kỹ năng trong giáo trình phù hợp với trình độ đào tạo nghề, phù hợp thực tiễn hiện nay được đánh giá ở mức 4,5 với tỷ lệ cao.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14, tiêu chí 4: 01 điểm

***Tiêu chuẩn 4.15:** Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đổi với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Năm 2017 sau khi thông tư số 03/2017/TT-BLĐT BXH được ban hành nhà trường đã tổ chức xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo.

Tại phân hiệu:

Đến năm 2020 sau khi sát nhập trường đã ban hành chương trình cho 09 nghề cao đẳng và 14 nghề trung cấp và đã thành lập hội đồng thẩm định, lựa chọn phê duyệt giáo trình đưa vào giảng dạy (**4.10.06** – Quyết định số 634/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 05/11/2020 của Giám đốc Phân hiệu tại TP.HCM Trường CĐ Nông nghiệp Nam Bộ về việc lựa chọn giáo trình sử dụng cho các chuyên ngành trình độ Trung cấp và Cao đẳng; **4.10.07** - Quyết định số 569/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 21/9/2020 của Giám đốc Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại TPHCM về việc thành lập HĐ lựa chọn giáo trình sử dụng cho các chuyên ngành trình độ Trung cấp, Cao đẳng).

Tại cơ sở chính:

Trong 17 nghề cao đẳng và 14 nghề trung cấp được cấp giấy chứng nhận hoạt động nghề nghiệp, Trường thành lập thành lập các hội đồng thẩm định/lựa chọn giáo trình đào tạo để cập nhật, nghiệm thu, ban hành và đưa vào giảng dạy (**4.6.05** - Quyết định số 245/QĐ-CĐNB ngày 04 tháng 01 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc thành lập HĐ lựa chọn giáo trình; **4.10.01** - Quyết định số 307/QĐ-CĐNB ngày 03 tháng 5 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc phê duyệt danh mục giáo trình đưa giáo trình vào sử dụng trong giảng dạy và danh sách giáo trình ban hành kèm theo).

Năm 2019, 2020, Nhà trường có tổ chức đánh giá, cập nhật lại các chương trình đào tạo cao đẳng và chương trình đào tạo trung cấp được xây dựng năm 2017, 2018 theo

quy định của Thông tư 03/2017/TT-BLĐT BXH (**4.10.07** - Quyết định số 569/QĐ-CDNBPH-ĐTCTHS ngày 21/9/2020 của Giám đốc Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại TPHCM về việc thành lập HĐ lựa chọn giáo trình sử dụng cho các chuyên ngành trình độ Trung cấp, Cao đẳng).

So sánh chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng của chương trình ban hành năm 2017, 2018 và chương trình có cập nhật năm 2019, 2020, các chương trình đào tạo có sự thay đổi về số lượng các môn/Môn học và nội dung một số môn học/môn đơn được thay đổi cập nhật. Qua nội dung các biên bản làm việc của hội đồng rà soát, đánh giá giáo trình đã thể hiện các giáo trình trường đã lựa chọn phê duyệt đưa vào giảng dạy năm 2019 vẫn còn phù hợp và tiếp tục được đưa vào giảng dạy (**4.11.16** - Hồ sơ thẩm định giáo trình).

Năm 2023, Trường đã thành lập Hội đồng rà soát, thẩm định giáo trình đào tạo sau khi điều chỉnh chương trình (**4.10.06** - Quyết định số 684/QĐ-CDNB ngày 01/8/2023 về thành lập hội đồng rà soát, cập nhật giáo trình trình độ trung cấp, cao đẳng; **4.10.05** - Quyết định số 811/QĐ-CDNB ngày 28/8/2023 về phê duyệt bổ sung giáo trình trình độ trung cấp, cao đẳng).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15, tiêu chí 4: 01 điểm.

3.2.5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

Đánh giá tổng quát

Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ được hình thành dựa trên cơ sở Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ được thành lập vào ngày 28 tháng 01 năm 2008 theo Quyết định số 479/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở nâng cấp Trường Trung học và Dạy nghề Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nam Bộ. Năm 2019, Trường được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định cho sáp nhập Trường Trung cấp Thủy sản vào Trường (Quyết định số 1128/QĐ-LĐT BXH ngày 9/8/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

Địa chỉ Trường:

- Cơ sở chính: xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

- Cơ sở phân hiệu: 511, An Dương Vương, phường An Lạc A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

Số điện thoại: 02733 850 136. Fax: 02733 850 247

Website: www.nbac.edu.vn. Email: info@nbac.edu.vn

Hiện trạng việc sử dụng đất tại cơ sở chính và phân hiệu của trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ được giao đã đưa vào sử dụng đúng mục đích, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Theo quy định, từ khi có quyết định giao đất cho đến thời điểm hiện nay, Nhà trường quản lý, sử dụng phục vụ cho công việc đào tạo,

giảng dạy, học tập, thực hành, thực tập của HSSV và sinh hoạt thể chất của cán bộ viên chức, HSSV trong trường.

Đất đai của Trường không có tranh chấp, không lấn chiếm, không cho thuê mướn, không chuyển nhượng hoặc quản lý, sử dụng bằng các hình thức khác. Toàn bộ đất đai thuộc khuôn viên trường được xây dựng hàng rào ngăn cách với bên ngoài.

Về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo, Nhà trường luôn chú trọng trang bị những thiết bị hiện đại đáp ứng nhu cầu dạy và học. Để triển khai tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác theo dõi, điều hành, quản lý, khai thác sử dụng các phòng thí nghiệm - thực hành, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, Nhà trường đã ban hành “*Quy định trách nhiệm quản lý, phục vụ và khai thác các phòng thí nghiệm - thực hành của Trường Cao Đẳng Nông Nghiệp Nam Bộ*”. Hằng năm, Nhà trường đều tiến hành kiểm kê, đánh giá hiện trạng thiết bị, bổ sung thiết bị mới, thanh lý những thiết bị không còn phù hợp nhằm phục vụ tốt nhất cho quá trình dạy và học góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

*** Những điểm mạnh:**

Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước.

Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn; khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

Việc quản lý và khai thác thiết bị phục vụ giảng dạy, thực hành thực tập, nghiên cứu khoa học đi vào nề nếp và phát huy hiệu quả.

*** Những tồn tại:**

Thiết bị đào tạo ở một số ngành chưa đáp ứng 100% danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định.

Thiết bị thực hành, thực tập, thí nghiệm trang bị khá hiện đại cho các ngành nhưng khai thác còn hạn chế.

Một số máy móc, thiết bị chưa đồng bộ nên việc đưa vào sử dụng phục vụ đào tạo tạo hiệu quả chưa cao.

Số đầu sách và giáo trình tham khảo còn ít nên chưa thực sự thu hút và đáp ứng được nhu cầu tìm kiếm, nghiên cứu tài liệu của CBGV và HSSV. Thư viện chưa đảm bảo đủ 05 bản in cho mỗi loại giáo trình.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Đề xuất với Bộ chủ quản đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu đào tạo, đặc biệt thực hành, thực tập nâng cao tay nghề cho HSSV đáp ứng yêu cầu xã hội.

Phối hợp với các Khoa chuyên môn, Tổ bộ môn tổ chức khai thác các thiết bị máy móc có hiệu quả nhằm phục vụ cho việc thực hành thực tập cho các ngành nghề.

Đẩy mạnh hoạt động của thư viện điện tử ở cả 2 cơ sở chính và phân hiệu.

Điểm đánh giá tiêu chí 5:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 5	13
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	0
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	0
Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	1
Tiêu chuẩn 15	1

Tiêu chuẩn 5.1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định

Trường Cao đẳng nghề Nông nghiệp Nam Bộ là trường công lập trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đóng tại xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Năm 2008 Trường được nâng cấp thành Trường Cao đẳng Nông Nghiệp Nam Bộ theo Quyết định số 479/QĐ-BGDĐT ngày 28/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Năm 2019, Trường được Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Quyết định số 1128/QĐ-BLĐTBXH ngày 09/8/2019 trên cơ sở sáp nhập trường Trung cấp Thủy sản vào Trường. Từ đó, có thể thấy vị trí của Trường phù hợp với Quy hoạch phát triển khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo đến năm 2030 (**1.1.02** - *Quyết định số 479/QĐ-BGDĐT, ngày 28 tháng 01 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ; 1.1.03* - *Quyết định 1128/QĐ-LĐTBXH ngày 09/8/2019 về việc sáp nhập Trường trung cấp Thủy sản vào Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ; 1.1.04* - *Quyết định số 1805/QĐ-BNN-TCCB, ngày 27 tháng 4 năm 2021, của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phê duyệt chiến lược phát triển trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ đến năm 2030*).

Trường có 01 cơ sở nằm trong trung tâm thành phố Hồ Chí Minh, nên giao thông thuận tiện tạo điều kiện đi lại dễ dàng cho cán bộ, học sinh sinh viên.

- Cơ sở 1: Tại xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang có hệ thống giao thông thuận lợi kết nối với quốc lộ 50 theo hướng đi Gò Công có tuyến xe bus đi các huyện thị, thành phố trong tỉnh.

- Cơ sở 2: Tại 511 An Dương Vương, phường An Lạc A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh công số 1 mặt tiền đường An Dương Vương, công số 2, 3 mặt tiền đường số 1 là tuyến đường chính trong khu vực các bến xe Miền Tây 2 km rất thuận tiện cho việc đi lại.

Trường nằm trên khu đất cao ráo, có hệ thống thoát nước kết nối với hệ thống thoát nước ra kênh công cộng (chảy ra sông tiền) nên không bị ngập úng so với nền đường giao thông. Cổng trường cách quốc lộ 50 khoảng 100m, xe lưu thông chủ yếu là xe ô tô và xe buýt, khu vực giảng đường và xưởng thực hành, thực tập nằm cách xa trực đường khoảng 200 m nên không bị ảnh hưởng của tiếng ồn do phương tiện giao thông đi lại và đảm bảo an toàn về an ninh trật tự.

Hiện tại mọi hoạt động của Trường đều diễn ra tại cơ sở 1, cơ sở 2. Theo các hồ sơ thiết kế, hệ thống điện, nước tại cơ sở 1 được thiết kế hoàn chỉnh, đồng bộ. Nguồn điện của Nhà trường được cung cấp theo Hợp đồng số 21001191 ký với Công ty Điện lực Tiền Giang. Hệ thống điện nội bộ của Trường gồm 01 trạm biến áp 320KVA, hệ thống điện 3 pha cung cấp cho các nhà xưởng. Trường có 01 máy phát điện công suất 50 KVA dự phòng để đảm bảo các hoạt động khi mất điện. Các hồ sơ thiết kế, hệ thống điện, nước tại cơ sở 2 nguồn điện của Nhà trường được cung cấp theo Hợp đồng số 20000721 ký với Tổng Công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh (chi nhánh Tổng Công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh TNHH – Công ty Điện lực Bình Phú) tại mỗi khu nhà đều có hệ thống aptomat, cầu dao đảm bảo an toàn của hệ thống điện; Hợp đồng số

BA00091, BA121583, BA73211, BA35331, BA00092 ký với Công ty cổ phần cấp nước Chợ lớn (5.1.01 - Hợp đồng số 21001191 ngày 13/12/2021 mua bán điện giữa Trường Cao đẳng NN Nam Bộ và Tổng công ty điện lực Miền Nam, mã khách hàng: PB 080810014396- A0911- Q 34- IA 3860000; 5.1.02 - Hợp đồng điện, nước phân hiệu; 5.1.03 - Biên bản nghiệm thu và đưa vào sử dụng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đường giao thông nội bộ, hệ thống điện, cấp thoát nước, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống phòng cháy chữa cháy; 5.1.04 - Hợp đồng và Biên bản nghiệm thu và đưa vào sử dụng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đường giao thông nội bộ, hệ thống điện, cấp thoát nước, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống phòng cháy chữa cháy phân hiệu).

Về hệ thống cung cấp nước: Hệ thống nước sạch của Trường được cung cấp từ Công ty cấp nước Tiền Giang nên đảm bảo về an toàn vệ sinh. Trường có 02 bể nước ngầm dự trữ với sức chứa 65m³/2 bể. Hệ thống nước sạch được dẫn tới tất cả các phòng, lớp học đáp ứng đầy đủ nhu cầu của cán bộ, giáo viên và học sinh sinh viên nhà trường. (5.1.05 - Mặt bằng hệ thống cấp thoát nước tại phân hiệu).

Theo thống kê của phòng Cơ sở vật chất thiết bị, đo trên Google Map, 02 cơ sở của trường đều đảm bảo khoảng cách an toàn đối với các khu công nghiệp thải ra chất độc hại theo quy định. Cụ thể:

Cơ sở 1: Trong bán kính khoảng hơn 1,5 km không có các Công ty, Xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại. Phần giáp đường quốc lộ 50 là cổng ra vào của cán bộ, giáo viên, có tường bao nên không gây ảnh hưởng tới việc giảng dạy và học tập.

Cơ sở 2: Mặt chính giáp với công viên, còn 2 mặt tiếp giáp với khu dân cư, mặt còn lại giáp với kho của Công ty điện máy chợ lớn (kho trữ hàng điện máy để phân phối), trong khoảng cách 1.500 m không có các Công ty, Xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại.

Như vậy, trong vòng bán kính 1,5 km không có nhà máy, xí nghiệp nào thải ra chất độc hại gây ảnh hưởng đến Trường (5.1.06 - Quyết định số 3939/QĐ-BNN-KH ngày 05/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt dự án quy hoạch mặt bằng tổng thể Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ; 5.1.07 - Bảng vẽ tổng mặt bằng cơ sở 2).

Ý kiến của người học, nhà giáo cán bộ quản lý về “Vị trí Trường trú đóng có yên tĩnh, quy hoạch phù hợp với mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong khu vực, đảm bảo khoảng cách với các khu công nghiệp, các công ty doanh nghiệp, hệ thống giao thông thuận tiện cho việc đi lại của người học và CBVC” và “Các khu giảng đường, xưởng thực tập, khu giáo dục thể chất và sinh hoạt trong trường đảm có chỉ dẫn, đường đi thuận tiện, được cung cấp điện, nước đáp ứng nhu cầu sử dụng và hệ thống hạ tầng được bảo trì bảo dưỡng, phòng cháy chữa cháy theo quy định” được thể hiện trong phiếu lấy ý kiến CBVC và HSSV. Kết quả cho thấy 100% HSSV và CBVC đánh giá ở mức tốt/ hài lòng (1.10.15 - Phiếu khảo sát HSSV năm 2021, 2022, 2023; 1.1.10 - Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2021, 2022, 2023 file lưu trên google form;

1.1.11 - Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2021, 2022, 2023).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 5: 01 điểm

Tiêu chuẩn 5.2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Trường có bản đồ quy hoạch tổng thể mặt bằng xây dựng trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ do Công ty tư vấn xây dựng và phát triển nông nghiệp 1 thiết kế được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt dự án quy hoạch tổng thể mặt bằng xây dựng trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại Quyết định số 3939/QĐ-BNN-XD ngày 05/10/2015. Trường được xây dựng theo quy hoạch được phê duyệt nên có mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm.

Tổng diện tích Trường được giao quản lý là: 97.659,9 m². Trong đó:

Cơ sở 1: Xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang có diện tích đất là 79.633,3 m²

Cơ sở 2: 511 An Dương Vương, phường An Lạc A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh có diện tích đất là 18.026,6 m². Như vậy diện tích của Trường vượt so với tiêu chuẩn quy định tối thiểu 20,000 m². Trong đó:

Đất đã xây dựng công trình: 27.833 m², đạt tỷ lệ 28,5%, nằm trong khung tiêu chuẩn quy định 20% - 40%.

Diện tích cây xanh, thảm cỏ và sân thể thao, lưu không: 39.126 m² chiếm 40%, nằm trong khung tiêu chuẩn quy định 30% - 40%; đáp ứng yêu cầu theo Quyết định số 3621/QĐ-BKHHCN của Bộ Khoa học-Công nghệ ngày 28/12/2012 về Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9210:2012 “Trường Dạy nghề-Tiêu chuẩn thiết kế”.

Diện tích đường giao thông nội bộ: 24,506 m², chiếm 30,8% tổng diện tích được giao quản lý (5.2.01 - Quyết định số 1818/QĐ-BNN-XDCB ngày 04/5/2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán công trình cải tạo xây dựng trường; 5.2.02 - Quyết định số 3939/QĐ-BNN-KH ngày 05/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt dự án quy hoạch mặt bằng tổng thể Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ; 5.2.03 - Bản vẽ số 03, 04 - lưu tại phòng Cơ sở vật chất; 5.2.04 - Giấy chứng nhận QSDĐ số: 00072/QSDĐ/43; 3008; 1563 của Chủ tịch UBND tỉnh Tiền Giang cấp ngày 01 tháng 11 năm 2000; 5.2.05 - Quyết định số 1364/QĐ/BNN-TC ngày 01/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc giữ lại tiếp tục sử dụng đối với cơ sở nhà, đất của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ (Bản vẽ số 01; 01 lưu giữ tại phòng Cơ sở vật chất); 5.2.06 - Trích lục bản đồ địa hình số 442/TTĐK-KT ngày 03/12/2008; 5.2.07 - Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất ngày 08/7/2013 của Ban chỉ đạo 09).

Tất cả các hạng mục công trình xây dựng có hồ sơ thiết kế, hồ sơ hoàn công đầy đủ. Theo số liệu thống kê, các hạng mục công trình xây dựng có diện tích (5.2.08 - *Thống kê số liệu diện tích và các hạng mục, công trình xây dựng*). Khuôn viên trường được xây tường rào kiên cố, có cấu trúc cảnh quan đẹp; có đủ các khối công trình phục vụ các hoạt động đào tạo. Các khu vực chức năng được thiết kế liên kết chặt chẽ bằng mạng lưới giao thông nội bộ thuận tiện (5.2.09 - *Bộ ảnh chụp cảnh quan Nhà trường*).

Tại Cơ sở chính:

- Diện tích: 7,96 ha trong đó:
- Khu A (Khu trung tâm xây dựng): Hành chính, học tập, ký túc xá: 3,13ha.
- Khu B: Thực hành nông nghiệp: 4,83ha : chuồng trại chăn nuôi, kho tàng, cánh đồng thí nghiệm. Cụ thể:
 - + Xây dựng khu hiệu bộ (diện tích: 1.972 m²),
 - + Khu KTX (diện tích 2.394 m²; bao gồm 02 dãy 1 trệt 2 lầu; Dãy KTX B3: Tổng 23 phòng: 22 phòng: 4 m x 8 m = 32m² + 01 phòng = 8m x 8m = 64 m²
 - + Dãy KTX B1: Tổng 24 phòng: 4m x 8 m = 32 m²
 - + 02 khu giảng đường (A1 = 18 phòng học lý thuyết; diện tích: 51,5m²/phòng; Giảng đường A3 (07 phòng học lý thuyết: 2 phòng 20 m x 8m = 160 m² + 2 phòng 16 m x 8 m = 128m² + 3 phòng 12 m x 8m = 96m²) + (1 phòng giáo viên 4 m x 8m = 32m²)
 - + Thư viện: 128 m²;
 - + Khu thí nghiệm phía Bắc 9 phòng : 6 phòng 7 m x 8m = 56m² + 2 phòng 7m x 12m = 84m² + 1 phòng 4m x 7m = 28m²; (Kho 2 phòng) 4m x 7m = 28m².
 - + Khu thí nghiệm phía Nam 9 phòng: 5 phòng máy tính: 02 phòng 7m x 12m = 84 m²; 3 phòng 7m x 8m = 56 m²); 02 Phòng thí nghiệm VLXD, Phòng thí nghiệm Phân tích chất lượng nước (7m x 12m = 84m²/phòng); 01 phòng trắc địa 7m x 4m = 28 m²
 - + 01 Phòng thí nghiệm nuôi cấy mô: 150m²
 - + 02 Xưởng chế biến nông sản: 150 m²/ xưởng
 - + Nhà hội trường-giảng đường lớn: - Hội trường 01: 23m x 21m = 483m²; 02 giảng đường: 21m x 9m = 189m²; phòng chờ: 4m x 10m = 40 m²
 - + Phòng GV: 4m x 5m = 20 m²
 - + Nhà thí nghiệm tổng hợp (mới xây dựng năm 2022): Tổng 18 phòng = 714 m²: 4 phòng (9m x 7m) + 10 phòng (4,5m x 7m) + 2 phòng (7m x 7m) + 2 phòng (3,5m x 7m)
 - + Nhà giáo dục thể chất (mới xây dựng năm 2022): 1.039 m²

+ Khu thực hành chăn nuôi: (chuồng heo Nái C3= 265 m²; Chuồng heo Nấu C4 = 199m²; Chuồng cách ly = 36m²; Chuồng heo Thịt C6= 100,5m²; Chuồng heo đực giống C7 = 100,6 m²; chuồng heo Nái C8 = 100,5m²)

+ 02 Nhà lưới phục vụ thực hành nghề Trồng trọt = 1008 m²/ nhà lưới

TT	Hạng mục công trình	Năm sử dụng	Số tầng	Kết cấu chính	DT XD (m ²)	Tổng DT sàn XD (m ²)	Ghi chú
1	2		3	4	6	7	8
1	Giảng đường A1	1979	3	Khung BTCT	611	1833	18
2	Giảng đường A3	2011	3	Khung BTCT	547	1496	7
3	Nhà hội trường+ giảng đường lớn	2021	2	Khung BTCT	760	1520	
	+ Hội trường : 760 m ²						
	+ Giảng đường :760 m ²						2p
4	Hiệu bộ, giảng đường , thí nghiệm	2005	3	Khung BTCT			5131
	+ Phòng làm việc BGH, Khoa, Phòng, Tổ Bộ môn				684	1972	
	+ Giảng đường, Phòng thí nghiệm.				1026	3159	
5	Nhà làm việc tại khu trại C1	2002	1	Khung BTCT			
	+ Phòng học				415	415	
	+ Nhà làm việc				49	49	
6	Ký túc xá B1	2000	3	Khung BTCT	400	1197	
7	Ký túc xá B3	2000	3	Khung BTCT	400	1197	
8	Nhà giáo dục thể chất	2021	1	Khung BTCT	1038	1038	
9	Sân bóng đá	2018			834	834	
10	Nhà ở CBVC : 3C1-1998, C2 - 3 căn - XD 2004	1998	1	Khung BTCT	252	252	
11	Kho xưởng khoa Thủy lợi	2001	1	Khung BTCT	160	160	
12	Kho xưởng nông sản, máy móc	2002	1	Khung BTCT	115	115	
13	Xưởng thực hành cơ, điện(phòng TD)	1999	1	Khung Thép	246	246	
14	Nhà để xe ô tô	2001	1	Khung BTCT	154	154	
15	Nhà bảo vệ	1995	1	Khung BTCT	16	16	

14	Nhà xe CBVC	2005	1	Khung Thép	288	288	
15	Nhà xe học sinh	2017	1	Khung BTCT	480	480	
16	Hội trường (nhà ở TTGV + HT)	1978	1	Khung BTCT	1040	1040	
17	Căn tin	2018	1	Khung BTCT	300	300	
18	Chuồng gà C2	2002	1	Khung BTCT	134	134	
19	Chuồng heo nái C3	2002	1	Khung BTCT	265	265	
20	Chuồng heo nái C4	2002	1	Khung BTCT	199	199	
21	Chuồng cách ly C5	2002	1	Khung BTCT	35	35	
22	Chuồng heo thịt C6	2002	1	Khung BTCT	100,5	100,5	
23	Chuồng heo đực C7	2002	1	Khung BTCT	100,5	100,5	
24	Chuồng heo nái C8	2002	1	Khung BTCT	100,5	100,5	
25	2 xưởng thực hành chế biến	2011	1	Khung BTCT	266	266	
26	Nhà nuôi cấy mô	2013	1	Khung BTCT	144	144	
27	11 Gian hàng trưng bày sản phẩm	2014	1	Khung BTCT	172	172	
28	Văn phòng tuyển sinh	2016	1	Khung BTCT	26	26	
29	01 Nhà lợp	2019	1	khung thép	1008	1008	
30	01 Nhà lợp	2020	1	khung thép	1008	1008	
31	Nhà vệ sinh khu trại	2021	1	Khung BTCT	29	29	
32	Nhà thí nghiệm tổng hợp	2021	3	Khung BTCT	402,2	1207	
33	Nhà để xe sinh viên KTX	2021	1	khung thép	282,2	282,2	
Tổng					13785,4	22536,2	

- Số liệu về diện tích cây xanh (cơ sở chính): 1.925m²

Phân hiệu:

+ Khu Hành chính quản trị với các phòng ban trực thuộc gồm: Văn phòng Phân hiệu, Phòng Tài chính Kế toán, Phòng Đào tạo và Công tác học sinh sinh viên, tổng diện tích 529.2 m².

+ Khu Hiệu bộ được đặt tại tầng 2 khu nhà làm việc 5 tầng gồm 4 phòng, diện tích hơn 120 m².

+ Khu học tập và nghiên cứu khoa học, khu thực hành, thực tập, nhà giữ xe, ký túc xá (KTX), hội trường, sân chơi, sân thể dục thể thao. Giữa các khối công trình có hệ thống đường giao thông nên rất thuận tiện cho việc đi lại và vận chuyển thiết bị khi cần (5.2.10 - Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất ngày 08/7/2013 của Ban chỉ đạo 09).

+ Phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, đặt tại khu nhà lớp học 4 tầng, tầng 3,4,5 khu nhà lớp học 5 tầng với diện tích 1.587,6 m², khu giảng đường lớn, khu nhà thực hành gồm 57 phòng. Khu thực hành thực tập được bố trí riêng biệt như: Nhà xưởng số 7 (Xưởng thực hành cơ điện lạnh – máy tàu); Nhà xưởng số 8 (xưởng thực hành điện) với diện tích 1.197m². Khu vực rèn luyện thể chất: Phân hiệu đầu tư xây dựng sân cầu lông trong nhà cho học sinh có diện tích 348m², phòng tập bóng bàn với 2 bàn, sân bóng chuyền, khu rèn luyện thể chất ngoài trời. Khu vực phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo: Phân hiệu có khu vực căn tin phục vụ cho người học với diện tích 600m²; bãi xe giữ xe diện tích 2.000m²; các dịch vụ photo, in ấn tài liệu; văn phòng phẩm.

Tại Phân hiệu, các loài cây như cây bàng, cây phượng vĩ, cây đa... có diện tích che phủ từ 20 m² đến 30 m², một số loài cây nhỏ hơn như cây cau có diện tích bóng mát 10 m² đến 15 m²

Khu vực	Số lượng cây xanh	Diện tích bóng mát
Khu A	78 cây	2255 m ²
Khu C	27 cây	800 m ²
Ký túc xá	23 cây	670 m ²

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học, nhà giáo và CBVC về quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định được thể hiện trong phiếu lấy ý kiến CBVC và HSSV, kết quả khảo sát cho thấy hầu hết CBVC và HSSV đều cho rằng cơ sở hạ tầng của Nhà trường đáp ứng yêu cầu (1.10.15 - Phiếu khảo sát HSSV năm 2021, 2022, 2023; 1.1.10 - Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2021, 2022, 2023 file lưu trên email và google form; 1.1.11 - Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2021, 2022, 2023).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 5: 01 điểm

Tiêu chuẩn 5.3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn; khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.

Mô tả, phân tích, nhận định

Nhà trường có các khu vực phục vụ cho các hoạt động của Trường theo tiêu chuẩn khu học tập và khu nghiên cứu khoa học; khu thực hành; khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị.

Khu học tập: phòng học, phòng thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn gồm 02 khu giảng đường với 25 phòng học lý thuyết, 02 hội trường từ 100 chỗ đến 500 chỗ và 04 phòng học tại khu trại thực nghiệm và 16 phòng thí nghiệm bố trí ở 2 dãy nhà. Trại Thực nghiệm của Trường gồm: Khu thực hành cho ngành trồng trọt, khu trại chăn nuôi, khu nhà mổ động vật, khu thực hành thủy lợi, xưởng thực hành chế biến thực phẩm.

Một số công trình phụ trợ và khu sinh hoạt cho người học và giáo viên (ký túc xá HSSV, nhà ở công vụ của GV, nhà xe CBVC, nhà xe HSSV, phòng tuyển sinh, hệ thống phòng trưng bày sản phẩm và các dịch vụ hỗ trợ người học) (5.2.01 - Quyết định số 1818/QĐ-BNN-XDCB ngày 04/05/2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán công trình cải tạo XD trường; 5.3.01 - Quyết định số 834/QĐ-BNN-XD, ngày 9/3/2018 của Bộ NN và PTNT về việc phê duyệt dự án đầu tư “cải tạo, xây dựng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ”; 5.2.03 - Bản vẽ số 03, 04 - lưu tại phòng Cơ sở vật chất; 5.3.02 - Báo cáo cơ sở vật chất năm 2020, 2021, 2022; 5.2.08 - Thống kê số liệu diện tích và các hạng mục, công trình xây dựng).

Tất cả các khu nhà đều có khu vệ sinh riêng biệt và được khai thác đúng công năng, hiệu quả. Trường có hệ thống mạng LAN, kết nối internet wifi tới tất cả các phòng, khoa để phục vụ cho nhu cầu giảng dạy và học tập (5.3.03 - Hợp đồng mua bán và lắp đặt Internet).

+ Thống kê Khu hành chính (Diện tích, số phòng, vị trí)

STT	Các phòng ban trong Khu Hành chính quản trị	Diện tích (m ²)	Số phòng	Vị trí
1	Phòng Đào tạo và khoa học công nghệ	72	1	Trong khuôn viên cơ sở chính
2	Phòng Tổ chức – Hành chính và Quản trị	72	1	Trong khuôn viên cơ sở chính
3	Phòng Công tác sinh viên	68	1	Trong khuôn viên cơ sở chính
4	Phòng Cơ sở vật chất	81	1	Trong khuôn viên cơ sở chính
5	Phòng Tài chính - Kế toán	48	1	Trong khuôn viên cơ sở chính
6	Phòng Kiểm định và đảm bảo chất lượng	42	1	Trong khuôn viên cơ sở chính

7	Khoa Chăn nuôi thú y	72	1	Trong khuôn viên cơ sở chính
8	Khoa Trồng trọt – BVTV	48	1	Trong khuôn viên cơ sở chính
9	Khoa Thủy lợi	24	1	Trong khuôn viên cơ sở chính
10	Khoa KHCB	42	1	Trong khuôn viên cơ sở chính
11	Văn Phòng Công đoàn	24	1	Trong khuôn viên cơ sở chính
12	Văn Phòng Đoàn thanh niên	24	1	Trong khuôn viên cơ sở chính
13	Văn Phòng Đảng ủy	24	1	Trong khuôn viên cơ sở chính
14	Kho lưu trữ	24	1	Trong khuôn viên cơ sở chính
15	Phòng họp 209	48	1	Trong khuôn viên cơ sở chính
16	Phòng dạy chuyên dùng	72	1	Trong khuôn viên cơ sở chính

+ Thống kê các công trình phụ trợ và khu sinh hoạt cho người học và giáo viên tại cơ sở chính (Diện tích, số phòng, vị trí)

STT	Công trình phụ trợ và khu sinh hoạt cho người học và giáo viên	Diện tích (m ²)	Số phòng	Vị trí
I	Khu ký túc xá			
1	Ký túc xá B1	1197	22	Trong khuôn viên cơ sở chính
2	Ký túc xá B3	1197	24	Trong khuôn viên cơ sở chính
II	Hội trường			
1	Hội trường 308	128	1	Trong khuôn viên cơ sở chính
2	Hội trường lớn	1040	1	Trong khuôn viên cơ sở chính
3	Hội trường (Tại nhà Hội trường – giảng đường lớn)	760	1	Trong khuôn viên cơ sở chính
III	Khu thể dục thể thao			

1	Nhà giáo dục thể chất	1038	1	Trong khuôn viên cơ sở chính
2	Sân bóng đá mini (02 sân)	834	1	Trong khuôn viên cơ sở chính
3	Sân cầu lông + thể thao ngoài trời	1400	1	Trong khuôn viên cơ sở chính
IV	Căn tin			
1	Căn tin phục vụ học sinh , sinh viên	300	1	Trong khuôn viên cơ sở chính

Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại TP.HCM đảm bảo có đủ các khu vực phục vụ nhu cầu đào tạo và các hoạt động trong nhà trường (các khối công trình được bố trí độc lập không ảnh hưởng nhau) như:

Khu Hành chính quản trị với các phòng ban trực thuộc gồm: Văn phòng Phân hiệu, Phòng Tài chính Kế toán, Phòng Đào tạo và Công tác học sinh sinh viên, tổng diện tích 529.2 m².

Khu Hiệu bộ được đặt tại tầng 2 khu nhà làm việc 5 tầng gồm 4 phòng, diện tích hơn 120 m².

Khu học tập và nghiên cứu khoa học, khu thực hành, thực tập, nhà giữ xe, ký túc xá (KTX), hội trường, sân chơi, sân thể dục thể thao. Giữa các khối công trình có hệ thống đường giao thông nên rất thuận tiện cho việc đi lại và vận chuyển thiết bị khi cần (*5.2.07 - Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất ngày 08/7/2013 của Ban chỉ đạo 09*).

Phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, đặt tại khu nhà lớp học 4 tầng, tầng 3,4,5 khu nhà lớp học 5 tầng với diện tích 1587.6 m², khu giảng đường lớn, khu nhà thực hành gồm 57 phòng. Khu thực hành thực tập được bố trí riêng biệt như: Nhà xưởng số 7 (Xưởng thực hành cơ điện lạnh – máy tàu); Nhà xưởng số 8 (xưởng thực hành điện) với diện tích 1.197m². Khu vực rèn luyện thể chất: Phân hiệu đầu tư xây dựng sân cầu lông trong nhà cho học sinh có diện tích 348m², phòng tập bóng bàn với 2 bàn, sân bóng chuyền, khu rèn luyện thể chất ngoài trời. Khu vực phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo: Phân hiệu có khu vực căn tin phục vụ cho người học với diện tích 600m²; bãi xe giữ xe diện tích 2.000m²; các dịch vụ photo, in ấn tài liệu; văn phòng phẩm.

Ý kiến của người học, nhà giáo và CBVC về các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn; khu học tập và nghiên cứu khoa học; khu thực hành; khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo được thể hiện trong phiếu lấy ý kiến CBVC và HSSV, kết quả khảo sát cho thấy hầu hết CBVC và HSSV đều cho rằng Nhà trường có đầy đủ các khu đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa (*1.10.15 - Phiếu khảo sát HSSV năm 2021, 2022, 2023; 1.1.10 - Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2021,*

2022, 2023 file lưu google form; **1.1.11** - Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2021, 2022, 2023).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 5: 01 điểm

Tiêu chuẩn 5.4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Về cơ sở hạ tầng bao gồm đường, điện, nước hoành chính; hệ thống giao thông được trải nhựa và bê tông hóa toàn bộ khuôn viên trường từ cổng trường ra khu thí nghiệm được thiết kế đầy đủ trong phần thuyết minh các hạng mục công trình xây dựng (**5.4.01** – Hồ sơ xây dựng, thiết kế các hạng mục công trình xây dựng, mặt bằng khuôn viên trường).

Tất cả các hạng mục khi đưa vào sử dụng đều có biên bản nghiệm thu (**5.4.02** – Hồ sơ hoàn công các công trình xây dựng từ năm 2001 đến nay; **5.4.03** – Biên bản nghiệm thu và đưa vào sử dụng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đường giao thông nội bộ, hệ thống điện, cấp thoát nước, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống phòng cháy chữa cháy; **5.4.04** - Bản vẽ số 07;08; 09 – lưu tại phòng cơ sở vật chất).

Khuôn viên trường có hệ thống đường giao thông nội bộ đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, mặt đường rộng được rải nhựa asphalt, được bố trí liên kết giữa các khối công trình hợp lý, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại, vận chuyển, lắp đặt, vận hành thiết bị (**5.2.09** - Bộ ảnh chụp cảnh quan nhà trường).

+ Hệ thống điện: Điện lực Thành phố Mỹ Tho cung cấp qua máy biến áp 320KVA của Nhà trường. Ngoài ra, Trường còn được trang bị thêm 01 máy phát điện 3 pha động cơ 4 thì 50 KVA để phòng khi hệ thống lưới điện Quốc gia có sự cố hoặc có lịch thông báo cúp điện để bảo trì hệ thống điện của Công ty điện lực Tiền Giang thì nhà Trường cho chạy máy phát điện để đảm bảo công tác hành chính và phục vụ đào tạo được tốt không bị gián đoạn (**5.1.01** - Hợp đồng số: 21001191 ngày 13/12/2021 mua bán điện giữa Trường Cao đẳng NN Nam Bộ và Tổng công ty điện lực Miền Nam, mã khách hàng: PB 080810014396- A0911- Q 34- IA 3860000; **5.1.02** - Hợp đồng điện, nước phân hiệu; **5.1.10** - Biên bản nghiệm thu và đưa vào sử dụng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đường giao thông nội bộ, hệ thống điện, cấp thoát nước, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống phòng cháy chữa cháy; **5.1.04** - Hợp đồng và Biên bản nghiệm thu và đưa vào sử dụng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đường giao thông nội bộ, hệ thống điện, cấp thoát nước, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống phòng cháy chữa cháy phân hiệu).

+ Hệ thống cấp nước sinh hoạt do Công ty cấp nước Tiền Giang cung cấp (**5.4.05** - Bản vẽ hồ sơ hoàn công hệ thống đường ống cấp nước HDPE; **5.4.06** - Hóa đơn giá trị gia tăng phí nước của Công ty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang).

+ Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt trong khu KTX (5.4.07 - Bản vẽ hồ sơ hoàn công Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt). Hàng năm nhà Trường có làm báo cáo giám sát môi trường gửi cho Sở Tài nguyên – môi trường về xử lý nước thải, chất thải (5.4.08 - Báo cáo giám sát môi trường năm 2021, 2022, 2023; 5.4.09 - Báo cáo ngày 30/12/2019 về quản lý chất thải nguy hại năm 2019).

Hàng năm Trung tâm tư vấn công nghệ môi trường và an toàn vệ sinh lao động tại thành phố Hồ Chí Minh đều xuống lấy mẫu nước giếng khoan để kiểm tra chất lượng nguồn nước đều cho thấy nước đạt chất lượng theo tiêu chuẩn sinh hoạt, tại kết quả khảo sát đo đạc môi trường không phát hiện (<MDL) (5.4.10 - Kết quả đo đạc môi trường).

Các khu làm việc trong Trường đều có thùng chứa rác thải, các xưởng thực hành có khu chứa rác thải riêng biệt, rác công nghiệp được phân loại chất thải rắn, chất thải độc hại để xử lý. Tại mỗi khu đều có các biển chỉ dẫn rõ ràng, thùng chứa đảm bảo về yêu cầu kỹ thuật. Trường ký hợp đồng với Ủy ban nhân dân xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho (ấp Phong Thuận, xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang) về duy trì vệ sinh môi trường, vệ sinh công nghiệp. Chăm sóc cây cảnh, vệ sinh trong các xưởng và trong khuôn viên nhà trường do nhân viên của Trung tâm tư vấn nông nghiệp thuộc trường Cao đẳng Nông Nghiệp Nam Bộ. Để xử lý các chất thải, Trường ký hợp đồng với ký hợp đồng với Ủy ban nhân dân xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho về thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải. Trong nội dung hợp đồng thể hiện rõ trách nhiệm của các bên đảm bảo theo đúng quy định về môi trường (5.4.11 - Hợp đồng dịch vụ vận chuyển và xử lý rác sinh hoạt).

+ Hệ thống phòng cháy, chữa cháy khu KTX và giảng đường A3. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường được thiết kế và lắp đặt vận hành đúng theo quy chuẩn với sự kiểm soát của các cơ quan chức năng có liên quan (5.4.12 - Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy, chữa cháy số 61/TĐ-PCCC của phòng CSPCCC công an Tiền Giang cấp ngày 25/7/2013).

Công tác bảo trì, bảo dưỡng và tự kiểm tra an toàn về cơ sở hạ tầng, đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy tại cơ sở được Ban giám hiệu chỉ đạo thực hiện thường xuyên. Định kỳ hàng năm Nhà trường thực hiện báo cáo về thực hiện công tác PCCC gửi các cơ quan chức năng tại địa phương (5.4.13 - Báo cáo số 1281/BC-CĐNB ngày 26/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ thực hiện công tác PCCC năm 2019; 5.4.14 - Báo cáo số 1191/BC-CĐNB ngày 30/12/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ thực hiện công tác PCCC năm 2020; 5.4.15 - Báo cáo số 816 ngày 9/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ thực hiện công tác PCCC năm 2021).

Hàng năm để bảo trì, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, Trường đã giao cho phòng Cơ sở vật chất tham mưu Ban Giám hiệu ban hành kế hoạch, quyết định sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng đồng thời báo cáo đánh giá kết quả công tác quản lý, bảo dưỡng cơ

sở vật chất trong năm. Trong các báo cáo, phòng Cơ sở vật chất đều đánh giá hạ tầng kỹ thuật của Nhà trường đáp ứng yêu cầu sinh hoạt, giảng dạy và học tập. Công tác sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng được Trường quan tâm, bảo trì và sửa chữa, cải tạo kịp thời những hư hỏng hoặc bất cập, phục vụ hiệu quả cho các hoạt động đào tạo của Nhà trường (5.4.16 - Kế hoạch, quyết định, biên bản nghiệm thu năm 2021, 2022, 2023). Năm 2021 đến nay, hàng năm Nhà trường đều kiểm tra và cho sửa chữa các hạng mục: Sửa chữa Phòng truyền thống, Nhà thực hành thí nghiệm; Sửa chữa rãnh thoát nước, hàng rào, sân nền khu nhà xe ký túc xá; Sửa nền, hành lang phòng học 108, cửa cổng ký túc xá bị hư hỏng, ửa chữa nền phòng học dạy A1,... (5.4.17 - Hồ sơ sửa chữa xây dựng năm 2021, 2022, 2023).

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại TP.CHM đã được thiết kế xây dựng trong khuôn viên với tổng diện tích đất là 17.395m² trên nền đất cao, đủ đáp ứng yêu cầu làm việc và các hoạt động dạy nghề, thực nghiệm, thực hành.

Có đường dây trung hạ thế 3 pha và trạm biến áp riêng đáp ứng công suất tiêu thụ điện cho các hoạt động, có thiết kế lắp đặt đầy đủ hệ thống điện chiếu sáng và vận hành thiết bị.

Hệ thống cấp nước đảm bảo sinh hoạt theo nguồn nước máy trong đó nước uống được lắp đặt qua máy lọc RO cho học sinh sinh viên sử dụng và nước tưới cây xanh trong khuôn viên đảm bảo môi trường xanh - sạch - đẹp.

Hệ thống thoát nước từ các công trình có đường cống dẫn đến nơi rút tại mặt cống đường An Dương Vương và đường Số 1 được đầu tư mới (5.4.18 - Mặt bằng hệ thống thoát nước số N01/02; 5.4.19 - Hợp đồng thi công xây dựng số 803/2020/HĐXD ngày 31/7/2020 gói thầu cải tạo hệ thống điện khu A và sửa chữa văn phòng tuyển sinh số 1).

Hệ thống phòng cháy chữa cháy được trường đầu tư lắp đặt từ năm 2003 và được cảnh sát phòng cháy chữa cháy TP.HCM cấp giấy chứng nhận nghiệm thu hệ thống phòng chống cháy ngoài ra trường còn trang bị trang phục chữa cháy và 50 bình chữa cháy các loại như: Bình bột, khối CO₂... Hàng năm, Trường phối hợp Công an Quận Bình Tân diễn tập phương án PCCC và CNCH (5.4.20 - Giấy chứng nhận nghiệm thu hệ thống phòng chống cháy số 300 PCCC/NT; 5.4.21 - Bản vẽ thiết kế hệ thống cấp nước và chữa cháy; 5.4.22 - Phương án chữa cháy cơ sở đã được Công an PCCC và CNCH Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt).

Hàng năm, tại Phân hiệu có bảo trì, bảo dưỡng đường dây, trạm biến áp định kỳ và công tác quản lý và bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật của nhà trường được đảm bảo hoạt động đúng chức năng. Văn phòng Phân hiệu đảm bảo vận hành đúng quy trình, hoạt động đúng chức năng, công suất theo thiết kế. Bộ phận kỹ thuật kết hợp với các khoa kiểm tra các trang thiết bị của các phòng học, nhà xưởng, các hệ thống điện nước

để kịp thời phát hiện ra hư hỏng và sửa chữa. Ngoài công tác bảo dưỡng thường xuyên, hàng năm vào dịp nghỉ hè đều có kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng gia cố các hư hỏng như: Máy chiếu, bàn ghế, hệ thống âm thanh, hệ thống chiếu sáng tại phòng học, xem xét để xử lý chống dột vào mùa mưa, khai thông cống rãnh, kiểm tra các hệ thống điện, nước.

Ý kiến của người học, nhà giáo và CBVC về hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định được thể hiện trong phiếu lấy ý kiến, kết quả khảo sát CBVC và HSSV (**1.10.15** - Phiếu khảo sát HSSV năm 2021, 2022, 2023; **1.1.10** - Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2021, 2022, 2023 file lưu trên email và google form; **1.1.11** - Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2021, 2022, 2023).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 5: 01 điểm

Tiêu chuẩn 5.5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định

Căn cứ vào hướng dẫn tại Thông Tư 38/2018/TT-BLĐT BXH ngày 28/12/2018 về quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. Nhà trường có đầy đủ phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo. Phòng học, phòng thí nghiệm hiện tại bố trí cho số HSSV từ 35 - 45 chỗ, có phòng chuyên dùng từ 60-100 chỗ đáp ứng yêu cầu đào tạo, cụ thể:

* Phòng học lý thuyết (giảng đường A1: 18 phòng học) = 611 m²; Khối phòng học lý thuyết (giảng đường A3: 7 phòng học) = 547 m²

* Khu thực hành tin học, phòng thực hành (Khoa Trồng trọt – BVTV); (Khoa Chăn nuôi Thú y) = 1.026 m²

* Phòng thí nghiệm nuôi cấy mô = 150 m²

* Nhà xưởng chế biến nông sản = 150 m² x 2 nhà xưởng

* Nhà hội trường – giảng đường lớn = 875 m²

* Nhà thí nghiệm tổng hợp = 439 m²

* Nhà giáo dục thể chất = 1.039 m²

* Khu giáo dục thể chất ngoài trời = 2.200 m²

* Nhà lưới phục vụ thực hành TT = 1.008 m²/ nhà lưới x 2 nhà lưới

* Khu thực hành chăn nuôi:

- + chuồng gà = 134 m²
- + Chuồng heo nái C3 = 265 m²
- + Chuồng heo nái C4 = 199 m²
- + Chuồng cách ly C5 = 35 m²
- + Chuồng heo thịt C6 = 100,5 m²
- + Chuồng heo đực C7 = 100,5 m²
- + Chuồng heo nái C8 = 100,5 m²

* Ao nuôi thủy sản = 2.500 m²

* Đất ruộng = 2.800 m²

* Đất cây trồng cạn, sân phơi, đường đất, vườn hoa, cây cảnh..... = 31.286 m²

(5.5.01 - Báo cáo cơ sở vật chất 2020, 2021, 2022)

TT	Tên phòng học	Loại phòng học	Diện tích (m ²)	Hình thức phòng	Tình trạng sử dụng	Vị trí
I	Giảng đường A1					
1	Phòng số 202-A1	Phòng giáo viên	26	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
2	Phòng số 103A1	Thư viện	52	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
3	Phòng số 104-A1	Thư viện	52	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
4	Phòng số 105	Phòng học lý thuyết	52	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
5	Phòng số 106	Phòng học lý thuyết	52	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
6	Phòng số 107	Phòng học lý thuyết	52	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
7	Phòng số 108	Phòng học lý thuyết	52	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
8	Phòng số 203	Phòng học lý thuyết	52	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
9	Phòng số 204	Phòng học lý thuyết	52	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
10	Phòng số 205	Phòng học lý thuyết	52	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
11	Phòng số 206	Phòng học lý thuyết	52	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
12	Phòng số 207	Phòng học lý thuyết	52	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
13	Phòng số 208	Phòng học lý thuyết	52	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
14	Phòng số 303	Phòng học lý thuyết	52	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
15	Phòng số 304	Phòng học lý thuyết	52	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A

16	Phòng số 305	Phòng học lý thuyết	52	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
17	Phòng số 306	Phòng học lý thuyết	52	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
18	Phòng số 307	Phòng học lý thuyết	52	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
19	Phòng số 308	Phòng học lý thuyết	52	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
II	Giảng đường A3					
1	Phòng số 201-A3	Phòng giáo viên	32	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
2	Phòng số 101-A3	Phòng học lý thuyết	160	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
3	Phòng số 102	Phòng học lý thuyết	160	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
4	Phòng số 202	Phòng học lý thuyết	128	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
5	Phòng số 203	Phòng học lý thuyết	128	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
6	Phòng số 301	Phòng học lý thuyết	96	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
7	Phòng số 302	Phòng học lý thuyết	96	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
8	Phòng số 303	Phòng học lý thuyết	96	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
III	Hội trường - Giảng đường lớn					
1	Phòng số 01-HT	Phòng học lý thuyết	189	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
2	Phòng số 02-HT	Phòng học lý thuyết	189	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
3	Phòng số 03-HT	Phòng giáo viên	20	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
IV	Nhà làm việc trại C1					
1	Phòng số 01-C1	Phòng học lý thuyết	48	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu C
2	Phòng số 02-C1	Phòng học lý thuyết	48	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu C
3	Phòng số 03-C1	Phòng học lý thuyết	48	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu C
4	Phòng số 04-C1	Phòng học lý thuyết	48	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu C
V	Xưởng thực hành chế biến					
1	Xưởng thực hành chế biến 1	Xưởng thực tập, thực hành	133	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu C
2	Xưởng thực hành chế biến 2	Xưởng thực tập, thực hành	133	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu C
VI	Kho xưởng khoa Thủy lợi					
1	Kho xưởng khoa Thủy lợi	Xưởng thực tập, thực hành	160	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu C
VII	Kho xưởng nông sản, máy móc					
1	Kho xưởng nông sản, máy móc	Xưởng thực tập, thực hành	115	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu C

VIII	Nhà thí nghiệm					
1	Phòng kỹ thuật cơ sở (Nghề CTN)	Xưởng thực tập, thực hành	63	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu D
2	Phòng thực hành cơ bản nghề nước (Nghề CTN)	Xưởng thực tập, thực hành	63	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu D
3	Phòng kỹ thuật cơ sở (Nghề KSDH)	Xưởng thực tập, thực hành	63	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu D
4	Phòng thực hành trắc địa (Nghề KSDH)	Xưởng thực tập, thực hành	63	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu D
5	Phòng thực hành chăn nuôi gia súc (Nghề CN)	Xưởng thực tập, thực hành	32	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu D
6	Phòng thực hành chăn nuôi gia cầm (Nghề CN)	Xưởng thực tập, thực hành	32	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu D
7	Phòng thực hành thú y (Nghề CN)	Xưởng thực tập, thực hành	32	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu D
8	Phòng kỹ thuật cơ sở (Nghề CN)	Xưởng thực tập, thực hành	32	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu D
9	Phòng thực hành dinh dưỡng thức ăn (Nghề CN)	Xưởng thực tập, thực hành	32	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu D
10	Phòng Côn trùng và vi sinh vật hại khác (Nghề BVTV)	Xưởng thực tập, thực hành	32	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu D
11	Phòng thực hành bệnh cây và vi sinh vật (Nghề BVTV)	Xưởng thực tập, thực hành	32	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu D
12	Phòng thực hành môi trường (Nghề NTTS nước ngọt)	Xưởng thực tập, thực hành	32	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu D
13	Phòng thực hành bệnh (Nghề NTTS nước ngọt)	Xưởng thực tập, thực hành	32	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu D
14	Phòng thực hành sinh học (Nghề NTTS nước ngọt)	Xưởng thực tập, thực hành	32	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu D
15	Phòng thực hành chuẩn bị và sơ chế nguyên liệu (Nghề Chế biến -BQTS)	Xưởng thực tập, thực hành	49	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu D
16	Phòng thực hành chế biến (Nghề Chế biến -BQTS)	Xưởng thực tập, thực hành	49	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu D
17	Phòng thực hành phân tích thực phẩm (Nghề Chế biến -BQTS)	Xưởng thực tập, thực hành	25	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu D
18	Phòng thực hành đóng gói và bảo quản (Nghề Chế biến -BQTS)	Xưởng thực tập, thực hành	25	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu D
IX	Nhà nuôi cấy mô					
1	Nhà nuôi cấy mô	Phòng thí nghiệm	144	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
X	Nhà Hiệu bộ - giảng đường - thí nghiệm					
	Dãy nhà thí nghiệm phía Bắc					
1	Phòng thực hành tiêu bản mẫu vật (P.114)	Xưởng thực tập, thực hành	28	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A

2	Phòng thí nghiệm vi sinh - ký sinh trùng P.115)	Phòng thí nghiệm	56	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
3	Phòng thực hành cơ thể sinh lý chăn nuôi chuyên khoa (P.116)	Xưởng thực tập, thực hành	56	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
4	Phòng thực hành thú y - Dược lý (P.117)	Xưởng thực tập, thực hành	56	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
5	Phòng thí nghiệm sinh học - Giống - cây trồng (P.216)	Phòng thí nghiệm	56	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
6	Phòng dụng cụ thực hành thực tập ngành Trồng trọt -BVTV (P.217)	Xưởng thực tập, thực hành	28	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
7	Phòng thí nghiệm vật lý (P.218)	Phòng thí nghiệm	56	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
8	Phòng thí nghiệm Đất - Phân - BVTV (P.219)	Phòng thí nghiệm	56	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
9	Phòng thí nghiệm hóa sinh (P.312)	Phòng thí nghiệm	84	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
10	Phòng dụng cụ thực hành thực tập ngành Chăn nuôi thú y (P.313)	Xưởng thực tập, thực hành	28	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
11	Phòng thí nghiệm vi sinh (P.314)	Phòng thí nghiệm	84	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
	Dãy nhà thí nghiệm phía Nam			Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
12	Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng (P.111)	Phòng thí nghiệm	98	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
13	Phòng thí nghiệm Phân tích chất lượng nước (P.112)	Phòng thí nghiệm	84	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
14	Phòng thực hành máy tính 1 (P.212)	Xưởng thực tập, thực hành	56	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
15	Phòng thực hành máy tính 2 (P.213)	Xưởng thực tập, thực hành	56	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
16	Phòng thiết bị thực hành ngành Quản lý đất đai (P.214)	Xưởng thực tập, thực hành	28	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
17	Phòng máy tính 3(P.215)	Thư viện/Trung tâm học liệu	56	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
18	Phòng thực hành máy tính 4 (P.309)	Xưởng thực tập, thực hành	84	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
19	Phòng thực hành máy tính 5 (P.310)	Xưởng thực tập, thực hành	84	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
	Khu Hiệu bộ					
20	Phòng dạy chuyên dùng	Phòng học lý thuyết	72	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A

Nhà trường có báo cáo đánh giá về mức độ đáp ứng số lượng phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa cho các chương trình đào tạo

(5.5.02 - Báo cáo số 09/BC-CSVC ngày 5/10/2021 Báo cáo Tự đánh giá thực trạng phòng học, phòng thực hành, xưởng thực tập, khu thí nghiệm phục vụ đào tạo).

Trang thiết bị giảng dạy, thực hành được đầu tư từ nhiều dự án trong các năm qua. Gần nhất là dự án “Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp và thiết bị mua sắm cho đào tạo các nghề Nông nghiệp năm 2020”, đảm bảo chất lượng và công nghệ mới nhất để phục vụ đào tạo. Nhà trường có đầy đủ danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng và yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo đối với phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành, phòng học chuyên môn hóa *(5.5.03 – Danh mục thiết bị tại các phòng thực hành, thí nghiệm).*

Tại Phân hiệu Trường có hệ thống phòng học lý thuyết, hội trường, phòng thí nghiệm, phòng học chuyên môn hóa, xưởng thực hành đáp ứng được hoạt động đào tạo của Phân hiệu, ngoài ra hàng năm Phân hiệu phối hợp đào tạo thực hành thực tế tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất. So với lưu lượng học sinh hiện nay là 1.000 học sinh thì hệ thống các phòng học, xưởng thực hành và các phòng thí nghiệm đáp ứng được các hoạt động đào tạo của Phân hiệu.

Phòng học lý thuyết và các phòng thực hành đặt tại tầng 3, 4, 5 khu nhà lớp học 5 tầng với diện tích 1587.6 m², gồm 14 phòng học trong đó có 4 Phòng thực hành tin học, 1 phòng thực hành điện.

TT	Phòng học lý thuyết	Diện tích phòng (m²)
1	Phòng học 301	56
2	Phòng học 302	56
3	Phòng học 303	56
4	Phòng học 304	56
5	Phòng học 307	84
6	Phòng học 401	84
7	Phòng học 402	84
8	Phòng học 403	84
9	Phòng học 405	56
10	Phòng học 406	56
11	Phòng thực hành tin học 501	56
12	Phòng thực hành tin học 502	56

13	Phòng thực hành tin học 503	56
14	Phòng thực hành tin học 504	56
15	Phòng thực hành điện 506	112

Hiện tại hệ thống Phòng thực hành, thí nghiệm, xưởng thực hành với diện tích xây dựng 3.452m² cụ thể như sau:

TT	Tên xưởng	Số lượng	Diện tích Xưởng (m ²)
1	Xưởng thực hành bảo trì thiết bị lạnh và điều hòa không khí - Máy tàu	01 xưởng	150
2	Xưởng thực hành hành điện	01 xưởng	150
3	Phòng thực hành lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp; sửa chữa điện công nghiệp và dân dụng	01 phòng	150
4	Phòng thực hành tin học	04 phòng	224
5	Phòng công nghệ sinh học, phòng tiêu bản ngư loại, phòng thủy sinh	03 phòng	400
6	Khu thực nghiệm nuôi trồng thủy sản ngọt, mặn, lợ	01 khu	800
7	Phòng thí nghiệm hóa, phòng thí nghiệm vi sinh, phòng thực hành công nghệ chế biến, kho vật tư	03 phòng	400
8	Phòng thực hành khai thác thủy sản	01 phòng	112

Hệ thống các phòng học lý thuyết và các xưởng thực hành được bố trí riêng biệt, đảm bảo ngăn cách, không bị ảnh hưởng tiếng ồn giữa khu vực lý thuyết và thực hành, các công trình có quy chuẩn kết cấu, kiến trúc và nội thất đảm bảo các yêu cầu về an toàn, hệ thống chiếu sáng và thông gió đủ và đúng quy chuẩn thể hiện qua hồ sơ thiết kế các công trình của Phân hiệu. Phân hiệu có đường giao thông nội bộ thuận tiện. Hệ thống các phòng học lý thuyết được xây dựng thoáng mát, thông gió tốt, bố trí các cửa sổ đảm bảo lấy được ánh sáng tự nhiên tối đa. Các xưởng thực hành đều có bố trí đèn, quạt đảm bảo thông thoáng và đầy đủ ánh sáng để học sinh thực hành, thực tập.

Ý kiến của người học, nhà giáo và CBVC về phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo được thể hiện trong phiếu lấy ý kiến, kết quả khảo sát CBVC và HSSV (**1.10.15** - Phiếu khảo sát HSSV năm

2021, 2022, 2023; **1.1.10** - Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2021, 2022, 2023 file lưu trên email và google form; **1.1.11** - Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2021, 2022, 2023).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 5: 01 điểm

Tiêu chuẩn 5.6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định

Để triển khai tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác theo dõi, điều hành, quản lý, khai thác sử dụng các phòng thí nghiệm - thực hành, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời, giúp học sinh- sinh viên nắm vững và thực hiện đúng nội quy, quy định của phòng thí nghiệm - thực hành. Phòng Cơ sở vật chất tham mưu Ban Giám hiệu đã ban hành “Quy định trách nhiệm quản lý, phục vụ và khai thác các phòng thí nghiệm - thực hành; Quy định trách nhiệm quản lý, phục vụ đào tạo và khai thác máy vi tính ở các phòng thực hành do Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học chịu trách nhiệm quản lý của Trường Cao Đẳng Nông Nghiệp Nam Bộ”. Trong quy định có nêu rõ các vấn đề về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo (**5.6.01** - Quyết định số 1283/QĐ-CDNB ngày 12/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc Ban hành Nội quy phòng thí nghiệm; **5.6.02** - Quyết định số 1282/QĐ-CDNB ngày 12/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc Ban hành Nội quy phòng máy vi tính).

Nhà trường có tiến hành xây dựng Quy trình ĐBCL về Bảo trì, bảo dưỡng thiết bị được ban hành và đưa vào sử dụng từ đầu năm 2022 (**5.6.03** – Quy trình Bảo trì, bảo dưỡng thiết bị ban hành kèm QĐ 270/QĐ-CDNB ngày 30/3/2022 Điều chỉnh bổ sung hệ thống quy trình ĐBCL Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ).

Phòng Cơ sở vật chất được giao nhiệm vụ quản lý, theo dõi xuất nhập vật tư thiết bị. Tất cả các thiết bị đều có hồ sơ: xuất xứ, năm, nước sản xuất, nhà sản xuất thể hiện qua các hợp đồng hóa đơn chứng từ mua thiết bị phục vụ công tác đào tạo (**5.5.03** – Danh mục thiết bị tại các phòng thực hành, thí nghiệm).

Hàng năm, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp kinh phí không thường xuyên dùng để mua sắm trang thiết bị, vật tư thực hành, thực tập phục vụ cho công tác đào tạo hoặc Bộ Nông nghiệp & PTNT phân bổ kinh phí cho Trường mua sắm thiết bị thuộc các dự án như: “Dự án đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ đào tạo các nghề nông nghiệp trọng điểm Quốc gia tuyển sinh tốt năm 2019”; hoặc Dự án “Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp thuộc CTMT giáo dục nghề nghiệp – Việc làm và an toàn lao động năm 2020”. Căn cứ theo hướng dẫn sử dụng kinh phí hỗ trợ mua sắm thiết bị đào tạo các nghề nông nghiệp trọng điểm quốc gia tuyển sinh tốt năm 2019, 2020, 2021. Nhà trường đã thành lập Hội đồng tư vấn sử dụng kinh phí. Hội đồng đã thảo luận nhất trí sử dụng kinh phí hỗ trợ mua sắm thiết bị đào tạo các nghề nông nghiệp

trọng điểm quốc gia tuyển sinh tốt năm 2019, 2020, 2021 để đầu tư mua sắm máy móc thiết bị cho các nghề được lựa chọn đầu tư nghề trọng điểm. Nhà trường đã triển khai xây dựng hồ sơ mua sắm thiết bị đào tạo theo đúng quy trình hướng dẫn trình Bộ (5.6.04 - Công văn số 3023/BNN-TCCB ngày 04/05/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc Thông báo kế hoạch sử dụng kinh phí Dự án “Đổi mới và nâng cao chất lượng GDNN năm 2019 và Công văn số 3024/BNN-TCCB ngày 04/05/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc thông báo danh mục thiết bị mua sắm cho đào tạo các nghề nông nghiệp năm 2019; 5.6.05 - Công văn số: 3514/BNN-TCCB ngày 27/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc thông báo danh mục thiết bị mua sắm cho đào tạo các nghề nông nghiệp và Thông báo kế hoạch sử dụng kinh phí Dự án “Đổi mới và nâng cao chất lượng GDNN năm 2020; 5.6.06 - Công văn số 2857/BNN-TCCB ngày 18/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc thông báo danh mục thiết bị mua sắm cho đào tạo các nghề nông nghiệp năm 2021).

Trước khi đưa vào sử dụng, Hiệu trưởng nhà trường đã ban hành các Quyết định giao quản lý các máy móc thiết bị cho các đơn vị trực thuộc. Các đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản cử giáo viên trực tiếp quản lý, sử dụng phục vụ đào tạo nghề theo đúng kế hoạch và có kế hoạch bảo trì bảo dưỡng thiết bị hàng năm (5.6.07 - Quyết định số 190/QĐ-CDNB ngày 25/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc giao quản lý, khai thác và sử dụng tài sản, thiết bị đầu tư năm 2019 cho các đơn vị thuộc trường; 5.6.08 - Quyết định số 122/QĐ-CDNB ngày 15/01/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc giao quản, khai thác và sử dụng tài sản, thiết bị đầu tư năm 2020 cho các đơn vị thuộc trường; 5.6.09 - Quyết định số 990/QĐ-CDNB ngày 16/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc giao quản lý, khai thác và sử dụng tài sản, thiết bị đầu tư năm 2021 cho các đơn vị thuộc trường).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 5: 01 điểm

Tiêu chuẩn 5.7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.

Mô tả, phân tích, nhận định

Phòng học lý thuyết được khai thác sử dụng hợp lý phục vụ giảng dạy về diện tích, ánh sáng, thoáng mát theo quy định. Để dễ dàng trong việc quản lý và sử dụng, Nhà trường xây dựng và ban hành nội quy sử dụng phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, thực tập, phòng thực hành máy vi tính. Nội quy sử dụng được nhân bản và dán tại mỗi phòng để giáo viên cũng như HSSV biết và thực hiện (5.7.01 – Nội quy sử dụng phòng học lý thuyết; 5.6.01 - Quyết định số 1283/QĐ-CDNB ngày 12/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc Ban hành Nội quy phòng thí nghiệm; 5.6.02 – Quyết định số 1282/QĐ-CDNB ngày 12/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về Ban hành Nội quy phòng máy vi tính; 5.7.02 – Nội quy làm việc học tập tại trại thực nghiệm).

Các phòng học lý thuyết được quản lý sử dụng bởi phòng Đào tạo & KHCN, có sổ sách theo dõi (5.7.03 – *Sổ theo dõi sử dụng phòng học lý thuyết*) và thường xuyên kiểm tra, báo cáo tình trạng sử dụng trong các cuộc họp đơn vị và báo cáo tổng kết Phòng hàng năm. Phòng thí nghiệm, thực hành được quản lý bởi phòng Cơ sở vật chất. Đơn vị có bố trí chuyên viên phụ trách quản lý các phòng thí nghiệm. Việc sử dụng các phòng thí nghiệm được theo dõi qua nhật ký sử dụng và giấy đề nghị mượn phòng thí nghiệm của giáo viên. Giảng viên sử dụng phòng thí nghiệm, nhà xưởng giảng dạy phù hợp với từng bài, trong chương trình đào tạo thể hiện rõ trong nhật ký thực tập, thực hành tại phòng thí nghiệm (5.7.04 – *Nhật ký phòng thí nghiệm, xưởng thực hành*; 5.7.05 – *Giấy đề nghị mượn dụng cụ, phòng thí nghiệm của giáo viên*). Hàng năm, trong báo cáo tổng kết đơn vị đều có nội dung báo cáo về tình trạng sử dụng phòng thí nghiệm. Riêng xưởng thực hành và khu ruộng thực nghiệm, vườn ươm, nhà lưới được các khoa quản lý và sử dụng cho mục đích giảng dạy, thực hành và nghiên cứu khoa học (1.5.03 – *Báo cáo tổng kết công tác năm 2020, 2021, 2022 của các đơn vị trực thuộc Trường*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 5: 01 điểm

Tiêu chuẩn 5.8: *Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Năm 2008, từ việc được nâng cấp lên thành trường cao đẳng đồng thời nhận được gói hỗ trợ kinh phí 1 triệu USD từ nguồn vốn ADB để đầu tư trang thiết bị phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Trong năm 2019 được Bộ hỗ trợ kinh phí cho mua sắm thiết bị phục vụ đào tạo các nghề trọng điểm Quốc gia và năm 2020 Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ được Bộ Nông nghiệp hỗ trợ cho mua sắm thiết bị từ nguồn vốn dự án “Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp” và thiết bị cho đào tạo các nghề Nông nghiệp năm 2020; đã trang bị cho tất cả các ngành nghề Nhà trường đào tạo những trang thiết bị phù hợp và hiện đại với số lượng và chủng loại phong phú đa dạng, đáp ứng tốt nhất cho nhu cầu đào tạo của Trường. Một số thiết bị mua sắm trong các năm 2019, 2020, 2021 không có trong danh mục tối thiểu do Bộ Lao động – Thương binh và xã hội ban hành do yêu cầu giảng dạy thực hành thực tập ngày càng nâng cao chất lượng đào tạo theo công nghệ 4.0 nên các thiết bị hiện đại lại không có trong danh mục thiết bị tối thiểu của Bộ Lao động – TBXH ban hành, nhà trường hàng năm có báo cáo đề xuất Bộ Lao động – TBXH cập nhật thêm một số thiết bị hiện đại mà trước đây trong danh mục chưa ban hành (5.8.01 - *Danh mục trang thiết bị của Trường theo từng ngành*).

Căn cứ vào danh mục thiết bị tối thiểu cho một số ngành trường đào tạo do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành và danh mục trang thiết bị Nhà trường hiện có cho thấy, Nhà trường đảm bảo đáp ứng trên 80% so với danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu của từng trình độ đào tạo theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Một số ngành từ chuyên nghiệp chuyển sang hiện chưa có danh mục thiết bị tối thiểu do cơ quan Nhà nước quy định, tuy nhiên theo tình hình trang thiết bị của trường đã có, Nhà trường cũng đảm bảo đáp ứng được nhu cầu của chương trình đào tạo (5.8.02 - Bảng tổng hợp so sánh DMTB của Trường với DMTB tối thiểu do Bộ LĐTBXH ban hành; 5.8.03 - Biên bản làm việc của Đoàn thanh tra Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp theo Quyết định số 565/QĐ-TCGDNNN ngày 07/9/2020).

Kết quả thanh kiểm tra về thiết bị đào tạo: vào tháng 9/2020

THIẾT BỊ ĐÀO TẠO THEO TỪNG NGÀNH, NGHỀ

(Tính đến 31/12/2020)

TT	Tên cơ sở/ Ngành, nghề đào tạo	Mức độ đáp ứng so với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu hiện hành
I	Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ	
	<i>Ngành, nghề đào tạo:</i>	
1	Khoa học cây trồng	Thiết bị, dụng cụ đào tạo đáp ứng được 95%
2	Bảo vệ thực vật	Thiết bị, dụng cụ đào tạo đáp ứng được 95.6%
3	Chăn nuôi gia súc - gia cầm	Thiết bị, dụng cụ đào tạo đáp ứng được 80%
4	Thú y	Thiết bị, dụng cụ đào tạo đáp ứng được 88.9%
5	Quản trị mạng máy tính	Thiết bị, dụng cụ đào tạo đáp ứng được 92%
6	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	Thiết bị, dụng cụ đào tạo đáp ứng được 89%
7	Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)	Thiết bị, dụng cụ đào tạo đáp ứng được 99%
8	Kê toán doanh nghiệp	Thiết bị, dụng cụ đào tạo đáp ứng được 80%
9	Chế biến thực phẩm	Thiết bị, dụng cụ đào tạo đáp ứng được 86%
10	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	Thiết bị, dụng cụ đào tạo đáp ứng được 91.5%
11	Xây dựng công trình thủy	Thiết bị, dụng cụ đào tạo đáp ứng được 80%
12	Kỹ thuật xây dựng	Thiết bị, dụng cụ đào tạo đáp ứng được 91.5%
13	Quản lý đất đai	Thiết bị, dụng cụ đào tạo đáp ứng được 80%
14	Công nghệ sinh học	Thiết bị, dụng cụ đào tạo đáp ứng được 84.4%
15	Nuôi trồng thủy sản nước ngọt	Thiết bị, dụng cụ đào tạo đáp ứng được 92.3%

Đối với mỗi ngành, nghề đào tạo, Phân hiệu đều có danh mục trang thiết bị phục vụ đào tạo cho những ngành, nghề đó (5.8.04 - Báo cáo số 76/BC-CDNBPH-ĐT ngày 09/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về đăng ký hoạt

động GDNN; **5.8.05** - Báo cáo số 149/CDNBPH-ĐT-ĐKBSSHĐ ngày 20/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về đăng ký hoạt động GDNN; **5.8.06** - Danh sách kiểm kê tài sản năm 2020; 5.8.06 - Sổ kiểm kê tài sản hàng năm tại Phân hiệu).

Hàng năm, nhà trường cũng mua sắm trang thiết bị bổ sung cho các ngành nghề đào tạo (**5.8.07** - Quyết định 2149/QĐ-BNN-TC ngày 18/5/2021 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt kế hoạch sử dụng kinh phí và danh mục mua sắm tài sản năm 2021 của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ - Phân hiệu tại thành phố Hồ Chí Minh).

Phân hiệu hiện có 04 phòng thực hành tin học để học sinh, sinh viên thực hành theo thời khóa biểu, phòng thực hành tin học có bộ phận chuyên trách quản lý. Giảng viên sử dụng phòng thí nghiệm, nhà xưởng giảng dạy phù hợp với từng bài, trong chương trình đào tạo thể hiện rõ trong nhật ký thực tập, thực hành tại phòng thí nghiệm (**2.8.01** - Nhật ký phòng thí nghiệm, thực hành).

Ý kiến của người học, nhà giáo và CBVC về các trang thiết bị tại phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định được thể hiện trong phiếu lấy ý kiến, kết quả khảo sát CBVC và HSSV (**1.10.15** - Phiếu khảo sát HSSV năm 2021, 2022, 2023; **1.1.10** - Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2021, 2022, 2023 file lưu trên email và google form; **1.1.11** - Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2020, 2021, 2022, 2023).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 5: 00 điểm.

Tiêu chuẩn 5.9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.

Mô tả, phân tích, nhận định

Tất cả thiết bị, dụng cụ của các phòng thí nghiệm, phòng thực hành và phòng máy vi tính đều được bố trí theo sơ đồ và thiết kế của từng phòng. Mỗi phòng thí nghiệm, thực hành đều bố trí đủ bàn ghế và các dụng cụ, thiết bị cho mỗi nhóm thực hành, thí nghiệm, an toàn, thuận lợi cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng, đảm bảo các yêu cầu sư phạm (**5.9.01** – Sơ đồ bố trí các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo tại phòng thí nghiệm).

Nhà trường có bảng nội quy và quy chế của các phòng thí nghiệm, phòng thực hành và phòng máy vi tính. Những nội quy hướng dẫn cho học sinh sinh viên sử dụng các phòng thực hành, thí nghiệm đảm bảo an toàn lao động, học tập, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường trong việc sử dụng các thiết bị, dụng cụ, hóa chất... (**5.6.01** - Quyết định số 1283/QĐ-CDNB ngày 12/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc Ban hành Nội quy phòng thí nghiệm).

Trong quá trình sử dụng các dụng cụ, thiết bị, máy móc trong giờ thực hành, thí nghiệm nếu có xảy ra hư hỏng, cháy nổ hay đánh mất, Nhà trường tiến hành lập biên bản về tình trạng hoạt động và hiệu quả sử dụng thiết bị đó (5.9.02 – Hồ sơ quản lý thiết bị, dụng cụ).

Phân hiệu hiện có 04 phòng thực hành tin học để học sinh, sinh viên thực hành theo thời khóa biểu, phòng thực hành tin học có bộ phận chuyên trách quản lý. Giảng viên sử dụng phòng thí nghiệm, nhà xưởng giảng dạy phù hợp với từng bài, trong chương trình đào tạo thể hiện rõ trong nhật ký thực tập, thực hành tại phòng thí nghiệm (2.8.01 - Nhật ký phòng thí nghiệm, thực hành).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 5: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 5.10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định

Để triển khai tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác theo dõi, điều hành, quản lý, khai thác sử dụng các phòng thí nghiệm - thực hành, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời, giúp học sinh- sinh viên nắm vững và thực hiện đúng nội quy, quy định của phòng thí nghiệm - thực hành. Phòng Cơ sở vật chất tham mưu Ban Giám hiệu đã ban hành “Quy định trách nhiệm quản lý, phục vụ và khai thác các phòng thí nghiệm - thực hành; Quy định trách nhiệm quản lý, phục vụ đào tạo và khai thác máy vi tính ở các phòng thực hành do Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học chịu trách nhiệm quản lý của Trường Cao Đẳng Nông Nghiệp Nam Bộ”. Trong quy định có nêu rõ các vấn đề về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo (5.6.01 - Quyết định số 1283/QĐ-CDNB ngày 12/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc Ban hành Nội quy phòng thí nghiệm; 5.6.02 - Quyết định số 1282/QĐ-CDNB ngày 12/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc Ban hành Nội quy phòng máy vi tính).

Nhà trường có tiến hành xây dựng Quy trình ĐBCL về Bảo trì, bảo dưỡng thiết bị được ban hành và đưa vào sử dụng từ đầu năm 2022 (5.10.01 – Quy trình Bảo trì bảo dưỡng thiết bị ban hành kèm theo QĐ 270/QĐ-CDNB ngày 30/3/2022 Điều chỉnh bổ sung hệ thống quy trình ĐBCL Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ).

Phòng Cơ sở vật chất được giao nhiệm vụ quản lý, theo dõi xuất nhập vật tư thiết bị. Tất cả các thiết bị đều có hồ sơ: xuất xứ, năm, nước sản xuất, nhà sản xuất thể hiện qua các hợp đồng hóa đơn chứng từ mua thiết bị phục vụ công tác đào tạo (5.5.03 – Danh mục thiết bị tại các phòng thực hành, thí nghiệm).

Trong quy định về trách nhiệm quản lý, phục vụ và khai thác các phòng thí nghiệm - thực hành, Trường Cao Đẳng Nông Nghiệp Nam Bộ có quy định về việc định kỳ đánh giá cũng như đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo

(5.10.02 - Quyết định số 955/QĐ-CDNB ngày 9/2/2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc Ban hành Quy trình bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản trong trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ; 5.10.03 - Quyết định số 240/QĐ-CDNB ngày 8/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ).

Để đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo, hàng năm, Ban Giám hiệu ban hành Quyết định thành lập Hội đồng kiểm kê tài sản, công cụ, dụng cụ trong trường (cơ sở chính) và phòng Cơ sở vật sễ làm kế hoạch kiểm kê tài sản, thiết bị, công cụ, dụng cụ vào tháng 11 - 12 của năm, sắp xếp lịch kiểm kê cho các đơn vị đồng thời thông báo cho các đơn vị chuẩn bị bố trí GV, CNV trực đơn vị cùng với tổ kiểm kê để tiến hành kiểm kê tài sản (5.10.04 – Kế hoạch kiểm kê tài sản, thiết bị năm 2019 ngày 22 tháng 11 năm 2019; 5.10.05 - Quyết định số 944/QĐ-CDNB ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng nông nghiệp Nam Bộ V/v Thành lập hội đồng kiểm kê tài sản, thiết bị, công cụ, dụng cụ năm 2020 tại cơ sở chính; 5.10.06 - Kế hoạch số 02/KH-KK ngày 19 tháng 11 năm 2020 về việc kiểm kê tài sản, thiết bị năm 2020; 5.10.07 - Quyết định Số 805/QĐ-CDNB ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng nông nghiệp Nam Bộ V/v Thành lập hội đồng kiểm kê tài sản, thiết bị, công cụ, dụng cụ năm 2021 tại cơ sở chính; 5.10.08 - Kế hoạch Số 808/KH-KK ngày 10 tháng 11 năm 2021 V/v kiểm kê tài sản, thiết bị, công cụ, dụng cụ năm 2021).

Sau khi kết thúc công tác kiểm kê, Hội đồng kiểm kê tài sản của Trường sẽ làm báo cáo kết quả công tác kiểm kê toàn trường trong năm và lên danh mục đề xuất xin thanh lý tài sản không còn sử dụng được nữa kèm theo biên bản và bản giải trình về tình trạng hư hỏng thiết bị, dụng cụ, công cụ của các đơn vị (5.10.09 - Báo cáo Kết quả kiểm kê tài sản, thiết bị, công cụ, dụng cụ năm 2020; 5.10.10 - Tờ trình về việc Thanh lý tài sản không cần dùng và không còn sử dụng được trong trường tại cơ sở chính năm 2020; 5.10.11 - Báo cáo kết quả kiểm kê tài sản, thiết bị, công cụ, dụng cụ năm 2021; 5.10.12 - Tờ trình về việc Thanh lý tài sản không cần dùng và không còn sử dụng được trong trường tại cơ sở chính năm 2021; 5.10.13 - Báo cáo kết quả kiểm kê tài sản, thiết bị, công cụ, dụng cụ năm 2022; 5.10.14 - Tờ trình về việc Thanh lý tài sản không cần dùng và không còn sử dụng được trong trường tại cơ sở chính năm 2022).

Ban giám hiệu ra Quyết định thành lập Hội đồng xử lý tài sản không cần dùng và không còn sử dụng được trong trường theo từng năm. Sau khi xem xét trên cơ sở báo cáo của Hội đồng kiểm kê tài sản, BGH sẽ ra Quyết định cho thanh lý thiết bị, dụng cụ, công cụ không còn sử dụng được nữa (5.10.15 - Quyết định Thành lập hội đồng xử lý tài sản không cần dùng và không còn sử dụng được trong trường năm 2020, 2021, 2022; 5.10.16 - Quyết định Thanh lý tài sản không cần dùng và không còn sử dụng được trong trường năm 2020, 2021, 2022).

Sau khi kết thúc kiểm kê tài sản, phòng Cơ sở vật chất kết hợp với phòng Tài chính – kế toán lập sổ lưu kiểm kê tài sản hàng năm.

Tại Phân hiệu đã ban hành quy định quản lý tài sản (**5.10.17** - *Quyết định số 151/QĐ-CDNBPH-VP ngày 01/03/2021 của Giám đốc phân hiệu ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại Phân hiệu trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại Thành phố Hồ Chí Minh*). Hằng năm, Văn phòng Phân hiệu phối hợp phòng Tài chính kế toán thực hiện kiểm kê đánh giá hiện trạng tài sản còn đang sử dụng hoặc hư hỏng phân loại, thanh lý những thiết bị cũ, hư hỏng, lạc hậu không còn phù hợp cho công tác đào tạo của Nhà trường (**5.10.18** - *Quyết định thành lập Ban kiểm kê tài sản năm 2021, 2022, 2023 tại phân hiệu; 5.10.19* - *Thông báo về việc kiểm kê tài sản năm 2021, 2022, 2023 tại phân hiệu; 5.10.20* - *Sổ kiểm kê tài sản hàng năm tại Phân hiệu*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 5: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 5.11: *Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hằng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Để thuận tiện trong việc quản lý các trang thiết bị, Phòng Cơ sở vật chất lập hồ sơ danh mục, lý lịch từng thiết bị. Trên mỗi thiết bị, phòng cơ sở vật chất có dán thẻ tài sản cố định, trên thẻ có các thông tin: tên thiết bị, số lượng, năm sản xuất, năm đưa vào sử dụng (**5.11.01** - *Thẻ tài sản gắn tại các thiết bị*). Thiết bị đào tạo được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường (**5.10.02** - *Quyết định số: 240/QĐ-CDNB ngày 8/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ*).

Các thiết bị đào tạo của Trường có hồ sơ quản lý rõ ràng, được quản lý và lưu trữ ở phòng Cơ sở vật chất và phòng Tài chính Kế toán thông qua Sổ tài sản cố định hàng năm (**5.9.02** - *Hồ sơ quản lý thiết bị, dụng cụ; 5.10.20* - *Sổ kiểm kê tài sản hàng năm tại Phân hiệu*).

Các thiết bị đào tạo sau khi mua về, làm các thủ tục về tài chính, được lắp đặt và bàn giao cho các khoa chuyên môn quản lý và phân công rõ ràng trách nhiệm cho từng bộ phận trong việc sử dụng cho mục đích đào tạo. Các xưởng thực hành có Sổ tài sản phòng thực hành theo dõi phản ánh tình trạng sử dụng thiết bị như việc điều chuyển phục vụ thực tập, bảo dưỡng ... Tất cả các thiết bị đều được Trường sử dụng đúng công năng trong việc tổ chức thực hành, thực tập của học sinh, sinh viên (**5.11.02** - *Biên bản bàn giao nghiệm thu thiết bị và chuyển giao công nghệ của các nhà cung cấp; 5.6.07* - *Quyết định số 190/QĐ-CDNB ngày 25/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc giao quản lý, khai thác và sử dụng tài sản, thiết bị đầu tư năm 2019 cho các đơn vị thuộc trường; 5.6.08* - *Quyết định số 122/QĐ-CDNB ngày 15/01/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc giao quản,*

khai thác và sử dụng tài sản, thiết bị đầu tư năm 2020 cho các đơn vị thuộc trường; 5.6.09 - Quyết định số 990/QĐ-CDNB ngày 16/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc giao quản lý, khai thác và sử dụng tài sản, thiết bị đầu tư năm 2021 cho các đơn vị thuộc trường).

Trường giao các khoa tự bảo dưỡng trang thiết bị của đơn vị mình. Hàng ngày các thiết bị được lau chùi, vệ sinh, kiểm tra, khắc phục những hư hỏng nhỏ khi có phát sinh trong quá trình thực tập. Về bảo dưỡng định kỳ trang thiết bị, các khoa có Sổ theo dõi sửa chữa máy móc thiết bị, trong đó nêu rõ các nội dung Ngày tháng sửa chữa, Tình trạng thiết bị, Nội dung sửa chữa, Phụ tùng thay thế, Kết quả sửa chữa (5.7.04 - Nhật ký phòng thí nghiệm, thực hành).

Hàng năm, Trường giao cho phòng Cơ sở vật chất phối hợp với khoa chuyên môn tổ chức kiểm tra, đánh giá chất lượng, tình trạng hoạt động của các thiết bị và công tác bảo dưỡng máy móc dụng cụ tại các xưởng thực hành. Trong biên bản kiểm tra đánh giá tình trạng thiết bị, có các kết luận về tình trạng thiết bị cũng như các yêu cầu đề xuất nhà trường xử lý, bảo dưỡng để nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị (5.10.09 - Báo cáo Kết quả kiểm kê tài sản, thiết bị, công cụ, dụng cụ năm 2020; 5.10.11 - Báo cáo kết quả kiểm kê tài sản, thiết bị, công cụ, dụng cụ năm 2021; 5.10.13 - Báo cáo kết quả kiểm kê tài sản, thiết bị, công cụ, dụng cụ năm 2022).

Để đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo, hàng năm, Ban Giám hiệu ban hành Quyết định thành lập Hội đồng kiểm kê tài sản, công cụ, dụng cụ trong trường (cơ sở chính) và phòng Cơ sở vật sẽ làm kế hoạch kiểm kê tài sản, thiết bị, công cụ, dụng cụ vào tháng 11 - 12 của năm, sắp xếp lịch kiểm kê cho các đơn vị đồng thời thông báo cho các đơn vị chuẩn bị bố trí GV, CNV trực đơn vị cùng với tổ kiểm kê để tiến hành kiểm kê tài sản (5.10.03 – Kế hoạch kiểm kê tài sản, thiết bị năm 2020, 2021, 2022; 5.10.04 - Quyết định Thành lập hội đồng kiểm kê tài sản, thiết bị, công cụ, dụng cụ năm 2020, 2021, 2022 tại cơ sở chính).

Ban giám hiệu ra Quyết định thành lập Hội đồng xử lý tài sản không cần dùng và không còn sử dụng được trong trường theo từng năm. Sau khi xem xét trên cơ sở báo cáo của Hội đồng kiểm kê tài sản, BGH sẽ ra Quyết định cho thanh lý thiết bị, dụng cụ, công cụ không còn sử dụng được nữa (5.10.15 - Quyết định Thành lập hội đồng xử lý tài sản không cần dùng và không còn sử dụng được trong trường năm 2020, 2021, 2022; 5.10.16 - Quyết định Thanh lý tài sản không cần dùng và không còn sử dụng được trong trường năm 2020, 2021, 2022).

Sau khi kết thúc kiểm kê tài sản, phòng Cơ sở vật chất kết hợp với phòng Tài chính – kế toán lập sổ lưu kiểm kê tài sản hàng năm.

Tại Phân hiệu đã ban hành quy định quản lý tài sản (5.10.17 - Quyết định số 151/QĐ-CDNBPH-VP ngày 01/03/2021 của Giám đốc phân hiệu ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại Phân hiệu trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại Thành phố Hồ Chí Minh). Hàng năm, Văn phòng Phân hiệu phối hợp phòng Tài chính

kế toán thực hiện kiểm kê đánh giá hiện trạng tài sản còn đang sử dụng hoặc hư hỏng phân loại, thanh lý những thiết bị cũ, hư hỏng, lạc hậu không còn phù hợp cho công tác đào tạo của Nhà trường (5.10.18 - Quyết định thành lập Ban kiểm kê tài sản năm 2021, 2022, 2023 tại phân hiệu; 5.10.19 - Thông báo của Giám đốc Phân hiệu về việc kiểm kê tài sản năm 2021, 2022, 2023; 5.10.20 - Sổ kiểm kê tài sản hàng năm tại Phân hiệu).

Đối với cơ sở Phân hiệu, các Khoa có hồ sơ quản lý thiết bị, dụng cụ, hàng năm luôn được kiểm kê, theo dõi, đánh giá, theo đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất. Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; hơn 30 năm hoạt động, phòng thí nghiệm chưa bị sự cố về an toàn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 5: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 5.12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.

Mô tả, phân tích, nhận định

Theo thông tư số 14/2017/TT-BLĐTB-XH ngày 25/5/2017 của Bộ Lao động Thương binh- Xã hội “Quy định việc xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế kỹ thuật đào tạo áp dụng lĩnh vực GDNN” có đề cập việc xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế kỹ thuật đào tạo áp dụng lĩnh vực GDNN có cả các cơ sở GDNN (Trường Cao đẳng, Trung cấp nghề). Nhưng đến năm 2020, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội lại Ban hành Thông tư số 07/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/10/2020 “Quy định việc xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế kỹ thuật đào tạo áp dụng lĩnh vực GDNN” thì lại không đề cập đến các Trường Cao đẳng phải xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật cho các nghề.

Căn cứ theo thông tư 07/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/10/2020 của Bộ Lao động Thương binh –Xã hội, nên hiện nay Nhà trường chưa thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng cho một số ngành nghề Trường được phép đào tạo do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cấp giấy chứng nhận.

Các phòng máy tính, phòng thí nghiệm quản lý theo ngành, lĩnh vực đào tạo, được kiểm tra thường xuyên, nếu có hư hỏng được đề nghị sửa chữa, thay thế kịp thời không để ảnh hưởng đến công tác dạy và học. Trang thiết bị của các phòng thí nghiệm có cán bộ quản lý, bảo trì theo quy định, sắp xếp gọn gàng theo từng khu vực, từng ngành.

Đối với các ngành Trồng trọt, Chăn nuôi, Chế biến thực phẩm, Nuôi trồng thủy sản,... khi mua các sản phẩm phục vụ thực hành, thực tập như gà, vịt, heo... thì mua theo

kế hoạch cho từng môn học, không có dự trữ. Căn cứ kế hoạch giảng dạy, số học sinh mỗi lớp, đầu mỗi học kỳ, Khoa xây dựng dự toán mua nguyên vật tư tiêu hao đối với các môn học, mô đun thực hành, trình Ban giám hiệu phê duyệt (5.12.01 - Kế hoạch mua vật tư thực hành thực tập; 5.12.02 - Ảnh chụp tủ đựng vật tư tại các xưởng thực hành).

Hàng năm căn cứ theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Nguyên tắc xác định học phí căn cứ theo điểm b, khoản 2 Điều 8 của Nghị định 81/2021/NĐ-CP quy định cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên xác định mức học phí không vượt mức trần học phí tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 10 của Nghị định 81/2021/NĐ-CP. Căn cứ vào quy định trên Trường Cao đẳng xây dựng quy định mức học phí theo đặc điểm từng ngành nghề đào tạo của nhà trường thuộc khối ngành nghề nông nghiệp khó tuyển sinh để thu hút người học nên mức học phí thấp hơn quy định của Nghị định 81/2021/NĐ-CP (5.12.03 - Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo).

Từ năm 2017 đến năm 2021 Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ đã ký hợp đồng xây dựng Định mức kinh tế kỹ thuật với Tổng Cục giáo dục nghề nghiệp theo các quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp các nghề như: Xây dựng Định mức tiêu hao vật tư trình độ Trung cấp, Cao đẳng nghề Bảo vệ thực vật; Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo, nghề Trồng cây lương thực, thực phẩm trình độ cao đẳng, trung cấp; Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo, nghề Chăn nuôi gia súc gia cầm trình độ cao đẳng, trung cấp; Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo, nghề Xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi trình độ cao đẳng, trung cấp; Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo, nghề Trồng trọt trình độ trung cấp (5.12.04 - Các Hợp đồng và các sản phẩm Xây dựng Định mức tiêu hao vật tư, định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo).

Xây dựng danh mục thiết bị tối thiểu theo các quy định tại Quyết định số 544/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 4 năm 2017 về việc ban hành quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành tiêu chuẩn cơ sở vật chất trong thực hành, thực nghiệm, thí nghiệm theo ngành, nghề và danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu cho từng ngành, nghề theo trình độ, cấp độ đào tạo như nghề: xây dựng danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu nghề Bảo vệ thực vật trình độ cao đẳng, trung cấp; Xây dựng danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu nghề Chăn nuôi gia súc gia cầm trình độ cao đẳng, trung cấp; Xây dựng danh mục thiết bị đào tạo

tối thiểu nghề Trồng cây lương thực, thực phẩm trình độ cao đẳng, trung cấp; Xây dựng danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu nghề Xây dựng và hoàn thiện công trình Thủy Lợi trình độ cao đẳng, trung cấp; Xây dựng danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu trình độ cao đẳng, trung cấp nghề Trồng cây ăn quả; Xây dựng danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu nghề Trồng trọt trình độ trung cấp (5.12.05 - Các Hợp đồng và các sản phẩm Xây dựng danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu).

Xây dựng Định mức kinh tế kỹ thuật với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính về việc Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc Gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, Thông tư số 07/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/10/2020 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định việc xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, cụ thể các nghề: Xây dựng định mức KTKT nghề Cây có múi trình độ dưới 3 tháng; nghề chăn nuôi dê; nghề chăn nuôi bò; Trồng và nhân giống cây có múi; Trồng và nhân giống cây sầu riêng; Trồng và nhân giống cây thanh long; Trồng dưa lưới và rau trong nhà màng (5.12.06 - Các Hợp đồng và các sản phẩm Xây dựng Định mức kinh tế kỹ thuật với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

Ngoài ra trong năm 2021, Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn giao nhiệm vụ xây dựng thí điểm giá dịch vụ đào tạo nghề Chế biến thực phẩm và nghề Chế biến và Bảo quản thủy sản (5.12.07 - Quyết định số 1543/QĐ-NBB-TC ngày 12/04/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt dự toán kinh phí thí điểm xây dựng giá dịch vụ đào tạo trình độ Cao đẳng năm 2021 của trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ). Căn cứ vào các Định mức kinh tế kỹ thuật được ban hành, Thông tư số 14/2019/TT-BGDĐT ngày 30/8/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp xây dựng giá dịch vụ giáo dục đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục đào tạo và các văn bản khác của nhà nước để thực hiện (5.12.08 - Các Hợp đồng và các sản phẩm xây dựng thí điểm giá dịch vụ đào tạo nghề Chế biến thực phẩm và nghề Chế biến và Bảo quản thủy sản).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 5: 00 điểm.

Tiêu chuẩn 5.13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.

Mô tả, phân tích, nhận định

Trường có thư viện bao gồm một phòng lưu trữ và làm việc của thủ thư với tổng diện tích là: 459,5 m², bao gồm 2 phòng đọc (222,25 m²/2phòng), 2 phòng Internet (72,25 m²/2 phòng), 2 phòng lưu trữ (156 m²/2 phòng) (5.13.01- Thống kê diện tích, cơ sở vật chất thư viện).

Như đã phân tích ở Tiêu chuẩn 5.5, số học sinh, sinh viên quy đổi trong 3 năm qua lần lượt là:

Bảng tổng hợp HSSV quy đổi/giảng viên quy đổi

	Số HSSV quy đổi	Số giảng viên quy đổi	Tỷ lệ HSSV/GV
Năm 2021	1.187	125,51	9,46
Năm 2022	1.492	97	15.4
Năm 2023	1.381	94	14.7

Như vậy, năm 2022 tổng số học sinh, sinh viên quy đổi nhiều nhất trong ba năm qua là 1.492 học sinh, sinh viên.

Căn cứ Thông tư số 38/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 28/12/2018 Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp với lưu lượng học sinh, sinh viên quy đổi thời điểm cao nhất là 1.492 học sinh, sinh viên (năm 2022), số nhà giáo đang giảng dạy là 97 thì diện tích thư viện cần phải có là: $1.492 \times 0,15 \times 1,8 + 97 \times 0,2 \times 2,0 = 406,71 \text{ m}^2 < 459,5 \text{ m}^2$

Đối chiếu với quy định trong Thông tư số 38/2018/TT-BLĐTĐBXH, Thư viện trường đảm bảo diện tích tối thiểu theo quy định.

Trường cũng đã ban hành Nội quy Thư viện bao gồm 12 nội dung quy định. Nội quy sử dụng thư viện ghi thời gian mở cửa thư viện là theo giờ hành chính vào các ngày trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6, sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30, chiều từ 12 giờ 30 đến 16 giờ 30 phút (**5.13.02 - Nội quy hoạt động của thư viện**).

Trường hiện đang thực hiện đào tạo 26 nghề trình độ cao đẳng, 29 nghề trình độ trung cấp (hiện nay 23 nghề có học sinh, sinh viên theo học: trình độ cao đẳng 9 nghề, trình độ trung cấp 14 nghề) theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp và Giấy chứng nhận bổ sung đăng ký hoạt động GDNN (**1.2.01 – Bộ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2017; 1.2.02 – Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp 41c/2017/GCNĐKHĐ-TCDN** ngày 13/06/2018; **1.2.03 – Bộ Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2019; 1.2.04 – Bộ Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2020; 1.2.05 – Bộ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp Phân hiệu; 1.2.06 - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp 77/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN** ngày 23/7/2021; **1.2.07 - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 56/2022/GCNĐKHĐ-TCGDNN** ngày 14/7/2022; **1.2.08 - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 56a/2022/GCNĐKHĐBS - TCDN**, ngày 15/9/2022 nhà trường được đào tạo tại công ty cổ phần Sài Gòn Food 01 nghề trung cấp; **1.2.09 - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 84/2022/GCNĐKHĐ-TCGDNN** ngày 17/10/2022; **1.2.10 - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 84a/2022/GCNĐKHĐ-TCGDNN** ngày 17/4/2023 nhà trường được đào tạo tại phân hiệu 2 nghề trung cấp, 2 nghề cao đẳng; **1.2.11 - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt**

động giáo dục nghề nghiệp số 84b/2022/GCNDKHD-TCGDNN ngày 26/5/2023 nhà trường được đào tạo tại trung tâm GDNN-GDTX huyện Chợ Lách 01 nghề trung cấp).

Thực tế tại Thư viện, Trường có đầy đủ 55 bộ chương trình đào tạo các ngành, nghề mà trường đang đào tạo được cấp phép.

Theo số liệu thống kê, tại Thư viện Trường có 3.379 đầu sách các loại với số bản in 25.622 bản in, sách trong thư viện số có 1.112 đầu sách. Số giáo trình các môn học/mô đun nghề đào tạo trường phê duyệt là 1.493 giáo trình. Năm học 2020 - 2021 thư viện bổ sung thêm 3 giáo trình, tài liệu; năm học 2021 - 2022 thư viện bổ sung thêm 8 giáo trình, tài liệu mới phục vụ nhu cầu học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học cho các giáo viên và học sinh, sinh viên (5.13.01- Danh mục sách, tài liệu tham khảo tại thư viện trên phần mềm Thư viện: Access 2000).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13, tiêu chí 5: 00 điểm

Tiêu chuẩn 5.14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.

Mô tả, phân tích, nhận định

Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng Đào tạo - Khoa học công nghệ quản lý thư viện. Hoạt động và hình thức phục vụ của thư viện được quy định cụ thể trong Nội quy Thư viện bao gồm 12 nội dung quy định (5.14.01- Nội quy hoạt động của thư viện).

Nội quy đã nêu rõ các hoạt động của thư viện gồm:

1. Hoạt động phát triển thư viện, hoạt động về chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài thư viện như: Bổ sung, sưu tầm, lựa chọn và xử lý tài liệu; tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học về lĩnh vực thư viện.

2. Biên soạn các bản thư mục và thư mục chuyên đề, xây dựng cơ sở dữ liệu khai thác mạng internet; tổ chức các kho tự chọn, giới thiệu và triển lãm sách báo phù hợp với điều kiện cụ thể của thư viện nhằm phục vụ tốt nhất yêu cầu của người đọc.

3. Quản trị thư viện điện tử, số hóa tài nguyên, khai thác tài nguyên số ...

Thư viện Trường phục vụ nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học theo 2 hình thức: phục vụ tại thư viện và mượn về nhà. Hoạt động của thư viện thực hiện theo Nội quy thư viện đã được Trường đã ban hành. Nội quy thư viện được treo ngay trong phòng đọc, có quy định rõ ràng và đầy đủ về trách nhiệm của bạn đọc khi sử dụng thư viện và quy định mượn tài liệu.

Thư viện tổ chức hoạt động theo quy định. Nhà trường phân công 1 cán bộ phòng Đào tạo – khoa học công nghệ chuyên trách thư viện thực hiện quản lý và phục vụ tại thư viện để giới thiệu hướng dẫn phục vụ các nhu cầu tra cứu tài liệu của cán bộ, nhà giáo và người học. Tất cả các hoạt động của thư viện đều có sổ sách quản lý, sổ nghiệp vụ, sổ mượn tài liệu dành cho bạn đọc (5.14.02 - Sổ mượn sách của thư viện; 5.14.03 - Link thư viện điện tử cơ sở chính: <https://www.nbac.edu.vn/thuvien.php>; 5.14.04 - Link thư viện điện tử phân hiệu: <http://hcm-nbac.edu.vn/thuvien.php>; 5.14.05 - Danh mục tài liệu tham khảo được số hóa; 5.14.06 - Danh mục giáo trình được số hóa).

Trong thư viện, các tài liệu, sách được sắp xếp ngăn nắp, khoa học, có bản hướng dẫn bạn đọc cách tra cứu, mượn, trả sách, giúp bạn đọc có thể sử dụng thư viện một cách thuận lợi nhất (5.14.07 - Danh mục giáo trình được số hóa).

Để nâng cao hiệu quả hoạt động của thư viện, vào đầu mỗi năm học và hàng tháng phòng Đào tạo – Khoa học công nghệ đều triển khai hoạt động của Thư viện. Kết quả hoạt động thư viện được báo cáo định kỳ hàng năm cho lãnh đạo Trường để có những chỉ đạo, những điều chỉnh phù hợp theo điều kiện thực tế (1.5.03 - Báo cáo tổng kết công tác năm 2020, 2021, 2022 của các đơn vị trực thuộc Trường).

Hằng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của bạn đọc là học sinh, sinh viên, nhà giáo để làm cơ sở đánh giá hiệu quả thư viện và nâng cao hơn nữa chất lượng phục vụ của thư viện. Kết quả khảo sát cho thấy tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học (1.1.10 - Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2021, 2022, 2023; 1.10.15 - Phiếu khảo sát HSSV năm 2021, 2022, 2023; 1.1.11 - Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2021, 2022, 2023).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14, tiêu chí 5: 01 điểm

Tiêu chuẩn 5.15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định

Trường có phòng đọc điện tử kết hợp với phòng đọc được bố trí 04 máy tính có kết nối mạng internet để bạn đọc tra cứu, truy cập thông tin và quản lý tài liệu thư viện (5.13.01 - Thống kê diện tích, cơ sở vật chất thư viện).

Website có mục Thư viện, trong đó được cập nhật, tích hợp các giáo trình nội bộ của trường (5.15.01 - Hình ảnh giao diện website Trường có mục thư viện). Đối chiếu minh chứng Danh mục giáo trình của Trường được số hóa trong thư viện điện tử.

Địa chỉ thư viện số của Trường tại trụ sở chính theo địa chỉ: <http://www.nbac.edu.vn/thuvien.php> tại phân hiệu theo địa chỉ: <http://hcm-nbac.edu.vn/thuvien.php>. Giao diện thư viện số của Trường có các mục: Tài liệu thư viện số thể hiện số lượng tài liệu số của từng nghề đào tạo, tài liệu nổi bật đề cập tới các giáo trình, tài liệu mới được cập nhật và mục Đăng nhập để bạn đọc đăng nhập vào thư viện số, Trong đó:

1. Tài liệu Thư viện số có các mục:
 - Thủy lợi (198).
 - Chăn nuôi – thú y (122).
 - Trồng trọt – BVTV (151).
 - Khoa học cơ bản (18).

- Kế toán (84).
- Điện lạnh (1).
- Tin học - ngoại ngữ (59).
- Chế biến (109).
- Môn chung (12).
- Quản lý đất đai (77).
- Tin học, ngoại ngữ và KHCB (13).
- Chế biến và bảo quản thủy sản (33).
- Cơ điện lạnh – máy tàu (79).
- Kinh tế (32).
- Nuôi trồng thủy sản và khai thác thủy sản (40).

2. Tài liệu nổi bật: Giới thiệu các giáo trình mới cập nhật như Giáo trình nghề Bảo vệ thực vật, nghề Chăn nuôi thú y: Môn học Công nghệ sinh học; Giáo trình trồng rau an toàn, giáo trình chăn nuôi ...

Giáo trình, tài liệu trong mục Tài liệu thư viện số của 8 nghề chọn mẫu, Đoàn nhận thấy tên các giáo trình, tài liệu có trong thư viện số tương ứng và phù hợp với các môn học/mô đun của nghề.

Để khai thác hiệu quả Thư viện số, Trường đã có Thông báo về việc sử dụng tài khoản online và Thư viện số. Trong đó cung cấp địa chỉ truy cập và hướng dẫn bạn đọc cách sử dụng truy cập thư viện số.

Đối với bạn đọc, bạn đọc có quyền:

- Đọc miễn phí tài liệu trên hệ thống thư viện số
- Copy tài liệu miễn phí phục vụ công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của cá nhân (**5.15.02** - *Hướng dẫn và thông báo sử dụng Thư viện số*).

Hiện tại các giáo trình, tài liệu tham khảo của Trường đã được số hóa, cập nhật và tích hợp vào Thư viện số của Trường theo đường link <https://ww.nbac.edu.vn/thuvien.php> hoặc đường link <https://hcm-nbac.edu.vn/thuvien.php> (**5.15.03** - *Link thư viện điện tử cơ sở chính: https://www.nbac.edu.vn/thuvien.php; 5.15.04* - *Link thư viện điện tử phân hiệu: http://hcm-nbac.edu.vn/thuvien.php*).

100% giáo trình được phê duyệt và tài liệu tham khảo của Trường được số hóa. Riêng nguồn tài liệu tham khảo của các nghề có trong Thư viện số phong phú hơn so với yêu cầu. Tất cả cán bộ, giáo viên và học sinh, sinh viên đều được truy cập, sao chép tài nguyên theo ý muốn trong thư viện số phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

Hàng năm nhà trường có tổ chức thu thập ý kiến của bạn đọc là viên chức quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, sinh viên để làm cơ sở đánh giá hiệu quả thư viện và nâng cao hơn nữa chất lượng phục vụ của thư viện. Kết quả khảo sát cho thấy thư viện điện tử đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học (**1.1.10** - *Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2021, 2022, 2023*;

1.10.15 - Phiếu khảo sát HSSV năm 2021, 2022, 2023; 1.1.11 - Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2021, 2022, 2023).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15, tiêu chí 5: 01 điểm

3.2.6. Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế

Đánh giá tổng quát

Hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế của Nhà trường luôn tuân thủ theo các quy chế của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Công tác tổ chức nghiên cứu khoa học, thực hiện các sáng kiến cải tiến đều có kế hoạch vào đầu năm học và kiểm tra tổng kết vào cuối mỗi năm học. Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến cấp trường đều được ứng dụng trong công tác quản lý, trong các hoạt động đào tạo hoặc được ứng dụng trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và khả năng nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên-giáo viên của Trường.

Ngoài ra, công tác chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế cũng được Nhà trường quan tâm thực hiện. Hằng năm, Nhà trường có giảng dạy các lớp ngắn hạn gieo tinh nhân tạo cho bò, lớp nâng ngạch cho công nhân quản lý khai thác các công trình thủy lợi trên khắp các tỉnh thành Nam Bộ. Trường liên tục có các hoạt động hợp tác quốc tế với các trường ở Lào, Thái Lan, Úc và Ấn Độ (cử giảng viên học tiến sĩ), góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên-giáo viên trong Nhà trường.

*** Những điểm mạnh:**

Kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ được duyệt vào đầu mỗi năm học, có kiểm tra đánh giá thường xuyên.

Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến cấp trường được ứng dụng trong công tác quản lý, trong các hoạt động đào tạo hoặc được ứng dụng trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và khả năng nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên-giáo viên của Trường.

Có Tập san Khoa học-Giáo dục-Nông nghiệp, hằng năm xuất bản từ 1 số.

Trường đang triển khai đào tạo 09 lưu học sinh nước Lào theo dạng hợp tác đào tạo nhân lực cho 3 Trường Cao đẳng nước Lào.

*** Những tồn tại:**

Số lượng bài báo khoa học đăng trong các tạp chí chuyên ngành có uy tín trong và ngoài nước, đăng trong Tập san Khoa học-Giáo dục-Nông nghiệp của Trường chưa nhiều, nên chưa tạo được động lực mạnh mẽ thúc đẩy công tác nghiên cứu khoa học của cán bộ giáo viên Nhà trường phát triển lên một bước mới.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Tăng cường công tác tuyển chọn, phê duyệt các đề tài, dự án theo hướng đòi hỏi tính thực tiễn cao, khả năng ứng dụng tốt vào giảng dạy, học tập, tổ chức quản lý và phát triển sản xuất kinh doanh.

Hằng năm, giao cho Phòng Đào tạo và Khoa học công nghệ xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ và tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật nhằm không ngừng nâng cao năng lực triển khai thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của Trường.

Điểm đánh giá tiêu chí 6:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 6	5
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1

Tiêu chuẩn 6.1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định

Trường có cơ chế chính sách khuyến khích cán bộ, giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ mới trong quản lý và giảng dạy. Từ năm 2019, trường đã ban hành Quy định về thực hiện các hoạt động Khoa học – Công nghệ trong nhà trường theo quy trình cụ thể như sau: đăng ký đề tài, viết đề cương theo mẫu quy định, các đơn vị trong trường tổ chức xét duyệt đề cương đề tài trình Hội đồng, Hội đồng xét duyệt đề cương theo quy định, triển khai, giám sát, báo cáo tiến độ, cấp kinh phí, đánh giá nghiệm thu đưa vào sử dụng. Để thu hút được cán bộ giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học, nhà trường có nhiều chế độ chính sách ưu đãi được thể hiện trong Quy chế hoạt động của trường (3.1.06 - Quy định về hoạt động và qui chế chi tiêu nội bộ các năm 2021, 2022, 2023 cơ sở chính; 3.1.07 - Quy định hoạt động và Qui chế chi tiêu nội bộ của Phân hiệu tại TPHCM năm 2021, 2022, 2023; 6.1.01 - Quyết định quy định thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học năm 2021, 2022, 2023; 6.1.02 - Quyết định ban hành quy định thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ - Phân hiệu tại thành phố Hồ Chí Minh 2021, 2022, 2023; 6.1.04 – Quy trình Thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường ban hành kèm Quyết định 270/QĐ-CDNB ngày 30/3/2022 ban hành các quy trình đảm bảo chất lượng đào tạo; 6.1.05 - Quyết định số 07/QĐ-CDNB ngày 04/01/2023 của Hiệu trưởng quy định thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học năm 2023; 6.1.06 - Quyết định số 861/QĐ-CDNB ngày 11/9/2023 của Hiệu trưởng quy định thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học năm 2023-2024).

Đến thời điểm đánh giá trường đã có 21 giáo viên đạt giải giáo viên giỏi cấp trường, 16 giáo viên đạt giải giáo viên giỏi cấp tỉnh, cấp bộ, 04 nhóm tác giả đạt thành tích cao trong hội thi thiết bị tự làm và nhiều sáng kiến cải tiến, bài báo đăng trên các tập san của trường, các tạp chí trong và ngoài nước của viên chức giáo viên được nhà trường ra quyết định công nhận (**6.1.07** – Kế hoạch 703/KH-CĐNB ngày 04/10/2021 về việc tổ chức thiết kế thiết bị đào tạo tự làm cấp Trường năm học 2021-2022; **2.8.03** – Các Quyết định đạt giải tại hội giảng, hội thi các cấp năm 2021, 2022, 2023; **6.1.08** – Quyết định công nhận Sáng kiến - cải tiến năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022 – tại cơ sở chính; **6.1.09** - Quyết định số 648/QĐ-CĐNB ngày 06 tháng 7 năm 2022 công nhận sáng kiến năm học 2021 – 2022 Phân hiệu tại thành phố Hồ Chí Minh; **6.1.10** - Kế hoạch số 933/KH-CĐNB ngày 12/9/2022 của hiệu trưởng ban hành kế hoạch hội giảng cấp trường năm học 2022-2023).

Năm 2023, trường có 06 giáo viên đạt giải giáo viên giỏi cấp trường; 01 giáo viên đạt giải nhất cấp tỉnh, 2 giáo viên giải ba cấp tỉnh, 2 giáo viên giải khuyến khích tỉnh; 1 giáo viên đạt giải nhất cấp Bộ nông nghiệp, 3 giáo viên đạt giải nhì (**6.1.11** - Các quyết định công nhận giáo viên đạt giải hội giảng).

Kết quả nhà trường khảo sát ý kiến của cán bộ viên chức, giáo viên về việc trường có thực hiện các chính sách khuyến khích tham gia nghiên cứu khoa học

- Năm 2021 trường khảo sát 132 người, có phản hồi thông tin là 127 người, có 125 đồng ý chiếm 98,4% tỷ lệ, 02 người trả lời không chiếm 1,6% tỷ lệ.

- Năm 2022 trường khảo sát 124 người, có phản hồi thông tin là 114 người, có tỷ lệ 46,5% đồng ý, tỷ lệ 50,9% hoàn toàn đồng ý, tỷ lệ 2,6% không đồng ý

- Năm 2023 trường khảo sát 117 người, có phản hồi thông tin là 111 người, có tỷ lệ 46,7% đánh giá tốt, 41% đánh giá xuất sắc, 10,5% đánh giá trung bình.

(**1.1.10** - Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2021, 2022, 2023 - lưu tại phòng KĐ&BDCL; **1.1.11** - Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2021, 2022, 2023).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 6: 01 điểm

Tiêu chuẩn 6.2: Hằng năm, Trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của Trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).

Mô tả, phân tích, nhận định

Hàng năm Nhà trường triển khai đến các phòng, khoa chuyên môn đăng ký tham gia làm đề tài khoa học, các sáng kiến, các đề tài phần lớn tập trung vào nghiên cứu quản lý đào tạo, ứng dụng kiến thức khoa học, công nghệ, công tác quản lý học sinh, sinh viên. Trường đã ban hành quy trình thực hiện đề tài nghiên cứu cấp Trường, quy trình đã quy định 13 bước công việc: Thông báo kế hoạch nghiên cứu khoa học, xây dựng đề cương, họp góp ý đề cương cấp cơ sở, thành lập hội đồng xét duyệt đề cương, Hội đồng, ra quyết định giao đề tài, ký hợp đồng thực hiện, triển khai thực hiện và ký hợp

đồng cấp khoa, gửi hồ sơ đề nghị nghiệm thu đề tài, hội đồng nghiệm thu, hoàn chỉnh đề tài, ra quyết định công nhận đề tài, chuyển giao đề tài cho đơn vị thụ hưởng, lưu hồ sơ (6.1.04 – Quy trình Thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường ban hành kèm Quyết định 270/QĐ-CDNB ngày 30/3/2022 ban hành các quy trình đảm bảo chất lượng đào tạo).

Kết quả từ năm 2019 đến năm 2022, số lượng đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm được hội đồng sáng kiến nhà trường công nhận đưa vào khai thác hiệu quả, các đề tài nghiên cứu khoa học có đầy đủ hồ sơ (Quyết định công nhận kết quả nghiên cứu, Biên bản bàn giao cho đơn vị sử dụng, Biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng đề tài cấp trường, các phiếu đánh giá đề tài, Hợp đồng triển khai thực hiện đề tài NCKH, Văn bản xác nhận đề tài đã chỉnh sửa theo góp ý của hội đồng khoa học, Biên bản góp ý đề tài, Báo cáo tiến độ triển khai thực hiện đề tài, các phiếu nhận xét phản biện, Văn bản nhận xét đề tài cấp khoa..) theo quy định của nhà trường (6.2.01 – Quyết định thành lập Hội đồng xét duyệt đề cương đề tài, giao đề tài và hội đồng nghiệm thu đề tài cấp trường 2019, 2020, 2021 (cơ sở chính); 6.2.02 – Hồ sơ thực hiện đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến lưu tại phòng Đào tạo-KHCN).

Năm học 2023-2024, Trường ban hành quyết định thành lập Hội đồng xét duyệt đề cương đề tài cấp trường (6.2.03 - Quyết định thành lập Hội đồng xét duyệt đề cương đề tài cấp trường số 890/QĐ-CDNB ngày 20/9/2023 và số 929/QĐ-CDNB ngày 02/10/2023).

Cụ thể:

1. Năm học 2020-2021 nhà trường có 02 đề tài nghiên cứu khoa học; 02 sáng kiến cải tiến tiêu biểu

TT	Họ và tên	Tên đề tài; sáng kiến	Số Quyết định
1	Ths. Bùi Thị kim Dung, Giảng viên khoa Chăn nuôi thú y	Hiệu quả bổ sung β -glucan vào khẩu phần của gà tre từ 23-30 tuần tuổi	Số 551/QĐ-CDNB ngày 08/7/2020
2	Phạm Thị Kim Oanh	Triển khai cấp giấy báo nhập học cho thí sinh có bằng xét tuyển nhưng chưa có bằng tốt nghiệp	Số 632/QĐ-CDNB ngày 27/07/2020
3	Phạm Chúc Minh Bạch	Mô hình chuồng gà đẻ trứng thương phẩm	Số 603/QĐ-CDNB ngày 20/07/2020

2. Năm học 2021-2022 nhà trường có 01 đề tài nghiên cứu khoa học; 03 sáng kiến cải tiến tiêu biểu

TT	Họ và tên	Tên đề tài; sáng kiến	Số Quyết định
1	Nguyễn Thị Hoài, giảng viên khoa Khoa học cơ bản	Việc làm thêm của học sinh, sinh viên trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ	Số 584/QĐ-CDNB ngày 09/7/2021

2	Trần Đình Châu	Mô hình thực hành tủ lạnh	Số 648/QĐ-CDNB ngày 06/7/2022
3	Lương Thị Kim Thoa	Mô hình thực hành trang bị điện	Số 648/QĐ-CDNB ngày 06/7/2022
4	Nguyễn Văn Hoàng	Mô hình thực hành hệ thống lạnh công nghiệp	Số 648/QĐ-CDNB ngày 06/7/2022

Năm học 2022-2023, Trường không thực hiện đề tài cấp Trường.

Ngoài ra, tính từ năm 2019 đến thời điểm khảo sát đã có 30 bài báo được đăng trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước được Trường ra quyết định công nhận (**6.2.04** – *Quyết định công nhận Sáng kiến - cải tiến năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022 – tại cơ sở chính; 6.2.05* - *Quyết định số 648/QĐ-CDNB ngày 06 tháng 7 năm 2022 công nhận sáng kiến năm học 2021 – 2022 Phân hiệu tại thành phố Hồ Chí Minh*). Năm học 2022-2023, Trường có 38 sáng kiến được công nhận cấp cơ sở (**6.2.06** - *Quyết định số 580/QĐ-CDNB ngày 30/6/2023 công nhận sáng kiến cấp Trường*), có 13 bài báo đăng trên tạp chí trong và ngoài nước.

Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến cấp trường được ứng dụng trong công tác quản lý, trong các hoạt động đào tạo hoặc được ứng dụng trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được thể hiện trong minh chứng (**6.2.07** - *Báo cáo kết quả về công tác đề tài NCKH và triển khai ứng dụng trong đào tạo*).

Hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường có gắn kết ứng dụng công nghệ hiện đại, đáp ứng yêu cầu thực tiễn của Trường và tỉnh. Kết quả đề tài nghiên cứu khoa học của Trường đều được ứng dụng trong công tác quản lý, nâng cao chất lượng dạy và học; và đáp ứng đủ có ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến hàng năm.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 6: 01 điểm

Tiêu chuẩn 6.3: *Hàng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Hàng năm, Trường có các bài báo, ấn phẩm được đăng trên các tạp chí trong trường, trong nước và quốc tế. Danh sách các bài báo và bản in được thể hiện ở minh chứng (**6.3.01**- *Danh sách các sáng kiến cải tiến, bài báo năm 2021, 2022, 2023*).

Năm 2020 - 2021, Trường có 11 bài báo đăng trên các Tạp chí chuyên ngành uy tín trong nước hoặc quốc tế, trong đó có 2 bài đăng tạp chí nước ngoài.

TT	Tác giả (Chủ biên hoặc thành viên)	Nội dung	Nơi đăng
-----------	---	-----------------	-----------------

1	Ts. Võ Phong Vũ Anh Tuấn – Khoa Chăn nuôi thú y	Phân lập và thử kháng sinh đồ Pasteurella Multocida từ vịt bệnh hoặc nghi mắc bệnh tụ huyết trùng	Tạp chí KHKT Chăn nuôi Hội Chăn nuôi Việt Nam số 265 tháng 5 năm 2021
2	Ts. Lê Thị Như Thảo – Khoa trồng trọt BVTV	CRISPR/Cas9-mediated knockout of galactinol synthase- encoding genes resulted in low raffinose family oligosaccharides in soybean seeds.	Tạp chí Frontiers in Plant Science 11/2020
3	Trần Văn Thanh Nguyễn Trung Trực Nguyễn Thị Yên Mai	Khảo sát tỷ lệ bệnh viêm tử cung tích mủ trên chó tại các phòng mạch thú y tỉnh Tiền Giang	Tạp chí NN&PTNN số 407 năm 2021
4	Ung Minh Anh Thu	Ảnh hưởng của chất trợ sấy và nồng độ chất khô ban đầu đến hàm lượng POLYPHENOL, CHLOROPHYL trong bột lá dứa (PANDANUS AMARYLLIFOLIUS) hòa tan	Hội thảo KH An toàn thực phẩm và an ninh lương thực TP.HCM
5	Hà Chí Trực Trần Thị Thu Tâm	- Nghiên cứu ảnh hưởng của giá thể, giống và tỉ lệ chất giữ ẩm đất đến sinh trưởng, năng suất cây xà lách trồng trong chậu xốp	Tạp san Nghiên cứu khoa học - công nghệ tỉnh Tiền giang 11/2020
6	Hà Chí Trực	Ảnh hưởng của phân hữu cơ sinh học phú nông kết hợp với phân bón lá đến khả năng sinh trưởng, phát triển, năng suất cải củ trang nông tại Mỹ Tho- Tiền Giang. Thành viên	Bài báo đăng tạp chí NN&PTNT (ISSN 1859-4581)
7	Lâm Anh Nghiêm	Đánh giá hiệu lực của 3 loại thuốc sinh học trừ bộ nhậy hại cây cải bẹ trắng vụ Xuân hè 2020 tại xã Tân Mỹ Chánh thành phố Mỹ Tho tỉnh Tiền Giang	Tạp san KHCN tỉnh Tiền Giang số 11/2020
8	Phạm Chúc Trinh Bạch Phan Ngọc Quý	Hiệu quả phối giống nhân tạo trên gà tre giống	Tạp chí KHKT Chăn nuôi Hội Chăn nuôi Việt

	Võ Phong Vũ Anh Tuấn		Nam số 265 tháng 5 năm 2021
9	Võ Phong Vũ Anh Tuấn	The diversity of PRRSV strains in central Thailand from 2019 to 2020	Thai J Vet Med 2021. 51 (Suppl.): 247-248
10	Lê Thị Như Thảo	Phát triển hệ thống cảm ứng tạo rễ tơ <i>in vitro</i> trên một số giống đậu tương phục vụ nghiên cứu biểu hiện gen và chỉnh sửa gen.	Tạp chí Công nghệ sinh học 11/2020
11	Lê Thị Như Thảo	Nghiên cứu khả năng tái sinh và chuyển gen chỉ thị vào giống dưa chuột Choka F.	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, đại học Thái Nguyên 01/2021, 226(01): 83 – 91.

Năm học 2021-2022, Trường có 07 bài báo đăng trên các Tạp chí chuyên ngành uy tín trong nước.

TT	Tác giả (Chủ biên hoặc thành viên)	Nội dung	Nơi đăng
1	Ths. Hà Chí Trực – Giảng viên TT-BVTT	Ảnh hưởng của mật độ và lượng phân bón kali, lân, kẽm đến sinh trưởng, năng suất giống đậu xanh DX208 trồng trên đất phù sa cổ tại Mỹ Tho, Tiền Giang	Tạp chí Nông Nghiệp - PTNT No.420 - 2021; 27-35
2	Ths. Trần Văn Thanh – Giảng viên khoa chăn nuôi thú y	"Khảo sát tình hình đẻ khó trên mèo và đánh giá hiệu quả điều trị của biện pháp can thiệp ngoại khoa tại Bệnh xá thú y Trường Đại Cần Thơ"	Tạp chí Nông Nghiệp - PTNT No.430 - 2022; 80-85
3	Nguyễn Thị Yến Mai	Nghiên cứu tình hình bệnh viêm da chó và đánh giá hiệu quả điều trị tại Phòng mạch thú y Dương Vet, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	Tạp chí Nông Nghiệp - PTNT No.431 - 2022; 52-58
4	Võ Phong Anh Tuấn	Phân lập và thử kháng sinh đồ <i>Pasteurella Multocida</i> từ gà	Tạp chí KHKT Chăn nuôi Hội Chăn nuôi Việt

		bệnh hoặc nghi mắc bệnh tụ huyết trùng	Nam tập XXVIII số tháng 5 năm 2021
5	Ung Minh Anh Thư	Nghiên cứu chế biến nước uống từ hoa Đậu biếc và hạt Chia	Tạp chí Dinh dưỡng và thực phẩm 17(4) 2021
6	Hà Chí Trực	Ảnh hưởng của lượng phân vô cơ đến sinh trưởng, phát triển, năng suất giống ngô SSC557 trên đất nâu đỏ tại Phước Long, Bình Phước	Tạp chí Nông Nghiệp - PTNT No.423 - 2021; 53-62
7	Hà Chí Trực	Xác định ảnh hưởng của lượng bón đạm và lân đến sinh trưởng, phát triển của cây hoa Mào gà trồng chậu tại Mỹ Tho, Tiền Giang	Tạp chí khoa học Nông Nghiệp - PT, số 4, tháng 6 năm 2021, 105

Đoàn đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Năm học 2022-2023, Trường có 13 bài báo đăng trên các Tạp chí chuyên ngành uy tín trong nước và quốc tế.

TT	Tác giả (Chủ biên hoặc thành viên)	Nội dung	Nơi đăng
1	Nguyễn Thị Yên Mai	Nghiên cứu tình hình bệnh viêm da chó và đánh giá hiệu quả điều trị bệnh tại Dịch vụ thú y 586, thành phố Cần Thơ	Tạp chí Nông Nghiệp - PTNT No. 452 - 2023; p74-79
		Effect of Protease Combination with Vitamin C Supplementation on Growth Performance and Sperm Quality in Noi Crossbred Cockerels at 24-36 Weeks Old	International Journal of Applied Agricultural Sciences. Vol. 8, No. 4, 2022, pp. 144-149. doi: 10.11648/j.ijaas.20220804.11
2	Nguyễn Trung Trực	Ngưỡng chịu mặn và ảnh hưởng của nước biển pha loãng lên năng suất của dê Bách Thảo	Tạp chí KHKT Chăn nuôi Hội Chăn nuôi Việt Nam, số 286, tháng 3 năm 2023, p74-79
		Nghiên cứu một số đặc điểm dịch tễ và chỉ tiêu sinh lý, sinh hóa máu chó bị viêm tử cung tích mủ tại bệnh xá thú y trường Đại học Cần Thơ	Tạp chí Nông Nghiệp - PTNT No 456 - 2023; p 52-62
3	Nguyễn Ngô Hải Triết Học	Tư tưởng hòa bình qua những bức thư của Hồ Chí Minh	Tạp chí Công dân & Hiệu học, tháng 8/2022, p12

4	Ung Minh Anh Thư	Nghiên cứu quy trình sản xuất bột hòa tan từ mít thái bằng kỹ thuật sấy bột xốp	Tạp chí Dinh dưỡng & Thực phẩm 18(3+4), 2022, p26-36.
		Ảnh hưởng của điều kiện chân và nồng độ muối ban đầu đến chất lượng dưa lưới non muối chua	Hội nghị công nghệ sinh học toàn quốc năm 2022 tại Tây Nguyên
5	Hà Chí Trực	Ảnh hưởng của biện pháp xử lý ra hoa và lượng bón đạm, kali đến khả năng đậu quả, năng suất, chất lượng, chôm chôm Rongrien tại Chợ Lách, Bến Tre.	Tạp chí Rừng và Môi trường số 112, 2022, p 31-36
		Ảnh hưởng của biện pháp phân giải Pacloputrazol lưu tồn trong đất và lượng bón đạm, lân đến năng suất, phẩm chất xoài cát Hòa Lộc, tỉnh Tiền Giang.	Tạp chí Nông Nghiệp - PTNT No.423 - 9/2022; 21-27
		Ảnh hưởng của biện pháp kỹ thuật đến khả năng đậu quả, năng suất và phẩm chất cam xoàn tại huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.	Tạp chí Rừng và Môi trường số 112, 2022, p 37-42
6	Lê Thị Như Thảo	A sequential transformation method for validating soybean genome editing by CRISPR/Cas9 system	Saudi Journal of Biological Sciences Volume 29, Issue 10, October 2022, 103420
7	Trần Thị Bảo Trân	Nghiên cứu tình hình nhiễm và khả năng miễn cảm đối với kháng sinh của nấm Candida spp. trên gà ác sinh sản	Tạp chí Nông Nghiệp - PTNT kỳ 2 tháng 5/2023; p 51-58
8	Trần Văn Thanh	Nghiên cứu bệnh nấm da trên mèo và đánh giá yếu tố nguy cơ tại bệnh viện chó mèo Bảo minh Châu, thành phố Cần Thơ	Tạp chí Nông Nghiệp - PTNT No 451 - 2023; p61-67

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 6: 01 điểm

Tiêu chuẩn 6.4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.

Mô tả, phân tích, nhận định

Công tác nghiên cứu khoa học của Nhà trường xuất phát từ mục tiêu, yêu cầu của nhiệm vụ đào tạo. Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của Trường đều xuất phát từ nhu cầu thực tế trong sản xuất và công việc. Đối với các sáng kiến cải tiến phải qua quá trình ứng dụng thực tế và mang lại hiệu quả nhất định thì mới được xem xét và công nhận. Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến, các mô hình dạy học của Trường từ năm 2019 đến nay được ứng dụng trong công tác quản lý, trong các hoạt động đào tạo được thể hiện trong các biên bản nghiệm thu, báo cáo kết quả thực

hiện sáng kiến thể hiện minh chứng (6.2.02 – Hồ sơ thực hiện đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến lưu tại phòng Đào tạo-KHCN; 6.2.04 – Quyết định công nhận Sáng kiến - cải tiến năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022 – tại cơ sở chính). Kết quả ứng dụng các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của Trường được thể hiện trong minh chứng (6.2.06 - Quyết định số 580/QĐ-CDNB ngày 30/6/2023 công nhận sáng kiến cấp Trường; 6.2.07 - Báo cáo kết quả về công tác đề tài NCKH và triển khai ứng dụng trong đào tạo). Cụ thể:

Đề tài “Đánh giá phẩm chất tinh dịch và hiệu quả phối giống nhân tạo trên gà Ác nuôi chuồng lồng.” Chủ nhiệm: TS Võ Phong Vũ Anh Tuấn. Hiệu quả về:

1. Giáo dục
 - Qua nghiên cứu sẽ giúp Giảng viên, học sinh sinh viên Khoa Chăn nuôi Thú y có thêm kiến thức thực tế về lĩnh vực này.
 - Làm tài liệu tham khảo chuyên ngành Chăn nuôi Thú y.
2. Đào tạo
 - Đề tài được triển khai tạo điều kiện cho học sinh sinh viên tham gia thực tập, nâng cao tay nghề.
 - Có điều kiện tiếp cận thực tế, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho Giảng viên.
 - Cung cấp những dữ liệu khoa học về phẩm chất tinh dịch trên gà Ác, số lượng tinh trùng tối ưu/1 liều phối và khoảng cách tối ưu giữa 2 lần phối giống nhân tạo trên gà Ác.

3. Kinh tế-xã hội
Giúp người chăn nuôi thay đổi quy trình phối giống trong chăn nuôi gà Ác giống Phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu và địa chỉ ứng dụng: Các hộ chăn nuôi gà Ác giống, làm nguồn tài liệu tham khảo cho học sinh, sinh viên và giảng viên Khoa CNTY

Đề tài “Đánh giá hiệu lực một số thuốc trừ sâu đối với sâu keo mùa thu *Spodoptera frugiperda* hại ngô tại Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ”. Chủ nhiệm đề tài ThS. Võ Khoa Chi. Hiệu quả về:

1. Giáo dục
 - Cung cấp số liệu, cơ sở dữ liệu cho việc nghiên cứu và quản lý sâu keo mùa thu bằng thuốc BVTV.
 - Làm tài liệu tham khảo, tài liệu giảng dạy
2. Đào tạo
 - Đề tài được triển khai tạo điều kiện cho sinh viên thực tập nghiên cứu khoa học, tạo tiền đề phát triển chương trình nghiên cứu khoa học tiếp theo.
 - Giáo viên tiếp cận thực tế, nâng cao trình độ chuyên môn.
 - Cung cấp những dẫn liệu khoa học về quy trình quản lý sâu keo mùa thu bằng thuốc BVTV.

3. Kinh tế-xã hội
Nghiên cứu cung cấp cơ sở khoa học để quản lý sâu keo mùa thu hại ngô, giảm thiệt hại do sâu keo mùa thu gây ra.

Phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu và địa chỉ ứng dụng: Thư viện trường để làm tài liệu tham khảo, giảng dạy

Làm nguồn tài liệu tham khảo, chuyển giao cho các cán bộ kỹ thuật và người nông dân trồng ngô tại địa bàn Tiền Giang.

Đề tài “Hiệu quả bổ sung β -glucan vào khẩu phần của gà tre từ 23-30 tuần tuổi”. Chủ nhiệm đề tài ThS Bùi Thị Kim Dung. Hiệu quả về:

1. Giáo dục

- Qua nghiên cứu sẽ giúp Giảng viên, học sinh sinh viên Khoa Chăn nuôi Thú y có thêm kiến thức thực tế về lĩnh vực này.

- Làm tài liệu tham khảo chuyên ngành Chăn nuôi Thú y.

2. Đào tạo

- Đề tài được triển khai tạo điều kiện cho học sinh sinh viên tham gia thực tập, nâng cao tay nghề.

- Có điều kiện tiếp cận thực tế, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho Giảng viên.

- Cung cấp những dữ liệu khoa học về mức bổ sung β -glucan tối ưu trong khẩu phần của gà tre giai đoạn từ 23 đến 30 tuần tuổi.

3. Kinh tế-xã hội

Giúp người chăn nuôi hạn chế sử dụng kháng sinh phòng bệnh, mang lại hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi gà tre đẻ trứng ấp.

Phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu và địa chỉ ứng dụng:

- Các hộ chăn nuôi gà tre đẻ trứng ấp.

- Làm nguồn tài liệu tham khảo cho học sinh, sinh viên và giảng viên Khoa Chăn nuôi – Thú y.

Đề tài “Việc làm thêm của học sinh sinh viên trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ”. Chủ nhiệm đề tài ThS Nguyễn Thị Hoài. Hiệu quả về:

1. Giáo dục

Giáo dục cho HSSV thấy tầm quan trọng của việc lao động, yêu quý sức lao động, quý trọng bản thân, từ đó cần nâng cao ý thức rèn luyện phẩm chất đạo đức, trau dồi tri thức, kinh nghiệm để trở thành những lao động có đức, có tài.

2. Đào tạo

Giúp cho mục tiêu đào tạo của nhà trường cũng như việc quản lý HSSV đạt hiệu quả hơn.

3. Kinh tế-xã hội

Nâng cao ý thức tự rèn luyện, tự trau dồi kiến thức kinh nghiệm sống qua công việc làm thêm.

Giúp các em HSSV nhận ra được việc đi làm thêm sẽ đem lại nhiều cơ hội trong việc tích lũy kiến thức, kinh nghiệm, vốn sống đặc biệt là cơ hội tìm việc làm sau khi tốt nghiệp, Tạo ra đội ngũ lao động tích cực.

Các Mô hình thiết bị

Phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu và địa chỉ ứng dụng: Đề tài là tài liệu tham khảo cho những người quan tâm đến vấn đề này, giúp HSSV định hướng và vừa đảm bảo việc học tập vừa đảm bảo việc đi làm thêm. Từ đó các em tự điều chỉnh được quỹ thời gian của mình cho mình học tập và rèn luyện cũng như trau dồi các kỹ năng kinh nghiệm thực tiễn trong chuyên môn nghề nghiệp sau này.

Đề tài này đã được bàn giao cho phòng Công tác sinh viên.

Sản phẩm áp dụng cho các HSSV tại trường Cao đẳng NNNB và là tài liệu tham khảo cho các HSSV ở các trường Cao đẳng, đại học khác trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Sáng kiến “Triển khai cấp giấy báo nhập học cho thí sinh có bằng xét tuyển nhưng chưa có bằng tốt nghiệp” của Phạm Thị Kim Oanh hiện Trường đang ứng dụng trong công tác tuyển sinh tại trường. Các mô hình thiết bị: “ Mô hình chuồng gà đẻ trứng thương phẩm” của Phạm Chúc Minh Bạch, “Mô hình thực hành tủ lạnh” của Trần Đình

Châu, “Mô hình thực hành trang bị điện” của Lương Thị Kim Thoa, “Mô hình thực hành hệ thống lạnh công nghiệp” của Nguyễn Văn Hoàng tham gia hội thi thiết bị cấp tỉnh và ứng dụng trong công tác giảng dạy tại trường.

Năm 2022, Trường đã ban hành quy trình thực hiện đề tài nghiên cứu cấp Trường, quy trình đã quy định 13 bước công việc: Thông báo kế hoạch nghiên cứu khoa học, xây dựng đề cương, họp góp ý đề cương cấp cơ sở, thành lập hội đồng xét duyệt đề cương, Hội đồng, ra quyết định giao đề tài ký hợp đồng thực hiện, triển khai thực hiện và ký hợp đồng cấp khoa, gửi hồ sơ đề nghị nghiệm thu đề tài, hội đồng nghiệm thu, hoàn chỉnh đề tài, ra quyết định công nhận đề tài, chuyển giao đề tài cho đơn vị thụ hưởng, lưu hồ sơ đưa công tác nghiên cứu khoa học của trường mang tính chất chẵn và tính ứng dụng trong thực tiễn càng cao (6.1.04 – Quy trình Thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường ban hành kèm Quyết định 270/QĐ-CDNB ngày 30/3/2022 ban hành các quy trình đảm bảo chất lượng đào tạo).

Ngoài ra, Trường có tham gia các dự án biên soạn giáo trình, xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật đào tạo nghề, xây dựng chương trình bồi dưỡng kỹ năng thực hành nghề, xây dựng ngân hàng đánh giá kỹ năng nghề,... do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp đặt hàng (6.4.01 – Danh sách các công trình nghiên cứu khoa học, dự án theo đặt hàng của Tổng cục GDNN). Cụ thể:

- Tham gia biên soạn danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu trong đào tạo nghề trình độ trung cấp và cao đẳng cho nghề Trồng cây ăn quả theo Hợp đồng số 135/DMTB-TCGDNN của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp ngày 22/04/2020.

- Tham gia biên soạn định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo nghề trình độ trung cấp cho nghề Trồng trọt theo Hợp đồng số 42/ĐMKTKT-TCGDNN của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp ngày 22/04/2020.

- Tham gia xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia, nghề khai thác thủy sản biển theo Hợp đồng số 58/HĐ-KNN-VP của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp ngày 12/08/2020.

- Tham gia Ban chủ nhiệm xây dựng ngân hàng đề kiểm tra, đánh giá kỹ năng thực hành nghề cho nhà giáo GDNN nghề Quản lý nhà đất theo Hợp đồng số 1043/HĐNHD-NG của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp ngày 14/10/2020.

Các hợp đồng đặt hàng của Tổng cục GDNN được nghiệm thu và quyết toán theo quy định (Biên bản nghiệm thu Số: 1043/HĐNHD ngày 30/12/2020 nghiệm thu và thanh lý hợp đồng ngân hàng đề kiểm tra, đánh giá kỹ năng thực hành nghề cho nhà giáo GDNN nghề Quản lý nhà đất; Biên bản thanh lý hợp đồng Số: 569/HĐ/2019/KTĐGKN-VP về việc xây dựng ngân hàng đề kiểm tra, đánh giá kỹ năng thực hành nghề cho nhà giáo giáo dục nghề nghiệp nghề Khảo sát địa hình; Biên bản thanh lý hợp đồng Số: 949/HĐ/2019/CTTL-VP Xây dựng chương trình, tài liệu bồi dưỡng kỹ năng nghề cho nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, nghề Quản lý nhà đất) và đã được Bộ LĐTB&XH, Tổng cục GDNN ban hành đưa vào sử dụng (Quyết định: 893/QĐ-TCGDNN ngày 25/11/2020 ngân hàng đề kiểm tra, đánh giá kỹ năng thực hành nghề cho nhà giáo giáo dục nghề nghiệp nghề Khảo sát địa hình; Quyết định Số: 196/QĐ-TCGDNN ngày 23/04/2021 ngân hàng đề kiểm tra, đánh giá kỹ năng thực hành nghề cho nhà giáo giáo dục nghề nghiệp nghề Quản lý nhà đất; Thông tư Số: 16/2020/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12

năm 2020 Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng nghề Trồng cây lương thực, thực phẩm; Thông tư Số: 10/2021/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 9 năm 2021 Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật trình độ trung cấp nghề Trồng trọt).

Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của Trường hàng năm và các hợp đồng đặt hàng giữa Trường và Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp đều được ứng dụng vào thực tiễn giảng dạy, có quyết định công nhận và áp dụng cho Trường và hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên toàn quốc.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 6: 01 điểm

Tiêu chuẩn 6.5: *Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Các hoạt động hợp tác quốc tế được đẩy mạnh và mang lại nhiều hiệu quả thiết thực cho nhà trường. Cụ thể: Đội ngũ cán bộ giáo viên của Trường đã được đi học tập các Trường ở Thái Lan, Úc, Ấn Độ và Hàn Quốc (**6.5.01- Các quyết định cử giáo viên đi học tập, nghiên cứu ở nước ngoài**). Kết quả của các hoạt động này đã góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý của Trường.

Ngoài ra, từ năm 2017 Trường đã ký Biên bản ghi nhớ liên kết và tiếp nhận đào tạo 9 lưu học sinh Lào cho 3 trường cao đẳng tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

1. Vientiane Provincial Technical College.
2. Khammouane Technical Vocational College.
3. Dongkhamxang Agricultural Technical College.

(6.5.02 - Biên bản ghi nhớ liên kết: giữa Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ với Trường Cao đẳng Kỹ thuật dạy nghề Khăm Muộn ngày 12/3/2017; Trường Cao đẳng kỹ thuật tỉnh Viêng Chăn ngày 10/3/2017 và Trường Cao đẳng Nông nghiệp Đông Khăm Xang ngày 11/3/2017).

Nội dung Biên bản ghi nhớ với trường Khammouane Technical Vocational College thể hiện:

1. Trao đổi kinh nghiệm, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý.
2. Phối hợp hỗ trợ kỹ thuật; phương pháp xây dựng đề thi, đánh giá kết quả học tập của HSSV.
3. Hợp tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực cùng quan tâm
4. Hỗ trợ trong việc tiếp nhận HSSV đến thực tập, tham quan; trao học bổng cho SV khi có điều kiện.

Đến năm 2022, Trường tiếp tục ký kết với 3 Trường Cao đẳng trên với nội dung hợp tác tương tự (6.5.03 - Biên bản ghi nhớ liên kết: giữa Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ với Trường Cao đẳng Kỹ thuật dạy nghề Khăm Muôn; Trường Cao đẳng kỹ thuật tỉnh Viêng Chăn và Trường Cao đẳng Nông nghiệp Đông Khăm Xạng ký vào ngày 22/8/2022).

Năm 2017, Hiệu trưởng nhà trường đã ký các Quyết định số: 139, 140, 141/QĐ-CDNB ngày 28 tháng 02 năm 2017 cử 03 giáo viên, CBQL (Ông Bùi Ngọc Phước Hào - Trưởng phòng khảo thí và kiểm định, Dương Văn Thọ - Trưởng phòng tài chính kế toán, Ông Trần Văn Lên – Phó trưởng phòng Tổ chức hành chính) đi công tác tại trường Khammouane Technical Vocational College với mục đích thăm, phát triển hợp tác trong đào tạo nghề, công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học kỹ thuật nông nghiệp và phát triển nông thôn giữa hai trường và Quyết định số 888 /QĐ-CDNB ngày 11 tháng 09 năm 2017 cử Bà Trần Thị Bảo Trân giảng viên Khoa Chăn nuôi Thú y làm chuyên gia về lĩnh vực chế biến thức ăn cho gia súc.

Năm 2018, Nhà trường tuyển sinh và tiếp nhận 09 du học sinh Lào sang học ngành Thú y, thời gian học 3 năm từ tháng 11/2018 – 2021 (6.5.04 – Quyết định số 940/QĐ-CDNB ngày 05/10/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc tiếp nhận lưu học sinh nước CH DCND Lào sang học tập; 6.5.05 - Quyết định thành lập lớp học năm 2019, 6.5.06 - Quyết định công nhận tốt nghiệp của học sinh Lào năm 2022).

Hoạt động liên kết đào tạo, hợp tác quốc tế của Trường đã góp phần nâng cao năng lực giảng dạy, nghiên cứu khoa học, nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo, nâng cao vị thế, uy tín của Trường.

Năm 2023, Nhà trường tuyển sinh và tiếp nhận 09 du học sinh Lào sang học ngành Thú y, thời gian học 4 năm từ tháng 12/2022-12/2026 (6.5.07 – Quyết định số 1134/QĐ-CDNB ngày 24/11/2022 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc tiếp nhận lưu học sinh nước CH DCND Lào sang học tập; 6.5.08 – Quyết định số 666/QĐ-CDNB ngày 24/7/2023 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc cử 05 viên chức đi học tập ở nước Lào).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 6: 01 điểm

3.2.7. Tiêu chí 7: Quản lý tài chính

Đánh giá tổng quát

Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ là một trường thuộc hệ thống các trường cao đẳng công lập, hoạt động của Trường theo Điều lệ trường cao đẳng do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, thuộc sự quản lý trực tiếp từ Bộ Nông nghiệp và PTNT. Trường có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Tiền Giang và các ngân hàng thương mại khác.

Trên cơ sở ngân sách được giao và các nguồn thu học phí, lệ phí, thu sự nghiệp khác, Trường đã có các giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính, có một hệ thống quản

lý tài chính chặt chẽ, phù hợp với quy định của Nhà nước; Thực hiện phân bổ và sử dụng tài chính hợp lý, công khai, minh bạch và có hiệu quả.

*** Những điểm mạnh:**

Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường; Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo;

Hàng năm, trường đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ chi tiết đầy đủ, theo đúng quy định.

Công tác tài chính hàng năm được thực hiện theo quy định và được công bố công khai, rõ ràng. Các nguồn tài chính của Trường được khai thác hợp pháp, được sử dụng đúng mục đích, được quản lý và hạch toán đúng theo qui định của Nhà nước. Có tăng nguồn thu duy trì nguồn kinh phí bổ sung đủ bù đắp chi phí hoạt động thường xuyên nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của mình.

Nhà trường có hệ thống sổ sách về công tác tài chính rõ ràng, đầy đủ đúng theo qui định.

*** Những tồn tại: Không có**

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Đối với các nguồn tài chính ổn định từ nguồn ngân sách Nhà nước và thu học phí HSSV, Nhà trường thực hiện chế độ chi tiêu hợp lý để đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong đào tạo, nghiên cứu khoa học.

Trong thời gian tới, Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh cơ chế khoán thực hiện nhiệm vụ cho các đơn vị của Nhà trường như trại thực nghiệm, ký túc xá, các quầy giới thiệu sản phẩm; khai thác tiềm năng trang thiết bị và đội ngũ cán bộ giáo viên để tăng nguồn thu. Đẩy mạnh hoạt động của các trung tâm như: Trung tâm tư vấn Nông nghiệp và PTNT, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, triển khai các ứng dụng sản xuất và nghiên cứu khoa học, tăng cường khai thác các tiềm năng sẵn có, tìm kiếm đối tác bên ngoài để tăng nguồn thu cho Trung tâm cũng như Nhà trường. Phát triển quy mô đào tạo, đào tạo liên thông, liên kết, đặc biệt là đào tạo theo đơn đặt hàng của Nhà nước.

Điểm đánh giá tiêu chí 7:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 7	6
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1

Tiêu chuẩn 7.1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.

Mô tả, phân tích, nhận định

Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ là một trường thuộc hệ thống các trường cao đẳng công lập, hoạt động của Trường theo Điều lệ trường cao đẳng do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, được Bộ Nông nghiệp và PTNT trực tiếp quản lý. Trường có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Tiền Giang và các ngân hàng thương mại khác.

Trường có các quy định về công tác quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 quy định về chế độ tự chủ tự chịu trách nhiệm đối với các đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/08/2006 của Bộ tài chính về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP. Chế độ kế toán của nhà trường được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 107/2017/TT-BTC, ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp. Nhà trường đã được Bộ NN-PTNT ban hành Quyết định số 2154/QĐ-BNNTC, ngày 30/5/2017 Về việc tạm giao quyền tự chủ tài chính năm 2017 Và Quyết định số 344/QĐ-BNN-TC, ngày 19/01/2021 Về việc tạm giao quyền tự chủ tài chính năm 2021.

Hàng năm, Trường đều có tổ chức thảo luận dân chủ, công khai trong toàn thể cán bộ công chức viên chức Nhà Trường và tổ chức lấy ý kiến đóng góp của cán bộ công chức viên chức, từ đó nhà trường Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và được thông qua hội nghị CBVC toàn Trường (**3.4.12 - Nghị quyết Hội nghị công chức viên chức năm 2020, 2021, 2022**) và được Hiệu trưởng thống nhất ban hành Quyết định số 102/QĐ-CĐNB, ngày 01/02/2019, Về việc ban hành Qui định hoạt động và Quy chế chi tiêu nội bộ 2019; Quyết định số 60/QĐ-CĐNB, ngày 16/01/2020, Về việc ban hành Qui định hoạt động và Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020; Quyết định số 141/QĐ-CĐNB, 19/02/2021, Về việc ban hành Qui định hoạt động và Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021 (**3.1.06 - Qui định về hoạt động và qui chế chi tiêu nội bộ các năm 2021, 2022, 2023 cơ sở chính**).

Đối với phân hiệu tại TP Hồ chí Minh là đơn vị Công lập hoạt động độc lập về công tác tài chính và trực thuộc Bộ Nông nghiệp – PTNT; đã ban hành các Quyết định số 328/QĐ-CĐNBPH-VP, ngày 29/6/2020 Về ban hành Qui chế chi tiêu nội bộ năm 2020 và Quyết định số 97/QĐ-CĐNBPH-VP, ngày 01/02/2021 Về việc ban hành Qui chế chi tiêu nội bộ năm 2021 (**3.1.07 - Qui định hoạt động và Qui chế chi tiêu nội bộ của Phân hiệu tại TP.HCM năm 2021, 2022, 2023**).

Thực hiện các văn bản trên, Nhà trường đã quy định cụ thể về quy trình ban hành nội dung và mức thu; quy trình quản lý các khoản chi; lập dự toán và chấp hành dự toán; thanh toán, quyết toán chi phí; công khai tài chính làm cơ sở thực hiện thống nhất toàn Trường, trên cơ sở các qui chế đã được ban hành nhà trường đã xây dựng các Qui trình cụ thể trong quản lý tài chính (**7.1.01 - Bảng đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách tại**

kho bạc năm 2020, 2021, 2022 cơ sở chính - Bảng đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách tại kho bạc năm 2020, 2021, 2022 phân hiệu; 7.1.02 – Quy trình hướng dẫn thanh toán tạm ứng cơ sở chính và phân hiệu; 7.1.03 – Quy trình mua sắm tài sản cơ sở chính và phân hiệu; 7.1.04 - Quy trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị cơ sở chính và phân hiệu; 7.1.05 - Quy trình thanh toán lương cơ sở chính và phân hiệu; 7.1.06 - Quy trình cấp lệnh điều xe và quản lý xe ô tô phục vụ công tác cơ sở chính và phân hiệu).

Nhà trường đã thực hiện đúng qui định việc quản lý, sử dụng, quyết toán các nguồn lực tài chính trong quá trình hoạt động và đã ban hành quy chế quản lý tài chính.

Hàng năm, Phòng Kế hoạch tài chính đã rà soát tham mưu sửa đổi, bổ sung kịp thời, đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị.

Quy định hoạt động của Trường hàng năm là cơ sở pháp lý để Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ điều hành việc sử dụng và quyết toán kinh phí nguồn ngân sách với cấp trên, nguồn thu sự nghiệp của Trường, đồng thời là căn cứ để Kho bạc Nhà nước tỉnh Tiền Giang thực hiện việc kiểm soát chi của Trường. Quy định hoạt động của Trường và qui trình quản lý được rà soát, bổ sung, sửa đổi hàng năm vào các kỳ Hội nghị Cán bộ công nhân viên chức; Nhà trường đã tổ chức thảo luận dân chủ để phù hợp với thực tế của Nhà trường và các quy định của Nhà nước.

Để thực hiện chế độ tài chính theo đúng quy định, Nhà trường đã tổ chức công tác kế toán hợp lý, bố trí cán bộ làm kế toán có năng lực, thực hiện đúng các quy định về công tác tài chính của Nhà nước cụ thể: Nhà trường đã lập dự toán thu, chi tài chính (*7.1.08 - Dự toán thu chi tài chính của Cơ sở chính năm 2020, 2021, 2022 - Dự toán thu chi tài chính của Phân hiệu năm 2020, 2021, 2022*). Thực hiện quản lý tài chính đúng quy định, lập và nộp báo cáo tài chính cho cơ quan quản lý tài chính các cấp (*7.1.09 - Báo cáo tài chính của Cơ sở chính năm 2020, 2021, 2022 - Báo cáo tài chính của Phân hiệu năm 2020, 2021, 2022; 7.1.10 - Thông báo xét duyệt quyết toán của Cơ sở chính năm 2020, 2021, 2022 - Thông báo xét duyệt quyết toán của Phân hiệu năm 2020, 2021, 2022*).

Trường đã thực hiện đúng chế độ báo cáo thuế, nộp thuế và có đủ văn bản trong thực hiện công tác tài chính của cả hai đơn vị (cơ sở chính và phân hiệu). Các quỹ hằng năm đều được báo cáo công khai tại Hội nghị Cán bộ công nhân viên chức. Công tác quản lý tài chính của Nhà trường đã thực hiện theo đúng quy định về chế độ tài chính và được công khai đến toàn thể cán bộ viên chức.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 7: 01 điểm

Tiêu chuẩn 7.2: Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh dịch vụ đúng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Công tác quản lý, sử dụng nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo, tham gia sản xuất kinh doanh dịch vụ, trường thực hiện theo các qui định sau: Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ,

tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm 2015 đến năm 2020; Các Quyết định ban hành Qui định hoạt động của trường năm 2019, 2020, 2021 và của Phân hiệu các năm 2020, 2021 và các Thông tư hướng dẫn về quản lý, sử dụng tài chính khác của Bộ Nông nghiệp – PTNT, các ngành chức năng liên quan.

Hàng năm, căn cứ vào các quy định của Nhà nước và quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường, phòng Tài chính kế toán đề xuất quy định mức thu học phí theo lộ trình năm học của Nghị định 86/2015/NĐ-CP trình Ban Giám hiệu Nhà trường ban hành quyết định mức học phí cho từng năm học (*7.2.01 – Các Quyết định về thu học phí năm học 2021- 2022; 2021-2022; 2022 – 2023 của Cơ sở chính; 7.2.02 – Các Quyết định về mức thu học phí đào tạo trung cấp, cao đẳng, cao đẳng liên thông năm 2021, 2022, 2023*).

Lập dự toán thu, chi các hoạt động dịch vụ đào tạo ngắn hạn, liên thông, liên kết, các hoạt động sản xuất dịch vụ của từng nội dung cụ thể (*7.1.08 - Dự toán thu chi tài chính của Cơ sở chính năm 2021, 2022, 2023 - Dự toán thu chi tài chính của Phân hiệu năm 2021, 2022, 2023*).

Các nguồn thu đã có ghi chép đầy đủ vào các sổ kế toán theo từng hoạt động dịch vụ; phản ánh các khoản doanh thu, chi phí vào sổ sách kế toán, nộp nghĩa vụ với Nhà nước, trích hao mòn tài sản, công cụ dụng cụ cho các hoạt động dịch vụ đào tạo, chênh lệch thu lớn hơn chi được trích lập các quỹ theo quy định của Nghị định 43/2006/NĐ-CP (*7.2.03 - Sổ chi tiết doanh thu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hằng năm của Cơ sở chính và Phân hiệu; 7.2.04 – Các hợp đồng liên kết đào tạo; khai thác căn tin; nhà xe của Cơ sở chính và Phân hiệu*) Nhà trường đã ban hành các Quyết định cho thuê tại sản đối với cơ sở chính gồm các Quyết định sau: Quyết định 3920/QĐ-BNN-TC ngày 8/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT v/v phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê ; Đối với Phân hiệu gồm các Quyết định sau: Quyết định số 2681/QĐ-BNN-TC ngày 06/7/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê của Trường Trung cấp Thủy sản; (*7.2.05 - Bảng giá cho thuê tài sản của Cơ sở chính và Phân hiệu; 3.1.06 - Qui định về hoạt động và qui chế chi tiêu nội bộ các năm 2021, 2022, 2023 cơ sở chính; 3.1.07 - Qui định hoạt động và Qui chế chi tiêu nội bộ của Phân hiệu tại TP.HCM năm 2021, 2022, 2023*).

Các nguồn tài chính của trường được quản lý và phân bổ chi tiêu theo Quy chế chi tiêu nội bộ và các quy định hiện hành của nhà nước. Công tác quản lý tài chính của trường được kiểm soát theo niên độ, Phòng Kế hoạch tài chính thực hiện khóa sổ sách và lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán kịp thời nhằm đáp ứng tốt cho công tác quản lý tài chính của đơn vị (*7.2.06 - Báo cáo quyết toán của Cơ sở chính các năm 2020, 2021, 2022 - Báo cáo quyết toán của Phân hiệu năm 2020, 2021, 2022*).

Việc quản lý và sử dụng các nguồn thu hàng năm tại Trường được sử dụng đúng mục đích, đúng quy định và được công khai rõ ràng, được Sở chủ quản phê duyệt quyết toán theo từng năm (*7.1.10- Thông báo xét duyệt quyết toán của Cơ sở chính năm 2020, 2021, 2022 - Thông báo xét duyệt quyết toán của Phân hiệu năm 2020, 2021, 2022*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 7: 01 điểm

Tiêu chuẩn 7.3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định

Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ là đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động thường xuyên, nguồn thu của Nhà trường bao gồm: Ngân sách Nhà nước cấp và các nguồn thu hợp pháp khác của Nhà trường.

Nguồn tài chính từ ngân sách Nhà nước cấp hằng năm đảm bảo cho hoạt động thường xuyên của Nhà trường. Hằng năm, căn cứ vào quyết định giao dự toán của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Trường tiến hành lập dự toán chi tiết theo từng mục lục ngân sách (*7.3.01 – Quyết định giao Dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm của Cơ sở chính và Phân hiệu; 7.1.08 - Dự toán thu chi tài chính của Cơ sở chính năm 2021, 2022, 2023 - Dự toán thu chi tài chính của Phân hiệu năm 2021, 2022, 2023*).

Nhà trường được Bộ Nông nghiệp và PTNT cấp thêm kinh phí không thường xuyên, đồng thời trích từ nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn thu sự nghiệp khác của Nhà trường để nâng cấp xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học theo dự án và kế hoạch. Nguồn thu hợp pháp của Trường từ các hoạt động như: Thu học phí, lệ phí của HSSV, thu từ các hoạt động sản xuất, dịch vụ, chuyển giao đào tạo, liên kết đào tạo... Trong đó, thu từ học phí, lệ phí là chính.

Đối với các nguồn tài chính ổn định từ nguồn ngân sách Nhà nước và học phí HSSV, Nhà trường thực hiện chế độ chi tiêu hợp lý để đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong đào tạo, nghiên cứu khoa học. Trường đã lập kế hoạch cụ thể để kiểm soát việc chi tiêu và đảm bảo kinh phí cho các hoạt động (*5.12.01 – Kế hoạch mua vật tư thực hành, thực tập hằng năm của Cơ sở chính và Phân hiệu*). Trường đã xây dựng kế hoạch tuyển sinh hàng năm: Kế hoạch số 336/KH-CĐNB ngày 9/4/2022 về việc tuyển sinh năm 2022; Kế hoạch số 336/KH-CĐNB ngày 9/4/2022 về việc tuyển sinh năm 2022 - Kế hoạch quảng bá tuyển sinh hằng năm của Phân hiệu; Kế hoạch số 106/KH-CĐNBPH-BTS ngày 30/3/2020 của Phân hiệu về việc tuyển sinh năm 2020; Kế hoạch 08/KH-CĐNBPH-BTS ngày 05/01/2021 của Phân hiệu về công tác tuyển sinh năm 2021 (*7.3.02 – Kế hoạch quảng bá tuyển sinh hằng năm của Cơ sở chính và phân hiệu*).

Nhà trường tập trung phát triển trại thực nghiệm, khai thác cơ sở vật chất thiết bị sẵn có, phát huy tiềm năng của cán bộ giáo viên. Đẩy mạnh hoạt động của các trung tâm như: Trung tâm Tư vấn Nông nghiệp và PTNT, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học tăng cường khai thác các tiềm năng sẵn có, tìm kiếm đối tác bên ngoài để tăng nguồn thu cho Trung tâm cũng như Nhà trường. Phát triển quy mô đào tạo, đặc biệt là đào tạo liên

thông, liên kết, đào tạo theo đơn đặt hàng của Nhà nước, tìm kiếm các đối tác nước ngoài để liên kết đào tạo để tăng thêm nguồn thu (7.2.04 – Các hợp đồng liên kết đào tạo; khai thác căn tin, nhà xe của Cơ sở chính và Phân hiệu; 7.3.03 - Bảng giá cho thuê tài sản, mức thu ký túc xá của Cơ sở chính và Phân hiệu; 3.1.06 - Quy chế chi tiêu nội bộ của Cơ sở chính các năm 2021, 2022, 2023; 3.1.07 - Quy chế chi tiêu nội bộ của Phân hiệu năm 2021, 2022, 2023).

Cơ quan quản lý tài chính cấp trên đánh giá Trường quản lý và phân bổ chi tiêu các nguồn tài chính đúng mục đích, đúng quy định, không vi phạm và thực hiện đầy đủ các báo cáo tài chính hàng năm theo quy định (7.3.04 - Báo cáo quyết toán của Cơ sở chính các năm 2020, 2021, 2022 - Báo cáo quyết toán của Phân hiệu năm 2020, 2021, 2022; 7.1.10 - Thông báo xét duyệt quyết toán của Cơ sở chính năm 2020, 2021, 2022 - Thông báo xét duyệt quyết toán của Phân hiệu năm 2020, 2021, 2022).

Từ các nguồn thu tài chính hiện có của Trường, so với nhu cầu thực tế hiện nay, Trường có nguồn lực tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ cho các hoạt động giáo dục đào tạo của Nhà trường. Hàng năm, Trường đều có được khoản chênh lệch thu lớn hơn chi để trích lập các quỹ như quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ ổn định thu nhập để hỗ trợ thu nhập thêm cho viên chức, người lao động, tăng cường năng lực trong hoạt động phát triển trường (7.3.05 – Báo cáo khoản chênh lệch thu chi trích lập quỹ hàng năm của Cơ sở chính và Phân hiệu).

Nguồn kinh phí của nhà Trường được phân bổ cho các hoạt động theo đúng định mức, đúng qui định và qui chế chi tiêu nội bộ của Trường.

Trường có đủ nguồn lực về tài chính để thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ, đã chủ động tạo được nguồn thu hợp pháp bổ sung cho kinh phí phục vụ các hoạt động của nhà trường và có chênh lệch thu – chi, Trường đã trích quỹ bổ sung thu nhập nâng cao đời sống CBGVNV và các quỹ khác.

Nhà trường là đơn vị sự nghiệp công lập, do đó hệ thống sổ sách kế toán, báo cáo tài chính được thực hiện theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC, ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp. Hệ thống quản lý tài chính của Trường được kiểm soát đảm bảo theo qui định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 7: 01 điểm

Tiêu chuẩn 7.4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Công tác quản lý, sử dụng và thanh quyết toán được thực hiện theo Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp; Nhà trường đã ban hành quy chế quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ áp dụng cụ thể cho từng khoản thu, chi, thanh toán, tạm ứng, trích lập quỹ hàng năm (3.1.06 – Quy định hoạt động và Quy chế chi tiêu nội bộ cơ sở chính các năm 2021, 2022,

2023; **3.1.07** – *Quy định hoạt động và Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021, 2022, 2023 của Phân hiệu*).

Trường thực hiện mở sổ, ghi chép đầy đủ theo niên độ tài chính bắt đầu từ ngày 1/1 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm, vì vậy Trường đều được theo dõi bằng hệ thống hồ sơ sổ sách. Hệ thống sổ sách tài chính của Trường được quản lý, lưu trữ theo đúng quy định của Nhà nước (**7.4.01** - *Hệ thống sổ sách kế toán 2020, 2021, 2022 của Cơ sở chính - Hệ thống sổ sách kế toán 2020, 2021, 2022 của Phân hiệu*; **7.4.02** - *Sổ cái, sổ chi tiết các tài khoản hàng năm của Cơ sở chính và Phân hiệu*). Nhà trường đã tổ chức công tác kế toán hợp lý, đội ngũ cán bộ làm công tác kế toán có kinh nghiệm, có trình độ chuyên môn đảm bảo trong công tác quản lý tài chính. Việc quản lý tài chính của Nhà trường luôn tuân thủ theo quy định của Pháp luật.

Trong quá trình thực hiện công tác quản lý, sử dụng tài chính luôn có sự kiểm tra giám sát chặt chẽ của Kho bạc nhà nước tỉnh Tiền Giang. Trường thực hiện đối chiếu tình hình sử dụng kinh phí với Kho bạc (**7.4.03** – *Bảng đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách tại kho bạc theo quý của Cơ sở chính và Phân hiệu*; **7.1.01** – *Bảng đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách tại kho bạc năm 2020, 2021, 2022 cơ sở chính - Bảng đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách tại kho bạc năm 2020, 2021, 2022 phân hiệu*).

Qua báo cáo của Ban thanh tra nhân dân tại Hội nghị CBVC, nhà trường đã thực hiện thu chi tài chính theo đúng quy định (**7.4.04** - *Thông báo công khai dự toán thu – chi ngân sách của Cơ sở chính và Phân hiệu*; **1.11.03** – *Kế hoạch kiểm tra, giám sát các hoạt động của Trường năm học 2020 -2021, 2021-2022, 2022 - 2023*; **1.11.04** – *Các biên bản của Ban thanh tra nhân dân hàng năm của Cơ sở chính và Phân hiệu*; **1.11.08** – *Báo cáo của Ban thanh tra nhân dân báo cáo hoạt động của Ban thanh tra nhân dân năm 2020, 2021, 2022*).

Nhà trường đã thực hiện việc thu - chi, quản lý, sử dụng, quyết toán đúng quy định, trên cơ sở chứng từ, hệ thống sổ sách kế toán, nhà trường khóa sổ sách kế toán, lập báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính năm (**7.3.05** - *Báo cáo quyết toán tài chính của Cơ sở chính các năm 2020, 2021, 2022 - Báo cáo quyết toán tài chính của Phân hiệu các năm 2020, 2021, 2022*; **7.1.10** – *Thông báo xét duyệt quyết toán của Cơ sở chính năm 2020, 2021, 2022 - Thông báo xét duyệt quyết toán của Phân hiệu năm 2020, 2021, 2022*).

Việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán các khoản chi theo đúng quy định của Nhà nước.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 7: 01 điểm

Tiêu chuẩn 7.5: *Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Nhà trường đã thực hiện Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC ngày 13/08/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế về tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước.

Hàng năm thông qua Kế hoạch kiểm tra và đánh giá của Ban Thanh tra nhân dân số 13/KH-TTrND ngày 19/03/2018 của Ban thanh tra nhân dân về Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của Ban thanh tra Nhân dân Nhiệm kỳ 2018-2019; Kế hoạch kiểm tra và đánh giá của Ban Thanh tra nhân dân số 03/KH-TTrND ngày 27/01/2020 của Ban thanh tra nhân dân về Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của Ban thanh tra Nhân dân Nhiệm kỳ 2020-2021; Thông báo số 26/TB-TTrND ngày 31/7/2019 của Ban thanh tra nhân dân về việc kiểm tra thanh toán tiền công tác phí cho CBVC 6 tháng đầu năm 2019; Thông báo số 42/TB-TTrND ngày 7/9/2020 của Ban thanh tra nhân dân về việc kiểm tra thanh toán tiền vượt giờ cho CBVC năm học 2019-2020; Thông báo số 33/TB-TTrND ngày 6/9/2021 của Ban thanh tra nhân dân về việc kiểm tra việc thu học phí học sinh, sinh viên năm học 2020-2021, phòng TC-KT đã thực hiện báo cáo theo nội dung kiểm tra, thời gian kiểm tra gửi Ban thanh tra nhân dân; Ban thanh tra nhân dân đã ban hành các Kế hoạch thanh tra nhân dân các năm như sau:

- Đối với cơ sở chính: Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của Ban thanh tra nhân dân nhiệm kỳ 2018-2019; Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của Ban thanh tra nhân dân nhiệm kỳ 2020-2021; Các thông báo kiểm tra chuyên đề tài chính.

- Đối với Phân hiệu: Báo cáo Công tác Ban Thanh tra nhân dân năm 2020 và Phương hướng hoạt động năm 2021 và Kế hoạch số 01/KH-CĐPH ngày 22/06/2020 của Công đoàn Phân hiệu Trường CĐ Nông nghiệp Nam Bộ tại TP.HCM về việc tự kiểm tra tài chính năm 2020; Báo cáo Công tác Ban Thanh tra nhân dân năm 2021 và Phương hướng hoạt động năm 2022 và Kế hoạch số 04/KH-CĐPH ngày 01/03/2021 của Công đoàn Phân hiệu Trường CĐ Nông nghiệp Nam Bộ tại TP.HCM về việc tự kiểm tra tài chính năm 2021 (*1.11.03 – Kế hoạch kiểm tra, giám sát các hoạt động của Trường năm học 2020 -2021, 2021-2022, 2022 - 2023; 1.11.04 – Các biên bản của Ban thanh tra nhân dân hàng năm của Cơ sở chính và Phân hiệu; 1.11.08 – Báo cáo của Ban thanh tra nhân dân báo cáo hoạt động của Ban thanh tra nhân dân năm 2020, 2021, 2022*).

Công tác kiểm kê theo định kỳ của trường được thực hiện đầy đủ và theo đúng quy định (*7.5.01 – Biên bản kiểm kê quỹ hằng tháng, năm của Cơ sở chính và Phân hiệu; 7.4.04 – Bảng đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách tại kho bạc theo quý của Cơ sở chính và Phân hiệu; 7.1.01 – Bảng đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách tại kho bạc năm 2019, 2020, 2021 cơ sở chính - Bảng đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách tại kho bạc năm 2020, 2021 phân hiệu*).

Căn cứ kết quả công tác tự kiểm tra, Phòng Kế hoạch tài chính tổng hợp báo cáo trình Hiệu trưởng xem xét để phát huy những điểm mạnh, đồng thời chấn chỉnh, khắc phục kịp thời những vấn đề còn yếu, còn tồn tại.

Hàng năm, Trường đều nộp các báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán cho đơn vị chủ quản (Vụ tài chính thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) và được đơn vị chủ quản thẩm tra công tác tài chính, có Thông báo xét duyệt quyết toán hằng năm

(7.1.10 - Thông báo xét duyệt quyết toán của Cơ sở chính năm 2019, 2020, 2021 - Thông báo xét duyệt quyết toán của Phân hiệu năm 2020, 2021).

Hàng năm, Trường đã thực hiện công khai tài chính theo Thông tư 90/2018 ngày 28/9/2018 sửa đổi bổ sung Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính Về hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách. Trường đã công khai dự toán, công khai quyết toán, công khai các nguồn thu, chi tài chính và các quỹ của Nhà trường tại Hội nghị viên chức và niêm yết tại bảng tin Nhà trường *(7.5.02 – Các Biên bản Hội nghị CBVC năm 2020, 2021, 2022 của Cơ sở chính và Phân hiệu; 7.1.09 – Báo cáo tài chính của Cơ sở chính năm 2020, 2021, 2022 - Báo cáo tài chính của Phân hiệu năm 2020, 2021, 2022).*

Công tác quản lý tài chính của nhà trường công khai minh bạch, đảm bảo nguyên tắc thống nhất trong toàn bộ các hoạt động của Nhà trường và Phân hiệu tại TP HCM. Công tác công khai hoạt động tài chính hàng năm được công khai tại Hội nghị cán bộ viên chức, gửi thư điện tử cho các Phòng, Khoa, Bộ môn và các đơn vị trực thuộc, niêm yết trên bản thông tin của Trường *(3.2.15 - Nghị quyết Hội nghị công chức viên chức của Cơ sở chính năm 2020, 2021, 2022 - Nghị quyết Hội nghị công chức viên chức của Phân Hiệu năm 2020, 2021, 2022; 7.3.04 - Báo cáo quyết toán của Cơ sở chính các năm 2020, 2021, 2022 - Báo cáo quyết toán của Phân hiệu năm 2020, 2021, 2022).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 7: 01 điểm

Tiêu chuẩn 7.6: Hàng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng của các hoạt động của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định

Công tác đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của Nhà trường được thể hiện qua các Báo cáo tài chính hàng năm gửi Bộ Nông nghiệp và PTNT, Cục thống kê tỉnh Tiền Giang; Tổng thu của Trường lớn hơn tổng chi trong các năm và chênh lệch từ tổng thu chi vẫn duy trì ổn định qua các năm 2020, 2021, 2022 *(7.1.01 – Bảng đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách tại kho bạc năm 2020, 2021, 2022 cơ sở chính - Bảng đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách tại kho bạc năm 2020, 2021, 2022 phân hiệu; 7.4.01 – Hệ thống sổ sách kế toán của Cơ sở chính và Phân hiệu các năm 2020, 2021, 2022; 7.1.09 – Báo cáo tài chính của Cơ sở chính năm 2020, 2021, 2022 - Báo cáo tài chính của Phân hiệu năm 2020, 2021, 2022; 7.2.06 – Báo cáo quyết toán của Cơ sở chính các năm 2020, 2021, 2022 - Báo cáo quyết toán của Phân hiệu năm 2020, 2021, 2022; 7.3.05 – Báo cáo khoản chênh lệch thu chi trích lập quỹ của Cơ sở chính và Phân hiệu các năm 2020, 2021, 2022; 7.1.10 – Thông báo xét duyệt quyết toán của Cơ sở chính năm 2020, 2021, 2022 - Thông báo xét duyệt quyết toán của Phân hiệu năm 2020, 2021, 2022).*

Hàng năm, Trường đã phân tích đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm tài chính với đơn vị chủ quản, trong đó có nêu tồn tại khó khăn

trong quá trình thực hiện tự chủ, có đề xuất các biện pháp thực hành tiết kiệm và tăng nguồn thu trường (7.6.01 – Báo cáo kết quả thực hiện tự chủ của Cơ sở chính và Phân hiệu các năm 2020, 2021, 2022; 7.5.02 – Các Biên bản Hội nghị CBVC năm 2020, 2021, 2022 của Cơ sở chính và Phân hiệu).

Trường đã các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường, như ban hành chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; hàng năm có báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm chống lãng phí để báo cáo với Đơn vị chủ quản (7.6.02 – Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hằng năm của Cơ sở chính và Phân hiệu; 7.6.03 - Báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hằng năm của Cơ sở chính và Phân hiệu).

Trước Hội nghị cán bộ viên chức, các đơn vị trong Nhà trường họp góp ý sửa đổi Quy chế hoạt động của Nhà trường trong đó có nội dung quản lý, sử dụng tài chính của nhà trường; Nhà trường đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về công tác tài chính đối với đơn vị sự nghiệp có thu, đảm bảo nguyên tắc dân chủ (7.6.04 – Biên bản họp ban soạn thảo sửa đổi quy chế chi tiêu nội bộ hằng năm của Cơ sở chính và Phân hiệu các năm 2020, 2021, 2022).

Hằng năm, trong quá trình tổ chức thực hiện, Trường đều tiếp nhận những ý kiến nhận xét, đánh giá, góp ý của nhà giáo, cán bộ quản lý về công tác tài chính của Nhà trường; các ý kiến khảo sát hằng năm thể hiện trong Bảng thống kê kết quả khảo sát ý kiến CBVC (1.1.10 - Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2021, 2022, 2023; 1.1.11 - Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2021, 2022, 2023).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 7: 01 điểm

3.2.8. Tiêu chí 8: Dịch vụ người học

Đánh giá tổng quát

Học sinh sinh viên là một trong những nhân tố quan trọng hàng đầu trong Nhà trường. Với phương châm “**Lấy người học làm trung tâm**”, ngoài chất lượng giảng dạy, Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ luôn đảm bảo mọi người học có được thông tin đầy đủ về nghề đào tạo, khoá đào tạo, các dịch vụ khác như ăn, ở, chăm sóc sức khoẻ, vui chơi giải trí và các quy định khác của trường ngay từ khi nhập học. Việc định hướng nghề nghiệp cho người học nắm rõ mục tiêu đào tạo, chương trình học của từng ngành, chuyên ngành và những thông tin cần thiết về Nhà trường cũng là vấn đề quan trọng và coi đây là nhiệm vụ trọng tâm. Vì vậy, hàng năm Nhà trường đều tổ chức nhiều hoạt động cho người học để đáp ứng mục tiêu đề ra như: tổ chức các buổi sinh hoạt đầu khoá phổ biến về thông tin, nội quy, quy chế, cách thức tổ chức đào tạo của Nhà trường; tổ chức các buổi tư vấn định hướng nghề nghiệp cho HSSV mới nhập học; tổ chức các buổi tư vấn việc làm cho HSSV năm cuối; tổ chức các cuộc thi tay nghề, thi tìm hiểu pháp luật,... và các hoạt động đoàn thể như văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia tình nguyện vì cộng đồng,... Những hoạt động này không những cung cấp những kiến

thức, thông tin cần thiết mà còn trang bị cho HSSV những kỹ năng sống, tạo sân chơi lành mạnh để cho người học có cơ hội và điều kiện phát triển toàn diện bản thân.

*** Những điểm mạnh:**

Trường cung cấp cho người học đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học bằng nhiều hình thức linh hoạt.

Trường thực hiện đầy đủ, kịp thời, bình đẳng các chế độ, chính sách của Nhà nước đối với HSSV.

Trường có quan hệ tốt với nhiều doanh nghiệp, tạo thuận lợi cho HSSV được thực tập và giới thiệu việc làm.

Hệ thống dịch vụ của Trường như : Phòng y tế, nhà ăn, ký túc xá, sân chơi thể thao ... bảo đảm thuận tiện phục vụ cho nhu cầu của HSSV học tập tại Trường; an ninh-trật tự trong Trường được bảo đảm...

*** Những tồn tại:**

Chất lượng tuyển sinh đầu vào không đồng đều (THCS, THPT). Vì vậy, vẫn còn một số HSSV chưa nhận thức một cách đầy đủ về nội dung nội quy, quy chế.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Tiếp tục đẩy mạnh việc thường xuyên nhắc lại nội quy, quy chế: Các quy chế đào tạo, chương trình học,... đến người học thông qua buổi sinh hoạt lớp hàng tuần. Nhà trường xử lý nghiêm khắc đối với những trường hợp HSSV vi phạm nội qui, gây mất trật tự, an ninh.

Điểm đánh giá tiêu chí 8:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 8	9
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1

Tiêu chuẩn 8.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của

trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định được Trường cung cấp đầy đủ cho HSSV bằng nhiều hình thức linh hoạt:

Trong các thông báo tuyển sinh: Trường đã cung cấp một số thông tin về chương trình học, một số chế độ chính sách, ưu đãi cho người học (**1.2.17** - *Thông báo tuyển sinh 2021, 2022, 2023*).

Khi HSSV nhập học Trường lập kế hoạch và thời khóa biểu sinh hoạt đầu khóa cho học sinh mới nhập học (**8.1.01** - *Kế hoạch sinh hoạt đầu khoá và Thời khóa biểu sinh hoạt chính trị đầu khóa năm 2021, 2022, 2023 - tại cơ sở chính; 8.1.02* - *Kế hoạch sinh hoạt đầu khoá và Thời khóa biểu sinh hoạt chính trị đầu khóa năm 2021, 2022, 2023 - tại Phân hiệu*).

Hồ sơ sinh hoạt đầu khóa được lưu giữ tại Phòng Công tác HSSV và được ghi nhận trong sổ tay học sinh sinh viên (**8.1.03** – *Sổ tay Học sinh sinh viên*).

Phòng Công tác HSSV sinh hoạt về các vấn đề liên quan đến người học như: chế độ chính sách, xét miễn giảm học phí, xét thi đua khen thưởng, cấp phát bổng, vay vốn, hoãn nghĩa vụ quân sự, đánh giá kết quả rèn luyện, nội quy ký túc xá,...; Phòng Đào tạo & KHCN sinh hoạt về các nội dung như: quy chế đào tạo, cách thức tổ chức đào tạo, cách đánh giá kết quả học tập, cách đăng ký học lại, xét tiến độ học tập, xét điều kiện dự thi tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp... ; Phòng Tài chính -Kế toán cung cấp các thông tin về học phí, lệ phí, bảo hiểm y tế,... ; Phòng Cơ sở vật chất sinh hoạt về nội quy sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị tại phòng học, thực hành, khu trại thực nghiệm, các công trình khác trong khuôn viên Trường; Phòng Kiểm định và ĐĐCL sinh hoạt về các vấn đề liên quan đến thi kết thúc môn học/ mô đun, thi lại, thi học lại, quy chế tổ chức thi, cách thức đăng ký thi cải thiện, phúc khảo bài thi; Các Khoa chuyên môn sinh hoạt về chương trình đào tạo, mục tiêu đào tạo, cách thức tổ chức thực hành, thực tập, định hướng trong học tập cho các tân học sinh, sinh viên.

Ngoài ra, các thông tin trên được giáo viên chủ nhiệm các lớp cung cấp đến học sinh sinh viên trong các buổi sinh hoạt lớp hàng tuần (**8.1.04** - *Quyết định phân công giáo viên chủ nhiệm lớp năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023 - 2024; 8.1.05* – *Biên bản sinh hoạt lớp 2021, 2022, 2023*), được đăng tải trên trang web của Trường.

Trường đã tiến hành khảo sát HSSV (**1.10.15** - *Phiếu khảo sát HSSV năm 2021, 2022, 2023; 1.1.11* - *Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2021, 2022, 2023*):

- Nội dung phiếu khảo sát: *Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, CTĐT; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện ĐBCL dạy và học*

- Đối tượng tham gia: HSSV đang học tại trường
- Số lượng: 2020 (672 HS); 2021 (727 HS); 2022 (551 HS); 2023 (494 HS)
- Kết quả khảo sát: 100% HSSV được khảo sát trả lời Đồng ý hoặc đánh giá tốt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 8: 01 điểm

Tiêu chuẩn 8.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Như đã phân tích ở tiêu chuẩn 1 của tiêu chí này các chế độ chính sách của Nhà nước, của Trường đã được Trường phổ biến đầy đủ đến từng HSSV.

HSSV được Nhà trường hướng dẫn các văn bản, cách làm hồ sơ, thủ tục để được hưởng các chế độ, chính sách ưu đãi hiện hành theo quy định của Nhà nước. Tất cả những nội dung trên được tổng hợp trong sổ tay HSSV và được giáo viên chủ nhiệm nhắc nhở hàng tuần thông qua sinh hoạt lớp (**8.1.03 - Sổ tay Học sinh sinh viên**).

Danh sách HSSV hưởng chế độ chính sách, miễn giảm học phí theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 03 năm 2016 được Nhà trường xét theo từng học kỳ và thông báo đến cho các em HSSV được biết, được lưu tại phòng Công tác HSSV cụ thể như sau:

- Miễn giảm học phí đối với con thương binh, bệnh binh, liệt sỹ (**8.2.01 – Bộ Quyết định miễn học phí cho HSSV năm học 2020-2021; 2021-2022; 2022 - 2023**).

- Miễn giảm học phí đối với HSSV ngành nặng nhọc, độc hại (**8.2.02 – Bộ Quyết định Giảm học phí cho HSSV ngành nặng nhọc độc hại trình độ TC-CD năm học 2020-2021; 2021-2022; 2022 - 2023**).

- Miễn giảm học phí đối với học sinh tốt nghiệp THCS học trung cấp (**8.2.03 – Bộ Quyết định Miễn học phí cho HSSV năm học 2020-2021; 2021-2022; 2022 - 2023**).

Tất cả những chính sách, số liệu về thực hiện chế độ chính sách, miễn giảm học phí cho người học được tổng kết và báo cáo hàng năm (**1.5.03 – Báo cáo tổng kết công tác năm 2021, 2022, 2023 của các đơn vị trực thuộc Trường**).

Thống kê cho thấy kết quả thụ hưởng của HSSV theo chế độ của nhà nước:

Năm	Chế độ của nhà nước HSSV được thụ hưởng	CS.Chính/Phân hiệu	Số HSSV được thụ hưởng	Tổng số tiền
2019	Miễn giảm học phí	- Cơ sở chính	696	1.420.368.842đ
		- Phân hiệu	1123	2.807.500.000đ
2020	Miễn giảm học phí	- Cơ sở chính	970	2.418.111.200đ
		- Phân hiệu	923	2.664.501.000đ
2021	Miễn giảm học phí	- Cơ sở chính	676	1.931.180.700đ

		- Phân hiệu	841	2.858.600.000đ
2022	Miễn giảm học phí	- Cơ sở chính	1010	4.884.212.000đ
		- Phân hiệu	124	892.200.000đ
2023	Miễn giảm học phí	- Cơ sở chính	1.133	4.092.703.600đ
		- Phân hiệu	499	2.958.000.000đ

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 8: 01 điểm

Tiêu chuẩn 8.3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Mô tả, phân tích, nhận định

Trường có các chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện, cụ thể như sau:

Nhằm khuyến khích, động viên phong trào thi đua học tập, rèn luyện vì ngày mai lập nghiệp của Trường, Trường đã ban hành quy định về quản lý, sử dụng quỹ Khuyến học cho HSSV nghèo vượt khó Quỹ Khuyến học cho HSSV được thành lập dựa trên nguồn tài trợ, đóng góp từ các doanh nghiệp, các cơ quan ban ngành, các cựu HSSV của Nhà trường đã thành đạt trong cuộc sống, các cô giáo, thầy giáo, các cán bộ, viên chức đã và đang công tác tại trường (**8.3.01 - Quyết định 996/QĐ-CDNB, ngày 16/10/2023, Quyết định ban hành Quy chế trích lập và sử dụng quỹ hỗ trợ HSSV**). Quỹ Khuyến học được trao vào đầu mỗi năm học cho HSSV có điều kiện khó khăn đã cố gắng vươn lên đạt thành tích cao hoặc những HSSV có kết quả xuất sắc trong học tập và rèn luyện (**8.3.02 - Quyết định 998/QĐ-CDNB-CTHSSV ngày 18/10/2023 về việc cấp học bổng cho HSSV có hoàn cảnh khó khăn, vượt khó học tốt**).

Về các chế độ chính sách của Nhà nước, Trường ban hành Sổ tay HSSV (**8.1.03 - Sổ tay Học sinh sinh viên**), trong đó chương I có quy định miễn giảm học học phí, chương III có quy định về học bổng khuyến khích học tập, chương IV có quy định về học bổng chính sách....

Trường có Quy trình xét thi đua khen thưởng HSSV; Quy trình xét bổng khuyến khích học tập (**8.3.03 - Quy trình xét thi đua khen thưởng HSSV; 8.3.04 - Quy trình xét bổng khuyến khích học tập**).

Vào đầu mỗi học kỳ của năm học, Trường tổ chức xét các danh hiệu thi đua cho HSSV toàn trường căn cứ vào các văn bản quy định của Nhà nước và quy chế HSSV của Trường (**8.3.05 – Bộ Quyết định khen thưởng cho HSSV năm học 2020-2021; 2021-2022, 2022 – 2023 tại cơ sở chính và Phân hiệu**).

Về học bổng khuyến khích, Trường căn cứ thông tư số 53/1998/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTBXH, ngày 25/08/1998 về việc hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập, quyết định số 28/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ Giáo dục - Đào tạo về “Học bổng khuyến

khích học tập đối với học sinh - sinh viên trong trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở Giáo dục Đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân”, Nghị định 84/2020/NĐ-CP, ngày 17/7/2020 Quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục (8.3.06 – Bộ Quyết định cấp học bổng Khuyến khích học tập cho HSSV năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 - 2023 tại cơ sở chính và phân hiệu).

Thống kê cho thấy kết quả thụ hưởng của HSSV theo chế độ chính sách khen thưởng, khuyến khích

Năm	CS.Chính/ P. HIỆU	Chế độ chính sách khen thưởng, khuyến khích	Số HSSV được thụ hưởng	Tổng số tiền
2021	Cơ sở chính	- Học bổng KKHT - Khen thưởng HSSV đạt DH Giỏi, XS; TT Lớp TT,XS theo học kỳ - Khen thưởng HSSV TN loại Giỏi, XS	54 lượt HSSV 69 lượt HSSV 1 TT Lớp 4 HSSV	236.112.000đ 7.040.000đ 300.000đ 1.600.000đ
	Phân hiệu	- Học bổng KKHT - Khen thưởng cuối kỳ, cuối khóa	59 HSSV 116	240.130.000đ 8.000.000đ
2022	Cơ sở chính	- Học bổng KKHT - Khen thưởng HSSV đạt DH Giỏi, XS; TT Lớp TT,XS theo học kỳ - Khen thưởng HSSV TN loại Giỏi, XS	18 lượt HSSV 99 lượt HSSV 9 TT Lớp 28 HSSV	72.217.000đ 10.000.000đ 1.900.000đ 9.200.000đ
	Phân hiệu	- Khen thưởng cuối kỳ, cuối khóa - Học bổng khuyến khích học tập đã xét nhưng chưa cấp.	64 HSSV	4.650.000đ
2023	Cơ sở chính	- Học bổng KKHT - Khen thưởng HSSV đạt DH Giỏi, XS; TT Lớp TT,XS theo học kỳ - Khen thưởng HSSV TN loại Giỏi, XS	27 lượt HSSV 211 lượt HSSV 10 TT Lớp HSSV	120.594.000đ 21.350.000đ 2.100.000đ 9.200.000đ
	Phân hiệu	- Khen thưởng Học sinh XS, Giỏi, Khá - Khen thưởng tốt nghiệp	42 HSSV 66 HSSV	2.800.000đ 4.600.000đ

		- Học bổng khuyến khích học tập	15 HSSV	82.000.000đ
--	--	---------------------------------	---------	-------------

Công tác tư vấn, hỗ trợ người học trong quá trình học tập được Trường giao cho phòng Công tác học sinh, sinh viên, phòng Đào tạo, các giáo viên chủ nhiệm lớp và Trung tâm hỗ trợ HSSV và quan hệ doanh nghiệp phối hợp tổ chức thực hiện thường xuyên. Các đơn vị, cá nhân được giao nhiệm vụ tổ chức thông tin đầy đủ đến người học về cơ chế tư vấn, hỗ trợ và bộ phận phụ trách, đồng thời tổ chức tư vấn trợ giúp HSSV bằng nhiều hình thức khác nhau, như: Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện Công tác HSSV hàng năm; Tư vấn hỗ trợ trực tiếp trong “*tuần sinh hoạt công dân*”; Phân công cán bộ, nhà giáo thường trực hàng ngày tại phòng Công tác HSSV để kịp thời tư vấn trợ giúp HSSV trong suốt quá trình học tập (8.1.03 - *Sổ tay học sinh sinh viên*; 8.1.05 – *Biên bản sinh hoạt lớp 2021, 2022, 2023*; 8.3.07 - *Kế hoạch hoạt động của Trung tâm Hỗ trợ HSSV và QHDN năm 2021, 2022, 2023*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 8: 01 điểm

Tiêu chuẩn 8.4: *Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Trong các hoạt động của Trường từ công tác tuyển sinh đến công tác dạy và học, công tác đoàn thể đều đặt trên nền tảng tôn trọng người học, đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân. Điều này được thể hiện qua các quy định của Trường từ công tác tuyển sinh (1.2.17 - *Thông báo tuyển sinh 2021, 2022, 2023*), quy định và thực các chế độ chính sách của Nhà nước, của Trường như: chế độ bổng, khen thưởng học sinh sinh viên, trợ cấp xã hội, miễn giảm giá về dịch vụ công cộng cho HSSV, vay vốn ngân hàng Chính sách xã hội, ký túc xá, các điều kiện sinh hoạt, học tập tại Trường, giới thiệu việc làm, hoạt động phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, sử dụng thư viện ... (8.1.03 - *Sổ tay học sinh sinh viên*).

Hằng năm, thông qua các tuần lễ sinh hoạt công dân đầu khoá, Phòng Công tác sinh viên tổ chức phổ biến cho HSSV biết những quyền lợi này (8.1.02 - *Kế hoạch sinh hoạt đầu khoá và Thời khóa biểu sinh hoạt chính trị đầu khóa năm 2021, 2022, 2023*).

Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân còn được thể hiện trong các nội quy, quy định của Nhà trường như: nội quy ra vào trường, nội quy ký túc xá, nội quy lớp học, nội quy phòng học thực hành, nội quy phòng học thí nghiệm, nội quy thư viện (8.4.01 - *Nội quy ra vào trường*; 8.4.02 - *Nội quy ký túc xá*; 8.4.03 - *Nội quy lớp học*; 5.6.01 - *Quyết định số 1283/QĐ-CDNB ngày 12/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc Ban hành Nội quy phòng thí nghiệm*; 3.4.04 - *Nội quy thư viện*; 8.4.04 - *Quyết định số 407/QĐ-CDNBPH-ĐTCTHS ngày 14/10/2021 về việc ban hành Nội quy lớp học của Phân hiệu trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại TP.HCM*; 8.4.05 - *Quyết định số*

96/QĐ-TCTS-CTHS ngày 12/02/2020 về việc ban hành Nội quy Ký túc xá của Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại TP.HCM).

Trong tất cả các văn bản trên của Nhà trường không có văn bản nào vi phạm quyền bình đẳng, phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.

Trường tiến hành khảo sát HSSV(1.10.15 - Phiếu khảo sát HSSV năm 2021, 2022, 2023; 1.1.11 - Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2021, 2022, 2023):

- Nội dung phiếu khảo sát: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng
- Đối tượng tham gia: HSSV đang học tại trường
- Số lượng: 2021 (727 HSSV); 2022 (551 HSSV); 2023 (494 HSSV).
- Kết quả khảo sát: 100% HSSV được khảo sát trả lời đồng ý

Trong 03 năm qua, Trường không nhận được khiếu nại, tố cáo hay thắc mắc của HSSV về những sự việc liên quan đến đối xử thiếu công bằng với HSSV.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 8: 01 điểm

Tiêu chuẩn 8.5: Ký túc xá bảo đảm đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.

Mô tả, phân tích, nhận định

Nhà trường hiện có khu ký túc xá dành cho HSSV, được xây dựng khang trang với tổng cộng 108 phòng ở khép kín, sức chứa tối đa 968 HSSV, trong đó:

* Cơ sở chính:

+ Khu KTX (diện tích 2.394 m²; bao gồm 02 dãy 1 trệt 2 lầu; Bố trí khu ở Nam, Nữ riêng biệt Dãy KTX B1 (Nữ): Tổng 23 phòng: 22 phòng: 4 m x 8 m = 32 m² + 01 phòng = 8 m x 8 m = 64 m²

+ Dãy KTX B3 (Nam): Tổng 24 phòng: 4 m x 8 m = 32 m²

+ Phòng ở KTX: Bố trí từ 5 - 6 HSSV/phòng.

Thống kê số lượng HSSV nội trú:

NĂM	CƠ SỞ CHÍNH	GHI CHÚ
2021	120 HSSV	
2022	103 HSSV	
2023	136 HSSV	

Khu KTX có nhà giữ xe: Cơ sở chính - 480 m²; Ngoài ra, có phòng sinh hoạt tập thể tại KTX, Cơ sở chính 1040 m² (Hội trường lớn). (Các phòng ở KTX được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất như: giường ngủ, bàn ghế, đèn thấp sáng, quạt... có nhà vệ sinh riêng, được cung cấp điện, nước sạch đầy đủ (5.1.01 – Hợp đồng số: 21001191 ngày 13/12/2021 mua bán điện giữa Trường Cao đẳng NN Nam Bộ và Tổng công ty điện lực Miền Nam, mã khách hàng: PB 080810014396- A0911- Q 34- IA 3860000).

Hệ thống cấp nước sinh hoạt do Công ty cấp nước Tiền Giang cung cấp (Có bản vẽ hồ sơ hoàn công hệ thống đường ống cấp nước HDPE) (5.4.06 - Hóa đơn giá trị gia tăng phí nước của Công ty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang).

Tất cả các hạng mục khi đưa vào sử dụng đều có biên bản nghiệm thu (5.4.02 – Hồ sơ hoàn công các công trình xây dựng từ năm 2001 đến nay; 5.4.03 – Biên bản nghiệm thu và đưa vào sử dụng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đường giao thông nội bộ, hệ thống điện, cấp thoát nước, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống phòng cháy chữa cháy; 5.4.13 – Báo cáo số 1281/BC-CDNB ngày 26/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ báo cáo định kỳ thực hiện công tác PCCC năm 2019; 5.4.14 – Báo cáo số 1191/BC-CDNB ngày 30/12/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ báo cáo định kỳ thực hiện công tác PCCC năm 2020; 5.4.15 – Báo cáo số 816 ngày 9/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ báo cáo định kỳ thực hiện công tác PCCC năm 2021).

Bên cạnh đó, Nhà trường đã lắp đặt wifi (8.5.01 – Phiếu yêu cầu cung cấp dịch vụ viễn thông), phục vụ nhu cầu học tập, sinh hoạt cho tất cả HSSV ở ký túc xá, có phòng khách để phụ huynh của HSSV lưu trú khi đến thăm đảm bảo cơ bản nhu cầu sinh hoạt và học tập cho HSSV ở nội trú. Ngoài ra, Nhà trường có sân bóng đá mini cỏ nhân tạo, sân cầu lông, phòng sinh hoạt tập thể để các HSSV nội trú tập luyện thể thao sau những giờ học tập.

Hệ thống thoát nước từ các công trình có đường cống dẫn đến nơi rút tại mặt cống đường An Dương Vương và đường Số 1 được đầu tư mới (5.4.18 - Mặt bằng hệ thống thoát nước số N01/02; 5.4.19 - Hợp đồng thi công xây dựng số 803/2020/HĐXD ngày 31/7/2020 gói thầu cải tạo hệ thống điện khu A và sửa chữa văn phòng tuyển sinh số 1).

Trường bố trí người làm công tác vệ sinh ký túc xá (8.5.02 – Bộ hợp đồng dịch vụ KTX): bà Nguyễn Thị Đồi (2019 – 2021); bà Phan Ngọc Thu và bà Nguyễn Thị Trong (9/2022 đến nay).

Lực lượng bảo vệ ký túc xá (8.5.03 – Bộ hợp đồng dịch vụ bảo vệ), gồm có: Ông Nguyễn Văn Tuyền (2019 đến tháng 6/2021), ông Nguyễn Văn Quang Em (từ tháng 4/2022 đến nay)

* Phân hiệu:

+ Khu KTX (diện tích 3.136 m²; bao gồm 02 dãy: 1 dãy 2 lầu- 26 phòng, 1 dãy 3 lầu- 36 phòng bố trí khu ở Nam, Nữ riêng biệt. Diện tích phòng ở đảm bảo tối thiểu 4m²/người (5.3.02 - Báo cáo cơ sở vật năm 2020, 2021, 2022), có 02 nhà xe khoảng 700 m²

Số HSSV ở ký túc xá như sau:

NĂM	PHÂN HIỆU	GHI CHÚ
2021	23 HSSV	
2022	20 HSSV	

2023	46 HSSV	
------	---------	--

Điện: Có đường dây trung hạ thế 3 pha và trạm biến áp riêng đáp ứng công suất tiêu thụ điện cho các hoạt động, có thiết kế lắp đặt đầy đủ hệ thống điện chiếu sáng và vận hành thiết bị. cho toàn trường, trong đó có KTX.

Hệ thống cấp nước đảm bảo sinh hoạt theo nguồn nước của cty cấp thoát nước TP Hồ Chí Minh (5.4.06 - *Hóa đơn giá trị gia tăng phí nước của Công ty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang*). Nước uống được lắp đặt máy lọc RO cho học sinh sinh viên sử dụng và nước tưới cây xanh trong khuôn viên đảm bảo môi trường xanh - sạch - đẹp.

Hệ thống phòng cháy chữa cháy được trường đầu tư lắp đặt từ năm 2003 và được cảnh sát phòng cháy chữa cháy TP.HCM cấp giấy chứng nhận nghiệm thu hệ thống phòng chống cháy ngoài ra trường còn trang bị trang phục chữa cháy và 50 bình chữa cháy các loại như: Bình bột, khối CO₂... Hàng năm, Trường phối hợp Công an Quận Bình Tân diễn tập phương án PCCC và CNCH (5.4.20 - *Giấy chứng nhận nghiệm thu hệ thống phòng chống cháy số 300 PCCC/NT*; 5.4.21 - *Bản vẽ thiết kế hệ thống cấp nước và chữa cháy*; 5.4.22 - *Phương án chữa cháy cơ sở đã được Công an PCCC và CNCH Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt*; 8.5.05 - *Kế hoạch tu sửa ký túc xá Phân hiệu năm 2019*; 8.5.06 - *Kế hoạch tu sửa ký túc xá Phân hiệu năm 2020*; 8.5.07 - *Sơ đồ bản vẽ ký túc xá Trường Cao đẳng Nam nghiệp Nam bộ Phân hiệu tại TP.HCM*; 8.5.08 - *Quyết định số 96/QĐ-TCTS-CTHS ngày 12/02/2020 về việc ban hành Nội quy Ký túc xá Trường Trung cấp Thủy sản*; 8.5.09 - *Thông báo số 60/TB-TCTS-CTHS ngày 04/02/2020 về việc phòng chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp tại khu nội trú*; 8.5.10 - *Thông báo số 253/TB-CĐNBPH-VP ngày 20/5/2021 về việc tăng cường, chủ động thực hiện phòng chống dịch bệnh COVID-19 cho toàn bộ cán bộ, CNV, HSSV và những người ở KTX của trường*).

Phân hiệu có người làm công tác vệ sinh ký túc xá: bà Tạ Thị Minh Phúc (từ tháng 6/2003 đến nay), bà Nguyễn Thị Hoa (từ tháng 10/2003 đến nay).

Lực lượng bảo vệ ký túc xá của Phân hiệu, gồm có: Ông Nguyễn Tấn Tài (từ tháng 6/2003 đến nay), ông Huỳnh Tấn Phúc (từ tháng 01/2009 đến nay).

Dịch vụ phục vụ người học được Trường quan tâm. Hằng năm, Trường thực hiện kiểm tra, đánh giá các hoạt động dịch vụ, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch nâng cấp, mở rộng quy mô ký túc xá, cải thiện chất lượng các dịch vụ phục vụ người học.

Theo kết quả khảo sát HSSV về vấn đề trên, năm 2021 có 100% HSSV được khảo sát trả lời ký túc xá Trường đảm bảo diện tích, điều kiện sinh hoạt.

Khảo sát HSSV:

- Nội dung phiếu khảo sát: *Ký túc xá đảm bảo điều kiện diện tích, điều kiện sinh hoạt (điện, nước, vệ sinh, an toàn)*

- Đối tượng tham gia: HSSV đang học tại trường

- Số lượng: 2021 (727); 2022 (551); 2023 (494 HSSV).

- Kết quả khảo sát: 100% HSSV được khảo sát trả lời Đồng ý .

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 8: 01 điểm

Tiêu chuẩn 8.6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

Mô tả, phân tích, nhận định

Trường có phòng y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho người học:

Phòng y tế tại cơ sở chính có diện tích 32m². Tại phòng y tế có bố trí giường để người bệnh nằm nghỉ, có tủ thuốc sơ cấp cứu tại chỗ cho CBVC và HSSV trong trường, có các thiết bị y tế như: máy đo huyết áp, máy đo thân nhiệt, bộ dụng cụ sơ cứu vết thương, khay chia thuốc, tủ thuốc,... Hàng năm trường thực hiện kiểm kê và kiểm tra, bảo trì sửa chữa định kỳ trang thiết bị y tế nhằm đảm bảo phục vụ tốt nhất cho công tác chăm sóc sức khỏe tại chỗ cho HSSV (**8.6.01** – *Danh mục các thiết bị y tế cơ bản của trường, đánh giá y tế trường học*).

Người phụ trách y tế:

1. Bà Dương Mỹ Tiên – sinh năm 1991, trình độ Trung cấp y sĩ đa khoa . Thời gian công tác tại phòng y tế Trường từ 09/2017- 5/2021 (Hợp đồng số 143/HĐLĐ- CĐNB ngày 09/10/2017)

2. Bà Lưu Mỹ Yên - sinh năm 1995, trình độ Trung cấp y sĩ đa khoa. Thời gian công tác tại phòng y tế Trường từ 5/2020 đến nay (Hợp đồng số 52/HĐLĐ- CĐNB ngày 31/05/2021).

Số lượt HSSV được chăm sóc tại phòng y tế cơ sở chính năm 2021(20), 2022 (5), 2023 (6).

Vào đầu năm học, Trường vận động tất cả HSSV đều tham gia mua bảo hiểm y tế và bảo hiểm thân thể để có thể khám chữa bệnh khi có nhu cầu, nhằm đảm bảo sức khỏe trong thời gian học tập (**8.6.02** – *Danh sách học sinh tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn tại cơ sở chính 2021, 2022, 2023*).

Hoạt động y tế của Trường đặt dưới sự giám sát của Trung tâm y tế dự phòng tỉnh Tiền Giang. Kết quả kiểm tra giám sát đạt yêu cầu (**8.6.03** - *Biên bản giám sát công tác y tế trường học năm năm 2022 ngày 19/04/2022*).

Phân hiệu có phòng y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho người học. Phòng y tế phân hiệu có diện tích là 16m². Tại phòng y tế có bố trí giường để người bệnh nằm nghỉ, các thiết bị y tế như: máy đo huyết áp, máy đo thân nhiệt, bộ dụng cụ sơ cứu vết thương, khay chia thuốc, tủ thuốc,... và theo dõi tình hình sức khỏe của HSSV để kịp thời xử lý.

Xem xét hồ sơ CBVC của Trường thấy Phân hiệu có cán bộ y tế là bà Nguyễn Thị Thanh Thảo - sinh năm 1987, trình độ Cao đẳng điều dưỡng. Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo là viên chức của Trường từ năm 2017. Số lượt HSSV được chăm sóc y tế tại phòng y tế năm 2021 (5), 2022 (7), 2023 (4).

Bên cạnh đó, cán bộ y tế được tập huấn các kỹ năng sơ cấp cứu tại chỗ và các công việc cần thiết khi cứu người bị nạn.

Ngoài ra, vào đầu năm học Phân hiệu vận động các học sinh đều tham gia mua bảo hiểm y tế và bảo hiểm tai nạn có thể khám chữa bệnh khi có nhu cầu, nhằm đảm bảo sức khoẻ trong thời gian học tập tại Phân hiệu (8.6.04 - Danh sách học sinh tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn tại phân hiệu 2021, 2022, 2023).

Cơ sở chính của Trường có căn tin với tổng diện tích hơn 342m² phục vụ nhu cầu ăn uống cho HSSV. Căn tin của Trường đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và có kiểm tra vệ sinh, an toàn thực phẩm theo quy định (8.6.05 – Giấy chứng nhận Cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; 8.6.06 – Hợp đồng căn tin tại Cơ sở chính và Phân hiệu; Báo cáo thực hiện hợp đồng căn tin tại Cơ sở chính và Phân hiệu). Căn tin tại Phân hiệu có diện tích là 459 m². Căn tin đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm (8.6.07 – Giấy chứng nhận Cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm). Trong các năm 2019, 2020, 2021, 2022 chất lượng nhà ăn đều đạt yêu cầu, chất lượng phục vụ tốt, không gây ra ngộ độc thực phẩm.

Trong năm 2021, Nhà trường thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 15/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về quyết liệt thực hiện đợt cao điểm phòng, chống dịch COVID-19, thực hiện cách ly xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31-3-2020 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch COVID-19, đồng thời thực hiện triệt để các biện pháp phòng chống dịch Covid-19 theo quy định của Bộ Y tế (8.6.08 – Kế hoạch số 384-KH/CĐNBPH-VP ngày 17/9/2021 về Phòng, chống dịch Covid-19 và các phương án xử trí khi có trường hợp mắc Covid-19 tại Phân hiệu của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại Thành phố Hồ Chí Minh; 8.6.09 – Phương án số 404/CĐNBPH-VP ngày 14/10/2021 về Tổ chức hoạt động GDNN gắn với việc đảm bảo an toàn phòng chống dịch Covid-19 tại Phân hiệu của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại Thành phố Hồ Chí Minh).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 8: 01 điểm

Tiêu chuẩn 8.7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.

Mô tả, phân tích, nhận định

Nghiên cứu hồ sơ về cơ sở vật chất của Trường, Đoàn đánh giá ngoài nhận thấy Trường có cơ sở vật chất đảm bảo cho các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao:

* Tại cơ sở chính:

- Hội trường diện tích 1.040 m², có sân khấu đảm bảo cho các hoạt động văn nghệ của Trường.

- Hai sân bóng đá mini nhân tạo ngoài trời với diện tích 834 m²

- Sân thể thao và cầu lông ngoài trời 1.400 m²

- Nhà thi đấu đa năng với diện tích 1.039 m² cho hoạt động văn nghệ và các môn thể thao như bóng đá trong nhà, cầu lông, bóng rổ...

* Tại Phân hiệu:

- Hội trường diện tích 430 m², có sân khấu đảm bảo cho các hoạt động văn nghệ của Trường.

- Sân cầu lông trong nhà 350 m²

- Sân bóng chuyền ngoài trời 600 m²

HSSV Trường được tham gia thể dục thể thao qua chương trình giáo dục thể chất và qua phong trào thể dục thể thao do Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Trường tổ chức.

Về giáo dục thể chất tại cơ sở chính Trường có 02 giáo viên là thầy Huỳnh Văn Lắm – Cử nhân thể thao, thầy Trần Đức Thắng - Cử nhân thể thao; tại Phân Hiệu Trường có 01 giáo viên là thầy Phạm Ngọc Thanh - Cử nhân thể thao. Trường thực hiện đủ số tiết và nội dung môn Giáo dục thể chất quy định tại thông tư số 12/2018/TT- BLĐTBXH ngày 26/09/2018 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc ban hành chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

HSSV toàn Trường là lực lượng chủ yếu tham gia các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao do BCH Đoàn trường tổ chức:

- Hội diễn Văn nghệ Chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 (**8.7.01** - *Kế hoạch Tổ chức Hội diễn Văn nghệ Chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 năm 2021, 2022, 2023*).

- Giải bóng đá cấp trường (**8.7.02** - *Kế hoạch số 32-KH/ĐTN ngày 6/3/2023 về việc tổ chức Giải Bóng đá chào mừng ngày Quốc tế phụ nữ 8-3 và 92 năm thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (26/3/1931-26/3/2023)*; **8.7.03** - *Kế hoạch số 595/KH-TCTS-HC ngày 07/10/2019 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp Thủy sản về Kế hoạch Kỷ niệm 33 năm thành lập Trường Trung cấp Thủy sản (1986 - 2019); 37 năm Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11 và Hướng ứng phong trào “Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hoá công sở”*; **8.7.04** - *Kế hoạch số 27/KH-CĐT ngày 25/10/2019 về Tổ chức Hội thi thể thao - văn nghệ Kỷ niệm 33 năm thành lập Trường Trung cấp Thủy sản (1986 - 2019) chào mừng 37 năm ngày nhà giáo Việt Nam 20/11*; **8.7.05** - *Kế hoạch số 04/KH-ĐTN ngày 21/9/2020 của Đoàn thanh niên Phân hiệu về tổ chức giải bóng đá mini chào mừng năm học mới (2020 - 2021)*; **8.7.06** - *Kế hoạch số 08/KH-ĐTN ngày 30/10/2020 của Đoàn thanh niên Phân hiệu về việc tổ chức chương trình chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11/2020*) ...

HSSV Trường được tham gia các hoạt động xã hội do BCH Đoàn trường phối hợp với đoàn cấp trên tổ chức:

- Chiến dịch “Thanh niên tình nguyện hè” hỗ trợ phòng chống dịch covid 19 trên địa bàn Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang năm 2021 (**8.7.07** - *Quyết định V/v Thành lập Đội hình Thanh niên tình nguyện Hè năm 2021*; **8.7.08** - *Quyết định số 33-QĐ/ĐTN ngày 3/7/2023 V/v Thành lập Đội hình Thanh niên tình nguyện Hè năm 2023*); Phong trào “Hiến máu nhân đạo” (**8.7.09** - *Kế hoạch Tổ chức Hiến máu tình nguyện năm 2021, 2022, 2023*); Phong trào “đền ơn đáp nghĩa”: Tổ chức thăm, tặng quà cho các gia đình

chính sách nhân dịp Tết Nguyên đán năm 2021 (8.7.10 - Kế hoạch thăm, tặng quà gia đình chính sách và giao lưu Đoàn biên phòng Hải đội 2; Kế hoạch số 49/KH-ĐTN ngày 21/4/2023 về việc tổ chức thăm, tặng quà cựu Thanh niên xung phong năm 2023; Kế hoạch số 34-KH/ĐTN ngày 13/3/2023 về việc tổ chức chương trình Xuân tình nguyện hỗ trợ Học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn học tập năm học 2022-2023); Kỷ niệm 131 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh 19/5 (8.7.11 - Kế hoạch tổ chức Kỷ niệm 131 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh 19/5; Kế hoạch số 52-KH/ĐTN ngày 8/5/2023 về việc tổ chức Kỷ niệm 133 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh 19/5); Kỷ niệm 110 năm ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước 5/6 (8.7.12 - Kế hoạch tổ chức Kỷ niệm 110 ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước; Kế hoạch số 47-KH/ĐTN ngày 12/4/2023 về việc tổ chức triển khai hoạt động Tuyên truyền về Chủ quyền biển đảo, biên giới cho đoàn viên thanh niên năm học 2022-2023); Tham, gia Hội thi Olympic toàn quốc các môn Khoa học Mác-Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh “Ánh sáng soi đường” lần IV năm học 2020-2021 (8.7.13 - Kế hoạch Phát động Sinh viên tham, gia Hội thi Olympic toàn quốc các môn Khoa học Mác-Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh “Ánh sáng soi đường” lần IV năm học 2020-2021); Tổ chức chương trình Hành trình về địa chỉ đỏ cách mạng năm học 2020 – 2021 (8.7.14- Kế hoạch tổ chức Tổ chức chương trình Hành trình về địa chỉ đỏ cách mạng năm học 2020 – 2021; Kế hoạch số 31/KH-ĐTNPH ngày 4/8/2023 về việc tổ chức Tổ chức chương trình Hành trình về địa chỉ đỏ cách mạng năm 2023); Tổ chức thực hiện hoạt động kỷ niệm ngày Thương binh liệt sĩ năm 2021 (8.7.15 - Kế hoạch tổ chức thực hiện hoạt động kỷ niệm ngày Thương binh liệt sĩ năm 2021; Kế hoạch số 57-KH/ĐTN ngày 24/7/2023 về việc tổ chức thực hiện hoạt động kỷ niệm ngày Thương binh liệt sĩ năm 2023).

HSSV được tham gia các hoạt động giáo dục về các giá trị văn hóa truyền thống do Đoàn Thanh niên Nhà trường tổ chức (8.7.16 - Thông báo số 09/TB-ĐTN ngày 07/12/2020 của Đoàn thanh niên Phân hiệu về việc mở lớp Dân ca và Đờn ca tài tử Nam Bộ; 8.7.17 - Thông báo số 14/TB-ĐTN ngày 24/01/2021 của Đoàn thanh niên Phân hiệu về việc tổ chức tiếp sóng trực tiếp Phiên khai mạc Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam; 8.7.18 - Kế hoạch số 16/KH-ĐTN ngày 22/3/2021 của Đoàn thanh niên Phân hiệu về tổ chức các hoạt động Chào mừng kỷ niệm 90 năm Ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (26/3/1931 - 26/3/2021; 8.7.19 - Kế hoạch số 54 – KH/ĐTN ngày 12/5/2023 về việc tổ chức triển khai Học tập, quán triệt, tuyên truyền, phổ biến các Nghị quyết, chủ trương của Đảng; Chính sách pháp luật của Nhà nước và Nghị quyết, kết luận, chủ trương của Đoàn cho cán bộ Đoàn, đoàn viên thanh niên năm học 2022-2023).

Những hoạt động khác cũng được Đoàn trường quan tâm như: Triển khai phong trào Sinh viên 5 tốt, Học sinh 3 rèn luyện (8.7.20 – Quyết định công nhận “Sinh viên 5 tốt” và “Học sinh 3 rèn luyện” năm học 2020 - 2021; 2021 – 2022; 2022 - 2023); tổ chức Hội thi Tìm hiểu kiến thức nghề khối Học sinh sinh viên năm học 2020-2021; Cuộc thi ý tưởng, dự án khởi nghiệp Học sinh sinh viên năm 2023 (8.7.21 - Kế hoạch phối hợp tổ chức “Hội thi Tìm hiểu kiến thức nghề khối Học sinh sinh viên năm học 2020-2021; Kế hoạch số 28-KH/ĐTN ngày 14/02/2023 về việc tổ chức Cuộc thi ý tưởng, dự án khởi nghiệp Học sinh sinh viên năm 2023); Tổ chức Hội thi Tìm hiểu Pháp luật hướng

ứng ngày Pháp luật Việt Nam (9/11) (8.7.22 - Kế hoạch tổ chức Hội thi Tìm hiểu Pháp luật năm 2020 hưởng ứng ngày Pháp luật Việt Nam (9/11); Kế hoạch số 66 –KH/ĐTĐN ngày 26/10/2023 về việc tổ chức Hội thi Tìm hiểu Pháp luật năm 2023 hưởng ứng ngày Pháp luật Việt Nam (9/11). Tổ chức Diễn đàn hỗ trợ phương pháp học tập, nghiên cứu khoa học và chia sẻ cách đọc sách hiệu quả năm học 2020-2021; Diễn đàn chia sẻ cách học Tiếng Anh có hiệu quả năm học 2022-2023 (8.7.23 - Kế hoạch tổ chức Diễn đàn hỗ trợ phương pháp học tập, nghiên cứu khoa học và chia sẻ cách đọc sách hiệu quả năm học 2020-2021; Kế hoạch số 58-KH/ĐTĐN ngày 13/8/2023 về việc tổ chức Diễn đàn chia sẻ cách học Tiếng Anh có hiệu quả năm học 2022-2023); Tổ chức hội thi Tìm hiểu luật Giao thông đường bộ, kỹ năng lái xe mô tô an toàn và chạy thử xe mới cho đoàn viên năm 2021 (8.7.24 - Kế hoạch tổ chức hội thi Tìm hiểu luật Giao thông đường bộ, kỹ năng lái xe mô tô an toàn và chạy thử xe mới cho đoàn viên năm 2021; Kế hoạch số 45-KH/ĐTĐN ngày 4/4/2023 về việc tổ chức thực hiện hoạt động Tuyên truyền phòng chống Ma túy cho Học sinh sinh viên năm học 2022-2023).

Công tác giao lưu giữa sinh viên nước ngoài và sinh viên Việt Nam cũng được Nhà trường quan tâm (8.7.25 - Kế hoạch số 44/KH-ĐTĐN ngày 4/4/2023 về việc tổ chức Chương trình giao lưu văn hóa văn nghệ cho học sinh sinh viên Việt Nam – Lào ở nội trú Kỷ túc xá chào mừng Đại hội Công đoàn Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ và chào mừng kỷ niệm 48 năm ngày giải phóng Miền Nam thống nhất đất nước).

HSSV được Đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường nhờ công tác an ninh của Trường và sự phối hợp chặt chẽ với lực lượng Công an địa phương nơi Trường đặt trụ sở.

Đối với cơ sở chính: Hàng năm, Trường xây dựng Kế hoạch an toàn về an ninh trật tự và hàng tháng, hàng quý đều có báo cáo tình hình an ninh trật tự về Phòng PA 04, PV 05 Công an Tiền Giang (8.7.26- Kế hoạch thực hiện công tác đảm bảo trật tự, an toàn giao thông năm 2019; 8.7.27 – Kế hoạch xây dựng cơ quan an toàn về an ninh trật tự các năm 2020, 2021, 2022; 8.7.28 – Bộ Báo cáo Tình hình an ninh trật tự hàng tháng, quý, năm 2019,2020, 2021, 2022).

Đội dân quân tự vệ do Trường thành lập hàng năm được cử đi tập huấn và bồi dưỡng nghiệp vụ tại Thành đội Thành phố Mỹ Tho (8.7.29 - Quyết định Kiện toàn tiểu đội Tự vệ cơ quan năm 2021).

Để bảo đảm an ninh trật tự cho HSSV, Phân Hiệu đã có các hoạt động sau:

- Đoàn viên, giáo viên, công nhân viên trực ổn định nội quy, nề nếp đầu giờ và giờ ra chơi trong khuôn viên đơn vị (8.7.30 - Kế hoạch của Đoàn Phân hiệu về việc thực hiện ổn định trật tự nề nếp học sinh năm 2020,221,2022).

- Phối hợp với địa phương trong công tác phòng chống dịch Covid-19 (8.7.31 - Kế hoạch số 21/KH-ĐTĐN ngày 26/7/2021 của Đoàn Phân hiệu về việc hỗ trợ Quận đoàn Bình Tân trong công tác phòng chống Covid-19).

Trong các năm 2021, 2022, 2023 tại Trường không xảy ra vụ việc mất trật tự an ninh nào.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 8: 01 điểm

Tiêu chuẩn 8.8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định

Trường coi trọng công tác tư vấn và giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

Tại cơ sở chính: Năm 2016, Trường quyết định đổi tên Trung tâm Hỗ trợ HSSV và Quan hệ doanh nghiệp thành Trung tâm Giới thiệu việc làm và Quan hệ doanh nghiệp (**8.8.01 - Quyết định số 393/QĐ-CDNB ngày 25/5/2016 về việc thành lập Trung tâm Giới thiệu việc làm và Quan hệ doanh nghiệp**). Trung tâm có nhiệm vụ liên hệ với doanh nghiệp để tìm cơ hội việc làm; cung cấp thông tin về tuyển dụng và thị trường lao động, tư vấn và giới thiệu cho HSSV sau khi tốt nghiệp (**8.8.02 – Đề án hoạt động Trung tâm**).

Hàng năm, Trung tâm lấy thông tin liên lạc của HSSV tốt nghiệp ra trường để liên lạc tư vấn việc làm mỗi khi có nhu cầu tuyển lao động từ phía doanh nghiệp Công tác tư vấn giới thiệu việc làm được Trung tâm chú trọng thực hiện thông qua nhiều hình thức đa dạng. Với mối quan hệ lâu dài, khăng khít với nhiều doanh nghiệp, Trung tâm đã nhận và triển khai rất nhiều thông báo tuyển dụng của các công ty, doanh nghiệp đến HSSV có nhu cầu tìm việc. Ngoài việc giới thiệu việc làm cho HSSV, hàng năm, Trung tâm còn tổ chức các buổi tọa đàm định hướng nghề nghiệp cho HSSV chuẩn bị tốt nghiệp ra trường, để các em không bỏ lỡ khi lựa chọn một vị trí việc làm phù hợp với trình độ chuyên môn và năng khiếu của bản thân (**8.8.03 – Kế hoạch tổ chức Tọa đàm định hướng nghề nghiệp cho HSSV năm 2020, 2022, 2023**).

Hàng năm, Trung tâm Hỗ trợ HSSV và Quan hệ doanh nghiệp của Nhà trường phối hợp với các công ty, doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng lao động tổ chức các buổi tư vấn việc làm và phỏng vấn tuyển dụng trực tiếp cho HSSV tốt nghiệp ra trường (**8.8.04 – Kế hoạch tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2021, 2022; 8.8.05 – Kế hoạch tổ chức Hội chợ việc làm năm 2023**). Qua các buổi phỏng vấn, HSSV được giao lưu trực tiếp với nhà tuyển dụng, được tìm hiểu và giải đáp thắc mắc về doanh nghiệp, được lãnh đạo các công ty, doanh nghiệp truyền cho những kinh nghiệm quý báu, phục vụ cho quá trình công tác sau này. Thống kê trong 3 năm từ năm 2020 đến năm 2022, Trung tâm đã giới thiệu việc làm cho 643 HSSV sau tốt nghiệp (**8.8.06 - Báo cáo tổng kết tình hình việc làm HSSV sau tốt nghiệp 2021, 2022, 2023**).

Từ năm 2021 đến tháng 11 năm 2023, Trung tâm đã tổ chức 5 buổi giới thiệu việc làm, hội chợ việc làm cho HSSV tại Trường với sự tham gia của nhiều doanh nghiệp (**8.8.07 – Danh sách các doanh nghiệp tham gia buổi tư vấn và tuyển dụng năm 2021, 2022; hội chợ việc làm năm 2023**) và triển khai hơn 160 thông báo tuyển dụng của công ty/doanh nghiệp đến HSSV (**8.8.08 – Thống kê các thông báo tuyển dụng của các doanh nghiệp Trung tâm đã triển khai đến HSSV trong năm 2021, 2022, 2023**). Nhiều HSSV được tham gia trực tiếp các buổi phỏng vấn tuyển dụng (**8.8.09 - Danh sách HSSV tham gia buổi Tư vấn và tuyển dụng trực tiếp năm 2021, 2022, 2023**).

Từ năm 2020 đến năm 2023, Trung tâm đã tổ chức 6 buổi định hướng nghề nghiệp cho HSSV để HSSV hiểu rõ hơn về ngành nghề đang học. Theo số liệu thống kê năm 2023, 100% HSSV tốt nghiệp trong năm được tham dự buổi tư vấn và tuyển dụng với các công ty/ doanh nghiệp. Hoạt động giới thiệu việc làm thực hiện qua việc triển khai thông báo tuyển dụng của các doanh nghiệp đến HSSV, thông qua website của Trường, bảng tin.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 8: 01 điểm

Tiêu chuẩn 8.9: Hằng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.

Mô tả, phân tích, nhận định

Như đã phân tích ở tiêu chuẩn 8.8 tiêu chí 8, Trường có nhiều hoạt động đa dạng tư vấn và giới thiệu việc làm. Trong số các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm của Trường có hoạt động hội chợ việc làm cho học sinh tốt nghiệp (8.9.01 – Kế hoạch tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2021, 2022; 8.8.05 – Kế hoạch tổ chức Hội chợ việc làm năm 2023). Tại Phân hiệu, hàng năm đã thực hiện ngày hội giới thiệu việc làm cho HSSV tốt nghiệp (8.9.02 - Kế hoạch số 03a/KH-ĐNT, ngày 28 tháng 8 năm 2020; 8.9.03 - Kế hoạch số 23/KH-ĐNT, ngày 07 tháng 12 năm 2021 về việc tổ chức buổi giới thiệu việc làm cho HSSV tốt nghiệp năm 2020, 2021, 2022). Qua các hoạt động này, HSSV được giao lưu trực tiếp với nhà tuyển dụng, được tìm hiểu và giải đáp thắc mắc về doanh nghiệp, được phỏng vấn xin việc và được tuyển dụng tại chỗ.

Năm 2021, có 8 doanh nghiệp và 155 HSSV tham gia buổi tư vấn việc làm và phỏng vấn tuyển dụng online do Trường tổ chức. Có 108 HSSV được tuyển dụng ngay trong buổi phỏng vấn tuyển dụng. Tại phân hiệu: có 12 doanh nghiệp và 132 HSSV tham gia buổi tư vấn việc làm và phỏng vấn tuyển dụng trực tiếp tại trường. Có 81 HSSV được tuyển dụng ngay trong buổi phỏng vấn tuyển dụng.

Năm 2022, có 8 doanh nghiệp và 200 HSSV tham gia buổi tư vấn việc làm và phỏng vấn tuyển dụng do Trường tổ chức. Có 90 HSSV được tuyển dụng ngay trong buổi phỏng vấn tuyển dụng.

Năm 2023, có 6 doanh nghiệp và 285 HSSV tham gia Hội chợ việc làm do Trường tổ chức. Có 94 HSSV được tuyển dụng ngay trong buổi phỏng vấn tuyển dụng.

(8.8.07 – Danh sách các doanh nghiệp tham gia buổi tư vấn và tuyển dụng năm 2021, 2022; hội chợ việc làm năm 2023; 8.8.09 - Danh sách HSSV tham gia buổi Tư vấn và tuyển dụng trực tiếp năm 2021, 2022, 2023).

Ngoài những hoạt động tổ chức các buổi hội chợ việc làm tại Trường, Nhà trường còn đưa HSSV tốt nghiệp tham gia Hội chợ việc làm do tỉnh Tiền Giang tổ chức (8.9.04- Hồ sơ tham dự Hội chợ việc làm năm 2021). Số lượng HSSV của Trường tham gia là 155 em.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 8: 01 điểm

3.2.9. Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng

Đánh giá tổng quát

Nhà trường luôn chú trọng công tác giám sát, đánh giá chất lượng đào tạo. Ngay từ khi được nâng cấp thành trường Cao đẳng, Nhà trường đã thành lập đơn vị chuyên trách phụ trách công tác đảm bảo chất lượng đó là Phòng Kiểm định và Bảo đảm chất lượng. Phòng có chức năng thực hiện và giám sát việc đánh giá kết quả học tập của người học; tham mưu cho Ban Giám hiệu những vấn đề liên quan đến đảm bảo chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Những năm qua, Nhà trường đã thực hiện được một số công tác về đảm bảo chất lượng như: hoàn thành tự đánh giá trường cao đẳng theo các tiêu chí đánh giá của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; tổ chức lấy ý kiến về khóa đào tạo dành cho HSSV tốt nghiệp ra trường; tổ chức lấy ý kiến phản hồi về HSSV tốt nghiệp ra trường từ các nhà tuyển dụng; tổ chức điều tra tình hình việc làm của HSSV sau khi ra trường, giám sát thường xuyên các hoạt động đào tạo... Hằng năm, Trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá.

Từ những nhận thức đúng đắn của Nhà trường trong việc chú trọng chất lượng đã tạo nên thương hiệu của Trường trong thời gian qua. Chính vì vậy, hầu hết người học sau khi tốt nghiệp đều có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 3 hoặc 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp và đa số nhà tuyển dụng được khảo sát hài lòng về chất lượng đào tạo của Trường.

*** Những điểm mạnh:**

Từ mối quan hệ tốt đẹp và bền chặt với các doanh nghiệp, hằng năm Nhà trường thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

Khảo sát tình hình việc làm của HSSV sau tốt nghiệp đáp ứng yêu cầu nhà tuyển dụng được thực hiện thuận lợi. Qua khảo sát cho thấy HSSV Nhà trường đào tạo khi ra trường có trên 80% có việc làm và đáp ứng yêu cầu của các doanh nghiệp.

Hằng năm, Nhà trường đều tiến hành tự đánh giá căn cứ vào tiêu chí đánh giá và hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Từ đó hằng năm Nhà trường đều tiến hành rà soát, tự đánh giá lại các hoạt động của Nhà trường sau 1 năm thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng đề ra.

*** Những tồn tại: Không**

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Trên cơ sở đã có một số cán bộ viên chức được tập huấn về công tác đảm bảo chất lượng:

- Tiếp tục nghiên cứu các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về công tác kiểm định chất lượng.

- Triển khai tập huấn, hướng dẫn cho các đơn vị trực thuộc trường về công tác đảm bảo chất lượng.

Lập kế hoạch giám sát thường xuyên các hoạt động của Nhà trường, kịp thời phát hiện và có kế hoạch khắc phục những vấn đề chưa đáp ứng yêu cầu, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Tiếp tục giữ mối quan hệ tốt đẹp với các đơn vị sử dụng lao động nhằm khảo sát mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp trong thực hiện công việc tại công ty/ doanh nghiệp.

Tiếp tục duy trì liên lạc với HSSV tốt nghiệp ra trường nhằm khảo sát tình hình việc làm sau tốt nghiệp.

Điểm đánh giá tiêu chí 9:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 9	6
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1

Tiêu chuẩn 9.1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

Mô tả, phân tích, nhận định

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, hàng năm trường lập kế hoạch thu thập ý kiến của đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp làm việc tại doanh nghiệp (**9.1.01 – Kế hoạch khảo sát đơn vị sử dụng lao động phục vụ tự đánh giá năm 2021, 2022, 2023**). Hình thức khảo sát được thực hiện thông qua phiếu khảo sát do cán bộ nhà trường gửi đến Email của doanh nghiệp hoặc qua phần mềm google form. Phiếu khảo sát được kết cấu gồm 9 nội dung:

1. Loại hình doanh nghiệp.
2. Hoạt động của doanh nghiệp.
3. Ngành đào tạo để tuyển dụng vào doanh nghiệp.
4. Vị trí làm việc của học sinh, sinh viên tốt nghiệp được tuyển dụng vào doanh nghiệp.
5. Kiến thức, kỹ năng, năng lực nghiệp vụ.

6. Kỹ năng mềm.

7. Phẩm chất cá nhân.

8. Sau khi được tuyển dụng học sinh, sinh viên cần được bổ trợ thêm kiến thức, kỹ năng để đáp ứng yêu cầu công việc tại doanh nghiệp,

9. Giải pháp nào sẽ giúp nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu sử dụng của doanh nghiệp.

Bao gồm: 4 câu hỏi thu thập thông tin về loại hình hoạt động, ngành nghề và vị trí việc làm của học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp; 3 câu hỏi tiếp theo đánh giá của doanh nghiệp đối với các kiến thức, kỹ năng, thái độ của học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp; 2 câu còn lại đánh giá kỹ năng nghề và chất lượng đào tạo của Nhà trường đối với hoạt động đào tạo gắn kết với doanh nghiệp (**9.1.02 – Phiếu khảo sát đơn vị sử dụng lao động phục vụ tự đánh giá năm 2021, 2022, 2023**).

Năm 2021 khảo sát 30 doanh nghiệp (phản hồi 11 doanh nghiệp); năm 2022 khảo sát 30 doanh nghiệp (phản hồi 12 doanh nghiệp); năm 2023 khảo sát 30 doanh nghiệp (phản hồi 23 doanh nghiệp). Đánh giá của doanh nghiệp được chia làm 5 mức từ 1 đến 5 tương đương với hoàn toàn không hài lòng, không hài lòng, phân vân, hài lòng, rất hài lòng. Trong cả 3 năm khảo sát không có doanh nghiệp nào đánh giá cựu học sinh, sinh viên ở trường ở mức 1. Qua kết quả tổng hợp trong Báo cáo kết quả lấy ý kiến đơn vị sử dụng lao động các năm cho thấy 100% doanh nghiệp được hỏi ý kiến hài lòng với kiến thức, kỹ năng, phẩm chất cá nhân làm việc của học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp trong đó kiến thức chuyên môn được đánh giá trên 79,1% hài lòng; riêng kỹ năng ngoại ngữ và kỹ năng công nghệ thông tin mới chỉ ở mức 40%-50% ý kiến đánh giá hài lòng. Do vậy nên chú trọng đào tạo ngoại ngữ, tin học cho học sinh, sinh viên. Việc đánh giá của các doanh nghiệp đối với học sinh, sinh viên của trường được cải thiện đáng kể qua từng năm (**9.1.08 - Báo cáo kết quả lấy ý kiến đơn vị sử dụng lao động năm 2021, 2022, 2023**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 9: 01 điểm

***Tiêu chuẩn 9.2:** Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Hằng năm, Nhà trường đều triển khai công tác lấy ý kiến toàn thể cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động thông qua các cuộc họp toàn cơ quan, hội nghị Cán bộ viên chức, họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo (**7.5.02 - Các Biên bản Hội nghị CBVC năm 2020, 2021, 2022 của Cơ sở chính và Phân hiệu**). Ngoài ra, để lấy ý kiến chi tiết về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, Nhà trường tiến hành khảo sát thông qua phiếu khảo sát ý kiến (**9.2.01 - Kế hoạch lấy ý kiến CBVC và HSSV năm 2021,**

2022, 2023). Phiếu được xây dựng trên cơ sở những nội dung cần lấy ý kiến của CBVC để phục vụ báo cáo tự đánh giá, gồm 4 nhóm câu hỏi trong đó vấn đề đang đề cập đến thuộc nhóm 1 (tổ chức và quản lý) với 6 câu hỏi; nhóm 2 (hoạt động đào tạo) với 11 câu hỏi; nhóm 3 (công tác tổ chức cán bộ) với 7 câu hỏi; nhóm 4 (cơ sở vật chất của Trường) với 11 câu hỏi. Với 3 mức đánh giá từ thấp đến cao: Có; Không; Không ý kiến. Việc khảo sát được triển khai cho tất cả CBVC thông qua email và trực tuyến. Phòng Kiểm định và Bảo đảm chất lượng có nhiệm vụ soạn thảo phiếu, triển khai và tổng hợp kết quả khảo sát (**1.1.10 - Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2021, 2022, 2023 file lưu trên google form**).

Nhà trường đảm bảo khảo sát trên 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các nội dung liên quan phục vụ tự đánh giá: Năm 2021 trường khảo sát 127/132 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên chiếm tỷ lệ 96,21%; Năm 2022 trường khảo sát 114/124 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên chiếm tỷ lệ 91.9%; Năm 2023 trường khảo sát 105/117 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên chiếm tỷ lệ 90%. Kết quả khảo sát các năm qua cho thấy có trên 90% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động được khảo sát ý kiến về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động. Trong số đó, có trên 90% ý kiến cho rằng, các hoạt động của Nhà trường về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động đều đúng quy định và đáp ứng nhu cầu của CBVC (**1.1.11 - Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2021, 2022, 2023**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 9: 01 điểm

Tiêu chuẩn 9.3: *Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng phục vụ người học Nhà trường luôn quan tâm đến ý kiến phản hồi của người học. Trường có kế hoạch thu thập các ý kiến đánh giá của học sinh, sinh viên về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; cũng như chất lượng dịch vụ và giảng dạy của Nhà trường.

Hằng năm, Trường tiến hành lấy ý kiến người học bằng hình thức phiếu hỏi. Các nội dung lấy ý kiến được thực hiện bằng phương thức thông qua phiếu khảo sát gửi đến các lớp học sinh, sinh viên. Phiếu khảo sát gồm có với 24 câu hỏi, trong đó có 15 câu hỏi về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và có 9 câu hỏi về việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường. Việc đánh giá chia làm 3 mức từ 1 đến 3 tương ứng với mức đánh giá: Có;

Không; Không ý kiến (**1.10.15** - *Phiếu khảo sát HSSV năm 2021, 2022, 2023 file lưu trên google form*).

Phòng Kiểm định và Bảo đảm chất lượng xây dựng kế hoạch triển khai lấy ý kiến HSSV và tổng hợp kết quả dựa trên ý kiến HSSV cho trong phiếu khảo sát (**9.2.01** - *Kế hoạch lấy ý kiến CBVC và HSSV năm 2021 2022, 2023*).

Tỷ lệ HSSV được thu thập ý kiến đảm bảo trên 30% số người học hàng năm (năm 2021: 727/1.231 HSSV chiếm 59%; năm 2022: 551/1.212 chiếm 45,4%, năm 2023: 494/1.600 chiếm 31%). Qua kết quả khảo sát cho thấy hầu hết các câu hỏi phần đánh giá ở mức 1 “Có”/ hoàn toàn đồng ý chiếm trên 90% và mức 3 “Không ý kiến” chỉ chiếm gần khoảng 10%. Ở mức 2 “không”/ không đồng ý không có ý kiến chọn mức này (**1.1.11** - *Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2021, 2022, 2023*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 9: 01 điểm

Tiêu chuẩn 9.4: *Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Theo thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, hàng năm Trường đều thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định. Việc tự đánh giá của trường thực hiện đầy đủ các bước:

Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp do Hiệu trưởng làm chủ tịch, trưởng phòng Kiểm định và Bảo đảm chất lượng làm thư ký. Trong thành phần Hội đồng tự đánh giá có 03 Đại diện doanh nghiệp. Trong kế hoạch cũng phân công rõ nhiệm vụ của các khoa phòng. Hội đồng tự đánh giá họp triển khai công tác ban hành kế hoạch tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Kế hoạch chi tiết đến từng phòng, ban chức năng, các khoa chuyên môn cũng như cụ thể hóa công việc của từng thành viên trong Hội đồng. Từng nội dung công việc đều có đơn vị thực hiện và người phụ trách (là trưởng các đơn vị tham gia thành viên Hội đồng) và thời gian hoàn thành. Sau khi hoàn thành báo cáo dự thảo Ban thư ký tổng hợp và gửi dự thảo báo cáo đến từng thành viên (qua Email) trong Hội đồng tự đánh giá; các thành viên Hội đồng nghiên cứu báo cáo dự thảo thực hiện bổ sung minh chứng và góp ý bằng văn bản gửi về lại Ban thư ký tổng hợp, hoàn thiện và tổ chức trình Hội đồng tại phiên họp thông qua dự thảo báo cáo. Sau khi Hội đồng thông qua báo cáo, thư ký hội đồng hoàn thiện, trình Hiệu trưởng phê duyệt, công bố công khai trên website của trường tại địa chỉ <https://nbac.edu.vn/read.php?m=2022114&t=33>.

Kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Nhà trường được công khai và đăng trên website của Nhà trường và lưu 01 bản báo cáo tại thư viện của Trường. Thực hiện gửi báo cáo về các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định (**9.4.01** - *Kế hoạch Tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2021, 2022, 2023*; **9.4.02**

- *Quyết định Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ năm 2021, 2022, 2023; 9.4.03 - Quyết định Ban hành Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ năm 2020, 2021, 2022; 9.4.04 - Biên bản họp Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2020, 2021, 2022*). Kết quả tự đánh giá chất lượng trường trong 3 năm qua đều đạt trên 90 điểm. Cụ thể:

Kết quả tự đánh giá chất lượng của Nhà trường hàng năm như sau

Năm	Kết quả Tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN
Năm 2020	97/100 điểm
Năm 2021	92/100 điểm
Năm 2022	99/100 điểm

Năm 2021, Trường tiến hành tự đánh giá chất lượng chương trình bậc cao đẳng cho 2 nghề: Thú y, nghề Bảo vệ thực vật (**9.4.05 - Kế hoạch 810/KH-CDNB ngày 10/11/2021 tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Thú y và Bảo vệ thực vật; 9.4.06 - Quyết định số 666/QĐ-CDNB ngày 08/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo bậc cao đẳng ngành Bảo vệ thực vật; 9.4.07 - Quyết định số 667/QĐ-CDNB ngày 08/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo bậc cao đẳng ngành Thú y; 9.4.08 - Quyết Ban hành Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo cao đẳng Thú y và Bảo vệ thực vật**). Tuy nhiên, sau kết quả tự đánh giá Trường tự nhận chưa đạt tiêu chuẩn chất lượng mặc dù điểm đánh giá rất cao (96/ 100 điểm). Chính vì vậy, năm 2022 Nhà trường tạm ngưng tự đánh giá 2 chương trình đào tạo này để tập trung cải thiện những tiêu chuẩn chưa đạt yêu cầu.

Năm 2023, Trường bắt đầu thực hiện tự đánh giá lại 2 chương trình đào tạo trên, kết quả đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng với số điểm đánh giá đạt 96/ 100 điểm cho cả 2 chương trình (**9.4.09 – Bộ hồ sơ tự đánh giá chương trình đào tạo năm 2023**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 9: 01 điểm

Tiêu chuẩn 9.5: *Hàng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp và chất lượng chương trình đào tạo của Trường các năm 2020, 2021, 2022 đã chỉ ra được những điểm mạnh, những tồn tại, hạn chế để từ đó Đảng ủy, Ban Giám hiệu Trường có các chỉ đạo khắc phục những điểm còn tồn tại, hạn chế thông qua triển khai nhiệm vụ hàng năm (**1.1.06 - Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025; 1.6.03 - Kế hoạch**

hoạt động; Nghị quyết; Biên bản họp của Hội đồng trường năm 2021, 2022, 2023; 3.4.14 - Biên bản họp giao ban trong năm 2021, 2022, 2023).

Trường có xây dựng kế hoạch và biện pháp cụ thể khắc phục tồn tại, hạn chế trên cơ sở kết quả tự đánh giá hàng năm để cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo (9.5.01 – Các kế hoạch cải tiến các tiêu chuẩn chưa đạt yêu cầu theo kết quả tự đánh giá năm 2020, 2021, 2022).

Nội dung kế hoạch gồm có:

- Những tồn tại, hạn chế đã xác định trong tự đánh giá trong năm.
- Biện pháp cải thiện, nâng cao chất lượng và phân công nhiệm vụ, trong đó nêu rõ nội dung cần cải thiện, đơn vị phụ trách, đơn vị phối hợp, thời gian hoàn thành trong năm.

Trên cơ sở thực hiện kế hoạch, Trường có báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ năm 2020, 2021, 2022 về kết quả thực hiện kế hoạch cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo (9.4.03 - Quyết định Ban hành Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ năm 2020, 2021, 2022). Kế hoạch thể hiện các nội dung đã được khắc phục, cải thiện và sử dụng kết quả đó trong các báo cáo tự đánh giá hàng năm, cụ thể: các năm còn tồn tại các nội dung đó là: chưa đa dạng phương thức đào tạo; một số giáo viên chưa đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo; chưa đảm bảo danh mục thiết bị tối thiểu cho các ngành nghề, chưa xây dựng định mức kỹ thuật đủ cho các ngành nghề... Hàng năm trường đã xây dựng kế hoạch cải thiện như: Mua sắm bổ sung thiết bị cho một số ngành, in bổ sung một số giáo trình cho nghề Kế toán doanh nghiệp...

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 9: 01 điểm

Tiêu chuẩn 9.6: Trường có tỉ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định

Căn cứ số liệu học sinh, sinh viên tốt nghiệp hàng năm, Trường có tổ chức khảo sát điều tra lần vết học sinh, sinh viên tốt nghiệp để lấy thông tin phản hồi trong đó có thông tin về việc làm của học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp (9.6.01 - Quyết định công nhận tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023; 8.8.04 - Kế hoạch tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2021, 2022; 8.8.05 - Kế hoạch tổ chức Hội chợ việc làm năm 2023). Phiếu khảo sát được thiết kế gồm 4 câu hỏi với nội dung “Đã làm việc (ghi rõ việc làm hiện tại, tên công ty, tên cơ sở kinh doanh, trang trại)”. Việc khảo sát được tiến hành theo các mốc thời gian ngay sau khi tốt nghiệp, sau 6 tháng. Số lượng khảo sát hàng năm như sau:

Năm 2021 khảo sát 274 học sinh, sinh viên tốt nghiệp, số học sinh, sinh viên phản hồi 255 chiếm 93,1% số học sinh, sinh viên tốt nghiệp, trong đó có 93,1% số ý kiến phản hồi là có việc làm phù hợp chuyên ngành.

Năm 2022 khảo sát 486 học sinh, sinh viên tốt nghiệp, số học sinh, sinh viên phản hồi 443 chiếm 91,2% số học sinh, sinh viên tốt nghiệp, trong đó có 93,2% số ý kiến phản hồi là có việc làm phù hợp chuyên ngành.

Năm 2023 khảo sát 247 học sinh, sinh viên tốt nghiệp, số học sinh, sinh viên phản hồi 228 chiếm 92,3% số học sinh, sinh viên tốt nghiệp, trong đó có 90,3% số ý kiến phản hồi là có việc làm phù hợp chuyên ngành.

Kết quả khảo sát cho thấy trên 80% cựu học sinh, sinh viên phản hồi có việc làm phù hợp với nghề đào tạo (**8.8.06** - Báo cáo tổng kết tình hình việc làm HSSV sau tốt nghiệp 2021, 2022, 2023).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 9: 01 điểm

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý

Tăng cường biện pháp phổ biến nội dung sứ mạng và mục tiêu của Trường trong cán bộ công chức, viên chức và HSSV toàn trường. Đồng thời mở rộng giới thiệu sứ mạng, mục tiêu của Trường đến các tổ chức, công ty, doanh nghiệp... nhằm quảng bá thương hiệu của Trường.

Đưa mục tiêu giáo dục lâu dài và mục tiêu giáo dục cụ thể của từng năm học lên website của Trường.

Tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý để đảm bảo đạt tiêu chuẩn đề ra.

Trong thời gian tới Nhà trường nghiên cứu và ban hành quy chế về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

Hoàn thiện đưa vào vận hành và đánh giá hệ thống đảm bảo chất lượng của Trường.

Tổ chức Đảng các cấp thường xuyên cải tiến phương thức hoạt động để phát huy vai trò lãnh đạo toàn diện đối với mọi hoạt động của Trường. Tăng cường hơn nữa công tác phát triển Đảng trong HSSV. Tăng cường công tác tập huấn, học tập nghiệp vụ công tác Đảng cho đảng viên. Tiếp tục nghiên cứu và cụ thể hóa quy chế lãnh đạo của chi uỷ; đặc biệt là đối với các đoàn thể quần chúng cùng cấp.

Các đoàn thể đa dạng hoá các hình thức hoạt động ngày càng phong phú thiết thực và có chiều sâu, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, thu hút hơn nữa sự quan tâm ủng hộ của CBVC và HSSV.

2. Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo

Tiếp tục đa dạng hóa các loại hình đào tạo, mở rộng ngành nghề ở nhiều lĩnh vực đào tạo để thu hút người học.

Tăng cường công tác bồi dưỡng cho đội ngũ giảng viên-giáo viên, về các nghiệp vụ chuyên môn và công tác quản lý hành chính, bồi dưỡng kỹ năng thực hành nghề để nâng cao chất lượng giảng dạy.

Trang bị thêm sách giáo khoa, giáo trình, bài giảng, các tài liệu tham khảo cho các môn học thêm phong phú, đa dạng hơn.

Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học hàng năm, thực hiện báo cáo hàng tháng, hàng năm.

3. Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động

Tiếp tục rà soát, lập kế hoạch để chuẩn hóa trình độ, chuyên môn nghiệp vụ cho CBVC nhằm đáp ứng quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

4. Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình

Tất cả chương trình đào tạo được đăng lên website của Trường.

Định kỳ, Nhà trường cần tiến hành rà soát, bổ sung và chỉnh lý lại một số giáo trình của môn học cho phù hợp với sự phát triển của xã hội. Trong thời gian tới, Nhà trường sẽ đẩy nhanh việc xây dựng giáo trình, bài giảng thống nhất sử dụng trong nội bộ Nhà trường.

5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

Nhà trường đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt và tiếp tục thực hiện dự án quy hoạch tổng thể Trường đã được phê duyệt:

Quyết định số 3939/QĐ-BNN-KH ngày 05/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt dự án quy hoạch mặt bằng tổng thể Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ;

Quyết định số 2048/QĐ-BNN-KH ngày 27/05/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về chủ trương đầu tư dự án Cải tạo, xây dựng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam bộ.

Tiếp tục thực hiện việc rà soát và mua sắm trang thiết bị bổ sung cho các ngành nghề đào tạo tại trường.

Bổ sung giáo trình tại thư viện đảm bảo đủ số lượng bản in theo quy định. Tăng cường hoạt động của thư viện điện tử, cập nhật danh mục tài liệu tham khảo được số hóa.

6. Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế

Tăng cường công tác tuyển chọn, phê duyệt các đề tài, dự án theo hướng đòi hỏi tính thực tiễn cao, khả năng ứng dụng tốt vào giảng dạy, học tập, tổ chức quản lý và phát triển sản xuất kinh doanh.

Hằng năm, giao cho Phòng Đào tạo & KHCN xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ và tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật nhằm không ngừng nâng cao năng lực triển khai thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của Trường.

7. Tiêu chí 7: Quản lý tài chính

Đối với các nguồn tài chính ổn định từ nguồn ngân sách Nhà nước và thu học phí HSSV, Nhà trường thực hiện chế độ chi tiêu hợp lý để đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong đào tạo, nghiên cứu khoa học.

Trong thời gian tới, Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh cơ chế khoán thực hiện nhiệm vụ cho các đơn vị của Nhà trường như trại thực nghiệm, ký túc xá, các quầy giới thiệu sản phẩm; khai thác tiềm năng trang thiết bị, của đội ngũ cán bộ giáo viên để tăng nguồn thu.

Đẩy mạnh hoạt động của các trung tâm như: Trung tâm Tư vấn Nông nghiệp và PTNT, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, triển khai các ứng dụng sản xuất và nghiên cứu khoa học, tăng cường khai thác các tiềm năng sẵn có, tìm kiếm đối tác bên ngoài để tăng nguồn thu cho Trung tâm cũng như Nhà trường. Phát triển quy mô đào tạo, đào tạo liên thông, liên kết, đặc biệt là đào tạo theo đơn đặt hàng của Nhà nước.

8. Tiêu chí 8: Dịch vụ người học

Tiếp tục đẩy mạnh việc thường xuyên nhắc lại các quy chế đào tạo, chương trình học,... đến người học thông qua buổi sinh hoạt lớp hàng tuần.

Tập trung đầu tư để tăng cường cơ sở vật chất, xây dựng khu giảng đường, khu tập luyện thể thao và các khu bổ trợ khác một cách đầy đủ, đồng bộ.

Tổ chức quản lý để tạo môi trường xanh - sạch - đẹp nâng cao sức khỏe cho người học.

Nâng cao chất lượng phục vụ của dịch vụ y tế và căn tin của Nhà trường nhằm đảm bảo đủ điều kiện về chăm sóc sức khỏe và an toàn vệ sinh thực phẩm.

Đa dạng hoá các hình thức hoạt động Đoàn ngày càng phong phú thiết thực và có chiều sâu góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, thu hút hơn nữa sự quan tâm ủng hộ của CBVC và HSSV.

Nhà trường xử lý nghiêm khắc đối với những trường hợp HSSV vi phạm nội qui, gây mất trật tự, an ninh.

9. Tiêu chí 9: Công tác giám sát, đánh giá chất lượng

Tiếp tục nghiên cứu các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về công tác kiểm định chất lượng.

Lập kế hoạch giám sát thường xuyên các hoạt động của Nhà trường, kịp thời phát hiện và có kế hoạch khắc phục những vấn đề chưa đáp ứng yêu cầu, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Tiếp tục giữ mối quan hệ tốt đẹp với các đơn vị sử dụng lao động do Nhà trường đào tạo ra nhằm khảo sát được mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp trong thực hiện công việc tại công ty/ doanh nghiệp.

Tiếp tục giữ liên lạc với cựu HSSV để thu thập thông tin về việc làm sau tốt nghiệp.

PHẦN IV: ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Công tác tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp được Nhà trường đặc biệt chú trọng và tiến hành từ năm 2017. Theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, hàng năm Trường tiến hành rà soát, cập nhật lại nội dung báo cáo cho phù hợp với kết quả cải tiến chất lượng của Trường. Qua một năm thực hiện việc cải tiến, kết quả có nhiều hoạt động của Nhà trường được Hội đồng tự đánh giá cho là được cải thiện về chất lượng nên kết quả tự đánh giá cho năm 2023 đạt 94/100 điểm.

Trong những tiêu chuẩn đạt yêu cầu, thế mạnh của Trường vẫn tập trung ở các yếu tố như: Nguồn nhân lực đảm bảo chất lượng và số lượng, có kinh nghiệm và nhiệt huyết trong công tác giảng dạy; Cơ sở hạ tầng và trang thiết bị phục vụ đào tạo được nâng cấp mới phong phú, đa dạng về chủng loại, hiện đại về chức năng; Chương trình đào tạo của các ngành được xây dựng lại trên cơ sở chương trình khung của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Nội dung đào tạo chuẩn xác, thiết thực, phương pháp đào tạo được quan tâm thay đổi theo hướng lấy học viên làm trung tâm, kế hoạch đào tạo được xây dựng rõ ràng và công bố rộng rãi, kết quả học tập của HSSV được đánh giá khách quan, công bố và lưu trữ đúng quy định; Lĩnh vực hợp tác quốc tế được Nhà trường đặc biệt chú trọng, năm 2022 là năm thứ 4 Nhà trường hợp tác với 3 trường cao đẳng tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, hoàn thành đào tạo 9 du học sinh Lào đồng thời tiếp tục tuyển sinh đợt thứ 2; Thực hiện chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực chăn nuôi thú y và trồng trọt bảo vệ thực vật.

Từ kết quả tự đánh giá trong báo cáo này, Nhà trường sẽ sử dụng để làm căn cứ phát huy các thế mạnh hiện có và tiến hành khắc phục những tồn tại để nâng cao chất lượng giáo dục của cơ sở, nhằm góp phần đào tạo ra đội ngũ kỹ thuật viên có tay nghề và đạo đức nghề nghiệp, phục vụ cho nhu cầu nhân lực của địa phương nói riêng và của ngành nói chung.

Tuy nhiên, do nguồn kinh phí thực hiện công tác bảo đảm chất lượng của Nhà trường cũng như trình độ chuyên môn nghiệp vụ và kinh nghiệm trong lĩnh vực này còn hạn chế nên một số nội dung chưa thực sự đi vào chiều sâu và mang lại hiệu quả cao nhất. Từ nguyên nhân trên, Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ kính đề nghị Bộ Nông nghiệp & PTNT và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tạo điều kiện về tài chính đồng thời hướng dẫn về mặt nghiệp vụ để Trường sớm mạnh dạn đăng ký đánh giá ngoài tiến tới được công nhận đạt tiêu chuẩn về chất lượng trong giáo dục đào tạo nghề nghiệp.

HIỆU TRƯỞNG

ThS. Nguyễn Tiên Huyền